



tủ sách việt văn mới

. văn học . nghệ thuật . 

VIỆT VĂN MỚI

SỐ 9

15 tháng 3 năm 2014

. nguyên ngọc tuyết . lý thị minh châu . nguyên đoan tuyết . hồ thủy . trần tâm . bảo lễ . dương phương toại . hoàng song liêm . đàm lan . nguyên càn tử . nguyên văn sâm . đào hữu thức . nguyên khắc phước . trần văn lệ . mang viên long . nguyên văn thiện . niê thanh mai . vũ đảm . thiên hà . hòa văn . phan . đào thị diễm thuyên . trầm miên vương . vô biên . quý thể . kiêm thêm . quỳnh chi . hoàng tháp . vũ anh tuần . đặng lệ quỳên . vương hoài uyên . trần chiêu . triệu từ truyền . vũ thế long . hạc thành hoa . bùi thị thủy . dung thị vân . bút xuân trần đình ngọc . chiêu hoàng . nguyên khôi . thuần ngọc . lương việt thái . trần nhuận minh . chu trầm nguyên minh . mai thực . tuệ chương hoàng long hải . tâm nguyện . phạm vũ . võ công liêm . bùi đẹp . từ vũ .

tủ sách việt văn mới

2014

nguyệt san

VIỆT VĂN MỚI
văn học nghệ thuật

số 9

15 tháng 03 năm 2014

hộp thư toà soạn
newvietart@gmail.com

tổng thư ký toà soạn : Nguyễn Mai 

chủ nhiệm : Từ Vũ

tủ sách việt văn mới 2014

nguyệt san viết văn mới

văn học nghệ thuật

số 9

15 tháng 3 năm 2014

với sự góp mặt của :

nguyễn ngọc tuyết - lý thị minh châu – nguyễn đoan tuyết - hồ thủy - trần tâm – bảo lễ - dương phương toại – hoàng song liêm – đàm lan – nguyễn càn tử – nguyễn văn sâm – đào hữu thức – nguyễn khắc phước – trần văn lệ – mang viên long – lê văn thiện – niê thanh mai – vũ đảm – thiên hà – hòa văn – phan – đào thị diễm thuyên – trầm miên vương – vô biên – quý thể – kiêm thêm – quỳnh chi – hoàng tháp - vũ anh tuấn - đặng lệ quỳên – vương hoài uyên – trần chiếu – triệu từ truyền – vũ thế long – hạc thành hoa – bùi thị thủy – dung vị vân – bút xuân trần đình ngọc – chiêu hoàng – nguyễn khôì – thuần ngọc – lương việt thái – trần nhuận minh – chu trầm nguyên minh – mai thực – tuệ chương hoàng long hải – tâm nguyện – phạm vũ – võ công liêm – bùi đẹp – từ vũ .

tủ sách viết văn mới 2014

***Mất Hoàng Sa trước hoặc sau cũng phải có ngày lấy lại,
Đánh mất Văn Hoá thì con đường diệt chủng sẽ chẳng còn xa !***

Từ Vũ

GỐC MẶN TRƯỚC SÂN NHÀ

NGUYỄN NGỌC TUYẾT

Mới sáng sớm mấy đứa nhỏ kể bên nhà đã la ó um xùm:

- Nhánh mận gãy rồi bà Hai ơi!

Một tiếng rắc nhẹ, nhánh mận gie ra mé rạch đã rớt xuống dưới chân cây dừa lão. Mấy đứa nhỏ bu lại. A, có tổ ong ruồi bám trên nhánh nè. Sự mừng rờ chọt tắt ngóm. Hóa ra tổ ong chỉ còn đám ong ruồi hoảng hốt bay tứ tung. Mận đã khô hết, không còn một giọt để vắt. Mà mận ong ruồi là loại mận ngon nhất. Vậy mới uống chứ. Thằng Út Sửu kể nhà mận buồn hiu. Bởi năm rồi nó từng lên cây gỡ được một ổ mận, vắt ra cũng được hơn xị mận.

- Cây mận của bà Hai bị chùm gởi bám nhiều quá, rút hết nhựa cây, mận ong cũng khô luôn.

Ừ, nhớ lại thì mấy năm nay gốc mận già nua này không còn cho trái nữa rồi. Những trái mận trắng đặc ruột, chua chua ngọt ngọt, nhai giòn rụm trong miệng không chút hậu chát, làm mứt mận dầm đá thì khỏi chê. Những trái mận ấy đã không còn lúc lắc trên cành lâu lắm, lâu đến nỗi mình cũng quên mất.

Chị đứng trong sân nhà, ngược lên nhìn cây mận cằn cỗi ở góc sân mà nhớ. Khi chị về làm dâu nhà này, cách đây gần bốn mươi năm, cây mận đã đứng đó sum xuê, xanh tốt. Nghe nói má chồng chị đã chiết nhánh từ một cây mận trắng trong xóm về cấy xuống. Nhưng khi ra trái, trái mận ở đây lại có cộm dày hơn, gần như đặc ruột và ngọt ngon hơn hẳn. Con nít xóm này ngày đó đứa nào cũng mê, mùa trái nào cũng lò mò dưới gốc mận, chờ má chồng chị đi chợ hay đi đâu đó là thót liền lên cây, bất kể có lúc bị bà chộp được, kéo lỗi tai về tận nhà méc người lớn. Làm dữ vậy nhưng khi mận chín, bà vẫn bẻ xuống cả thúng phân phát cho bọn nhỏ. Bà nói:

- Mình không giữ thì tụi nó non già gì cũng tốt hết. Để mận chín thiệt ăn mới ngon.

Mới đó mà má chồng chị mất đã hơn chục năm. Đám trẻ bây giờ không còn được ăn mận trắng ở đây nữa bởi cây mận ngày càng thưa trái, vợ chồng chị bận bịu công việc cũng không chăm sóc gì thêm. Chùm gởi không biết ở đâu bay đến cứ bám đầy, rút rủa nhựa cây, đứng dưới nhìn lên không biết đâu là nhánh chùm gởi, đâu là nhánh mận nữa...

Mấy ngày này cả xóm ven rạch của chị xôn xao chuyện nhà sát mé rạch bị giải tỏa, di dời về khu tái định cư để làm đường lộ, xây bờ kè, đào vét con rạch theo kế hoạch 2 của thành phố sau khi đã xong kế hoạch 1 là nới rộng các con hẻm. Nhà nào cũng được mời đi họp tại phường. Hộ nằm trong qui hoạch thì băn khoăn lo lắng nhiều thứ, hộ còn ở lại cũng không kém trần trở bâng khuâng.

Buổi sáng, chị vừa ra đầu hẻm đã bị mấy người níu lại:

- Nhà cô Hai có bị mất không? Lấn vào tới đâu?

- Dạ, hình như mất cái sân. May mà chưa lấn đến cột nhà. -

- Cô Hai sướng thiệt. Mai một ra mặt tiền. Chỉ có bọn tui về tuốt trong kia, lạ chỗ, lạ người, không biết làm ăn ra sao?

Mấy câu nói của bà con lối xóm làm chị suy nghĩ rất lung khi về nhà. Ừ dầu gì cũng là người chung xóm mấy mươi năm, hơn nửa xóm dời đi, sao khỏi nao lòng. Lại nhớ đây là xóm ngụ cư, lớp do hoàn cảnh chiến tranh trôi dạt ra, lớp ruộng vườn thất bát chạy ra phố thị kiếm sống lây lất qua ngày. Điểm mặt lại, người khá giả xóm này đếm không hết bàn tay. Toàn là dân mua gánh bán bưng, lượm ve chai, lượm bọc, thu mua phế liệu, khá khá một chút thì làm hồ, làm công nhân... Cũng cảnh ăn hôm nay lo bữa mai, có khá gì hơn khi cày sâu cuốc bẫm ở vườn đâu. Chưa kể nhiều gia đình phải chui rúc trong mấy căn nhà trọ ọp ẹp do mấy nhà cổ cựu trong xóm dư đất cất lên cho mượn để thu nhập thêm. Nay đây nhà dưới mé rạch bị giải tỏa, những kẻ lưu lạc kia rồi sẽ đi đâu?

Mà lạ, hôm qua gặp chị Năm gánh bánh đúc, bánh lọt ngoài đầu hẻm, chị ta vẫn cười tươi như mọi bữa:

- Lo gì cô Hai. Bọn tui đi đâu mà chẳng nghèo! Thì mượn nhà khác ở rồi gánh gồng mua bán vậy thôi.

Vợ chồng Ba Thu có sạp cá ngoài chợ kể bên xóm đây thì có băn khoăn một chút:

- Tụi tui coi rồi. Trong khu tái định cư cũng có chợ nhưng đâu được sung như chợ mình. Xa thì xa thiệt nhưng chắc phải chạy về đây buôn bán tiếp rồi tính.

Mấy gia đình có chút đất do ở đây lâu đời càng lo lắng, thở ngắn than dài:

- Nhà mình rộng, về đó bắt thăm nền theo hộ khẩu, mỗi hộ chỉ có 40m2 chỗ đâu mà ở. Chắc phải xin mua thêm nền thôi. Mà tiền đền bù trong hẻm lại "bèo" như vậy...

Đúng là chuyện đất đai, nhà cửa thiệt đau đầu. Nghĩ lại trước đây đất ở nông thôn mênh mông, khai thác còn không xuể. Giờ đất quê mất dần, đất chợ không đủ để ở. Những công trình kinh doanh đồ sộ, bề thế, rồi những xây dựng công ích mọc lên, mọc lên. Nhà ở của người lao động cứ lùi dần, lùi dần..May mà những khu tái định cư sau này có khá hơn chứ không "Đồng không mông quạnh" như trước đây.

Chẳng vậy mà mấy đứa nhỏ, trái với nỗi lo của người lớn, cứ háo hức khoe:

- Tụi con sẽ được ở nhà mới. Nhà tường đang hoàng chứ không phải vách ván, mái lá như ở đây. Ít bữa cô nhớ vô thăm tụi con nghe!

Lời rủ rê vô tư của mấy đứa nhỏ làm chị vừa vui vừa có chút chạnh lòng. Chúng còn nhỏ quá, mỗi ngày đi qua chợ chỉ thấy dòng rạch cạn nước, đen kịt. Bước lên cây cầu xi măng nhìn xuống, từng đồng rác đổ xuống cao như núi, bốc mùi nồng nặc. Không như ba mẹ chúng, những đứa trẻ từng đùa vui dưới gốc mận già, từng nhảy ùm xuống con rạch trước nhà chị la ó vang

trời buổi sáng, buổi chiều khi dòng nước chảy vào đây còn trong lành, mát rượi. Vậy nên chúng mơ về một chân trời mới, một nơi chốn mới là tất nhiên. Mới biết trong lòng cái xóm nhỏ ven rạch chỉ có mấy chục hộ dân mà tâm sự đã ngổn ngang biết mấy! Và chị, người sẽ ở lại đây lòng cũng rối như tơ. Ông bà ta vẫn dạy “bán anh em xa, mua láng giềng gần”. Nhưng láng giềng của mình, những người đã bao phen cùng mình trải qua từng cơn “Tối lửa tắt đèn” rồi sẽ về đâu? Có ổn định cuộc sống mới hay tiếp tục lay lắt qua ngày?

Ông già Ba dưới khu vực ghé nhà, đưa cho chị tờ giấy của ủy ban phường:

- Cô coi lại rồi ký vào đây.

Hóa ra đó là giấy ghi tiền đền bù cái sân nhà bị mất, có cả hai cây dừa mé rạch, cây mận, cây nguyệt quế trong sân. Trong đó chỉ gốc mận già là cây lưu niên vì hôm trước chị khai là nó đã có đây hơn sáu chục năm rồi.

Ông già Ba đi rồi chị vẫn đứng ngơ ngẩn trước sân. Ừ, mình không phải di dời vào khu tái định cư, không phải mất ngôi nhà quen thuộc mấy mươi năm vậy mà sao lòng bồng náo náo, trống trải là vậy. Trước nhà mình đây mai một sẽ là con đường tráng nhựa sạch tươm, là bờ kè uốn lượn theo con rạch sẽ được nạo vét để trả lại dòng nước trong lành như ngày xưa. Và, còn biết bao thay đổi tốt đẹp hơn nữa cho dân cư xóm này. Vậy mà...

Đêm. Cơn mưa ban chiều vẫn còn đọng đầy hơi nước. Bụi nguyệt quế góc sân càng tỏa hương thơm lừng. Chị lại mắc võng dưới gốc mận già đong đưa. Nỗi nhớ cũng đong đưa theo cánh võng. Nhắm mắt lại, hình như sát bên chị vẫn là hơi ấm của anh, người chồng vừa bỏ chị lại bên gốc mận này. Những ngày chạnh choáng đăm mê, nồng nàn hạnh phúc. Chiếc võng mở rộng ôm ấp hai người cứ đong đưa đong đưa ướp đầy hương nguyệt quế. Và bông mận trắng xóa rơi rơi như từng cái ve vuốt trên mặt, thơm ngát hương tình một thuở nào xa ngái cứ trở về trong những giấc ngủ muộn màng, khuya khoắt.

Vài tháng nữa gốc mận già sẽ mất. Bụi nguyệt quế cũng mất. Cả hai cây dừa cho nước ngọt lịm, cả cây lá cách xanh mướt với từng chùm trái tím đỏ cuốn hút bầy chim vôi, trao trả về “ríu” từng trảng thanh thao trầm bổng những sáng mai hồng, những trưa êm ả. Nhưng, “Cái cũ không đi, làm sao cái mới đến được”, mọi người vẫn nói vậy. Cứ nhìn đám trẻ nít trong xóm đó, chúng chẳng háo hức trước sự thay đổi đó sao?

Chị ngược nhìn lên cành mận, hình như từng chiếc lá mận cũng đang thoi thóp cạnh những nhánh chùm gởi um tùm đâm thẳng lên trời. Ôi gốc mận già, chứng nhân cho bao thăng trầm của xóm ngụ cư nằm cạnh con rạch nhỏ bé này. Chị lại nhắm mắt, hít sâu vào lồng ngực mùi hương ngào ngạt của nguyệt quế đêm, hình dung lại những cành mận bông trắng xóa, thơm lừng và những trái mận trắng lúc lỉu trên cao như một lời từ biệt.

Cánh võng vẫn đong đưa, đong đưa đến tận cùng nỗi nhớ. Và mai, với chị mong sao sẽ là một ngày mới!

NGUYỄN NGỌC TUYẾT

ĐĂNG NGỌT

LÝ THỊ MINH CHÂU

Chiều mưa lất phất, hơi ẩm dịu dịu của những hạt nước vừa băng qua khỏi mùa hạ còn chút dư vị oi nồng. Chút thôi, nhưng cũng đủ để tôi nhớ lại chín mươi ngày trống trải đã qua.

Không như chúng tôi, mùa hè đối với các em học sinh thật là hạnh phúc. Bên gia đình, người thân, xóm giềng, quê kiểng... là một câu chuyện dài về tiếng cười và niềm vui. Khung trời tuổi thơ của các em là cánh diều bay cao trong những chiều lồng gió. Là ước mơ xanh trên những nẻo đường quê rợp đỏ phượng hồng. Ở đó, các em tha hồ tung tăng vui đùa với bạn bè trang lứa, với cỏ nội hương đồng, với những trò chơi của tuổi hồn nhiên. Để rồi, khi tiếng trống tựu trường giục giã, bao kỷ niệm đẹp xinh kia lại ùa về, làm sống động những lời văn, câu thơ rất hay mà chỉ có trong những bức tranh quê thanh bình, yên ắng. “ Cuối ngày dừng đỉnh trâu về. Cưỡi trâu cưỡi cả con đê cỏ vàng. Hai sừng đã chạm cổng làng. Bốn chân bì bõm chưa sang khỏi chiều. Cái đuôi sau rớt vòng vèo. Còn vung vẩy nốt chút heo may đồng.” là những câu thơ rất dễ thương của Đỗ Vinh mà tôi còn nhớ mãi tới tận bây giờ.

- Cô giáo ơi, mua giúp tôi mấy bó rau. Mưa quá chợ tan sớm...

Nhìn người đàn bà với tấm áo vá đụp, vá đùm co ro dưới cái nón cời cũng đã bạc màu năm tháng, trĩu trĩu gánh hàng rong trên vai, lòng tôi se lại.

- Bà vào đây đã, chúng cháu chỉ có ba người, một nam hai nữ, muốn mua tất cả giúp bà nhưng để lâu hư hết.

- Cô giáo không có tủ lạnh à.

- Chợ cách mấy bước mà bà.

- Ủ ờ nhỉ, nhà tôi xa lắm, tít bên kia sông.

- Ba, bốn cây số ấy chứ. Bà vất vả quá.

Tôi chọn sáu bó rau và vài quả mướp hương, chút ít rau mùi, bấy nhiêu ấy ba đứa tôi ăn cả tuần mới hết. Người đàn bà nhìn tôi chăm chăm :

- Hè, sao cô giáo không về nhà.

- Cháu không có nhà.

- Thế cha mẹ, anh em đâu ?

- Cháu từ trại mồ côi lớn lên...

Bà không nhìn vào mắt tôi, vói tay lấy mấy quả ớt đỏ, tép tỏi giúi vào tay tôi mà chẳng nói gì. Tôi rót mời bà bát nước chè nóng, bà nhìn về xa xăm, mắt ầng ầng nước.

- Tôi cũng có đứa con trai trạc tuổi cô giáo, nó té xuống sông kia khi còn bé, khi tôi đang lui cui trong vườn.

- Không cứu được hả bà.

- Không.

Rồi bà kể cho tôi nghe những trầm luân sau đó. Chồng bà giận dữ bỏ đi biệt sau một hồi tranh cãi nảy lửa. Biệt hơn ba mươi năm rồi. Hình ảnh duy nhất về đứa con ấy mà bà còn nhớ là vết chàm to tướng sau vai trái. Bà nhỏ nhẹ :

- Cô giáo qua nhà tôi chơi đi, có xe đạp thì đạp một loáng là tới. Qua đồ, hỏi nhà bà Tự bán rau ai cũng biết. Hai, ba giờ chiều là có tôi ở nhà.

**

Chuyến đò chở tôi qua sông đầy ắp là người, ai cũng hỏi han tôi về chuyện học hành của con họ, về đủ thứ chuyện nam bắc đông tây. Nhưng đến khi nghe tôi định sang thăm bà Tự thì

câu chuyện mới thực sự rõ ràng : “ Tôi nghiệp bà ấy sống cô cút một mình, từ hăm mấy tuổi tới giờ.” “ Con rút sông sao không tìm thấy xác, mùa ấy sông cạn tới mắt cá chó phải lặn lội gì đâu “. “ Chắc bị ai đó bắt cóc “...

Lên bến, người ta vui vẻ chỉ đường cho tôi tới nhà bà Tụ.

- Cô giáo mang lùm cùm gì thế.
- Cẩn đường và hộp sữa biếu bà chó có lùm cùm gì đâu.
- Bày vẽ quá, cô giáo vào nhà đi.

Nhà đơn sơ nhưng sạch sẽ, gọn gàng. Một bức ảnh bé trai trạc năm tuổi treo trên tường ngang, nước thuốc tuy mờ nhưng vẫn còn trông rõ lắm. Tôi có cảm giác như đã gặp đứa bé ấy ở đâu rồi. Tôi cố moi khắp bộ nhớ của mình nhưng mông lung quá, đành thôi. Bà Tụ giữ tôi lại dùng cơm chiều, bà rụt rè muốn nhận tôi là con nuôi. Bàn tay run run của bà nắm lấy tay tôi, truyền cái run qua khắp cả người tôi, tôi quy xuống trong lòng bà. Lần đầu tiên tôi cảm giác được hạnh phúc, sung sướng dâng trào, tôi có mẹ.

- Hôm qua, em đi đâu ?
- Về quê.
- Em mà cũng có quê để về ư, chúc mừng nhé.

Quay sang Loan, Vị nói như chỉ để hai người :

- Thế là từ nay chỉ còn tôi với cô là mồ côi. Mồ côi tội lắm ai ơi. Đói cơm, khát nước biết người nào lo...

Tiếng hát của Vị nghe sao mà da diết, buồn buồn. Tôi đem câu chuyện của mẹ nuôi ra kể cho mọi người nghe. Vị không kìm nổi xót xa, mắt ngầu đỏ nhưng vẫn thích thú ra mặt, vui vẻ cợt đùa :

- A ha... Đó là mẹ của tôi chứ không phải mẹ của Nụ vì tôi có vết chàm tổ bồ trên vai trái, đây này.

Vừa nói Vị vừa chìa lưng trái ra cho chúng tôi xem. Tôi xúc động thật sự, tay chân run bần bật, người cứ lâng lâng, mơ màng. Liên tưởng tới ba người cùng từ trại mồ côi lớn lên, tôi, Vị, Loan đều không biết gốc tích, thân thế của mình. Tôi cầu mong Vị là con của mẹ.

- Thế thì từ nay, ông phải kêu tui bằng chị đấy nhé.
- Chị, xách bị bà già.

Cả ba chúng tôi tha hồ cười đùa sảng khoái.

Từ đó chúng tôi không thường xuyên ở căn hộ tập thể của nhà trường nữa, chúng tôi đã có mẹ, có nơi để đi về. Mẹ Tụ thật sự hạnh phúc khi nhận Vị là quý tử của mình. Bà chẳng nghi ngờ gì, chẳng cần đến AND, cái vết chàm kia là trên hết. Vườn rau của mẹ bây giờ đã đầy ắp tiếng cười. Vườn nhỏ nhưng nhiều chủng loại rau ngon và sạch. Chúng tôi góp vốn mua tre và ni lông trong làm “ nhà kính “ nuôi trồng chúng. Bằng nhiều phương pháp nuôi trồng khoa học, hiện đại. Di thực những giống quý, thuần dưỡng chúng trong điều kiện khí hậu không tương thích với nơi chúng sinh ra. Ban đầu lá còn dày, thân thấp bé, nhưng qua vài lứa ép (F) trông chúng cũng được tuy không thể đạt một trăm phần trăm về sinh khối và hình thể như ông bà chúng. Chẳng hạn như xà lách, súp lơ thì chỉ đạt bảy, tám chục phần trăm so với rau của Đà Lạt. Thế là thành công lắm rồi, khí hậu miền xuôi mà bì với khí hậu miền núi sao được. Gánh rau của mẹ, giờ đã có thương hiệu, “ rau bà Tụ “ và mẹ cũng không còn phải đi sớm, về trưa như trước nữa. Người ta tìm đến mẹ để mua, mẹ bán một loáng là hết. Đã có nhiều nông dân đến học tập và làm theo chúng tôi. Người ta không ngớt lời khen tặng, dành cho chúng tôi nhiều ưu ái về tình cảm và công việc. Giờ, làng đã có nhiều nhà kính trồng rau, trồng hoa. Trên bàn thầy, cô giáo chúng tôi cũng có nhiều cành hoa đẹp do các em cắt từ vườn nhà mang tới. Nhiều gương học tốt, chăm ngoan đã được ban Giám hiệu nhà trường khen thưởng. Các em tiến bộ rõ rệt và hăng hái hơn trong những giờ lao động thực hành.

- Chiều nay, thứ bảy các con về đông đủ ăn cơm với mẹ.

Mẹ gọi điện thoại cho chúng tôi. Trong bàn cơm có bác hai là anh trai họ của mẹ và vài người bạn xóm giềng. Mẹ vui lắm, tíu tít nói cười, chúng tôi cũng vui lây. Khi bữa cơm sắp vãn, mẹ thông báo với mọi người là mẹ đã chọn được ngày lành và cô dâu tương lai là tôi thì tôi đã òa khóc. Tôi khóc không phải vì sung sướng hay đau buồn mà khóc vì tôi vừa có mẹ lại phải xa bà bởi tôi đâu phải là người yêu của anh, con trai bà. Vị ghen ngào, Loan cũng ghen ngào. Họ mới là người yêu của nhau. Nếu mẹ hỏi Vị về chuyện vợ con và chưa nói ra điều này thì chúng tôi đâu có gì phải khó xử với nhau, chẳng này.

- Thừa mẹ, con có bạn trai rồi ạ. Con vẫn mãi là con của mẹ thôi, còn vinh dự là con dâu của mẹ con xin mẹ chọn lại. Loan mới là người yêu của anh ấy.

Vị đứng dậy, ra vườn. Loan chăm chỉ dọn dẹp, còn tôi thì không thể nào rút ra được vòng tay ôm chặt cứng của mẹ. Tôi gục đầu vào ngực bà sụt sùi.

Kể từ hôm ấy, tôi không thường xuyên đi về nhà mẹ cùng Loan và Vị nữa. Tôi muốn tình cảm của mẹ dành trọn cho Loan, con dâu tương lai của bà. Mùa hè tôi trở về mái ấm tình thương năm xưa, nơi có niềm an ủi bên những em nhỏ còn nhiều bất hạnh như tôi ngày nào. Trong vòng tay tôi, các em chắc cũng hạnh phúc và sung sướng như tôi từng ngồi trong vòng tay mẹ. Tôi cúi xuống, hôn lên mái tóc khét lẹt mùi sương nắng của các em mà mắt tôi cay xè. Trong tôi giờ có hai luồng cảm xúc, một sung sướng vì tình yêu thương của các em, một tiếc nuối vì hạnh phúc vừa vượt khỏi tầm tay.

LÝ THỊ MINH CHÂU

thơ

NGUYỄN ĐOAN TUYẾT

MỘT CHIỀU XUÂN

*Nắng vàng bóng ngả chênh vênh
Ngày Xuân đã muộn buồn tênh một chiều
Núi đồi lộng gió dịu hiu
Vi vu suốt hát, dặt dìu trúc lay
Nỗi niềm quạnh vắng ai hay?
Gởi theo vạt nắng cuối ngày còn vương
Dã quỳ tàn tạ ven đường
Sắc vàng rực rỡ đã nhường cho Xuân
Gió chiều chải mượt cánh rừng
Hoa cà phê trắng băng khuôn sườn đồi
Giấc mơ còn đó chơi vơi
Sông Tương chia nửa ngàn đời còn thương!*

NGUYỄN ĐOAN TUYẾT

CÀNH HỒNG KHÔNG GAI

HỒ THỦY

Sáng nay trời đẹp quá, kể cũng lạ vì những ngày cuối Đông và đầu Xuân bao giờ cũng thế, sự giao hòa khi hoán chuyển hai mùa giữa Đông sang Xuân thường làm cho tâm hồn con người ta vui vẻ và phơi phới yêu đời, chẳng bù cho sự thay đổi từ mùa Hạ sang mùa Đông; nó luôn làm cho xương cốt của những người từ trẻ đến già nua cứ bị ê ẩm, nhức nhối, sự đau nhức của xương cốt hình như là có chân nên nó chạy lung tung; nay chỗ này mai chỗ nọ...

Ô hay, trời đang đẹp và lòng đang phơi phới mà nghĩ ngợi so sánh ví von như ông già đang than thở. Anh phì cười lấy tay vuốt rồi hất một cái nhẹ rèm tóc trước trán ra sau, cử chỉ duyên dáng này anh đã phải dành rất nhiều thời gian với nhiều lần đứng trước gương soi để tập, dĩ nhiên là không cho ai nhìn lén. Anh rất thích cái cách mình “vờ như vô tình” nhưng thật ra là cố ý lấy tay vuốt hất tóc ra đằng sau; nó có vẻ hờ hững một cách rất có duyên (là anh tự hào nghĩ như thế).

Phải chi Sài Gòn còn được những lễ đường dành riêng cho người đi bộ thì thích biết mấy, anh sẽ để xe máy ở nhà mà thả rơi từng bước chân trên vỉa hè để đến sở làm, lúc đó thế nào anh chẳng nghĩ ra được vài ba câu thơ? Nhưng bây giờ... đi bộ trên lễ đường để làm thơ thì chuyện ấy “xưa rồi Diễm” vì lễ đường nay đã bị điểm giữ xe và hàng quán chiếm dụng, mọi thứ được bày bán tràn lan, lung tung bát nháo... đi lơ mơ đụng vào làm đổ bể đồ của họ, thế nào cũng bị nhừ đòn.

Đèn đỏ; anh rà rà xe ngừng lại, hôm nay đẹp trời nên anh đi làm sớm, nắng óng ánh hây hây ở trên cây. Đèn xanh; từ từ cho xe chạy... mà... ô kìa... một cành hoa hồng nhung đỏ rực đẹp quá đang nằm chờ vợ tội nghiệp dưới gốc cây trên lề. Anh dừng xe lại, cúi người xuống với tay lượm lên. Cành hồng còn tươi rói, không bị một vết trầy xước nào, những cánh búp non hé hé nở như đôi môi chúm chím của người con gái tuổi dậy thì, cành hồng còn ướt một chút hơi sương thì phải, anh thấy có một giọt nước nhỏ xíu nằm giữa nhụy hoa, hay đây là giọt ngược mắt của hoa hồng? Anh đưa cành hoa lên mũi hít một hơi dài và khen: “thơm quá”.

Trên đoạn đường ngắn còn lại để đến sở làm, anh lan man tự hỏi: “ai mà ngu quá, bỏ rớt một cành hồng thật tươi đẹp dưới đất”? rồi anh lại suy diễn những tình huống xảy đến để cành hồng phải nằm dưới đất:

* Có thể của một anh chàng tặng cho một cô nàng vào rạng sáng, khi trời hôm nay rất đẹp nhưng vì nàng đang giận chàng nên đã vứt đi chẳng? nhưng... ai mà tặng hoa vào lúc rạng sáng kia chứ?... Hay là tặng đêm qua?

* Có thể đang lúc đón xe bus một người nào đó đã làm rơi?...

* Có thể người bán hoa đêm hôm qua bỏ sót lại?...

Anh lại phì cười vì sự ngớ ngẩn của mình. Mà thôi, dù với tình huống nào đi nữa thì cành hoa đẹp đang nằm trong tay anh, nhưng sao kỳ quá, người chủ trước đã lấy kéo cắt đi những cái gai nhọn trên cành, vì thế anh không bị gai hồng đâm vào tay.

Bỏ đi thì thật là uổng phí vì nó đẹp và tươi rói, nhưng cầm mãi trên tay thì lại bị vướng víu, hay thôi vậy; cứ chịu khó cầm đến công ty gặp ai đó thì cho họ, thế nào lại chẳng có người nhận và cầm nó vô bình, biết đâu là một cái bình thật đẹp, xứng tầm với sắc đẹp của cành hồng này. Còn sớm, anh muốn ghé vào quán uống một ly cà phê, nhưng...bây quá... sáng nay trời đẹp, lật đật muốn ra đường sớm nên anh quên xin mẹ ít tiền bỏ vô bóp. Anh được tiếng là người con

ngoan, lương tháng bao nhiêu khi lãnh ra là nộp hết cho mẹ, sau đó mẹ sẽ “tiền phát gạo đồng” lại cho anh. Đành đi thẳng đến công ty, trong đó cũng có vài thứ nước uống được tuy rằng không như ý, bất quá mượn bạn ít chục rồi cùng nhau ra quán cóc bên kia đường, hoặc giả bắt tội nó bao một cử cà phê...

Anh bảo vệ tươi cười đón chào anh và khen khi thấy cảnh hồng trên tay anh:

- Chà, sáng sớm mà anh Minh đã có cảnh hồng đẹp quá vậy? Ai tặng? Tặng ai?

Sấn tay anh đưa cho anh bảo vệ:

- Tôi tặng anh nè.

Anh bảo vệ tròn mắt, xua tay:

- Ờ, không được đâu nghen, tôi đàn ông “chăm phần chăm” à nghen.

Giật mình; anh rút tay lại ngượng đỏ mặt vì sự hiểu lầm này, nhưng mà trời ạ, mặt anh càng đỏ làm cho anh bảo vệ càng hiểu lầm nặng hơn. Anh vội dắt xe vô chỗ để xe, đi ngang thùng đựng rác định thấy cảnh hồng vào đó cho rảnh tay nhưng...thật tiếc vì nó đẹp quá mà.

Anh cầm cảnh hồng đi lên lầu, bước vào phòng làm việc, phòng này có tám nhân viên như anh - tính luôn chị trưởng phòng – chưa thấy anh bạn nào đi làm, vừa lúc đó cô thư ký bước vào, anh nhủ thầm “may quá, có người để trao cảnh hồng rồi đây”, con gái thích hoa lắm, nhất là hoa hồng. Chờ cô ngồi vào bàn của mình xong là anh bước tới và trân trọng đưa cảnh hồng cho cô, nói như đọc thơ:

- Tặng Huyền một đóa hồng nhung.

Huyền mở to mắt cảm động nhận cảnh hồng bằng tất cả niềm vui sướng, cô đáp ứng nói:

- Anh...Minh...hoa đẹp quá...em cảm ơn...anh.

Anh thở phào, về bàn làm việc của mình, trên tay không còn bị vướng bận bởi cảnh hồng. Bên kia cô thư ký cười tủm tỉm, mắt long lanh lồi từ trong hộc bàn ra một cái lọ nhỏ bằng thủy tinh, cô vui vẻ đi lấy nước đổ vào trong lọ, sau đó cắm cảnh hồng vào, cô liếc mắt nhìn anh nhưng anh không thấy vì anh không hề để ý, nhan sắc của cô thư ký chỉ xếp vào hạng “thường thường bậc trung” nên không ở trong tầm ngắm của anh. Nhưng anh đâu ngờ rằng anh “đã bị” ở trong tầm ngắm của cô thư ký từ lâu rồi.

Hết người nọ tới người kia vào phòng làm việc, ai cũng trở mặt khen:

- Trời, trên bàn Huyền có cảnh hoa hồng đẹp quá.

Và sau đó là một loạt câu hỏi:

- Mua chi có một cảnh vậy? Mua nhiều chia cho người ta cắm với...

- Ái chà, chắc là ai tặng rồi đây?...

- Đúng rồi, chàng tặng nàng phải không? Chàng nào vậy ta? mau khai ra.

- Ờ, hoa hồng tượng trưng cho tình yêu đó nha, mà hoa đỏ rực rỡ như thế này thì tình yêu cũng nồng cháy lắm đó nghen...đây là một câu tỏ tình rất có ý nghĩa...Ai mà lãng mạn vậy nhỉ?...

Huyền đỏ bừng mặt, mà càng đỏ mặt thì càng gây ngộ nhận, anh diếng người, cứ cúi mặt giả vờ như đang bận rộn, may quá chị trưởng phòng bước vào, ai nấy trở về bàn làm việc của mình, chưa ai có thì giờ để ý đến anh. Nhân viên trong phòng này hay thật, bao giờ cũng vậy, phải túm

tụm nhau “tám” chừng năm, bảy câu rồi mới chịu ngồi vào bàn làm việc, làm như “tám là một thứ dầu nhớt bôi trơn” để họ công việc họ làm mau có hiệu quả.

Sau giờ nghỉ trưa không ai chịu để cho Huyền yên, anh Tâm phó phòng bắt đầu thì thầm với mấy nhân viên, sau đó họ kéo nhau tới bàn làm việc của Huyền, một người đề nghị:

- Huyền này, chiều nay dẫn tụi anh đi “rửa” nhé.

Huyền ngạc nhiên tròn mắt hỏi:

- Đi rửa gì vậy anh?

Thế là năm cánh tay chỉ vào cảnh hồng, năm cái miệng cùng đồng thanh hô to:

- Rửa cảnh hồng.

Huyền lúng túng một chút xiu rồi cười:

- Rửa thì rửa, một chầu sinh tố kênh Nhiêu Lộc, đối diện chùa Vĩnh Nghiêm nhé.

Năm cái miệng cùng “ÔKÊ” thật to. Một anh bạn kêu anh:

- Me xừ Minh, nhớ chiều nay đó nghen...

Họ hồn nhiên vô tư và vui vẻ quá còn anh thì đang... mếu.

Tan sở, cô thư ký rút cảnh hồng trong lọ ra, đưa lên mũi hôn và kín đáo liếc anh làm anh hết hồn, cô sẽ mang nó về nhà, có lẽ muốn khoe với người trong gia đình chẳng?

Làm như vì lời hẹn “ta cùng nhau đi rửa cảnh hồng” nên mấy người trong phòng làm việc đều dắt xe ra một lượt, anh thì cứ “ngậm bồ hòn làm ngọt”. Nhưng mà trời ạ, vừa ra đến cổng công ty thì anh bảo vệ cứ nhìn lom lom cảnh hồng trên tay cô thư ký miệng nức nở khen “đẹp quá” và cùng lúc đó anh ta cười to rồi la lên:

- Ôi trời, cảnh hồng này lúc sáng sớm nay anh Minh đem tặng tôi mà tôi không nhận, ai đòi đàn ông mà đi tặng hoa hồng cho nhau, kỳ chết được...bây giờ sao anh lại tặng cho cô Huyền?

Mười mấy con mắt mở to ra nhìn anh, mấy cái miệng tròn vo cùng “ồ” lên một tiếng, cô thư ký thì vừa giận vừa quē nên ném mạnh cảnh hồng xuống đất, cô còn đưa chân chà xéo làm cho nó bị dập nát thảm thương rồi lườm anh một cái, mặt cô xụ xống nặng như đeo đá, còn anh thì chỉ muốn “độn thổ” vì xấu hổ. Anh lật đật nhảy lên xe phóng nhanh như bị mà đuổi, để lại đằng sau những trăn cười hô hô của mấy anh bạn và nỗi hậm hực của cô thư ký.

Ôi chao, chỉ vì một ngày đẹp trời làm cho lòng anh phơi phới, chỉ vì tiếc một cảnh hoa hồng không có gai nằm bên lề đường mà anh phải “mang họa vào thân”, chỉ vì “bỏ thì thương, vương thì tội” mà anh gây ra sự hiểu lầm rất lớn. Ngày mai anh sẽ đến công ty làm việc với một bộ mặt như thế nào đây? Xấu hổ chết đi được. Phải chăng vì cảnh hồng không có gai nên chi số phận của nó cũng vô duyên đến tội nghiệp, nó đã bị ném xuống đất đến hai lần, lần thứ nhất còn tươi đẹp và được anh lượm lên nhưng lần thứ hai thì...nó đã tan nát bởi cơn giận tam bành của cô thư ký. Tự nhiên anh cảm thán rằng:

*Tiếc chi một cánh hồng tươi,
Để rồi tôi phải khóc cười không... yên...(thân)*

Thơ hay quá...(anh tự an ủi mình).

HỒ THỦY

ÔNG ĐÀ TOÁC

TRẦN TÂM

Dân làng gọi ông là Đà toác. Người ta truyền miệng cả bài về về ông không biết từ đời khương mười niên nào. “Ở làng Cẩm có ông Đà toác - Bốn mùa trưng đôi dày rộng hoác - Thích uống rượu lại hay khuyếch khoác - Đi đến đâu nói cười oang oác - Có bà vợ suốt ngày quang quác - Ăn vặt quen mồm chuyện trò đoang đoác - Ông chửi cho choang choác”.

Họ nói về ông hay nói về người nào đó rồi vì lý do gì ghép tên ông vào chứ ai chí bụng làm về trâu ông. Chúng tôi nghe, biết vậy. Chả đứa nào dám đọc, dám hát. Kể cả người lớn cũng chỉ thầm thảo “Đà toác” sau lưng chứ trước mặt ông...bổ bảo. Họ nể sợ ông. Nghe đâu ông có võ, đánh lại cả mặt thám Tây. Ông sống đúng mực, hay giúp đỡ người. Không bao giờ ông đi giày, suốt mùa chỉ đôi guốc mộc đóng đế cao su. Vợ ông chết đã lâu. Con ông, các bác các chú ấy lấy vợ, ra ở riêng cả rồi. Ông thích rượu. Uống vào, ông hay kể chuyện, cười nói oang oang nên bà con trong xóm ngoài làng cho ông là “toác”.

Ông kể ngày xưa, quanh khe là đất nhà ông. Tre dày dít. Chim ỉa, phân không rơi được xuống đất. Cò cốc ăn no về, rũ cách rửa lông hàng đàn. Cả làng có kéo nhau ra đếm cũng không hết một phần. Chiều chiều, ông mang giành, nhặt dăm bảy giành cá. Những con mất đầu, những con còn nguyên do cò vạc cốc nông... ăn thừa hay đánh rơi. Ông nhặt về, chặt đầu vẩy, rửa sạch, phơi ra nong nia cho khô, mang chợ xa bán. Ông sống sung túc, đàn ông vì bờ tre ấy.

Bà tôi cũng biết rằng tre cò cá đó nhưng của cụ Tuần. Ông Đà nghèo chỉ có chục mét vuông cắm lều và hơn thước đất đến cỏ cũng chề không thềm mọc. Chúng tôi kể lại với ông. Ông phồng mồm quát: - Bà mày đếch biết!

Ông nói về khe nước ấy. Những chỗ xoáy, sâu tới vài chục mét. Ném hòn đá xuống chỉ bọt nổi lên chứ chẳng bao giờ trông thấy đất. Có lần, không hiểu mưa lũ từ đâu, nước sôi lên ùng ục, cuộn cuộn đổ về. Nghĩ ngại thế nào, ông quơ vôi dậm ra. Đứng trên bờ đã thấy kinh, ông vực một vục, lơ lơ đễnh đoảng vừa làm vừa chơi như chúng bay vớt bèo tấm ở vũng về cho ngan vịt vạy. Lúc nhấc lên, ông không còn tin ở tay mắt mình. Lưng một dậm toàn cua cá. Cua bò lồm ngồm. Cá giẫy đành đạch. Ông lắc lắc dậm, vừa vác vừa chạy về nhà. Cua cá ở phía sau rơi như mưa rắc...Ba ngày sau đi làm đồng, ông còn gặp từng đàn kiến khiêng cá chết đi từng rinh. Chúng vui, bá vai nhau cười rinh rích.

- Ông làm sao nghe được tiếng kiến?

- Đoán ra! Ngay chúng bay tự nhiên được cái gì cũng còn tí mắt lại nữa là...

Ông hẹn chúng tôi hôm nào đi câu trê. Câu trê phải kiên trì. Nó chưa ăn mồi, đừng sốt ruột. Không được ngủ gật. Lộn cổ xuống nước chết không kịp mở mắt, không gọi được ai, không câu được trê. Cái giống trê ấy phải động nước một lúc mới ra. Đến lúc nó cắn mồi, ầm ầm như bão gió, giật đến sái cả tay. Hồi câu ở Hồ Sen, ông còn lặn xuống, moi những củ to, dài như củ sắn hai ba năm. Được một ôm, ông mang về. Rửa sạch nồi cám lợn, cời lửa, đổ nước, cho sen vào bắc lên bếp rồi mới ung dung vác hai cần câu ra. Móc mồi vào, vừa thả xuống đã giật lên lia lịa. Trê tham mồi, tha đi loạn xạ. Dây câu quấn chằng vào nhau. Tức mình, ông bỏ một cần, câu một cần. Cá nhao nhao. Dưới ánh trăng, mặt hồ vàng màu hoa cúc. Không nhìn rõ chúng, chỉ thấy tấm cá dày đặc và sóng bập bênh mỗi lúc một cao. Khi đã chặt giỏ, ông vớ ngay cần câu để không. Cắn đứt phần lưỡi câu cho vào túi, dùng dây cước xâu vào mang cá. Cá trê trơn rất khó

móc mang. Cánh tay giật cá nhiều bị mỏi đành phải ra về. Nếu câu, chúng bay mới biết. Phải giật nhanh, gỡ nhanh. Bị giật lên, cá trê nghiêng răng cọt kẹt. Chạm tí thôi là nó cắn đứt cước. Nhất là những con trê già lụ khụ, đầu bạc như phấn viết bảng. Về nhà, rung đùi ăn sen luộc, ngấm cá giã sắn sật trong chậu trong thùng, vui suốt đêm không muốn ngủ. Đêm nào, ông cho chúng mày đi.

- Ông ơi! Hồ Sen ở đâu?

- Mất rồi! Người ta lấp hồ, bỏ trứng thành vũng rác. Cỏ cao hơn đầu người. Ở ngay cuối làng ấy. Nghe đâu sẽ trồng cây, xây nhà gì gì ở đấy. Nào đã thấy đâu, chỉ lấm muỗi. Quê mình giàu có quá, đẹp đẽ quá mà họ phá không biết tiếc.

- Thế lấy đâu ra chỗ câu hả ông?

- Còn khôi vũng. Có điều cá cũng ít. Câu ngày, ba con rô ranh. Câu đêm, dăm con trê hoén. Chả bõ bèn gì. Ông cũng ngại.

- Ông ơi! Làm sao ông moi được một ôm sen. Ở quê ngoại cháu, người ta phải đào sâu gần ngập đầu người. Đất sét dẻo bám vào thuổng. Vừa gỡ, vừa móc vất vả lắm. Sen luộc nào có ngon gì. Xăm xà xăm xật - Thằng Hà mới từ quê ra không hết ngạc nhiên, háo hức nghe. Khi ông Đà ngừng, nó mới thở thê.

- Ờ! Sen quê mày khác. Sen ngày xưa cũng khác. Chúng mày cầm chổi quét sân cho ông. Xong xuôi, ông kể tiếp cho mà nghe.

Chúng tôi ra sức quét. Ông chề bần, cầm chổi quét lại. Rồi ông vào bếp nấu nướng nếu đến bữa hoặc rút cái áo móc trên đỉnh hay vắt trên dây, khoác vào người, lưng thưng bước ra. Chuyện của ông còn nhiều nhưng lúc ấy, ông không kể nữa.

Có buổi trưa, ông rủ tôi đi câu rạm. Làng tôi nằm cạnh biển. Thủy triều lên, đưa nước mặn vào sâu trong khe lạch. Những con rạm sinh sôi, trưởng thành và chết ở vùng nước ấy. Người quê tôi gọi là nước đàng hai. Nửa mặn nửa ngọt. Thường người ta đánh lờ, mò bắt rạm. Ông lại đi câu và biết tính rành rẽ từng con nước lên xuống. Tôi cầm ống bơ đựng đầy xác ngóe vừa đập, vai vác dăm ba cần câu, phời phời đi theo. Câu rạm không dùng lưỡi câu. Ông buộc thân ngóe đã lột da vào từng dây câu lần lượt thả từng cần xuống. Thỉnh thoảng, ông nhấc lên, thấy rạm bám vào lập tức đưa tay ra bắt. Ông chỉ dùng một cần nhưng thuần thục lắm, bắt được luôn. Lúc sau, nước biển dâng dần. Có những con rạm bơi nổi trên mặt nước. Mỗi câu quăng tới, ông kéo lên có khi hai ba con. Tôi đoảng, tung lần nào rạm chạy lần ấy. Lúc về, trông giỏ tôi chỉ khoảng hơn chục con, ông đổ hết chỗ rạm của ông sang:

- Mang về rang! Nhớ cho lá lốt. Có mỡ càng tốt.

Cũng những con ngóe lột da với dây câu buộc như thế, nhiều tối, ông đưa tôi đi câu rận khắp khe lạch và ngay trên ruộng nước. Ông nhấc nhấc cần. Tiếng nước "tóc, tóc". Lát sau, ông đã kéo được con rận, giẫy veo veo, mình ngấn nhưng to bằng bắp tay chúng tôi. Ông gọi rận ấy là rận dùng đục.

Tôi sợ, đi xem vì tò mò, không dám cầm đến rận rết. Ông cười, đưa ngón tay chọc chọc vào lưng từng con. Có lần, ông cho ăn thịt rận. Ông khen nức nở, nào ngon nhất trần đời, nào hoàng đế có thềm nhỏ rãi cũng chưa chắc được ăn, nào ăn một miếng, xương cứng như bọc thép. Tôi nhắm mắt, vừa khiếp vừa ăn, thơm thơm nhưng xác xác thế nào ấy.

Ông chề đoảng, sau này khó mà làm được việc gì. Hồi còn giặc giã, sợ bị bắt đi lính, ông theo cán bộ Việt Minh vào ở hang. Nửa đêm tỉnh dậy, không gian nặc mùi hôi khét. Dưới ánh trăng nhờ nhờ màu sữa loãng, ông thấy con hổ đang rình mồi. Chưa biết làm thế nào, lưỡi riu lại, ông quờ được cây xà beng vung lên đúng lúc hổ lao vào.

Mấy ngày sau, mắt ông mờ mờ hoa cà hoa cải, lơ đãng trước những gương mặt xa lắc xa lơ. Ông sốt li bì đến nửa tháng, chỉ uống nước rế cỏ tranh và ăn rau má. Những cây rau má thuở ấy cũng tốt. Lá to, cọng dài nhìn đến thích mắt, vợ một lúc có hàng ôm. Anh cán bộ vừa công tác vừa chăm sóc ông. Thế rồi khỏi. Như bây giờ có mục xương, chắc xương cũng đểch còn mà mục. Tiếc quá, anh ta chết rồi. Mộ anh ở giữa nghĩa trang liệt sĩ của làng. Chúng bay mang đến đây yến gạo, vài lít rượu rồi cứ việc há mồm ra, nghe ông kể nốt.

Ông cười kha kha. Chúng tôi đã nghe nhiều chuyện kể về con hổ thọt hung hãn, thần nhiên vào làng ngay cả ban ngày kéo trâu, bắt lợn. Nó ở hang Hùm, bị thọt vì sập bẫy chứ không phải bởi cây xà beng như ông kể.

Ông qua đời vào buổi chiều thu. Gió heo may đã về đậm đặc. Tiết trời lành lạnh. Người ta nói về ông bao điều tốt đẹp mà tận lúc ấy, tôi mới nghe. Làng tôi không nhà nào không có người đưa tiễn ông. Đám tang ông dài nhất trong những đám tang ở làng mà tôi chứng kiến.

Lớp chúng tôi lớn lên, tản mát khắp bốn phương trời, mong mỗi làm vinh quang, tốt đẹp cho bản thân và quê hương. Trong nhiều lí do, không thể thiếu những chuyện thực thực hư hư do ông kể.

TRẦN TÂM

thơ ·

BẢO LỄ

THƠ BỐN CÂU CHO EM

1-

Thuyền tôi thả bến bên xuân mộng
Bóng nước đông đưa hạt nắng vàng
Chiều xuống ngập ngừng xanh phố núi
Nón trắng che từng bước em sang

2-

Tháng chín mình anh về thăm nội
Cỏ đồng mưa ướt gọi mùa sang
Lừng lừng trăng non lên góc núi
Một chút thu thôi cũng quá vàng.

BẢO LỄ

TIA NẮNG HÁT LÊN VÒM TRỜI

DƯƠNG PHƯƠNG TOẠI

Tự dưng Mận mang mang ngỡ ngẩn, hết đứng lại ngồi. Đêm nào chị cũng nằm mơ, nói mơ khiến cả nhà thức giấc. Sự việc bắt đầu từ hôm dọn căn nhà cũ để chuyển sang ngôi nhà mới vừa xây xong. Trong góc buồng, tay chị chọt chạm vào chiếc hòm sắt. Lâu lắm, ba chục năm nay chị mới nhìn thấy nó. Những ngày tháng chiến tranh của một thời đời lính thanh xuân bỗng thức dậy. Đây là những kỷ niệm vui buồn, đau thương và mất mát. Đây còn là những đợt sóng dữ dằn, chị dám vượt qua. Cuộc sống vất vả vì bươn trải tưởng đã vùi giấu hộ chị rất sâu dưới đáy thời gian! Không ngờ khi mở chiếc hòm sắt, cầm quyển sổ lật nhanh mấy trang ghi chép cập nhật những ngày làm y tá và những dòng nhật ký ghi lồm bồm, bức ảnh người lính ấy rơi ra! Chị thót tim... Bức ảnh đen trắng còn rất nét và rõ gương mặt chụp hơi nghiêng. Đôi mắt anh như ánh lên một thứ ánh sáng của tia nắng đầy khát vọng...

Cuộc kháng chiến bảo vệ biên giới phía Bắc. Anh bị trọng thương trong một trận đánh. Đồng đội đưa về tuyến sau, vào trạm quân y tiền phương trong một hang đá. Toàn thân anh băng bó trắng toát, bất động trên băng ca. Khuôn mặt trẻ măng. Đôi mí mắt dính liền tựa hai vệt bút đặt nhẹ thành nét ngang. Hai ngày liền anh chìm trong mê sảng. Cánh đồng chấp chới những cánh cò trắng muốt. Con nhện kéo tơ trời chằng trên ngọn lúa đung đưa. Thằng bé Huê đang chạy tung tăng trên bờ cỏ theo mẹ sang quê ngoại. Bà ngoại đón cháu từ đầu ngõ: Huê ơi! Huê ơi ời... Tiếng gọi vọng xa đăm, bỗng bênh trôi vào hoàng hôn ngút đỏ như ngọn lửa đốt lá ruộng rạ mùa gió bắc. Rồi những trưa nắng tháng sáu, đám trẻ mục đồng tắm cả ngày không biết chán. Huê như con cá chuối ngoi lên, ngụp xuống, loi choi trong dòng nước sông quê... Chao ôi! Căn nhà nhỏ của bà ngoại quanh năm ngái mùi ẩm mốc rơm rạ và cay nồng khói bếp. Mảnh sân con sáng hè ra lấm tấm hoa cau... Hôm Huê lên đường, bà tiễn tới tận bến đò. Qua sông, Huê ngoái lại vẫn thấy bóng bà chống gậy đứng dưới gốc đa, chiếc nón cũ vẩy vẩy vào nắng chiều vàng sậm. Huê nhắm chặt mi mắt một lúc lâu, cố giữ giọt lệ chực tuôn trào. Bà ơi! Tan giấc, cháu sẽ về với bà và xây một ngôi nhà đẹp thay mái gianh xưa!...

Huê đã tỉnh. Đôi mắt hé mở. Đôi môi khô khát khẽ động dậy. Ngực anh thoi thóp khó nhọc như có tảng đá đè nặng. Có những nắm đom đóm vung ra đầy tròn mắt. Có những con trạch con lươn đào ngoáy trong mạch máu vừa buồn bực vừa đau nhói. Mình sống rồi? Hay đang ở một cõi xa lạ nào đó? Đơn vị đâu? Đại đội trưởng Xoan đâu? Huê hỏi thều thào vào không gian. Một bóng người loè nhoè màu lá rừng đứng trước mặt, bỗng cúi xuống: Huê ơi! Xoan đây! Anh đây! Cố sống nhé! Đồng đội ai cũng thương cậu! Bọn giặc đã bị đánh toi bời như ong vỡ tổ. Đại đội đang đề nghị cấp trên khen thưởng cho cậu!...Cơ thể Huê từng tức muốn bùng vỡ. Muốn nhắc người lên một chút, mà không cựa nổi. Giọng anh ngắt quãng: -Anh ơi! Có lẽ em không sống được. Bà ngoại em không biết giờ này... đang làm gì? Cây gậy... em dẫn bằng đoạn tre già... không biết có còn không... hay gãy mất rồi?... Ai sẽ nấu nước gừng cho bà ngâm đôi chân bị phong kéo gò mỗi tối trước lúc bà đi ngủ?... Mọi người trong đơn vị... có sao không?... Trời tối đây ư anh?

-Không! Trong hang đá nó thế! Nằm yên nghe! Tiếng đại đội trưởng mờ mờ âm âm: Em nhìn rõ anh không? Cố nhé! Mai một anh em mình còn về dựng lại nhà cho bà và Huê còn lấy vợ nữa chứ!

Huê thoáng cười: -Anh Xoan về quê với em nhé! Em sẽ thổi cơm niêu đất đun bằng rạ khô, bong vàng cháy vàng rộm... Đãi anh một bữa thịt gà uống với rượu nấu nếp cái hoa vàng... Rượu quê em rót một giọt ra ngoài... đất cũng thơm... Con gái quê em cũng đẹp lắm!...

-Trời ơi! Thằng nhỏ tốt quá! Cứ nghỉ đi, đừng nói nữa kéo mệt!

-Không sao! Anh nói chuyện cho em nghe đi!

Huê nhắm nghiền mắt tránh ánh sáng do có người mở cửa lán bước vào. Cậu ấy tỉnh rồi chứ? Tốt lắm! Mấy mảnh đạn còn găm sâu trong ngực và bên hông trái... Đau lắm đấy! Chẳng qua cổ nhện không rên. Giỏi! Máu mất nhiều quá! Cố gắng... sẽ mổ lấy ra! Bác sĩ thì thăm trao đổi. Xoan khấn khoắn: -Chiều và đêm nay tôi xin ở lại trông nom...

Nắng chiều xiên qua khe đá lọt vào hang thành những vòng tròn xoe nhảy múa. Trước mắt Huê chợt hiện lên ngày hội làng tiết giêng hai. Hoa xoan rắc tím trong màn mưa giăng thưa và nắng non rải mỏng. Những cô gái dắt tay nhau đi hội cười khúc khích. Khuôn mặt nào cũng xinh đẹp, mơn mớn tựa hoa xuân. Những tà áo trắng, áo hồng phấp phới trên cây đu. Gió thổi tung cả vạt áo khoe eo lưng, khoe cánh tay, bắp chân mềm trắng nõn. Huê cố xoắn tay nắm một cánh tay mềm và trắng ấy mà không sao tới được. Anh chơi vơi, bay bay trong không gian. Bóng áo trắng mất hút vào vòm trời mờ đục màu sữa. Anh choàng tỉnh.

-Cậu làm sao thế? Giật mình à? Nằm yên đi!

-Không! Em vừa thấy... cảnh hội làng quê em... Có những người con gái... đẹp như những nàng tiên trong cổ tích...

-Cậu cũng lãng mạn gớm! Đời lính mà! Phải lãng mạn chứ em nhỉ?

-Vâng! Huê thêu thào, nhưng rất rõ: Cuộc đời rất đẹp phải không anh? Chỉ tiếc đời người... Giá đừng có giặc... đừng có chiến tranh và cái chết. Nơi đâu cũng có hội làng... sẽ tuyệt biết bao nhiêu! Cối Tiên có giặc không anh nhỉ? Em tin là không! Huê nằm yên. Sương khói mờ màng buông toả. Cối tiên lại hiện ra. Những đụn mây đùn lên ngồn ngộn y những cây nấm mọc la liệt trên thảm rạ ngoài cánh đồng sau mưa. Trong thung mây lấp lánh dòng sông mây với những nàng tiên đang tắm và đùa dớn dập dờn giữa muôn hồng ngàn tía. Suối tóc, đôi vai trần lấm sóng mây thoảng mùi hương tinh khiết. Một tảng núi bỗng vỡ oà phun ra những thác mây xối xả. Một con điều hâu xuất hiện, to lên rất nhanh. Nó vung đôi cánh đen ngòm phẩy tung cả thung mây. Bầy tiên vội vã bay lên lộ thân hình trong suốt, kéo theo những chuỗi cười tinh nghịch... Chỉ còn lại Huê quần nhau kịch liệt với con điều hâu. Khi nó bị chém thì cũng là lúc Huê rơi xuống, cứ thẳm thẳm, thẳm thẳm trong không gian không đáy... Bầy tiên nữ lại hiện ra, bay sóng sánh bên kia bờ mây.

-Anh Xoan ơi! Anh nói với bà ngoại là em... không về... lấy vợ được đâu...

-Đừng nói đại nào!

-Thật mà!... Đừng cho bà biết tin em nhé! Tháng trước bà nhờ người viết thư nhắn đã rầm được một đám làng bên cho em, đợi em về... Bà bảo con bé ấy được cả người lẫn nét. Em cũng hình dung ra... cô ấy xinh đẹp và dịu hiền... Làn da trắng... khuôn mặt hồng hào và đôi mắt bồ câu ngây thơ... Tiếc quá anh nhỉ? Hôm em đi, lúc lên xe, trong đám bạn cùng xóm có một cô gái chìa tay định nắm lấy tay em thì xe lăn bánh. Thế là em cầm hụt vì quá bất ngờ. Chả biết bàn tay con gái cùng da thịt con gái thế nào mà thằng Quảng, thằng Minh chúng nó kể nóng ấm và lạ lắm!

-Ừ! Nóng và lạ lắm! Như trái chín đầu mùa, rất thơm. Cậu cố khỏi. Khi nào về lấy vợ sẽ biết. Cậu nói làm tớ tự dưng nhớ đến vợ ở nhà!

-Chị ấy chắc rất đẹp?

-Đẹp! Mái tóc dài đen óng ả. Gái một con, cậu biết không? Nhìn mơn con mắt! Cả đêm trước khi lên đường tớ bồn thần không ngủ được... Thôi lặng yên. Hết giấc, cậu sẽ hiểu hơi vợ là gì. Hơi đàn bà con gái kỳ lạ lắm! Nó như luồng điện giật. Vua chúa còn phải đổ. Thế nên người xưa mới bảo đàn bà làm nghiêng nước nghiêng thành. Có ông vua còn đem cả giang sơn gấm vóc đổi lấy mỹ nhân! Còn người bây giờ gọi là tấm chăn ba bảy độ C...

-Thật thế hả anh?

-Thật! Con gái tỏa ra sự hấp dẫn cho cánh con trai mình thêm nghị lực, bất chấp hiểm nguy. Đòi người có vợ có chồng như đũa có đôi, rồi sinh con đẻ cháu... làm nên làng xã, làm nên sức mạnh dân tộc...

-Vậy thì... Em dám chắc với anh sau này dẫu cuộc sống hiện đại đến đâu cũng không gì thay thế, không gì bằng được vẻ đẹp người con gái. Nghĩ cũng hay anh nhỉ?

-Ừ! Còn nhiều cái hay...

Huê oằn người chống chịu một cơn đau dội đến. Xoan cấp tập xoa nhẹ và vuốt ngực cho Huê như bàn tay mẹ hiền nắn cơn đau ra khỏi cơ thể anh:

-Đau lắm à em?

-Không! Không sao! Nước mắt Huê dàn dụa: -Anh Xoan này... Huê cố lần lần tay đến gần tay đại đội trưởng: -Em... Em muốn nói với anh... điều này... không biết có nên không? Xoan nắm chặt tay đồng đội:

-Sao? Cậu muốn nói gì? Thằng quân hàm phải không? Yên tâm! Cốt cậu khoẻ đã! Huê lắc đầu nhìn anh vừa như cầu cứu vừa như tuyệt vọng:

-Không! Em muốn nói với anh ... việc khác cơ...

-Việc gì? Quan trọng không?

-Không! Nhưng... nhưng... có ai ở đây không? Huê đưa mắt ra xung quanh: Em muốn đề nghị với anh một việc... Em không sống được đâu anh ạ! Em biết mà! Anh giúp em được không? Dẫu chết em cũng vui và biết ơn các anh... Linh cảm có vấn đề hệ trọng trong lòng người chiến sĩ trẻ mà anh hằng yêu mến và khâm phục, Xoan lo lắng nhìn sâu vào mắt Huê. Tự dưng nước mắt anh ứa ra, rơi xuống mặt Huê. Anh âu yếm lau nhẹ bầu má cho Huê:

-Sao? Mình gọi bác sĩ nhé!

-Không ! Đừng! Em không sao đâu!

-Thế thì cậu nói... nói đi! Anh thấy ngực Huê như thắt lại, cố nén, cố lấy sức mới bật được thành lời, thổn thức:

-Anh ơi! Những ngày qua anh em mình cùng đồng đội sống và chiến đấu bên nhau... chẳng méch lòng nhau điều gì nhỉ?...

-Em rất tốt, rất dũng cảm! Anh em ta một nhà. Thay mặt đơn vị, anh cảm ơn em! Có gì mắc mớ trong lòng, cứ nói ra cho nhẹ nhõm!

-Vâng! Em sẽ phù hộ các anh. Nhưng đừng cười em. Thật mà! Đây là ước muốn của em... chỉ một lần... một lần thôi! Chao ôi! Cuộc đời đẹp quá! Những người con gái quê mình đẹp quá!

Anh ơi! Anh có biết bài thơ tình của một ông nhà thơ nào đó?... Hồi vào cấp ba tình cờ em đọc được!

-Em nhớ thì đọc đi! Bỗng Huê tỉnh táo nhìn những tia nắng bằng ánh mắt long lanh, rất lạ:

-Em nhớ đoạn này: Còn anh, anh yêu em. Anh phải đi ra trận. Em ơi rất có thể. Anh chết giữa chiến trường. Đôi môi tươi đạn xé. Chưa bao giờ được hôn... Huê hỏn hển: Anh Xoan ơi! Em... em cũng chưa một lần... Em chỉ muốn nhìn thấy... da thịt... nhìn thấy... cơ thể người con gái... Trước khi chết... em xin được một lần... tận mắt thôi... Xoan bàng hoàng, thoáng lạnh dọc sống lưng:

-Trời ơi! Sao em lại nghĩ thế?

-Em xin anh! Thật mà... Huê van nài: Chỉ điều nhỏ đó thôi! Đừng nghĩ xấu cho em, tội lắm! Em không phải là kẻ hư đồn đâu... Xoan ôm chầm lấy người Huê, gục đầu vào ngực Huê, phát khóc:

-Huê ơi! Mày... mày... kỳ lạ quá! Kỳ lạ đến tuyệt vời! Em phải sống để còn về lấy vợ sinh con. Em sẽ được hạnh phúc. Đời sẽ trao em một người con gái... Xoan không thể ngờ những lời ấy lại được thốt ra từ đôi môi khô khát kia. Xoan hiểu Huê ước muốn gì. Sự sống hình như chỉ còn là sợi tóc trong người Huê? Nhưng sự sống hình như cũng loé dốt trong đầu óc tưởng tượng diệu kỳ, trong trái tim Huê niềm khát khao, hy vọng cuối cùng? Nghĩa là một người con gái khoả thân? Nhưng giữa chốn bom rơi đạn nổ, giữa khoảnh khắc cái sống và cái chết giao tranh, làm sao mọi người hiểu được cho Huê? Ai chấp nhận ý nghĩ của Huê? Ai đồng ý giúp Huê? Khó quá Huê ơi! Huê mấp máy môi định nói gì nữa, nhưng mặt bỗng cau thắt vì đau đớn. Vết thương hành hạ, người anh lên cơn sốt, nóng hầm hập như bốc hơi. Huê thẳng thốt, đôi mắt ánh lên như hai giọt sương tinh khiết: Anh ơi!... Trong số các y tá tiền phương, Mận là một cô gái trẻ và xinh đẹp hơn cả. Phơi phới tuổi hai mươi bên dòng sông Chanh thơ mộng, rời ghế nhà trường cấp hai, Mận xung phong nhập ngũ, học cấp tốc một lớp y tá. Năm sau cô được chuyển vào đơn vị bộ binh này, trực tiếp ra mặt trận phục vụ chiến đấu. Mận và Huê vẫn gặp nhau trong những cuộc sinh hoạt văn nghệ đại đội. Mỗi khi gặp Mận, Huê chỉ cười tủm tỉm đôi môi ướt và Mận cũng chỉ biết Huê là một chàng trai xứ tỉnh Đông bên dòng sông Kinh Thầy, hát hay và chơi đàn ghi ta chưa ngọt lắm.

Xoan bí mật tìm đến Mận với hy vọng sẽ giúp Huê toại nguyện. Trước tin lạ như sét đánh, Mận trở mặt nhìn Xoan:

-Trời ơi! Anh làm sao đấy? Em không thích nói đùa!

-Không! Anh nói chuyện nghiêm túc!

-Sao lại vậy hả anh? Em không làm được đâu! Anh bảo người khác đi!

Cảm thấy lòng tự trọng bị xúc phạm, Mận ôm mặt khóc nức. Xoan bình tĩnh dỗ dành:

-Mận ơi! Em thông cảm! Anh đã cân nhắc kỹ, không còn ai đủ khả năng. Giữa chiến trường, sinh mạng Huê đang đếm bằng từng giây từng phút. Lặn lội tìm ai bây giờ? Chỉ có Mận dám nhận được việc này. Đây là một khát vọng cuối cùng của một chiến sĩ. Phải nói là Huê rất yêu cuộc sống, yêu cái đẹp và chính Huê chiến đấu hy sinh trong đó có ý thức bảo vệ cái đẹp đó. Coi đây là một nhiệm vụ nặng nề, em hãy dũng cảm vượt qua mọi ràng buộc, hãy vượt lên chính mình, hy sinh vì đồng chí mình. Tự cảm không sống được, Huê chỉ xin một khát vọng nhỏ nhoi đó thôi. Và... Mận này, không biết chừng em sẽ là người tiếp thêm sức mạnh. Huê sẽ sống thì sao?

Mận về lán đóng cửa, nằm vật xuống. Trời ơi! Thân thể người con gái chỉ cho phép người mình yêu được nhìn thấy! Giây phút hạnh phúc thiêng liêng ấy chỉ dành để dâng hiến cho chồng trong ngày cưới! Ăn mặc gọn gàng chỗ đông người còn e thẹn. Khi ra suối tắm cũng phải ý tứ giấu mình kín đáo. Chứ sao lại có thể dễ dàng phơi bày ra với người đàn ông khác? Không thể!

Không thể... Dòng suối chảy róc rách mang bóng nắng sang bờ bên kia. Màn chiều dần cuốn lại. Núi rừng yên ả trong tiếng chim từ qui gọi bạn. Mận thiếp đi một lát. Cô choàng tỉnh khi làn gió lạnh lùa qua khe đá lọt vào. Hình ảnh Huê chợt hiện ra. Anh nhăn nhó nín thở giấu đi cơn đau tê dại mỗi khi Mận thay băng, rửa vết thương. Gương mặt Huê tái nhợt, nhưng vẫn rõ nét điển trai, vô tư đến non nớt như gương mặt cậu bé mười lăm, mười sáu tuổi. Ngày thường, Huê từng dút dất nhìn Mận, thoáng nhanh, ngượng ngùng như thể Mận là một người chị rất cao xa. Gương mặt Huê cũng bình thường như bao gương mặt chiến sĩ khác. Vậy mà giờ đây đột nhiên khắc sâu và ám ảnh thành dấu ấn trong lòng Mận. Cảm giác vừa khâm phục vừa giận hờn trách móc cứ lẫn lộn giày vò cô. Anh ta có ý nghĩ thật lẩn thẩn, táo tợn! Nhưng... Con người có tâm hồn và cảm xúc cơ mà? Đâu phải gỗ đá? Từ trước tới nay anh ấy vẫn là một chiến sĩ quả cảm, khiêm nhường... Có tiếng vọng nào đó phát ra bên tai: Mận ơi! Mận vẫn là Mận trong trắng, vẹn nguyên!...

Túp lều nhỏ được dựng nhanh chóng trên một mỏm đất xanh um cây cối trong thung lũng. Mấy tia nắng vàng rực hắt lên vòm trời xen những dải dề quạt màu tím biếc. Thỉnh thoảng có những chùm tiếng nổ từ xa vọng lại. Mặt đất chợt rung động như lưng một con vật giật mình. Chiếc băng ca được đại đội trưởng và Mận khiêng vào lều. Cửa lều khép lại. Bên trong vẫn đủ sáng. Nhịp Huê thở thoi thóp như con suối cạn. Đại đội trưởng đến bên, cúi xuống thì thào:

-Huê ơi! Gắng lên! Em sẽ được toại nguyện! Chỉ có em và cô ấy thôi! Em phải sống nhé! Huê trân trân nhìn Xoan đầy vẻ có lỗi và biết ơn. Chỉ còn một mình Mận bên lều và Huê nằm đó. Sau vài phút lóng ngóng, Mận bê chiếc ghế dài ghép bằng những đoạn tre kê cho chắc chắn. Huê khẽ cựa một ngón tay ra hiệu Mận đến gần. Mồ hôi rịn ướt lưng áo, Mận gắng sức lấy bình tĩnh ghé sát mặt Huê, nói nhỏ:

-Anh Huê ơi! Có tỉnh không? Em đây! Mận đây! Có thấy rõ em không? Em gồi cao đầu anh lên nhé! Hơi thở Mận nóng hổi. Huê tỏ ý gật đầu. Anh cố dẫn to mắt nhìn người con gái đứng ngay bên, muốn giơ tay nhưng không sao nhích nổi. Mận mặc chiếc quần lụa đen và tấm áo pôlin trắng. Ôi, đôn hậu và thuần khiết quá! Dáng Mận chập chờn như xa như gần. Người cô phảng phất mùi thơm của một thứ lá mà Huê chưa nhớ ra. Hình như... một loại cây trong vườn khi còn sống mẹ thường nấu để tắm gội những chiều xa? Phải rồi. Mùi hương nhu!...

Trở lại chiếc ghế, Mận run rẩy đứng lên, suýt ngã. Không! Mận ơi! Phải vững tâm! Mận đưa hai tay gỡ xỏ tóc và bắt đầu cởi khuy áo ngoài. Tấm coóc xê nịt chặt lấy bầu ngực tròn căng, bồng bồng sức sống, tuột ra. Đôi trái quả kỳ lạ vừa bóc vỏ hiện lên màu trắng hồng. Khoảng không gian nơi ấy bỗng sáng rực. Một thoáng lưỡng lự. Cô khoanh tay che ngực như sợ ai bên ngoài nhìn trộm. Căn lều vẫn tịch mịch trong tiếng gió và tiếng những giọt nước rớt trên hóc đá đầu đó. Tất cả xiêm y từ từ trút xuống. Trong ánh chiều hắt vào, thân thể Mận lộ ra đầy đặn, vàng vạc, nõn nà đến bất ngờ. Làn da trắng mịn, ngà ngọc. Cánh tay và cặp chân dài thon thả. Khuôn mặt xinh đẹp lạ lùng với ánh mắt trong sáng, miên man. Mái tóc buông toả ôm lấy bờ vai tròn lẳn càng tôn thêm vẻ đẹp một thân hình duyên dáng, khỏe mạnh của một thiếu nữ.

Trong những tháng ngày gian khổ đương đầu với bom rơi đạn nổ, khuôn mặt xinh đẹp dưới làn da rám nắng và những đường cong thanh tú ẩn giấu trong bộ quân phục bạc màu... lúc này có dịp hồi lại, dịu mỏng và nở nang một cách tự nhiên trước ánh mắt người khác giới! Đứng khép chéo cặp đùi, Mận giơ một cánh tay vịn những cộng cỏ trên mái lều cho vững, rồi khẽ gọi:

-Huê ơi! Em đây! Hãy nhìn em đi!...

Huê mấp máy môi, muốn gượng dậy. Trước mắt anh, một đoá hồng vừa thoát nụ sau khuya! Một nàng tiên vừa hạ giới! Anh nhìn đắm đắm vào cơ thể Mận, muốn nâng niu đón nhận đến cháy lòng, nhưng không tài nào chìa tay ra được. Đoá hồng như cao lên phô bày trình bạch, đượm nét u buồn. Nếu ngày thường anh có thể sẽ ôm và nâng đoá hồng ra nơi tràn trề ánh sáng để ngắm nhìn và khẽ khàng đặt lên những nụ hôn. Chao ôi! Tạo hoá sinh ra người con gái ban tặng cho nhân loại vẻ đẹp, nhưng sao lại có cái chết? Sao con người ta lại không làm cho mặt đất, cho bầu trời bình yên để trai gái bên nhau, để mọi người yêu nhau và muôn loài hoa khoe sắc khoe hương? Giọng Huê rung rinh như còn trong cơn sốt:

-Mận tha lỗi nhé! Cảm ơn... em đẹp quá! Em là hoa thơm trái ngọt... là bài thơ nồng nàn của cuộc đời. Thượng đế đã giành cho em... tuyệt diệu lắm! Em sẽ nhiều hạnh phúc. Giá sống được, Huê sẽ tiếp tục chiến đấu cùng đồng đội tiêu diệt hết quân thù để những người con gái... như em mãi... xinh tươi... Không gian túp lều nén lại. Mận lặng lẽ đứng đến nỗi quên mình đang đứng. Nghe rõ trái tim đập từng nhịp rộn ràng. Những giọt nước mắt lăn trên gò má rơi xuống bầu vú, ngưng lại, nóng và xót. Không còn xấu hổ nữa. Lúc này Mận mới có phút giây tự ngắm hết vẻ đẹp của chính cơ thể mình và tự thấy mình toả sáng. Lòng Mận tràn ngập niềm yêu thương tiếc nuối người chiến sĩ trẻ trước cái chết gần kề. Ước gì Mận có sức mạnh phi thường làm cho anh được sống! Khi ấy đất nước thanh bình... Anh sẽ có một người vợ hiền, sẽ có những đứa con, có thể là cô giáo, là thủy thủ, là nhà thơ?... Huê nhìn Mận đờ đẫn, tê dại, chìm đắm một lúc lâu.

Tia nhìn chợt rực sáng, nồng nàn, lan toả vào da thịt Mận. Khuôn mặt anh hồng hào hân lên. Hai vệt nước trong trẻo từ khoé mắt rớt qua hai rẻo mai xanh. Thời gian ngỡ ngừng trôi cho hai người nhìn nhau. Và họ đã khóc với nhau trong im lặng. Bỗng Huê nở nụ cười đầy mãn nguyện. Nụ cười như một bông hoa xoè rất đẹp đón nhận hạt sương cùng ánh nắng ban mai. Lần đầu tiên trong đời, Mận thấy nụ cười đó. Nụ cười đọng ướm môi, thật thanh thản.

Nhiều đêm Mận thức chong chong đến sáng. Chương, chồng chị lo lắng: Không hiểu do đâu đang vui vẻ, lại sinh ra thế này? Theo dõi thấy Mận như người lạc hồn vía, Chương bèn lấy xe máy chở Mận đi bệnh viện khám. Bác sĩ đưa cho Chương một tờ đơn kê các loại thuốc bổ cùng lời dặn: "Không có bệnh gì. Chị nhà chỉ suy nhược cơ thể. Anh nhớ cho ăn uống và nghỉ ngơi thật tốt!" Nhưng sợ vợ có nguy cơ dẫn đến chứng tâm thần phân liệt, Chương khéo léo dỗ dành:

-Tôi đưa mình đi bệnh viện Quang Hanh để giám định lại sức khoẻ nhé! Mận vọt toáng lên, cự lại:

-Không! Không! Không phải thế! Sao anh lại đưa em vào chỗ người điên? Anh đi Hải Dương mời anh Xoan giúp em. Địa chỉ đây! Anh tìm đến huyện Vũ Thư... Có việc này... Đợi anh Xoan về mình sẽ hiểu! Rồi Mận van nài: -Anh ơi! Em không bệnh tật gì đâu...

Hai ngày liền Chương đi Hải Dương đón được Xoan. Sau bao nhiêu năm đồng đội cũ gặp nhau tay bắt mặt mừng, Mận khóc như đứa trẻ. Xoan ở lại chơi với vợ chồng Mận mấy ngày. Anh và Mận kể lại cho Chương nghe câu chuyện người chiến sĩ trẻ ngày ấy mà anh và Mận là người trong cuộc.

-Đấy! Đời lính của tôi và Mận từng gặp tình huống như thế! Mận đã dám hy sinh dám vượt lên những gì khuôn thước vì nhận thức của người đời lúc bấy giờ không dễ chấp nhận đối với người con gái đoan trang... Nếu còn, Huê có lẽ cũng đồng niên cậu... Xoan xúc động nói. Mận nuốt tiếng sục sịt, nhìn Chương:

-Thông cảm cho em. Anh ấy là người đầu tiên chiêm ngưỡng hình thể em. Còn anh là người chồng em yêu quý, dâng hiến trọn lòng trinh nguyên! Có anh Xoan và anh hôm nay, nỗi niềm thầm kín bấy lâu được thổ lộ, lòng em bỗng thấy thật nhẹ nhàng! Bây giờ em chỉ xin anh một ý nhỏ: bốc bát hương lập một ban thờ riêng cho Huê, để tuần nọ tiết kia mình thắp những nén nhang...

Chương và Xoan hí húi kẻ cưa, người bào làm xong ngay chiếc ban thờ xinh xắn. Mận ra hiệu ảnh phục chế, phóng to bức ảnh của Huê về lồng khung kính, trang trọng đặt giữa ban. Chị bồi hồi thắp những nén nhang đầu tiên. Khói nhang toả lan, thơm khắp gian nhà, quán quện quanh bức chân dung người lính trẻ. Chao ôi! Nụ cười còn tươi nguyên cùng ánh mắt sáng như tia nắng hắt lên.

DƯƠNG PHƯƠNG TOẠI

HOÀNG SONG LIÊM

KỶ NIỆM VỚI ĐẦY

Kỷ niệm cũ vơi rồi, tình níu lại
Năm ngón tay nắm lại một bàn tay
Cho tuổi hồng lãng đãng ở quanh đây
Đôi cánh nhỏ theo bầy về gõ cửa.

Ôi quá khứ, cuộc tình xanh mới nhú
Kết thành thơ, thành nhạc mộng đêm qua
Cỏ Thiên Đường chỉ có bước đôi ta
Vai sánh vai đóa hôn đầu hé nụ.

Bát ngát trăng sao, đêm thắm cửa ngõ
Phả hương bay tóc rối mộng tình khôi
Em thật gần mà nhớ đã không nguôi
Bướm trắng, hoa vàng, tường vôi, lớp học.

Mùa phượng đỏ bỗng dưng buồn muốn khóc
Chiều Thu qua xao xác lá sân trường
Sắc phai rồi, ôi sắc áo người thương
Tuổi học qua rồi...qua dần tuổi lính.

Ngày tháng đông đưa mộng thắm gãy cánh
Em trở về đông lạnh giấc mơ xanh
Kỷ niệm đầy vơi bồi hồi chợt tỉnh
Nắng sân trường thành chuỗi hạt long lanh.

HOÀNG SONG LIÊM

HƯƠNG THẨM

ĐÀM LAN

Ma đưa lối quỷ dẫn đường thế nào mà cửa sổ phòng tôi lại đối diện với cửa sổ phòng hân. Nói cho chính xác là phòng của nhà hàng xóm, nhưng hân thì vốn chưa là hàng xóm của tôi, kể từ lúc gia đình tôi dọn đến. Hân xuất hiện ở căn phòng đó từ thời nào khắc nào thì tôi không biết, chỉ biết là tối hôm ấy tôi đi dự sinh nhật bạn đến khuya mới về, và bị mẹ mắng cho một trận vì phải chờ cửa, nhưng mẹ mắng con gái yêu thì chẳng có gì đáng phàn nàn, nên tôi sau vài câu nói cười cầu hòa là tốt ngay lên phòng mình. Bật công tắc, điện cúp, không sao, mở cửa sổ ra cho thoáng đã, cánh cửa vừa hé ra, tôi reo lên một tiếng nho nhỏ: Trăng, ô phải rồi, đêm rằm đây mà, tâm trí tôi đang đầy phấn khích vì ánh trăng mơn man, dãi dãi đến xôn xao cả lòng, thì chợt có một thứ ánh sáng khác lấp lóe, một ngọn nến đang được di động đến cái bàn nơi ô cửa sổ đối diện, tôi vụt nép về một bên khi thấy thấp thoáng bóng người, ánh sáng lập lòe của ngọn nến đủ cho tôi nhận ra phái tính của người ấy. Một gã con trai, thật đáng ghét, sao hân lại chen ngang vào khoảnh khắc tuyệt vời nhất của tôi thế này chứ? Tôi mê trăng, rất mê, mê lắm, cứ đến tuần trăng là tôi mau chóng học bài cho xong, rồi tắt phụt cái thứ ánh sáng văn minh đi, để tha hồ mộng mơ, lãng mạn dưới vầng sáng lênh loang cả đất trời, trong không gian yên ả của sự lắng dần những thứ âm thanh. Dưới ánh trăng, mọi vật trở nên mơ màng hiền dịu, và trong một lần say sưa với trăng như thế, tôi chợt ngộ ra rằng, vì sao người đời hay ví tình mẹ như một vầng trăng, là vì cảm nhận nét hiền dịu và vẻ như bao dung của thứ ánh sáng nhẹ nhàng này. Thường thì phải đến lúc mi mắt không còn chống đỡ nổi những cơn vi rút buồn ngủ, tôi mới miễn cưỡng, luyến tiếc mà rời khung cửa sổ đáng yêu để lăn vào giường. Hôm nay có kẻ bỗng dưng xâm phạm mảnh trời riêng của tôi, thế có tức điên lên không chứ. Tôi hậm hực đóng ập cửa sổ lại, khiến nó phát ra một tiếng kêu bất thường, mẹ tôi la lên:

- Làm gì mà mạnh tay vậy hả Duyên? Đêm hôm rồi, cẩn thận đừng làm phiền hàng xóm chứ. Con gái lớn rồi mà chẳng biết ý tứ gì cả.

Lần thứ hai trong ngày tôi bị mẹ mắng, nhưng lần này thì không có cái giọng nũng nịu cầu hòa mà tôi thường sử dụng như một ưu thế của một cô tiểu thư duy nhất mỗi khi nịnh mẹ. Tôi lau bậu lên giường, nước mắt vòng quanh vì ảm ức. Cửa sổ phía bên kia chợt vang lên nhe nhe tiếng đàn guitar. Hử! Người đâu mà bất lịch sự thế không biết, hay hân không có đồng hồ? Đây, mẹ xem, giờ thì ai làm phiền ai chứ? Đầu óc tôi thì đang lục xục thế, nhưng tai tôi lại đang long lánh, một giai điệu quen quen, à... hử... cái gì mà “khung cửa sổ hai nhà cuối phố...”, nhầm quá to rồi đấy anh bạn ạ. Hai nhà này ở giữa phố cơ, nếu tính cho đúng thì còn là gần đầu phố nữa kia, nên đừng hòng có chuyện “không khép bao giờ” nhé. Tiếng đàn vẫn cứ lênh đênh diu dặt, giá mà mở được cửa sổ, để vừa ngắm trăng vừa... ơ mà cóc thềm, nhắc đến trăng là tôi lại sôi gan lên vì tức và cả tiếc nữa. Tôi vùng vằng kéo tấm mền trùm kín đầu, bịt cả hai bên gối vào tai, tiếng đàn bướng bỉnh vẫn cứ len vào, len vào rất nhẹ, và rồi tôi thiu thiu thiếp đi trong sự bướng bỉnh ấy.

Tiếng mẹ gọi í ới làm tôi bừng tỉnh giấc, trời đất, sáng bết ra rồi, nhanh nhanh kéo đi học muộn mất. Tôi quáng quàng xỏ dép, lao tuốt vào nhà vệ sinh, mẹ nhìn tôi lắc đầu:

- Con gái hư chưa kìa, không gọi chắc còn nướng đến cháy đen luôn quá, mai này làm dâu nhà ai, khéo họ chửi cho vuốt mặt không kịp.

Tôi vừa rửa mặt vừa nói nhây:

- Tội gì đi làm dâu hả mẹ? Bắt họ về nhà mình không sướng sao?

- Thôi đi cô, nuôi báo cô một người tôi đã muốn chết rồi, cô còn định bắt tôi phải nuôi thêm người nữa à.

- Mẹ yên tâm đi, con học ra trường là con đi làm nuôi mẹ vô tư rồi, ai mà có ý đồ thì cũng phải biết phụng dưỡng mẹ con, chứ không thì đừng hòng.

- Chỉ giỏi liến thoắng cái miệng là không ai bằng, chờ đến lúc cô nuôi tôi thì có mà...

Mẹ tôi nói trong nụ cười mãn nguyện, tôi biết mẹ đang vui, nên bá cổ mẹ nũng nịu:

- M...ẹ, mẹ cứ chê con gái mẹ không à, nhà chỉ có hai mẹ con mình, con không nuôi mẹ thì ai chứ.

- Thôi thôi, được rồi, mẹ biết con gái mẹ ngoan, có hiếu lắm rồi, chỉ phải mỗi cái tội lười thôi, đứa nào mà nó biết lớn chừng đó rồi mà còn chờ mẹ nấu cơm cho ăn, còn phải nhắc nhở từng tí một, có mà nó vất vả lên cổ mất thôi.

- Chạy lui lấy đà chạy tới đó mẹ.

Mẹ tôi lườm yêu rồi bảo:

- Ăn sáng đi còn đi học, sớm lắm đấy mà cứ bông phèng mãi.

Cảm ơn mẹ bằng một cái hôn, rồi tôi nhanh chóng thu dọn ổ bánh mì với quả trứng gà ốp la mẹ đã làm sẵn. Xong, dắt chiếc xe đạp mi ni ra cửa, tôi chào mẹ rồi vén tà áo dài, điệu dàng ghé lên yên xe. Bên hàng xóm, cũng một cái yên xe vừa có chủ, nhưng đó là cái yên của xe cúp, phớt cái nhìn qua cặp kính trắng, tôi kêu kỳ hĩnh mặt nhấn pê-đan... Chỉ cần hơn một cấp phương tiện, thì người ta cũng đã dễ dàng hơn mình cả một chặng đường rồi, tiếng động cơ sau tôi, rồi qua tôi, rồi thản nhiên băng lên phía trước. Không một cái liếc, không một cái ngoái lại, đồ... đồ... cục tự ái chèn ngang, tôi chợt phì cười một mình khi nhận thấy mình thật vô lý, quen biết gì đâu, đường họ họ đi, nẻo mình mình bước, can chi mà... vô duyên, đúng là thứ tự ái của con gái đồng danh. Rồi một ngày cũng trôi qua với nhịp sống bình thường, chỉ khi vầng trăng nhô cao khỏi cây phượng đầu phố, mới là lúc tôi mất bình thường. Bỗng nhiên mà tôi và ánh trăng bị cấm vận, vô lý không chịu được, ừ mà sợ quái gì hấn chứ, cửa nhà ta ta cứ mở, ai cấm nào. Hai cánh cửa hùng dũng bung ra, tôi giật thót người khi cả ánh trăng lẫn ánh mắt sau cặp kính lay láy lọt vào cùng một lúc, then quá hóa giận, tôi lại sập cửa đánh sầm một tiếng, mẹ tôi lại la lên:

- Gì đó Duyên? Sao mà cửa nẻo cứ rầm rầm vậy?

Tôi chống chế:

- Tại gió thổi đó mẹ.

- Gió quá thì đừng mở nữa, cứ vậy hư cửa hết.

Tôi lầm bầm: "Mẹ chẳng nói thì con cũng không mở nữa". Sao mà tự nhiên trời nóng nực quá vậy nè. Mở công tắc quạt, ngọn gió vù vù mà sao vẫn không thấy mát mẻ dễ chịu như gió trời, chợt thêm quá những hôm mở phanh hai cánh cửa đón luồng gió hây hây, thanh thoát, mát rười rượi. Trăm tội trăm nợ chỉ tại cái gã chết tiệt ấy. Chẳng hiểu gã từ đâu tới nhỉ? Nhà chú Hải có bao nhiêu người tôi đều biết cả mà, ngoài cô chú ra là hai đứa trẻ nhỏ hơn tôi vài tuổi, thỉnh thoảng vẫn qua lại giữa hai nhà, tôi có thấy thêm nhân vật nào đâu. Hấn có quan hệ thế nào với chủ nhà? Cháu hay là...à phải rồi, chắc người ở trọ, hôm lâu lâu rồi, tôi nhớ cô Hải có nói là xem có sinh viên nào hiền hiền, cô cho ở trọ. Chắc là hấn rồi, sao cô Hải không chọn con gái mà cho trọ nhỉ? Con trai... dù không muốn vợ, nhưng rõ ràng con trai dễ sinh chuyện rắc rối hơn, thì đây đã là một chuyện rắc rối rồi đây. Hình như lại có tiếng đàn, đúng rồi, cái gì, lại "Hương thầm". Học, học, cóc thềm nghe, thầm với thì, đừng có mà mơ. Mai có giờ kiểm tra, suýt nữa quên thì chết toi rồi. Này sách, này vở, này bút thước... mọi thứ đã bày ra bàn, vở đã lật ra, sách cũng đã lật ra, nhưng những con chữ vẫn cứ như quân múa rối. Thế này thì quá quái thật, phải làm sao đây? Dễ thường tiếng đàn này như một loại âm khí trong tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung quá, không chừng nó cứ len lỏi vào tận tim gan phèo phổi, làm tiêu tán cả mười thành công lực của ta chứ chẳng chơi. Bông gòn, chí lý, hai cục bông gòn to tướng được ấn nhét thật cẩn thận vào hai lỗ tai, tịt mịt cả đường đi lối về. Vẫn còn hơi văng vẳng, không sao, tập trung tư tưởng một cách tối đa thì tà ma cũng phải nhường bước. Mà thật, quyết tâm cắn cùi vào bài vở một lúc, tôi không còn bị chi phối gì nữa. Đến chừng xong xuôi cả, tôi thở ra một hơi dài chiến thắng,

đây biết mà, cứ quyết tâm cao thì sẽ làm được thôi, giờ thì cho hai lỗ tai thoáng một chút. Nút bông gòn vừa được tháo ra, tiếng đàn xục vào ngay như mừng rỡ. Tốt thôi, được ru ngủ miễn phí sướng quá còn gì, và cũng như đêm trước, tôi thiếp đi trong tiếng đàn, đêm sau đêm sau nữa cũng thế, tai hại hơn là tôi như đắm ghiền tiếng đàn, và có thói quen đoán trước bài sắp tới, hầu như tôi đoán trúng khá nhiều, và phần lớn trong số đó là những nhạc phẩm tôi thích. Rồi mặc nhiên, tiếng đàn trở thành một thói quen. Nhưng có một điều lạ là, ban ngày đôi khi chạm mặt nhau ngoài đường, cả hai vẫn giữ bộ mặt lạnh lùng xa lạ, thậm chí không cả cái cười xã giao, đàn ông gì mà tẻ thế chứ, cái miệng của hắn cũng đóng chặt như cánh cửa sổ của tôi vậy. Chẳng hiểu hắn là người như thế nào nữa, kín đáo hay kiêu ngạo, nhút nhát hay tự ti? Tôi bắt ngờ nhận ra những suy nghĩ về hắn đã chiếm mất khá nhiều thời gian của tôi rồi, lạ hơn là tôi không hề có cảm giác khó chịu với phát hiện này, lạ nữa tôi đâm ra siêng học, siêng đến nỗi mẹ tôi cũng hơi một chút ngạc nhiên khi thấy tôi cứ tối đến, ăn cơm xong, rửa vài thứ chén bát rồi lao về phòng, tôi viện lý do là gần thi, bài vở nhiều, mẹ tôi còn ra sức bồi dưỡng cho tôi nữa, kể ra thì tôi cũng không hoàn toàn dối mẹ, và những điểm số của tôi vẫn duy trì ở mức tương đối khá. Cô Thanh dạy văn bước vào, làm cả lớp đang ồn như cái chợ vội im bật, cuống quýt đứng dậy chào.

- Hôm nay cô giới thiệu với các em là có mấy anh chị giáo sinh đến dự giờ lớp ta, các em nên chú ý giữ trật tự và học cho tốt nhé.

Cả lớp đồng thanh “ạ” rồi hồi hộp nhìn ra cửa. Một, hai, ba, bốn ủa... hồng lẽ... cái cặp kính chình ình kia, lại khoe miệng hơi một nét cười như chế giễu... trời, tôi ngờ người quên chào theo cả lớp. Hắn là người đi vào sau cùng, và tiến thẳng đến chỗ tôi, cứ như là hắn biết rõ tôi ngồi đây từ bao giờ rồi vậy. Tôi mím môi quay đi chỗ khác, cô Thanh đang xếp chỗ cho mấy anh chị kia, và tôi giật mình khi nghe tiếng cô:

- Duyên, em ngồi vào trong một chút, thầy Lương ngồi đây.

“Chúa ơi!” Không phải là con chiên tôi vẫn thốt gọi thầm như một tín đồ ngoan đạo nhất, chuyện gì thế này? Sao trên đời lại có những ngẫu nhiên lạ lùng đến thế. Tôi nhích vào nhưng vẫn kịp liếc hắn để phải thấy một nụ cười đáng ghét. Tôi ầy nhỏ Hà:

- Mà lui ra một chút nữa coi.

Nhỏ Hà nhăn nhó nhưng rồi cũng phải dịch ra đến sát mép bàn. Cả một tiết học, tôi và hắn rõ ràng là những học sinh ngoan, ngoan trên cả yêu cầu nữa. Tiếng chuông reo báo hết giờ, hắn thu dọn sổ tay, và chột nói nhỏ:

- Tối nay có trăng, bé hãy mở cửa sổ ra đi nhé.

Không kịp để tôi phản ứng, hắn đi ngay, tôi cứng đờ như Từ Hải. Nhỏ Hà lom lom nhìn mặt tôi:

- Mà sao vậy?

Tôi giật mình:

- Có gì đâu.

Từ chiều đến tối, tôi như người say sóng, làm gì cũng lóng nga lóng ngóng, lụp chà lụp chụp, mặc dù tôi đã cố tự nhủ chẳng có gì phải bận tâm. Trong đầu óc tôi vẫn âm âm câu hắn nói, sao mà cú sút đầu tiên vào màng nhĩ tôi lại trầm ám đến thế. Cái con bé ương ngạnh bướng bỉnh trong tôi trốn đâu mất rồi? Đồ hèn, vừa ra trận đã bỏ mặc tôi bơ vơ rồi. Tối đến, ăn vội chén cơm, tôi nói với mẹ là hơi nhức đầu muốn nghỉ sớm, làm mẹ tôi lo lắng vội vàng tìm thuốc, phải trấn an mẹ mãi mới yên. Tôi bịt tai, mắt dăm dăm nhìn cánh cửa sổ đầy bụi. Không, tôi không mở, không mở thật mà. Ai lại bó giáo quy hàng một cách dễ dàng thế. Không, dứt khoát là không mở, mà cũng không nghe nữa, đúng là ngón đàn của hắn là một thứ võ công siêu đẳng, đã thâm nhập lục phủ ngũ tạng của tôi mà phá hết thành công lực rồi. Nhưng quái lạ, sao hôm nay không có tiếng đàn nhỉ? Tôi nhìn đồng hồ, trễ hơn giờ mọi ngày rồi, hắn có bị làm sao không? Hay hắn bận đi đâu chưa về? Hay hắn giận? Không có lý, nếu giận thì đâu có nói với tôi như thế chứ. Nỗi lo tăng lên, sức phản kháng yếu dần, tôi lần đi đến cánh cửa sổ, rụt rè đưa tay lên chót lại rụt lại, cứ như chạm phải lời thề vậy. Lần thứ ba thì cái chốt được đẩy lên, cánh cửa nhích dần ra, và

tôi chợt như muốn níu lại khi một cơn gió hất nó ra nhanh hơn, và cũng như lần trước, cả ánh trăng cùng ánh mắt sau cặp kính lấp lánh ù vào một lúc, nhưng lần này tôi không đóng ập cửa lại được nữa, vì từ cửa sổ bên kia, một cái cây máng trên ngọn một mảnh giấy cùng một bông hoa vượt không gian sang cửa sổ bên này, tôi gỡ mảnh giấy ra xem “Đừng đóng cửa nữa nhé”. Hai má tôi nóng lên, trông sang đôi mắt đang chờ đợi, tôi ngượng ngùng gật nhẹ. Mẹ ơi! mẹ có biết con gái mẹ bỗng trở nên e lệ, dịu dàng từ lúc nào rồi không?

ĐÀM LAN

thơ

NGUYỄN CÀN TỬ

HỒN TRẮNG

Hồn tôi đó chưa có gì kỷ niệm
Còn trắng tinh không một vết hồng tình
Hương với màu mờ ảo vẻ lung linh
Trong hình sắc lẫn điều linh thực tại

Hồn tôi đó những mộng mơ chưa trải
(Dấu diễm kiều của nhát chém hư vô
Mang tâm thức cháy bỏng đến điên rồ
Và tất cả thanh âm trong nắng hạ)

Rồi em đến đem thu và gió lạ
Say la đà tình đã ngã màu mây
Xám trong tim và vương vấn chất đầy
Trong hỗn loạn ngực đi tìm nhịp thở

Hãy lặng im ! Dịu êm đừng tan vỡ
Lỡ điều tàn có hiện diện đâu đây
Tôi vẫn yêu thắm thiết tận cuối ngày
Dẫu mưa sa hay sương mù gió cuốn

Lòng sung sướng giữ tim em chiều muộn
Mật làn da ngọt lịm khắp muôn nơi
Muốn uống xem ... mê mẩn đến tận đời
Nơi chết đuối là biển hồ đôi mắt...

NGUYỄN CÀN TỬ

truyện ngắn

NHỮNG TẤM GIẤY SÓ

NGUYỄN VĂN SÂM

Cắt thịt phân cho, dầu là chim cá.

(Đắc thú lâm tuyền thành đạo ca.)

Tư Cụt lom khom lục lợi thùng đồ nghề tờ mở kiếm cây cạy vỏ xe. ‘Mẹ họ, mới xài hồi nãy đây, thằng xe ba bánh mượn trả không đúng chỗ kiếm đồ con mắt. Tiếc mấy ngàn vá vỏ, lục nát thùng đồ nghề của người ta thì không nói gì, nhưng trả mà liệng lung tung lang tang thì thiệt là thầy chạy. Bực mình!’. Cánh tay mặt của Tư Cụt chỉ còn cán tay trợ trụ ở đầu lò ra chỗ chẻ hai, quơ quơ trong đám linh kính kèm kéo, búa, mỏ lết coi bộ không sợ gì hết làm cô gái đứng kể bên ngó theo mà áy náy.

‘Bộ chú không ngán mấy cái tuột vít dâm tay chú sao?’. Cô hỏi với giọng lân mẫn, không chút gì tò mò.

‘Ngán gì mấy cái lẻ tẻ đó cô. Chuyện nhỏ! Chỗ đó xương nhiều hơn da thịt, chai cứng nên kim còn ngán nó nữa, ba cái tuột vít nhằm nhò gì!’ Tư Cụt trả lời mà không ngó lên, trong khi cánh tay cụt tiếp tục hầy hầy, quơ quơ lục. Đây rồi, anh đưa tay kia lượm cây cạy đang nằm trốn khuất khuất dưới vành thau nước đen dơ.

‘Cái thằng mắc dịch xài rồi liệng bầy liệng bạ làm cho người ta kiếm nát mới thấy...’

Tư Cụt cầm cây cạy vỏ đi mấy bước về phía cái bánh bể của khách, ngồi xuống cẩn thận cạy. Cô gái bước theo, mắt dõi không chừa một cử chỉ nào của Tư Cụt, tò mò đậu cái nhìn lên cánh tay tàn tật của người thợ sửa xe:

‘Chắc chú bị tai nạn lâu rồi’.

‘Đâu cô đoán thử!’

‘Chú nói coi, hồi tuổi trẻ đi lính hay mới té lố ga lúc già sau này’.

Tư Cụt bơm ruột xe, vặn vò rồi nhúng ruột vô thau nước sâm sấp, sấm soi kiểm chỗ bị xì:

‘Tình đồng đội đó cô’. Chú nói mà cũng không ngược mặt lên:

‘VẬY là hồi trước Giải Phóng. Lúc đó thì cháu chưa sanh ra!’ Cô gái vừa trả lời vừa lấy miếng mát ra đeo lên. Mặt trời chói chang, nóng rát rần chết bàn tay.

Tư Cụt nổi giận ngang.

‘Thôi xin lỗi cô để tôi vá cho rồi cái vỏ cho cô đi sớm. Nặng lên rồi’.

Chú lăm li đưa cánh tay cụt quơ quơ trong đồng giấy rác vụn kể đó kiểm gì đó. Thấy một cây tăm đã gãy, chú chồm tới, vói tay lượm, đưa lên môi ngậm, giữ đó tới khi thấy chỗ ruột xe bị xì liền lẹ làng lấy tăm đâm vô, bịt lỗ lại. Thông thạo, lành nghề, chú mở hộp keo với sự giúp đỡ kèm chặt của cánh tay cụt, tay kia cạy cạy..

Chú ngậm nga nho nhỏ: ‘*Đầu đường Thủ Trường vá xe...*’ Tôi không phải là Thủ Trường nhưng vá xe đầu đường thì ngang hàng với Thủ Trường rồi. Vẫn không ngược mặt lên chú hỏi giọng cay đắng: ‘Cô thấy siêu không, tui, được làm Thủ Trường!’

Người thiếu nữ hơi ngớ ngàng một chút nhưng vẫn kiên nhẫn đứng quan sát, chờ đợi. Cô bước tới gần Tư Cụt hơn khi ruột xe được bỏ vô vỏ và gắn vào niềng lại như cũ, sắp được bơm hơi.

‘Biết tại sao chú giận rồi. Quen miệng, quen tai thôi mà! Chưa chát chỉ khổ tâm thôi chú ời. Phải biết buông xả để sống. Chữ nghĩa bây giờ hết còn mang nghĩa đen cốt lõi nữa chú biết không? Quan trọng là ý tưởng nguyên hết câu, chấp nhứt chi ba cái danh từ nho nhỏ nội dung đã bị bào mòn lâu rồi hả chú!’ Tiếng *hả chú* như được kéo dài hỏi đố với giọng thiết thân thiện.

‘Mà thôi, chuyện cũ quá lâu rồi tôi cũng không muốn nhắc tới nữa. Nhắc tới nhắc lui như là mình khoe hay khoe giỏi thết rồi như là nói láo thôi phồng. Nổ là không có tui. Đồng đội mình thương quá đi chớ, cứu được thì cứu. Lúc đó mạng mình cũng không kịp nghĩ tới, chỉ biết thí mạng cùi xông tới thôi.’

‘Sau này chú có liên lạc với người bạn đó không?’

‘Cùng đơn vị thôi, quen biết gì đâu nà! Sau đó tui giải ngũ, hình như ông đổi qua đơn vị khác, lên lon vù vù, không biết đổi đời rồi ra sao! Cũng cầu ông sống sót, được định cư đâu đó bên Mỹ, Pháp, Úc... cho đỡ cực thân. Ở đây oải quá, tiền bạc khó kiếm mà thức ăn thì mắc dằng trời, giá cả hể có dịp là tăng thiên rồi không chịu tuột xuống, bệnh hoạn gì thì châu chực cả ngày cũng chưa khám được... Xe rồi nè cô, cái ruột này còn tốt. Đừng nghe tui nó vẽ thay cái khác uống tiền nha. Còn chạy được cả năm nữa là ít’.

Cô gái móc tiền lí nhí cảm ơn kèm theo tấm giấy số. Tư Cụt bây giờ mới cười.

“Vái Trời trúng thì tôi chia trả cô phân nửa... Già khú rồi mà đơn thân độc mã như tui thì phân nửa cũng đủ. Vá cái vỏ dễ ợt, được mấy tỷ thì cầu à! Ngày mốt cô đi ngang đây hỏi coi tôi thành tỷ phú chưa nha. Phải thời thì cô tới lấy phần của mình. Nói để cô thương, cây đinh đâm xe cô không phải của tui đâu à nhe. Tụi đinh tặc nó làm bậy kiếm ăn chủ yếu là móc túi tụi chủ xe xịn chứ tui thì trời cho bao nhiêu cũng cảm ơn. Sống được lương thiện là mừng rồi’.

‘Cầu cho chú trúng mà biết làm việc tốt, đừng khá lên rồi nhập bọn vô đám đại gia làm những chuyện trời ời đất hỏi thì uống công ông Thần Tài’. Cô gái mỉm cười, lấy bao tay mang vô, nói thêm. ‘Tôi đã biên lại số rồi đó, trúng thế nào cũng tới chia phần’.

Tư Cụt bỏ tiền và tấm giấy số vô túi áo trên, neho mắt với bà bán thuốc lá đương ngồi ngáp ruồi sau thùng thuốc như là muốn nói cô này chưa biết Tư Cụt, Tư Cụt coi vậy chớ *một là một hai là hai* không giống như thiên hạ chụp giựt tráo trở chung quanh đâu.

Khi anh quay lại thì cô gái không còn bóng dáng nữa. Biến mất hay hòa nhập vào dòng người đông nghẹt của thành phố? Một chút thắc mắc thoáng qua mau trong đầu rồi tan biến. Anh mỉm cười với cái vui đầu tiên trong ngày.

Thằng Đẹt chìa hai tấm giấy số đẩy đẩy vô tay mời Tư Cụt. Về mặt nó thiếu nảo cách gì. Tư Cụt cười:

‘Tao với mấy đồng hội đồng thuyền, cũng là cụt hết, bộ mấy hết người mời sao lại mời tao. Tao cơm còn không đủ ăn tiền đâu mua giấy số để liệng tiền xuống đất mậy?’

‘Chú mua giùm đi mà, tui chỉ còn mấy tấm này, gần tới giờ xổ rồi bán không hết, ngậm lại bị ông đập có mà ói máu luôn’.

‘Bộ hông phải tía ruột mậy hả? Trước đây bán ngón tay mậy giờ lại đánh đập?’ Tư Cụt tò mò hỏi.

‘Ba ghê! Má tui chết rồi phải ở luôn với ông chớ biết ở đâu bây giờ. Cực thân mà tui còn có chỗ ngủ, khỏi bị tụi lớn đầu gấu ăn hiếp...’ Thằng Đẹt vừa nói vừa đưa cườm tay sưng bầm có ngón tay trở bị cắt đứt quệt ngang mắt.

Hơi thở ra của tiếng thở dài nghe rõ như tiếng trâu phì một nhọc sau buổi cày:

‘Tao ghét người lớn đày đọa con nít lắm, mậy đừng kể lể nữa được không. Nói với ông là mậy đâu có ăn bám ông đâu, cũng đi bán kiếm tiền góp phần cơm nước vậy’.

‘Ai mà dám nói! Ông phang cho cây sắt lỗ đầu. Say tí bỉ tui ngày mà biết gì phải quấy chú! Thôi rán chịu chừng vài năm nữa bỏ ông đi về tỉnh nào đó sống, thành phố để dành cho người giàu, người quyền thế ngoài kia vô, cho con cái đại gia. Thằng Đẹt vừa nói vừa ngó theo thiếu điều rớt cặp mắt mấy chiếc xe máy chở con đi học len lách trong dòng xe cộ. Những đứa trẻ bụ bẫm, áo quần sạch sẽ, giày vớ, nón nẩy tươm tất, vô tư. Bỗng nhiên nó ngó cái áo mất nút của mình rồi đưa tay vuốt vuốt, mặt thiệt buồn. Chú Tư Cụt cúi xuống tránh ánh mắt đó. Chú móc túi lấy tiền, mua hai tấm giấy số còn lại của thằng Đẹt, nhập chung với tấm được tặng biếu hồi nãy.

Tui thường ngó theo chiếc xe 16 chỗ ngồi chở con đại gia đi học rồi cười ngỏn ngoẻn mãn nguyện thầm. Nhiều lần tui thấy thằng Đẹt ngồi trong xe vui vẻ, nét sung sướng lộ trên khuôn mặt non nớt nhưng chưa hết vẻ đen đúa phong trần. Có lúc tui thấy bàn tay mặt có ngón trở bị cắt của nó nữa. Coi bộ nó đã hết bị thương và không có mặc cảm gì về điều này. Thương nó vì nó giống tui điểm đó. Tui van vái ơn trên, thành hoàng bốn cảnh cầu mong cho nó học được. Số tiền đó đủ cho nó học tới thành tài. Nó đổi đời. Coi như mình không trúng số. Coi như nó trúng. Coi như mình không gặp cô gái bẽ vở xe kia với tấm giấy số nọ. Cái khó không phải là buông phóng những gì mình được hưởng, cái khó là quyết tâm thay đổi tương lai một con người. Tại sao không làm?

Những buổi chiều trời lạnh tui thường ngó lên mấy màng dây điện ngang dọc trên đầu tìm coi có con chim nhỏ nào không. Thằng Đẹt như một con chim nhỏ đang mọc lông mọc cánh rồi sẽ vùng vẫy thành thoi trên vùng trời cao rộng. Cái lực đẩy ban đầu của tui chắc không là vô ích.

Sau ngày đó tui vẫn sửa xe vá vỏ như thường. Vẫn chỗ cũ, nhưng tui sung sướng hơn trước thập bội. Thanh thản và tự hào.

Victorville, Mùa Tạ Ơn 2010

NGUYỄN VĂN SÂM

CHIM RỪNG VỀ PHỐ

ĐÀO HỮU THỨC

Ngày vừa mười lăm tuổi, M'Lan đã trở thành một thiếu nữ đẹp, tuy da vẫn đen, tóc vẫn quăn như các bạn trong làng. M'Lan khác người ở chỗ em nó đôi mắt to, sáng, hàng mi dài cong vút, chiếc mũi cao thanh tú và đôi môi nhỏ lúc nào cũng chúm chím như sắp cười... Trong khi các bạn cùng tuổi vẫn còn gầy đét, lép xẹp, khẳng khiu thì thân thể em phát triển gần như hoàn chỉnh. M'Lan không biết mình đẹp và cũng chẳng ai để ý đến nhan sắc của nó. Từ ngày cha M'Lan đi đãi vàng, việc nương rẫy trong nhà chỉ hoạt động cầm chừng, còn vài sào đất đã bạc màu, cuộc lật lên, chờ mưa trỉa bắp là xong, mẹ nó theo người trong buôn ra chợ gần Ủy ban xã làm thuê ngày được, ngày mất, lâu lâu cha nó về một lần, có tiền là có gạo, có quần áo cho chị em nó, xong rồi lại đi. Xã đã có trường cấp hai, nhưng nó chỉ học đến lớp ba rồi nghỉ, còn phải ở nhà giúp mẹ, chăm sóc cho bốn đứa em nhỏ. Cục thể, nó vẫn vô tư như không, giặt quần áo, hát ! Nấu cơm, hát ! Làm cỏ vườn, hát ! Ai thấy nó cũng cảm thấy vui. Vì cái tật hay hát đó mà anh Liêng Hot K'pierre để ý đến nó.

Một lần theo mẹ đi bắt cá, dụng cụ bắt cá chỉ là cái rổ nan và cá chỉ là cá trắng, một loại cá nhỏ bơi thành bầy ngoài hồ Đạ Mơ quanh năm cạn nước. Hai mẹ con ngâm mình, lội gần nửa vòng hồ thì trời đứng bóng, trong lúc nó tắm rửa chuẩn bị đi về, tiếng hát của nó làm anh K'Pierre dừng lại. Giọng hát đã hay mà người thì lồ lộ dưới dòng nước, làm K'Pierre phải lên tiếng "Ơ M'Lan ! Ai dạy mà M'Lan hát hay thế ?". Thấy K'Pierre đứng trên bờ nhìn mình, M'Lan vội ngồi thụp xuống nước chỉ chừa cái đầu : "Em chỉ nghe người ta hát rồi bắt chước thôi, hay gì mà hay ?". K'Pierre tiếp tục : "Hay chứ ! Đó là bài hát khi người ta nhớ nhau, K'Lan đã có người để nhớ chưa?". Xấu hổ, nhưng M'Lan vẫn trả lời : "Ai mà thèm M'Lan...". K'Pierre không nói gì thêm, chắc là hết chuyện rồi, nhưng cứ đứng miết trên bờ, mãi đến lúc mẹ K'Lan đến, anh ta mới bỏ đi.

Tết, K'pierre đến nhà : "M'Lan vào đội văn nghệ nhé !". " M'Lan không biết hát đâu , lại không biết nhiều bài mới nữa, làm sao vào đội văn nghệ được!" " Hát nhạc dân tộc mình thôi mà, tôi sẽ tập cho M'Lan nhé ". " Mẹ không cho đi đâu..." K' Pierre nói chắt ắn : " Rồi mẹ em sẽ cho em hát thôi !". Sau đó, không biết K' Pierre nói thế nào mà mẹ K'Lan đã đồng ý cho nó đi tập hát với đội văn nghệ của xã...

Tường gì ghê gớm, chứ bảo M'Lan hát chẳng khác gì bảo con gà nó gáy, bảo con chim nó hót... dễ ợt ! Những bài hát cúng rẫy, mừng lúa mới, mừng đám cưới, thậm chí cả bài hát đám ma...M'Lan nghe từ lúc vừa biết đi chập chững, tập chẳng mấy chốc là thành thục. Những người

trong đội văn nghệ được gọi là những nghệ nhân, nghệ sĩ đi diễn ở xã, rồi diễn ở huyện, ở tỉnh thật là vui. Nhớ lần đầu đi diễn trên tỉnh, M' Lan được ở khách sạn với những tiện nghi văn minh, hiện đại, nằm giường nệm phủ ra trắng muốt, ngủ dưới ánh đèn màu hồng, lại được tắm nước nóng, tha hồ uống nước tinh khiết đóng sẵn trong chai. M' Lan được đi ăn nhà hàng, bia rượu ê chề, bao nhiêu là thức ăn vừa ngon vừa lạ được phục vụ tận bàn, cả việc gấp thức ăn cũng có người làm giúp... sướng ! Vui nhất là M' Lan được làm quen với nhiều người, nhất là các anh chị nghệ sĩ trên tỉnh, luôn luôn lịch sự, dễ mến...

Sau đợt hội diễn cả tháng về nhà, những bó hoa đã khô héo, chỉ còn mấy tấm hình và tấm giấy khen trên vách, nhìn mà nhớ ! M' Lan trở về với công việc hằng ngày. Nếu không phải lên rẫy nhà, M' Lan đi làm cỏ, bón phân cà phê thuê cho những chủ vườn từ thành phố xuống, hoặc ra chợ " ai gọi thì làm " kiếm tiền giúp mẹ qua ngày. Nhiều lúc, M' Lan cảm thấy buồn, một phần vì nhớ bạn bè, thành phố, một phần vì ở làng bây giờ không còn yên ổn. Đám con trai trai mới lớn đi đái vàng về suốt ngày ầm ầm xe máy, nhậu nhẹt, phá phách, lắm khi còn đánh nhau ! Trước đây, những chiếc cổng chỉ khép hờ, con gà, con heo thả rong, thoải mái đứng chỗ này, nằm chỗ kia, bây giờ cứ ngó lơ là mất. Đám con gái của M' Lan không dám tắm ngày ngoài hồ Đạ Mơ, ngoài suối Đạ Mi như ngày trước. Sau khi mất con heo gần ba chục ký, mẹ M' Lan đã làm lại hàng rào, cổng nhà chắc chắn. Còn gì đâu mà giữ, hay mẹ rào để giữ con gái ? M' Lan nghĩ thầm. Mà con gái M' Lan bây giờ như con chim đang muốn chui ra khỏi nhà, bay ra khỏi làng rồi ! Cha M' Lan bây giờ chỉ còn một nửa cho mẹ con M' Lan thôi ! Hôm cha về với mấy người bạn, M' Lan mới biết họ đi làm suốt tháng, suốt năm như thế nhưng chưa được gì. Vài chỉ "vàng cám" chỉ giúp được cho vợ tạ gạo, cho con tắm áo, không thể "nên nhà nên cửa" được. M' Lan còn biết, trong khu đái vàng họ không thiếu thứ gì, đồ ăn thức uống, thịt tươi, rau xanh... đủ cả. Họ có thể nhậu một trận vài chỉ vàng nhưng là nhậu thiếu, tất cả đều nợ, thậm chí đàn bà cũng nợ, nợ một tháng, một năm, hai năm cũng được, người ta nuôi từ nhóm này, đến nhóm kia như thế, chừng nào trúng được vàng thì trả. Chuyện thanh toán, chém giết nhau xảy ra thường xuyên, M' Lan nghe mà thương cha quá, muốn nói cha về làng, về nhà với mẹ con, nhưng về thì lấy gì để sống, đất đã bán gần hết rồi mà lại không được phát rừng làm rẫy ! Cha M' Lan đành gấn bó với bãi vàng, may ra...

Rồi một hôm, mẹ M' Lan đi tìm cha nó khi có tin nhắn. Mẹ M' Lan đi nửa tháng mới về. Rồi, mẹ khóc, con khóc đến hết nước mắt vì cha M' Lan không còn nữa. Hầm giếng sâu đến vài chục mét, cha M' Lan còn đào "hầm ếch" ngang hàng chục mét. Hầm sập ! Không thể đào hàng trăm khối đất đá, không thể lấy xát mấy người chết lên được, người ta đành lấp hầm và đắp lên đó mấy nén nhang là xong.

Lên thành phố làm ca sĩ, M' Lan chỉ hát trong nhà hàng karaoke của cô Nhung. Nhà hàng mới khai trương, M' Lan có nhiệm vụ hát mấy bài mở màn cho khách lấy trớn, Anh K'Pierre bảo thế và đã dắt M' Lan đi trong lúc gia đình M' Lan rơi vào cảnh bế tắc. Được hát, được uống bia, được khách cho tiền thấy thích thật, nhưng một thời gian sau thì phức tạp hơn ! Cho họ ôm, cho họ hôn hít một tí có chết ai đâu, mà họ khoái, họ còn tới với mình, Cô Nhung bảo với M' Lan như thế khi nó than phiền về những ông khách muốn "ăn tươi nuốt sống" nó. Ban đầu M' Lan hơi khó chịu, nhưng rồi cũng quen. Lúc M' Lan chưa phải đi ngủ với khách, nó đã kiếm được nhiều tiền vì nó là một loại "đặc sản" tại nhà hàng cô Nhung. Con gái Ba Na, con gái K'Ho trở thành ca sĩ nổi danh cả nước, em là con gái Chu Ru hát hay, rồi sẽ nổi tiếng không kém họ ! M' Lan nghĩ lại câu nói của anh K'Pierre ở những ngày đầu vào đội văn nghệ mà tủi thân. Mình cũng đi hát nhưng không phải lên sân khấu nhà hát, mà hát trong phòng karaoke với đám khách nhậu, thậm chí hát thì ít mà ôm thì nhiều. Họ còn bảo nhau đi hát karaoke là đi thi bàn tay vàng cơ mà ! Ngày nào cũng ngồi với khách đến khuya, phải uống bia, phải chịu sự ôm ấp, không phải ôm mà là sờ mó, cầu xé... làm cho M' Lan cảm thấy mệt mỏi, buồn chán. Thời gian này M' Lan gặp ông Sơn và ông ta nói yêu nó ! Ông Sơn bốn mươi nhưng trẻ trung và tình cảm với nó lắm. Mấy tuần đầu, ông hay tới nhà hàng, mỗi lần tới đều gọi M' Lan và cho tiền nó rất hậu. Cô Nhung bảo ông Sơn yêu nó và M' Lan cũng cảm thấy hình như vậy. Cho tới một hôm, M' Lan xin phép cô Nhung " về nhà mười ngày " nhưng thực ra ông Sơn và nó đi " trắng mặt " ở thành phố biển...

Ông Lâm là cán bộ nhà nước, bà Linh là giáo viên, cả hai vợ chồng đều nghỉ hưu. Có ba đứa con thì hai đứa lớn đã “bén rễ” ở Sài Gòn, hai ông bà ở nhà với cậu út đang học đại học. Căn nhà được lên gác, ngăn phòng cho sinh viên thuê gọi là “kiếm tiền mua gạo”. Nhà cho thuê giá rẻ, gặp đám sinh viên nghèo miền trung nên chẳng mấy khi có phòng để trống. Không về quê thì đi chữa bệnh, đi Sài Gòn thăm con cháu, nếu có ở nhà thì cũng dính vào với đám bạn già, ông Lâm hầu như chẳng bận tâm gì đến chuyện nhà. Bà Linh giữ nhiệm vụ “quản lý kinh tế”, đối nội, đối ngoại cho gia đình, dĩ nhiên cả chuyện cho thuê phòng trọ. Bản chất hiền hậu, rộng rãi của bà Linh được đám trẻ gần gũi và thân thiết. Có đứa ra trường, đi làm đến nửa năm trở về thăm mới trả nợ tiền nhà, Có đứa hết học về nhà đã đời, đến ngày lấy vợ cứ khăng khăng phải có mặt cô chú... Nhà có đám sinh viên hoá ra náo nhiệt, nhờ vậy mà ông Lâm thấy vui vẻ hơn, ông luôn cảm thấy hài lòng thâm cảm ơn vợ, vậy mà vừa rồi vợ chồng thiếu điều cãi nhau... Đêm ấy, xem trận chung kết bóng đá Nam Mỹ xong, ngủ muộn nên có đến tám giờ ông Lâm mới ngủ dậy. Ba đứa cháu ngoại về nghỉ hè từ đầu tháng đang bày giấy vẽ tràn lan từ bàn ăn đến sa-lông, trong khi phim hoạt hình vẫn ì xèo trên TV. Thấy có đứa trẻ lạ, trạc tuổi đứa cháu gái sắp lên lớp bốn của mình, da đen, tóc quăn tít, đang đu một đứa trẻ trước bụng, ngồi ở ghế đầu, lặng yên xem TV, ông Lâm đặt ly trà xuống bàn, hỏi vợ :” Ai thế bà ?”. Bà Linh chậm rãi bảo chồng :” Cháu và con của một khách mới thuê phòng !”. Lâu nay bà Linh chỉ nhận khách trọ là học sinh, sinh viên, thậm chí còn hạn chế nữ sinh viên nữa, không bao giờ bà cho những người khác giới sinh viên lẫn vào vì một lý do đơn giản là bà sợ ảnh hưởng chuyện học hành của đám nhỏ. Ngạc nhiên, ông hỏi :” Bữa nay bà lại cho người có gia đình thuê nhà ? “. Bà Linh khẽ đáp :” Vâng !”. Ông Lâm tiếp :” Hai đứa này, đứa nào là con, đứa nào là cháu ?”. “ Đứa nhỏ là con...” . Ông Lâm lại ngạc nhiên :” Sao nó bé quá vậy, mấy tháng rồi ?”. Bà Linh chép miệng :” Gần hai tháng !”. Ông Lâm lại thắc mắc khi thấy đứa nhỏ đang ngủ trong lòng con bé lớn cũng đen thui :” Con lai hả mẹ nó ?” Bà Linh trả lời ông đầy lý luận :” Cái thời Ma rốc, Mỹ đen qua rồi, lấy đâu con lai, con “thượng” đó !”. Rồi bà Linh nói tiếp :” Đứa bé sơ sinh là con của con Mai Vi làm bên bà Nhung, còn đứa đang đu là con Lyly, cháu con Mai Vi dưới quê lên trông giúp “... Thì ra Mai Vi là M’Lan, cô gái người dân tộc Chu Ru, bà Linh đã “phỏng vấn” kỹ khi đến thuê phòng, đang làm tiếp viên karaoke bên bà Nhung ở cách nhà ông Lâm mấy số. Đứa trẻ sơ sinh là kết quả thời trăng mật của M’Lan và người tình tên Sơn. Sao nó không đưa con về nhà ? Mẹ nó còn một gánh muốn chết đói dưới quê. Thế ông Sơn đâu rồi ? Ông Sơn đã bỏ nó liền sau kỳ “trăng mật “. Sao kỳ vậy ? Ông bảo nó không còn “nguyên” như ông ấy tưởng, cho nó ít tiền rồi cắt luôn. Bao nhiêu tiền cho xứng ? Nó có xe máy, có điện thoại di động, vừa bán xe máy xong để sinh đó chớ. Sao nó ngu thế ? Ngu cái gì ? Đi làm dĩ còn có bầu chứ ngu gì ? Ông sang mà hỏi nó ấy ! Câu chuyện xoay quanh đề tài cô gái dân tộc thuê nhà làm ông thấy bức mình, buổi sáng bỗng dưng mất vui ! Con gái lớn của ông, khi về với mẹ để sinh con so, ba tháng còn chưa ra đường, ăn uống phải kiêng cử, lúc nào cũng giữ cho no, cho ấm. Còn những đứa cháu của ông, bên nội, bên ngoại chẳng ai dám để cho nó giật mình, phải khóc nhè... Bây giờ gặp hoàn cảnh cô gái này, đúng là liều thật ! Bà Linh sợ ông bất ý, nói :” Nó không tìm đâu để ở được, trong khi bà Nhung bắt nó phải đi hằng nửa tháng nay rồi, Em cho nó ở tạm thời gian không phải vì tiền đâu, bố nó đừng bức mình em nha !”. Làm sao mà bức mình, bức mấy cho được trong tình cảnh của nó, ông Lâm nói xuôi :” Tuỳ mẹ thôi, xưa nay anh đâu có ý kiến...”

Con bé con suốt ngày như dính vào con Lyly bằng cái đu trước bụng. Khi Lyly ngồi vẽ hay chơi cờ cá ngựa, thậm chí còn nhẩy cò cò với mấy đứa bạn Sài gòn, con bé ngoặc hẳn cái đầu ra khỏi tấm vải đu, vẫn ngủ ngon lành. Trong khi đó, có lúc bà Linh bế nó đúng kỹ thuật, kinh nghiệm của ba lần sinh con, ba lần trông cháu để ru nó, thì nó không hết khóc ngằn ngặt, kể cũng lạ! Thấy con Lyly nhỏ quá, chính tay bà Linh nhiều lần cho bé bú bằng sữa pha sẵn trong chai, thay quần áo mỗi khi bé ị, giúp nó buộc cái đu hoặc ủ khăn ấm cho bé ngủ. Mẹ bà Linh, một bà cụ đã tám mươi tư, mấy lần bế đứa bé vào lòng cứ ngọt ngào :” Ôi, chó con của bà ! Nó lo đi làm bỏ cháu bà ở nhà một mình hở ? Tội nghiệp cháu bà !”...v.v...và v.v...May mà bà cụ không biết được mẹ nó đi làm nghề gì ! Nếu cụ biết được chắc là “ phải cào, phải đổ “ đi ngay ! Một đêm, có khi đã mười một giờ khuya, con bé khóc, rồi con Lyly cũng khóc. Bà Linh sang quần lại khăn và ru con bé ngủ vì mẹ nó vẫn chưa về. Dĩ mãi không được, bà Linh điện thoại sang nhà hàng, bà Nhung trả lời :” Mai Vi đã về nhà nó từ sớm, sáng mai mới lên “. Trời ạ ! Nó về nhà lúc nửa đêm ! Bà hiểu cái từ “ về nhà “ của bà Nhung là nói đến cái gì rồi. Bà tức giận thực sự

như mình vừa bị ai lừa mà không biết..." Em sẽ bảo nó dọn đi chỗ khác, bố nó ạ ! Nó ở đây, trước mắt không lẽ mình không để ý, nhưng nó cứ ném con nó ở nhà , chỉ khổ mình thôi". Nghe bà Linh nói ông Lâm đồng tình ngay : "Ừ, anh thấy cũng nên bảo nó dọn đi đi, ở đây ảnh hưởng mấy đứa nhỏ ". Như sắp gặp điều gì nguy hiểm, bà Linh truy ngay : " Nó đã làm gì mà mà bố bảo nguy hiểm ...?". " Hôm qua, anh thấy nó tắm xong, phơi quần áo trước sân, nó chỉ quần quanh người bằng chiếc khăn tắm, để hở vai, hở đùi cả khúc. Lần khác anh thấy nó đi làm về, ăn mặc như đưa cả ngực, cả bụng ra ngoài, mà nhà mình thì toàn đám trẻ sinh viên mới lớn..." . Thế này thì không được, nó tuy gốc dân tộc ít người nhưng mấy năm rồi nó đã được "đô thị hoá", đã nhiễm cái " văn minh karaoke", đã rành "bảy chữ, tám nghề" rồi, Nó ở đây chỉ "chết" mấy đứa nhỏ. Bà Linh đã nghĩ và quyết tâm tìm cách để gia đình người khách trọ này chuyển đi. Khuya hôm sau, bà Linh đến cạnh chồng : " Gay quá bố nó ạ ! Em chả biết tính làm sao ?". Tưởng có chuyện gì vừa xảy ra, ông Lâm nhồm dậy : " Chuyện gì mà bế tắt đến không tính được ?". " Thì chuyện con Mai Vi". " Con Mai Vi làm sao mà gay? ". Bà Linh thở dài sườn sượt kể : " Hôm qua, bà Nhung bảo nó đi về nhà là nó đi cả đêm với khách đó ! Tối nay, em ngồi trong phòng dỗ con bé , mãi nó mới về, bố nó biết làm sao không ?". Ông Lâm gắt : " Làm sao mà anh biết được, mẹ nó cứ nói xem!". " Không tưởng tượng được ! nghe chuyện nó mà em muốn khóc theo luôn. Gần giờ nghỉ, muốn về cho con bú, khách giữ lại ngồi rán. Mấy thằng say sờ soạn không đã, còn bóp nữa, làm sữa phun cả ra áo, em thấy nó thay đồ mới tin nó nói thật, tội nghiệp quá!". Ông Lâm không chịu được : " Quân khốn nạn !". Bà Linh còn bổ sung tiếp : " Sau mỗi lần bế con bé con, em đều phải tắm rửa , có lẽ không phải mùi của mình, của con cháu mình nên thấy nó hôi hôi thế nào ấy. Vậy mà không hiểu sao cánh đàn ông ấy lại thích thú ?". Giọng ông Lâm như hần học : " Chúng nó uống cho say, đâu còn là người nữa, chỉ có nhu cầu đàn bà, như thú vật...".

Bà Linh nói với chồng những suy nghĩ của mình về con Mai Vi. Làm sao bắt nó chuyển đi gấp trong lúc này được! Ở gần, nó còn tranh thủ về cho con bú và nó còn nhờ được...cô chủ, nó biết hết những săn sóc của bà đối với con bé mà. Nó phải đi làm, kiếm tiền cho nó, cho con nó, còn phải giúp cho mẹ và em nó dưới quê cho dù nó bị cấu, bị cắn đến bầm cả người, bị bạo hành đến "phọt" cả sữa ! Bà Linh thấy khó xử, bà vượt ngục ông Lâm : " Nó phải tìm chỗ ở, tìm người trông con bé con để đi làm. Nhưng trước mắt, nó chưa đi ngay được, hãy để nó nán ná ít lâu, bố nhé !". Ông Lâm xuôi theo vợ : " Tùy mẹ nó tính thôi, lâu nay anh vẫn để em tính toán cơ mà ". Bà Linh thắc mắc với chồng : " Mỗi lần bố thấy con Lyly và con bé con , bố hay cau mày lại có vẻ buồn buồn, không phải bố bức mình là gì ? em biết bố chẳng muốn nó ở nhà mình đâu!". Ông Lâm nhắm mắt giả vờ ngủ để khỏi trả lời bà Linh. Cái ông nghĩ đến không phải là sự phiền hà, vất vả khi có con Mai Vi, cái ông bận tâm là cảnh tình của nó. Con người có lúc phải chịu đến tận cùng của sự khổ sở, vui vẻ cả với nỗi nhục nhã thường trực chất chỉ có con Mai Vi, người mẹ trẻ chưa đến hai mươi, đưa con so hai tháng tuổi, người giúp việc chín tuổi đầu... đang đối mặt với cuộc sống đầy nghiệt ngã, bất trắc ! Nên để Mai Vi ở lại với gia đình mình hay tìm cách cho nó chuyển đi chỗ khác. Chưa kể, bạn ông còn cảnh báo sẽ có lúc nó sẽ bỏ đi và để con bé con lại cho gia đình ông . Thật là một bài toán khó ! Mấy ngày sau, " bài toán khó" với ông Lâm không còn nữa khi con Mai Vi chuyển đi chỗ khác. Trước khi đi, nó còn tâm sự với bà Linh đủ điều về công việc của mình. Nó đã về quê đưa lên đứa em gái kém nó hai tuổi để cùng đi làm, dĩ nhiên là làm tiếp viên như nó. Nó vừa thuê được một căn hộ đủ cho hai chị em với con và cháu nó ở thoải mái. Chị em nó cứ ở nhà và chỉ đi tiếp khách khi có điện thoại gọi đến. Bây giờ, nó không chỉ làm việc ở chỗ bà Nhung, mà đã có nhiều nhà hàng khác sẵn sàng mời gọi... Ông Lâm ngộ ra rằng sự bận tâm của ông vừa qua là không đúng chỗ, Mai Vi nó khôn ngoan hơn hơn vợ chồng ông suy nghĩ nhiều. Thị trường ăn chơi càng ngày càng có những nhu cầu mới lạ, quái đản hơn xưa và nó biết được mình cũng là một loại đặc sản như thịt rừng, rượu quý ! Nó biết khôn ngoan, khai thác cái vốn hiểm của mình để kiếm tiền ngay trong cái xã hội văn minh này. Dù sao, chúng nó vẫn là những đứa trẻ quê mùa, ít học, nên tự trong thâm tâm ông vẫn mong nó đừng gặp những bất trắc, đau khổ...

ĐÀO HỮU THỨC

YÊU NGƯỜI ĐẸP

NGUYỄN KHẮC PHƯỚC

Bà bán trứng báo với bà bán thịt rằng thầy Dương sắp cưới vợ, bà bán thịt liền chuyển tin mừng nóng sốt đó chị bán cá, và chỉ một vài phút sau, tất cả tiểu thương của chợ Xép, nơi thầy Dương thường đến mua hàng, đều biết tin. Ngay hôm sau thì đến bất cứ quán cà phê hay bún mắm nào cũng nghe người ta kháo nhau về chuyện thầy Dương sắp lấy vợ.

Thầy Dương là ai mà có vẻ quan trọng vậy?

Đó là một thầy giáo dạy môn sử ở một trường cấp hai trong thị xã.

Đa số thầy giáo dạy môn sử không được dạy thêm nên đời sống khó khăn, phải kiêm nhiệm thêm một nghề phụ như chạy xe ôm, thợ điện, thợ ống nước hoặc thợ may... Riêng thầy Dương nhờ gia đình ở ngoại ô có đất vườn khá rộng do ông bà để lại nên cả gia đình chuyên nghề trồng rau mang vào thị xã bán, do vậy, đời sống cũng tạm qua ngày. Cứ đi dạy về là thầy ra vườn tưới nước, nhổ cỏ, xịt thuốc... Công việc cũng không lấy gì vất vả lắm.

Nhưng nếu chỉ như vậy thì có gì đặc biệt đâu mà người ta phải bàn tán về việc thầy lấy vợ?

Chuyện này chưa biết kể từ đâu, có lẽ nên kể từ hồi thầy còn là học sinh trung học trong thị xã.

Người ta thường nói có tật có tài và sắp xếp họ theo dị tật: nhất lé, nhì lùn, tam hô, tứ sún. Tài đây thường chỉ là tài vật: lém lỉnh, láu cá, ba xạo chớ chẳng phải tài học hành hay kinh doanh gì. Mà thầy Dương thì được hai đặc điểm là vừa lùn vừa hô. Vóc dáng thầy nhỏ thó, loắt choắt thấp bé, có lẽ hồi nhỏ thầy thiếu dinh dưỡng. Nói vậy mà không phải vậy. Thầy Dương không phải là người ba xạo, láu cá gì. Thầy cũng có tài, không phải những tài vật trên mà tài làm thơ và tán gái.

Hồi còn học trung học thì thầy tán cô nữ sinh đẹp nhất trường mình rồi những hoa khôi trường khác. Khi đi học sư phạm, thầy tán cô sinh viên đẹp nhất trường sư phạm. Khi về thị xã dạy, thầy tán cô giáo đẹp nhất trường mình. Khi đi học bồi dưỡng hè, thầy tán cô giáo đẹp nhất huyện rồi đến cô giáo đẹp nhất thị xã. Tiếp sau đó thầy tán những cô công nhân là người đẹp trong những nhà máy, xí nghiệp quanh thị xã. Không ở đâu có người đẹp mà thầy không đến tán, chỉ chưa có một phương là học sinh cũ của trường mình.

Cũng nên mở ngoặc đôi chút là hồi còn đi học thầy học toán tầm được nhưng khá môn văn. Thi vào bách khoa hỏng, hồi đó chưa có nguyện vọng hai, thầy được chuyển sang học sư phạm. Thầy xin học môn văn nhưng không được mà chỉ được chọn môn sử. Thầy chẳng thích môn sử chút nào nhưng đành phải chịu, nếu không thì về làm vườn trồng rau. Tốt nghiệp sư phạm, thầy được điều về thị xã quê nhà dạy học từ đó đến nay. Dù dạy môn sử nhưng thầy vẫn ham mê văn học. Thầy thường làm thơ và đề tài tương đối an toàn là sắc đẹp phụ nữ. Cứ gặp người đẹp là thầy làm thơ ca tụng, đôi khi xuất khẩu thành thơ ngay tại chỗ để tặng cô hàng cà phê hay chủ quán nhậu. Những dịp như vậy, thầy thường đọc to cho bạn bè thưởng thức, dù thơ thầy nghe lơ lớ câu chữ của Huy Cận hoặc Xuân Diệu nhưng rồi ai cũng vỗ tay khen vì không phải ai cũng thuộc nhiều thơ như thầy.

Giỏi làm thơ tán gái như vậy nhưng không hiểu sao mãi đến năm bốn mươi tuổi thầy Dương vẫn phòng không chiếc bóng. Mấy bà tiểu thương trong chợ Xép gần nhà thầy đã quá quen với thầy vì thầy là khách hàng thường xuyên đi chợ mua thực phẩm. Có bà muốn gả con gái cho thầy nhưng sợ thầy chê con bà không được đẹp chớ không phải sợ tính thầy hâm hâm.

Thầy giáo dạy sử và trồng rau để sinh sống thì làm gì có đủ tài chính để chu cấp cho những người đẹp hoặc hoa khôi có nhiều cơ may lấy chồng con nhà đại gia nên chẳng ai dại gì mà lấy một thầy giáo vừa xấu trai vừa không có gì khá giả như thầy. Đó là điều ai cũng hiểu, riêng thầy thì không.

Rồi tuổi thanh niên trôi qua nhanh chóng và thầy Dương hình như cũng không còn nghĩ đến chuyện vợ con nữa vì những phụ nữ đẹp vừa tuổi thầy để lấy làm vợ thì đã đi lấy chồng hết, chỉ còn ít cô ế chồng vì xấu. Mà xấu thì thầy không ưng. Tuy nhiên, số phận dường như định sẵn cho thầy và rốt cục lại lấy được một người đẹp thuộc đối tượng mà thầy tránh bấy lâu.

Số là thế này. Trong một buổi họp phụ huynh học sinh, thầy Dương tình cờ hỏi một ông bố học sinh cô con gái của ông là Liễu bây giờ học hành ra sao. Liễu là học trò cũ của thầy và một thời là học sinh đẹp nhất của trường thầy. Ông bố nói thiệt đang sắp xếp cho Liễu lấy chồng nước ngoài vì gia đình ông rất khó khăn, cần kiếm chút tiền để trả nợ nần. Hỏi chuyện xã giao vậy thôi rồi quên chớ thầy không nghĩ ngợi gì.

Vào thời gian ấy, người ta mở một con đường lớn ngay bên cạnh nhà thầy Dương, do đó, đất vườn của thầy trước đây chỉ là đất nông nghiệp rẻ tiền nay trở thành đất nền, giá cao gấp mấy trăm lần. Thầy thôi không trồng rau nữa mà chia đất vườn thành lô nền nhà để bán và thầy trở thành tỷ phú trong một thời gian ngắn. Có tiền rồi thầy xây nhà, sắm xe và lại nghĩ đến chuyện lấy vợ. Mặc dù đã lớn tuổi nhưng tiêu chuẩn vợ đẹp vẫn còn y nguyên. Thầy bỗng nhớ lại câu chuyện tình cờ giữa thầy và ông phụ huynh nợ có con gái định lấy chồng ngoại để kiếm tiền. Thầy tìm thăm Liễu. Những tin tức về những rủi ro mà phụ nữ lấy chồng nước ngoài có thể gặp phải được đăng nhan nhản trên báo nên đủ để thầy thuyết phục Liễu thôi nghĩ đến việc lấy chồng nước ngoài. Lần này thì có lẽ thầy không cần làm thơ vì tài sản của thầy đủ để người ta xiêu lòng. Không lâu sau đó, gia đình ông phụ huynh ấy đồng ý gả con gái mà trước đây từng là hoa khôi của trường thầy cho thầy, dĩ nhiên với sự đồng ý của con gái họ. Liễu ấy lúc đó chỉ trên hai mươi tuổi, nghĩa là trẻ hơn thầy hai lăm tuổi.

Ở cái tuổi đẹp nhất của người con gái, chắc chắn Liễu đã có người yêu. Chỉ cần điều tra đôi chút, thầy Dương biết Liễu đang yêu Hóa, một thanh niên trong thị xã. Là người có học, thầy tự nghĩ không nên hỏi han vợ về những chuyện riêng tư. Thế nhưng thầy không thể không buồn vì trong đêm động phòng hoa chúc, Liễu cứ kêu “Hóa, Hóa”, sáng ra thầy hỏi, Liễu nói “quá, quá” chớ không phải “Hóa, Hóa”. (Giọng Quảng Nam khó phân biệt giữa “hóa” và “quá”). Thầy Dương bỏ qua vì biết Liễu còn trinh nguyên.

Đến ngày Liễu sinh con thì thầy Dương quá thất vọng vì thằng bé chẳng giống thầy tí nào mà giống Hóa như tạc. Bận bè đồng nghiệp của thầy đến thăm, có người nói chơi: Thằng con mày giống ai mô chớ có giống mày đâu! Nghĩ mình phải có bằng cử khoa học chớ không vội vàng kết luận nên thầy lấy một mẫu tóc thằng bé đi xét nghiệm ADN, và kết luận hoàn toàn không như thầy nghĩ: thằng bé chính là con của thầy chớ không phải ai khác.

Thầy cũng từng nghe những bà mẹ đang mang thai thường treo ảnh tài tử hay diễn viên trong nhà để con được đẹp trai hay xinh gái. Có thể vợ thầy chỉ lấy thầy vì tiền như lấy một anh chồng Đài Loan hay Hàn Quốc nào đó, còn con tim thì vẫn dành cho người yêu cũ, bằng chứng là khi đang ăn nằm với chồng vẫn kêu “Hóa, Hóa”.

Là người có học đôi chút, thầy Dương tự hỏi mình có lỗi gì trong chuyện này. Gần hết thời trai trẻ ước mơ lấy được người đẹp, đến khi có người đẹp trong tay mới hay đó chỉ là xác không hồn.

Bao lâu rồi bỏ làm thơ, bây giờ có lẽ thầy bắt đầu trở lại, nhưng chắc chắn không làm thơ để tán gái.

Đà Nẵng, 9/2012

NGUYỄN KHẮC PHƯỚC

TRẦN VĂN LỆ

MÀU THỜI GIAN

Rồi tất cả chỉ còn Tờ Giấy Trắng
Để viết vào hai chữ Nhớ Thương thôi!
Gửi đi đâu? Cuối đất đầu trời
Ai sẽ mở? Bật cười hay bật khóc?
Hai chữ Nhớ Thương đã lâu, nhòe nước mắt
Ai cầm lên chỉ thấy cái mông mênh!
Nhưng nhủ lòng : Đừng nhớ, cố mà quên
Mà lạ quá: Tại sao Tờ Giấy Trắng?
Người gửi tới chắc chi Không Muốn Nhấn
Một điều gì? Anh Rất Nhớ Thương Em?
Hiểu thế đi để thấy nợ thấy duyên
Dù hư ảo vẫn là điều ràng buộc!
Không vô cớ khi người ta tha thiết
Gửi cho mình tờ giấy trắng Vô Ngôn!
Người với ta, ai nhớ, ai thương?
Ai đau đớn tột cùng im lặng?
Nghĩ thời gian khác nào mưa nào nắng
Chuyện thời gian phai nhạt, chuyện vô thường!
Hãy đi đi như một kẻ lên đường
Quay mặt lại chỉ nghe lòng bịn rịn!

*Tương tư là: Là Tâm Là Nín
Là như mây bay mãi giữa trời xanh
Thôi hết rồi, em đã hết gọi anh
Câu tình tự để dành lau nước mắt!*

Hai chữ Nhớ Thương em không còn để đọc
Đốt thành tro thành bụi nhé tình yêu!
Anh cô đơn như hồi bé chơi điều
Điều đứt dây, điều lên cao, bay mất
Lòng tự nhủ: chắc điều về nước Phật
Mình cúi đầu, mặt đất bao la!
Ta nâng lên cốc rượu, ta khà
Thương Nhớ vậy cũng là vô tận!
Thương nhớ vậy, viết trên tờ giấy trắng
Gửi cho ai? Mưa gió lem lem...
Gửi cho em gửi cho em gửi cho em
Em chắc thấy...trái tim đầy nước mắt!

TRẦN VĂN LỆ

CHƯƠNG CHIỀU THIÊN ĐỨC

MANG VIÊN LONG

Bà Diệu Thuần có ý nguyện vào dịp lễ Vu Lan – cũng là ngày lễ “*chúng Tăng Tự tứ*”; bà đi hành hương, lễ bái, cúng dường mười ngôi chùa kể từ ngày chồng bà mất. Có nhiều năm, theo đoàn hành hương của Phật tử chùa Tâm Ấn – bà đi chiêm bái “thập tự” ở ngoài tỉnh. Có năm, chỉ đi loanh quanh trong tỉnh, vì chùa không tổ chức được, hay nhằm lúc bà bị bệnh. Bà thường nói với các con : “*Chùa gần, chùa xa – chùa to, chùa nhỏ – đều có Phật: Đức Phật ở trong tâm mình chớ ở đâu?*”.

Năm nay có Sơn An – cậu con trai út của bà vừa trình luận văn tốt nghiệp xong trở về nghỉ vài tuần trước khi vào lại Sài Gòn xin việc; bà nắm lấy tay con – nhìn âu yếm vào mặt con – cười : “*Con làm tài xế đưa mẹ đi chùa được không?*”.

-Thưa , được – Sơn An đáp lời mẹ rất nhiệt tình.

-Đưa mẹ đi thăm mười ngôi chùa kia đây...

-Một trăm ngôi chùa con cũng đưa mẹ đi được kia mà – Sơn An cười thoải mái.

Anh nhớ lại ba năm trước, lúc ba anh qua đời – mẹ anh vô cùng đau xót. Sự quặn thắt xót xa bật lên trong những tiếng nấc, nghẹn ngào – suốt hơn một trăm ngày, sau ngày chung thất. Thỉnh thoảng, trong bóng tối lờ mờ của gian buồng riêng, lại vọng lên lời thầm thì ; tiếng khóc cố nén lại tức tưởi. Chiều nào bà cũng lên viếng mộ, thắp hương, trong bộ áo quần màu đen an phận, buồn bã... Sơn An dần dần, thấu hiểu được lòng mẹ, thấu hiểu được sự vô tình chua xót của lễ vô thương, và nhất là qua mẹ, anh đã hiểu thế nào là “*bạn đời*” – (bạn của một đời, một kiếp người).

Sơn An đưa mẹ đến lễ bái, cúng dường ngôi chùa đầu tiên: Đó là Tổ đình Thiên Đức ở thôn Háo Lễ – xã Phước Hưng – huyện Tuy Phước. Bà Diệu Thuần vừa ngồi lên yên xe, vừa cười hỏi : “*Con có biết tại sao mẹ chọn về Thiên Đức trước tiên không?*”.

-Dạ , không...

-Ngôi Tổ đình ấy là nơi nhà ta chịu ơn nhiều lắm, thời chiến tranh... Ông bà ngoại, các dì cậu – và cả mẹ đã nương thân ở nơi ngôi chùa ấy...

Tiếng bà cười sau lưng Sơn An:

-Mẹ có nhiều kỷ niệm với Cô Ba, người đang tu học, coi sóc, giữ gìn ngôi chùa Thiên Đức trong những năm cả xã được xem là “*vùng trắng*”...

-Bà ấy không sợ bom đạn sao mẹ? – Sơn An chia sẻ tâm sự với mẹ.

-Không ! Cô ấy ở lại chùa, cứu mang giúp đỡ bà con nghèo khó, giúp đỡ người hoạn nạn, không hề phân biệt...

Sơn An cho xe chạy đều, tốc độ khoảng ba mươi cây số giờ. Anh có vẻ chăm chú lắng nghe lời mẹ kể, như cùng sống lại với bà những năm tháng tuổi trẻ đen tối, bấp bênh.

Bà Diệu Thuần bỗng hỏi : *“Con có biết, ngoài tên chùa Thiên Đức – chùa còn có tên gì nữa không?”*.

Sơn An cười lớn:

-Con chịu thua !

-*“Chùa Cô Ba, chùa Bà Ba...”* – giọng bà Diệu Thuần trở nên trong trẻo, ấm áp. Bà con vì thương nhớ bà mà gọi vậy...

Xe đã chạy trên con đường bê tông cao, phía bên trái là dòng sông đang mùa cạn nước từng bầy vịt thả đồng ngụp lặn, tranh nhau kiếm mồi. Phía bên phải là con mương dẫn nước, là cánh đồng xanh, là từng bầy cò trắng... Gió buổi sớm rạt rào trên những hàng bạc hà, cành lá đung đưa, lấp lánh, như những bàn tay thân ái vẫy chào. Sơn An cảm thấy yêu mến quê ngoại nhiều hơn, đồng thời, anh cũng cảm thấy có chút gì như hồi tiếc, như ân hận, sau bao năm xa quê...

-Đã gần đến chùa Thiên Đức chưa mẹ? – Sơn An hỏi với giọng nao nức.

-Qua sân vận động, chạy tiếp đến trước cổng *“Chợ Háo Lễ”*, rồi rẽ phải theo đường bê tông...

Chùa Thiên Đức đây rồi.

Ngôi Tổ đình vừa được đại trùng tu trông trang nghiêm, kỳ vĩ quá ! Bức tượng Quan Thế Âm bằng đá cẩm thạch cao 16 mét hướng nhìn về Tây – bao quát cả khu chùa rộng hơn mấy mẫu đất sáng lên màu ngói đỏ, màu vàng đậm, giữa màu xanh tươi của ngàn hoa lá...

Sơn An theo mẹ vào phía nhà Tổ để lễ bái Hòa Thượng viện chủ. Rồi anh theo mẹ lên Chánh điện lạy Phật. Sơn An có cảm tưởng như mình đang sống lại những năm tháng tuổi nhỏ – luôn theo mẹ, như đi chùa, đi phố, thậm chí đến việc đi ra chợ nữa. Đó là những giây phút hạnh phúc của tuổi thơ anh – mà sau này, lớn dần lên, anh không có thời gian nghĩ đến...

Sơn An rời Chánh điện, vì người đến lễ bái mỗi lúc một đông – còn mẹ anh thì đang tha thiết với quyển sách kinh trên tay... Anh đi ra phía sân trước, đứng ngắm nhìn bức tượng Bồ tát Quan Thế Âm đang dịu hiền nhìn xuống – nét mặt từ bi, an nhiên, giữa khoảng trời xanh lồng lộng mây trắng trên cao. Anh chợt nghe có tiếng vỗ tay, rồi giọng đồng ca bài *“Chùa Tôi”* của Chúc Linh từ phía sau pho tượng – Anh tiến dần về phía ấy như có một sức hút kỳ diệu...

Đứng giữa vòng tròn, các em thiếu trong GDPT Thiên Đức là một cô gái tóc xỏa, trong chiếc áo dài màu lam, giữa ngực đeo huy hiệu, và được gắn bên dưới một đóa hoa hồng trắng... Nhìn chiếc hoa màu trắng trên ngực áo cô gái, tự dưng Sơn An cảm thấy một nỗi bàng hoàng thương cảm dấy lên từ đáy lòng mình. Anh nhìn mãi mê cô gái. Còn cô gái vẫn hồn nhiên vỗ tay giữ nhịp cho các em hát...

Đợi đến giờ nghỉ, Sơn An đến bên chiếc ghế đá đặt dưới gốc cây hoa Sứ – nơi cô gái đang ngồi.

Sơn An làm quen :

-Em hát hay quá...

Cô gái ngược lên nhìn anh – cười thân tình :

-Anh cho em “leo cây” đó à ?

-Không – Sơn An vui vẻ – anh nói thật lòng mà !

-Anh phải nói là em “*hay hát*” hơn “*hát hay*” mới đúng !

Sơn An ngồi xuống phần ghế còn lại bên cô gái – vẫn giọng chân thành

-Suy cho cùng “*hay hát*” vẫn tốt hơn “*hát hay*” mà lại ít hát phải không? Em đã hát cho nhiều người cùng nghe.

Họ đã quen nhau. Tự nhiên . Như đã quen như từ lâu rồi. Cô gái kể về những buổi sinh hoạt ở chùa, những ngày lễ, ngày giỗ, ngày sóc vọng mà nàng đã gắn bó, tham gia nơi mái chùa thân yêu này từ lúc còn là ngôi chùa cũ – khép nép, khiêm nhường của một mái chùa quê. Nàng kể đến những đứa học trò bé nhỏ của nàng nơi mái trường tiểu học một buổi đến trường, một buổi ra đồng, chăn trâu, chăn vịt... Đó là những mảnh đời yên ả, lặng thầm của nàng nơi vùng quê hiền hòa mà vẫn còn lao đao chuyện cơm áo...

...Buổi chiều, trong lúc bà Diệu Thuận đang tham gia khóa lễ cầu an – Sơn An đi thơ thẩn trong vườn chùa rợp bóng mát. Đã từ rất lâu, anh mới sống lại được khoảnh khắc của sự yên tĩnh, thanh tịnh, nơi tâm hồn mình. Thời gian bước đi khoan thai. Ánh chiều rơi xuống từng giọt nhỏ. Và tiếng chuông, lời đọc kinh từ phía chánh điện như tan hòa, mỏng manh, tha thiết bao trùm cái không gian linh hiệu của Tổ đình.

Anh đi. Từng bước chậm. Hít thở nhẹ nhàng.

Sơn An có ý chờ đợi cô gái huynh trưởng có pháp danh Diệu Hòa lúc sáng. (Khi cô gái chào từ giã anh về nhà, Sơn An có ân cần muốn biết tên và địa chỉ – cô gái chỉ liếng thoảng đáp : “*Pháp danh Diệu Hòa – nhà có cây hoa Phượng đỏ bên kia đường*”). Anh ngồi lại bên hông cửa cổng tam quan, chăm chú, theo dõi đám công nhân đang vội vàng thi công khu triển lãm, khu biểu diễn văn nghệ, cho ngày đại lễ lạc thành Tổ đình vào những ngày cuối tháng bảy. Quý thầy, quý chú bác trong ban hộ tự, ban tổ chức – đi lại, chuyện trò, chào hỏi rộn ràng càng làm cho không khí thêm ấm áp, gần gũi...

Diệu Hòa đã dắt chiếc xe mini màu tím bước vào cổng. Sơn An đứng dậy, bước lại đón: “*Anh chờ em cả mấy giờ rồi!*”.

-Em có hẹn giờ nào với anh đâu? Diệu Hòa nhìn lướt lên khuôn mặt thanh tú, trắng trẻo của Sơn An – cười tinh nghịch.

-Đã đành là em không hẹn, mà anh vẫn cứ chờ, mới lạ – mới có chuyện để nói chứ ? – Sơn An bước theo chân Diệu Hòa, cười vô tư.

Họ ngồi vào chiếc ghế bằng thân gỗ lớn được cưa phẳng mặt, gốc rễ xù xì – được đánh véc ni sáng bóng. Chiếc bàn – cũng từ thân cây to – cưa xéo dài một cách mỹ thuật – tạo nét tự nhiên, đẹp mắt. Ở gian nhà dãy hành lang phía trái sau khu chánh điện này có tới mấy bộ bàn ghế thiên nhiên, kỳ lạ như thế.

Sơn An hỏi :

-Em ở cạnh chùa, lại thường xuyên sinh hoạt, gắn bó – vậy em biết chùa Thiên Đức còn có tên “*thường gọi*” nào nữa không?

Diệu Hòa cười lớn:

-Em không “*đố*” anh thì thôi, sao anh lại “*múa rìu qua mắt thợ*” vậy ?

-Không phải thách đố, anh chỉ muốn tìm hiểu kia mà – Sơn An chống chế. Anh hỏi như một câu trả lời:

-Có phải chùa còn có tên là “*Chùa Bà Ba, Cô Ba*” nữa, phải không?

-Đúng rồi – Diệu Hòa cười, nhưng còn có một tên “*thường gọi*” nữa kìa...

-Lại còn có thêm một tên nữa sao ?

-Chùa “*Nước Chảy*” – Diệu Hòa đáp nhanh sau cái nhìn thoáng qua đôi mắt Sơn An đang mở to có vẻ ngạc nhiên, thích thú.

Chùa “*Nước Chảy*” – có một nhánh sông nhỏ chảy qua quanh chùa, lúc chùa mới được Tổ khai sơn Thiền sư Minh Giáo Kỳ Phương tạo dựng vào khoảng năm 1720 bằng ba gian nhà lá. Nay dòng nước đã bị bồi lấp, nhà cửa, thôn ấp được mọc lên dần ; diện tích ngôi chùa được mở rộng thêm ra ; đến đời trụ trì thứ 13 – thiền sư Tâm Tịnh Huệ chiếu (1895 – 1970) chùa mới được tái thiết toàn bộ bằng vật liệu kiên cố... Đến ngày hôm nay, Hòa Thượng Thiền sư Quảng Phước Thiện Nhơn là vị trụ trì thứ 15 – đã thực hiện cuộc đại trùng tu ngôi Tổ đình Thiên Đức thành ngôi già lam trang nghiêm, hùng vĩ...

Sơn An lắng nghe Diệu Hòa “*thuyết trình*” một cách thích thú, như một đoàn sinh của GDPT. Còn Diệu Hòa thì có dịp tự hào về sự gắn bó tha thiết của mình với ngôi chùa quê thân yêu.

Bất chợt, Sơn An cầm lấy bàn tay Diệu Hòa – tự nhiên như cái bắt tay với một người bạn – anh vỗ nhẹ lên bàn tay Diệu Hòa – giọng hứng khởi : “*Anh rất phục em – nhưng cho anh hỏi em một câu nhé ?*”.

-Câu gì ? Diệu Hòa vẫn giữ yên bàn tay trong đôi bàn tay Sơn An ấm áp.

-Trong khu vườn chùa đây, em biết có bao nhiêu ngôi tháp cổ không?

Một thoáng do dự – nàng đáp :

-Hình như là sáu, hay bảy ngôi tháp...

-Anh muốn em nói chắc, không có “*hình như*”...

-Là sáu !

-Đúng ra là bảy – Sơn An cười lớn.

Bà Diệu Thuần từ sân nhà thờ Tổ đoạn đã bước lại chỗ hai người – giọng vui mừng : “*Mẹ đi tìm con nãy giờ, chiều tối rồi, mình về thôi...*”.

Sơn An giới thiệu Diệu Hòa với mẹ. Bà gật đầu, âu yếm nhìn Diệu Hòa, mỉm cười : “*Cuối tháng An nó vào lại Sài Gòn – tiếc là hai đứa ở xa nhau quá!*”.

Sơn An nói với mẹ :

-Đức Phật đã dạy : “*Kẻ vô ơn, bạc nghĩa thì dù ở gần, cũng thấy cách xa. Còn kẻ tri ân và tình nghĩa thì dù có ở xa cũng hóa gần*” – có phải không mẹ ?

Từ phía chánh điện, hồi chuông bỗng vang lên, vang lên, liên hồi ngân vang trong bóng chiều đã gần tắt. Hình ảnh ngôi nhà có cây hoa phượng đỏ bên kia đường, cổng nhà sơn màu xanh, cửa sắt xanh – dãy cửa chính bằng gương sơn màu đà – Sơn An thoáng nhớ lại theo lời miêu tả của Diệu Hòa – và anh đinh ninh rằng, anh sẽ có dịp tìm đến ...

Hồi chuông đã ngưng bật. Nhưng tiếng chuông chiều Thiên Đức sẽ còn mãi mãi ngân vang trong tâm hồn anh đầy ấp yêu thương.

Diệu Hòa đứng lặng yên. Vẫy tay từ già ...

Tổ đình Thiên Đức
Vu Lan PL 2511

MANG VIÊN LONG

41- nguyệt san viết văn mới số 9 – ngày 15 tháng 3 năm 2014 .

NÓI TRONG ĐÊM

LÊ VĂN THIỆN

Cô Thắm kể bệnh mình cho Hiếu nghe, nhờ Hiếu đi mua thuốc. Hơi khó, cô nhiều bệnh, không nặng, nhưng triệu chứng phức tạp. Hai tháng gần đây cô thấy đầu óc căng thẳng, lúc nào cũng lo lắng vô cớ, đêm ngủ hay giật mình. Mười ngày qua, thêm chứng khó thở, như có vật gì nặng đè lên ngực, xuất hiện từ xế chiều đến tối. Ban đêm nhìn trời, thấy sáu bảy cái trăng nằm chồng lên nhau, mờ tỏ chập chờn. Cạnh đó, con mắt trái bỗng nhiên mờ, lúc ngủ dậy lại cay sè. “Như bà tám mươi phải không?”. Cô hỏi và cười. Người ta nói phải cỡ sáu mươi mới thấy biểu hiện lão, sao cô chạm chúng sớm quá vậy? Hiếu không biết, cô không hiểu mình, làm sao người ngoài rõ. Lẽ ra chính cô đi khám bệnh, nhưng cô không muốn ra đường, bởi ngại đem thân hình tiều tụy, gương mặt bơ phờ cho mọi người thấy. Cô rất sợ xấu. Một cái mụn nhỏ trên mặt, một chút quầng thâm dưới mắt cũng khiến cô lo âu. Cô thường nói, cách đây gần ba mươi năm có một diễn viên điện ảnh Pháp tự vẫn lúc ba mươi tám tuổi, vì không muốn nhìn thấy mình già. Kỳ quặc, bất thường! Nhiều người bảo nàng Tây điên rồi, nhưng cô Thắm khen: cá tính mạnh, hiem có.

“Bốn mươi chưa già”. “Cảm ơn con trấn an, nay cô bốn sáu... Chưa già lắm, nhưng cũng hết trẻ đã lâu. Con mua thuốc giùm cô”. Hiếu dạ, sẵn sàng đi, nhưng chẳng biết phải mua thuốc trị bệnh gì. “Mua ít viên an thần, uống tạm, tuần tới cô sẽ đi “thăm” bác sĩ.”.

Hiếu biết cô Thắm còn một bệnh nữa: bệnh quên. Tấm ảnh lớn treo trên tường kia xưa giờ cô bảo đó là nàng Thắm hồi hai mươi tuổi, mới đây cô sửa lại: ảnh chụp năm 24 tuổi. Chuyện cô Thơ bỏ nhà đi theo một người đàn ông lạ, trước cô nói: họ đi Nam, nay cô bảo: hai người về quê ông ta ở Huế. Quên, bệnh của người già.

Thời con gái, cô Thắm đẹp. Cái ảnh ghi dấu quãng thời gian rực rỡ. Nó chẳng cũ đi bao nhiêu, mắt nhìn, môi cười còn nguyên nét sắc sảo. Lần nào tới đây Hiếu cũng ngắm nó. Hơi lạ, làng quê cộc cạch này lại sinh ra một người đáng đẹp thanh thoát, quý phái. Ngày đó, đàn bà con gái trong làng, không trừ ai, đều da sạm, thấp, mặt thô môi thâm. Từ chỗ khác hình thể dẫn đến nhiều điểm khác nữa, phát sinh theo các giai đoạn, trải dài theo các biến chuyển đời người.

Đã hơn hai mươi năm cô Thắm sống một mình trong ngôi nhà này. Nhà cổ, rộng lớn, tủ giường bàn ghế đều đóng bằng gỗ quý. Trước kia cha cô giàu có, là người duy nhất trong làng đậu tú tài. Ông chết sớm, để lại cho hai con gái nhiều ruộng và vàng. Nay ruộng không còn, nhưng vàng vẫn giúp cô Thắm sống được. Cô cho những người hàng xóm vay tiền, lấy lời vừa phải. Cô cuốc hai sào đất sau nhà trồng bầu bí, rau cải và cô nuôi gà, vịt. Chỉ cần làm nhẹ nhàng như thế, cô sống. Bà con quanh xóm không thích cô, họ to nhỏ nhiều chuyện về đời tư của cô nhưng cô bỏ ngoài tai. Thâm tâm, cô coi thường họ. Hồi trẻ, cô nằm trong số bốn người học giỏi của làng... Mấy bà thích soi mói chuyện riêng của người khác, thường nói về việc cô Thắm mặc một bộ quần áo đến ba, bốn năm, mua sáu ngàn cá ăn hai ngày, suốt đời không sờ đến ổ bánh mì, tô phở. Cô Thắm biết rõ những thứ người ta gán cho mình, cô cười khi, trề môi: “Bọn ruồi muỗi! Bụng dạ, tâm lý người đời ấy mà. Nếu giàu, gặp ai tôi cũng tặng món này vật khác, họ sẽ quý trọng tôi ngay... Dốt nát thường đi đôi với ác. Thấy mình chật vật, trơ trọi họ không thương, lại còn....”.

Hiếu mua thuốc về. Cô Thắm cất nó vào tủ ly tách, chưa uống ngay. Cô hỏi: “Nghỉ ăn mấy ngày thì người ta đi đứt?”. Hiếu đáp: “Dạ, nghe đâu tám chín ngày.”. “Hai hôm rồi cô không ăn gì”. “Cô ráng ăn, có cơm trong bụng mới uống thuốc được”.

Hiếu ngắm hình cô Thơ trên tường. Đã mấy mươi năm nhưng tấm hình vẫn rõ, và người thiếu nữ trong đó, tất nhiên vẫn trẻ. “Nó chết rồi”. Cô Thắm thường nói vậy. Chắc cô Thơ chết đã lâu. Bằng ấy năm không thư từ, chẳng nhắn hỏi gì đến gia đình, cô bác xóm giềng. Biệt tích, một đi không trở lại, như Kinh Kha... Hồi đó, vừa tròn hai mươi, cô Thơ gặp và yêu một ông gấp hai tuổi mình. Cô Thắm phản đối kịch liệt, không phải vì số tuổi mà do cái nguồn gốc tù mù của ông ta. Một người lạ, tướng lắc cắc, hiện ra như vừa dưới đất mọc lên. Thế nhưng chỉ mười ngày, cô Thơ mới lớn, gái có giá của làng, đã mê mết, bám theo sát gót. Ông ta ở đây hơn tháng, bói toán lung tung và tiên đoán vận hạn rủi may, coi hướng cất nhà, xây mả, đào giếng như thầy địa lý. “Cô đẹp, cô Thơ cũng vậy”. Hiếu nói, như đánh giá hai cái ảnh. “Nay nó thế nào, lớn già tới đâu, nếu như nó còn sống?”. Thật khó biết. Cô Thắm than: “Xui quá chừng, chỉ có hai chị em mà Thơ... Cha mẹ cô hiền lắm nhưng chẳng để đức lại cho con”. Trong ảnh, cô Thơ cười nửa miệng, tóc chải phồng một lọn tròn vo chòm ra trước trán như mào gà. Dạo đó con gái thích bận áo dài sậm màu, eo chặt, hai vạt gần chấm đất. Lúc đi ăn cưới thường mang kính mát, tay cầm cái khăn nhỏ, cầm làm dáng, chẳng phải để lau miệng.

Cô Thắm từng có một mối tình đẹp, một người chồng hờ và một đứa con. Chàng trai ấy là con của người bạn thân của cha Thắm. Anh ta đến, tình cờ, để giải quyết một việc nhỏ. Nhưng gặp Thắm, anh ta say, choáng váng, dính chặt vào cái làng bé tí suốt bốn năm, như con ruồi sa vào đĩa mật. Thắm cũng vậy. Bình thường cô coi rẻ trai làng, không muốn nhìn họ. Nhưng với anh chàng dân phố này, cô si mê, ngã lăn quay trong cuộc tình sét đánh... Họ sống với nhau công khai, bất chấp mọi dị nghị của bà con. Họ sinh được một đứa con trai. Đến năm đứa bé lên hai bỗng dưng chàng trai bỏ đi, ẵm theo thằng con. Đây như nguồn cung cấp tin nóng sốt, giật gân cho ngôi làng bình lặng. Người ta bàn tán về nó suốt mấy năm dài. Cô Thắm buồn, đau bệnh, suy sụp, người tóp lại như đứa trẻ còi, đầu cạo trọc nhẵn bóng. Do đâu anh chàng bỏ đi? Thiên hạ suy luận, đoán định trăm kiểu. Ai cũng có quyền nói. Đây như bài toán không đáp số treo lủng lẳng lơ giữa trời, thầy cô nào cũng ngó qua, nhưng chẳng ai bỏ công giải và chấm điểm.

“Chồng, con của cô nay ở đâu, ra sao?”. Lâu nay Hiếu muốn hỏi nhưng không dám. Rồi, nổi tò mò nở lớn, Hiếu đâm ra bạo dạn: “Nay con cô chắc đã thành thanh niên?”. Cô Thắm ngẫm nghĩ giây lát như để ôn lại những hình ảnh, những sự kiện xưa cũ. “Lớn rồi, nó tên Bi. Chưa làm khai sinh. Ngày cha con nó đi cô điên dại. Cô khóc khản tiếng, khô nước mắt. Mãi tới hôm đó cô mới hiểu hết nghĩa những từ “bi kịch”, “tuyệt vọng”. Năm ngày liền cô không ăn cơm, chỉ uống nước. Kỳ lạ, không có dấu hiệu nào để ta biết được ông ấy sắp đi... Có một địa chỉ nhà cha mẹ ông ấy ở Đà Lạt nhưng cô tìm đến nơi mới biết đó là địa chỉ ma. Ông ta bảo, cha mẹ đã hỏi vợ cho mình, một đám danh giá nên không thể đưa cô về được. Nay cô nghĩ, chắc chuyện người vợ danh giá cũng là sản phẩm giả trá. Vậy sự thật là gì?”.

Cô Thắm tâm sự: cô không thể quên bé Bi. Nó vẫn nằm đây, trong trí cô, trên cái giường kia, mới nguyên, hai tuổi, xinh xẻo. Mặt nó sáng, mắt to, môi son. Nó mới biết nói bập bẹ: Má má, ăn no, bò ù, con đói bánh, kẹo cây. Đầu nó lớn, loe hoe mấy sợi tóc buồn cười. Con đói bánh, má má ! Có lúc cô nghĩ rồi mọi thứ sẽ qua đi, thời gian bào mòn, huỷ hoại được sắt đá, ta sẽ quên, và biết đâu ta sẽ gặp người khác, một mối tình mới. Nhưng không, ông trời đã quên xó quê này !. “Mình sống để làm gì?”. Hàng trăm lần cô tự hỏi: “Mình sống để làm gì?”

Cha mẹ Hiếu cho Hiếu sang phụ giúp cô Thắm tưới rau, cho gà ăn, nấu cơm. Sức khoẻ cô xuống rõ rệt. Mẹ Hiếu – người thân nhất của cô Thắm ở đây – đùa: “Sao, nhắm có qua khỏi không, hay tính chuyện đi theo các cụ?”. Cô đáp: “Nay mai sẽ khoẻ, đừng lo. Xưa kia thầy tướng bảo số tôi cô độc nhưng thọ... Dù có gì đi nữa tôi cũng chẳng sợ, chị à. Cứ lui cui một mình như con muỗi trong đầm lầy, sống hay không cũng vậy thôi... Thọ mà cô độc !”. Cô không muốn ăn cơm, nhiều lúc uống thuốc vào lại ói ra. Ban ngày cô nằm thêm thiếp, tới đến mới tám giờ đã ngủ. Khoảng nửa đêm, cô dậy, cựa quậy liên tục và nói lảm nhảm tới khuya: “Thơ ơi ! Sao em phải lòng, thương yêu gã đồng bóng ấy ? Chỉ nhìn qua bản mặt, nghe gã phát vài câu, chị biết ngay đó là loại người phập phủ, bất hảo. Em đại dột đáng thương! Nếu còn sống chắc cha cũng không chịu anh chàng người mộng của em. Cha ghét những kẻ lươn lẹo, xảo trá... Tài năng vượt trội của gã là dẻo mồm tán dóc. Em biết rồi đấy, chú Đáo có ba con trai, thế mà “Thầy” phán: Nếu chú muốn có con trai nối dòng phải đưa thầy mớ tiền, thầy sẽ cầu xin thần thánh...”

Thơ, lẽ nào chúng ta vĩnh viễn không còn gặp nhau ? Chị đã sớm thành bà lão. Người chị chỉ còn xương và da. Ai cũng nói chị già. Vì sao à ? Thực ra chị chẳng làm gì nặng nhọc. Trồng rau, tưới rau là việc nhẹ. Chị già do đau buồn. Có ai suốt hơn hai mươi năm, giờ nào, ngày nào cũng buồn ? Đối với nhiều người, ngoài bốn mươi vẫn là tuổi xuân xanh nhưng với chị, ngay từ ba mươi đã thấy đời nặng trĩu !... Em còn sống ? Chị mong em còn sống. Bà con suy đoán, lâu nay em không về bởi mắc một trong hai lý do: Rơi vào nơi đen tối, cơ cực, nghèo túng, nên em buồn, sợ về sẽ bị làng xóm chê cười. Hay là em đã chết, do vướng một tai ách hoặc vì tên khốn kiếp ấy đầy đọa, giết hại... Nay thì ta hiểu về đàn ông. Chị cũng tội được một gã độc đáo. Em biết không, anh ta trẻ, có nhiều tài vật, nói ngọt như cam. Nhà anh ta ở một nơi giống Đà Lạt. “Thành phố đó đẹp tuyệt, núi đồi, phố xá như tranh, không đâu bằng. Rồi anh sẽ đưa em và con về ra mắt ba má.. Ta sẽ tắm, chụp hình bên thác Cam Ly, thác nước rộng thênh, cao ngất trời. Những chiều mát chúng ta đến chơi thung cảnh đồi Cù, mênh mông cỏ mượt, như thảo nguyên nước Nga”. Nghe êm tai nhưng hài hước, em ạ. Đồi Cù, thác Cam Ly có thật nhưng những lời ca ngợi ấy chung chung, là sản phẩm của tưởng tượng. Anh ta chưa hề đến Đà Lạt! Thế nên đến nay chị vẫn không biết quê gã chồng bốn năm ở đâu, ngô nghê và thảm hại... Người ta nói, gà cồ dùng bộ lông sặc sỡ để mời chào gà mái. Chị bị lớp vỏ hào nhoáng của gã kẻ chợ làm cho điêu đứng !... Em nghĩ xem, những năm qua nếu chị gặp một người tình mới, đời chị có sáng hơn?...Thực khó tin, nỗi đau trải dài mấy mươi năm nhưng vẫn giữ nguyên vẹn cường độ nóng... Thơ, chị em mình xui rủi, biến thành môi ngon của mấy con ngốc xóm này. Chúng nó gọi ta là hai con đĩ nửa mùa !”.

Đêm khác, cô nói với con : “Chắc con đã quên má, Bi yêu quý. Con nhỏ quá, chưa biết thế nào là má. Má đã thành bà lão bốn mươi. Nhưng con vẫn vậy, không lớn thêm. Ánh mắt con trong veo, tiếng cười cao vút, giọng nói thơm mùi mít. Kẹo cây, má má ! Con thích chơi với bò nghé, rất thương chó, mèo. Có hôm con cho mèo ăn bánh, nó tấp trúng tay chảy máu... Đêm qua, trong chiêm bao má gặp con. Mới đầu má nhận không ra. Con cao lớn, tóc phủ gáy, da nâu. “Ngày xưa Bi trắng hồng, sao nay nó sẫm, giống ông Chà Và bán vải vậy ?”. Con cũng không biết má. Làm sao biết được, lâu quá rồi ! Má mừng cuống. Còn rất ít nét cũ trên mặt con, nhưng chẳng hiểu sao má vẫn nghĩ đây đúng là con. Má gánh bầu, bí, rau ra chợ. Nặng quá, má vấp ngã. Con tới bên, cúi nhìn. Đúng Bi của má, lúc ông Chà Và cúi xuống, rõ ràng chính là con. Má gọi lớn : Bi ! Con ơi, má sợ tình trạng sống thọ mà cô độc. Nhưng con quay đi. Má cứ nằm đó, bên gánh rau trái vung vãi, nằm và gào: Con, con ơi như mụ cuồng.. !... Ai cũng thương con mình, nhưng má thương con mặn nhất, chắc như thế. Mỗi lần nghĩ đến cảnh đưa bé mới hai, ba tuổi đã chẳng có mẹ chăm lo ăn, ngủ, tắm rửa, giặt giũ là má khóc, khóc to và khóc thầm. Nhưng má bất lực, buông tay, giao phó mọi sự cho số phận. Bảy, tám năm sau ngày con đi, nhiều khuya má còn nghe rõ tiếng con cười... Con nên biết, tính má cứng rắn nhưng rơi vào ngõ cụt này cũng đành chịu thua. Vái van, cầu khẩn là phương cách cuối cùng, chẳng hy vọng nhiều nhưng má phải dùng luôn. Cầu cho con khỏe, đẹp, suốt đời may mắn... Con thương, đất trời vốn bao la, ẩn chứa muôn điều kỳ bí. Má của con thì ngốc nghếch, chao đảo như cơn gió mỏng, vạt vò như giọt nước nhỏ nhoi !”.

Lúc đầu, kiểu độc thoại của cô Thắm làm Hiếu hoảng sợ. Nó như con dơi đen mắt xanh nanh dài, quái gở. Cả đêm Hiếu trằn mền, co quắp, bụng thắt thắt. Nhưng lâu dần rồi cũng quen. Sau, hôm nào cô “quen” nói, Hiếu lại không ngủ được !

Bệnh cô Thắm kéo dài nhiều tháng, không thuyên giảm, không nặng thêm. Hiếu phải tiếp tục đảm nhiệm vai điều dưỡng bất đắc dĩ buồn thiu, chán ngấy. Cô Thắm sống, chủ yếu là nằm mẹp trên giường, mỗi ngày mỗi teo khô, trong ngôi nhà xám mốc, giữa đồng bàn ghế, tủ giường quý giá, bên mấy tấm ảnh nặng màu hoài niệm ./.

LÊ VĂN THIÊN

NGÀY VÀ NỖI MUỘN PHIÊN

NIÊ THANH MAI

Tôi nhìn thấy Hảo đi trên triền đồi.

Hảo mặc chiếc áo len tím có những đường kẻ màu trắng. Những đường kẻ sọc nhỏ làm dáng Hảo mỏng manh và gầy như cành cây trụi lá nơi tôi đứng. Váy trắng. Gấu váy xé tua, mềm như khói. Váy tung lên. Tôi nhìn thấy bắp chân tròn và trắng của Hảo. Nhưng tôi không níu được tay em.

Hảo đi trên triền đồi cùng với một người đàn ông khác. Tôi không ghen tị vì người đàn ông ấy có Hảo. Người đàn ông của Hảo qua tuổi thanh niên của tôi chắc cũng lâu lắm rồi. Kính súp, đầu tóc đen mun giả tạo. Tôi dám cá chúng được hồi sinh từ những tuýp thuốc nhuộm đắt tiền. Đứng từ bên này, tôi nghe thấy tiếng cười của Hảo vút lên trong lạnh lạnh. Người đàn ông ấy ôm lấy vòng eo nhỏ xíu của em và xoay tròn. Tiếng cười của em sao mà lố bịch. Cả khi em vít đầu của gã xuống và hôn lên đó chùn chụt.

Triền đồi nơi em đứng rất xanh. Tôi nhìn thấy những vạt cỏ mềm đang ngã rạp dưới chân em. Những vạt cỏ ngã rạp dưới chân gã đàn ông lạ. Những vạt cỏ ngã rạp dưới chân của toan vế. Tôi nhìn xuống vạt đất của mình. Chúng cần cỗi và xơ xác. Phía dưới lớp lá mục lạo xạo là lũ kiến kéo nhau đi uể oải. Chúng trườn qua chân tôi rồi biến mất vào lòng đất. Tôi cầm theo cái ống nhòm dài ngoằng và cũ kỹ.

Tôi thấy mệt mỏi sau tiếng thở dài. Hảo không dành cho tôi. Hảo là một thứ quà sáng xa xỉ mà tôi cố gắng níu kéo sau cuộc truy hoan. Hảo là người mẫu ảnh xinh đẹp và ấn tượng. Tôi mang Hảo ra giữa đồi, váy trắng, áo trắng, lia ống kính qua những cành cây chấy nhăm nhở và thảm hại. Người dân ở đây đang biến ngọn đồi xanh um thành nơi trồng tía. Dấu vết cỏ tranh khô bị đốt trụi nồng nồng trên mảnh đất khô dọc ngang những đường nứt rạn. Hảo lắc đầu khi tôi muốn em đứng giữa sự thảm hại khô khốc để cười cho tôi chụp ảnh. Đôi mắt em buồn.

Em không thích chụp cảnh này. Mình thay cảnh đi anh.

Tôi lắc đầu : Như thế này mới ấn tượng. Anh muốn sự đặc biệt.

Hảo yên lặng. Tôi tìm thấy sự sống ướt trong mắt em. Và đó là tấm ảnh đẹp nhất tôi có được từ Hảo.

Cơn mưa ập đến vội vàng. Tôi vẫn thích những cơn mưa như thế. Không báo trước, không âm

ì. Mây kéo đến và trút xuống mặt đất xối xả. Tôi không kịp đưa Hảo xuống đồi. Cũng chẳng có nơi nào trú mưa. Tôi và em đứng chết trân giữa trời. Chiếc áo mưa duy nhất ưu tiên cho máy ảnh. Hảo cười khúc khích. Mưa làm em ướt sũng, váy trắng mỏng như khói giò ôm chặt lấy thân hình. Thấp thoáng làn da hồng hào ấm nóng. Hảo vít cổ tôi. Em nong nân đặt lên môi tôi nụ hôn. Ngọt và lướt lướt ướt mưa.

Tôi đưa Hảo về phòng mình.

Em ngủ. Tiếng thở của em đều đều. Tôi ngồi bệt dưới đất. Toàn thân ướt đầm mồ hôi. Sự truy hoan kết thúc bằng sự hối lỗi. Tôi nghĩ đến Trà. Nhỏ bé và cô độc đợi tôi ở nơi xa xôi đâu đó trên triền dốc mù bụi đỏ.

Tôi không quên Trà khi Hảo lao vào tôi. Nhưng không đủ can đảm để đẩy Hảo ra xa. Tôi đã nằm yên bên thân hình mềm của Hảo để lắng nghe sự hối hận vì sự phản bội với Trà. Trà chỉ còn thấp thoáng đâu đó khi tôi thức dậy. Điện thoại rinh rinh nhạc. Thứ âm thanh dịu dặt như tiếng Trà thì thầm vào tai tôi lời hứa nhẹ như gió. Những âm thanh ấy chỉ có thể nghe chứ không thể cầm nắm trong lòng bàn tay được. Như tình yêu của tôi với Trà.

Trà hỏi "Anh khỏe không?"

Tôi trả lời "Anh khỏe. Còn em?"

"Em cũng khỏe. Nhưng trái tim em không khỏe vì nhớ anh."

"Anh cũng thế." *(Tôi thấy mặt mình nóng bừng khi nói những lời đả đốn. Tôi đang nói dối. Tôi đang nhìn mê mải vào thân hình trần trụi của Hảo trên giường)*

"Anh phải chuẩn bị cho cuộc họp sáng nay. Anh sẽ gọi lại cho em sau nhé."

Tôi cúp máy, ném điện thoại vào xalông và nhảy lên giường. Hảo cười khẩy đứng dậy đi thẳng vào phòng tắm. Tôi ngã xuống đất, cảm giác máu mình đang đông cứng lại. Toàn thân lạnh và nặng trĩu. Hảo quay ra. Quần áo đã chỉnh tề, khuôn mặt em vẫn bột phát vì đêm qua không ngủ.

"Anh tàn nhẫn lắm. Về với cô ấy đi. Anh tham lam. Nhưng anh sẽ mất hết nếu ở bên em."

"Anh chỉ cần em."

Tôi van vãn. Tôi thấy mình hèn kém khi quỳ dưới chân Hảo. Hai bàn tay tôi vuốt lần lên phía trên đùi em một cách thành khẩn. Hảo ném chiếc thuốc hút dở vào chiếc gạt tàn trắng trên bàn. Chính xác như thợ săn điệu nghệ bắn chết một con chim đang chệch choạng trên trời. Tôi hé cửa đến nửa đêm. Ti vi nói một mình đến gần sáng. Khi trên màn hình chỉ còn lại những đường sọc trắng đen thì tôi đã gọi vào máy của Hảo đến hơn 100 lần. Tôi chỉ nghe tiếng phát thanh viên báo không liên lạc được. Tôi gọi cho Trà. Tiếng Trà ấm và thổn thức "Về với em nhé. Em phát điên vì nhớ anh." Tôi ừ, hôn gió trong điện thoại. Tôi cũng bảo nhớ em. Nhưng khi tiếng nói phát ra từ cổ họng, tôi thấy ngực đau nhói.

Nửa đêm. Tôi bật dậy khi bên kia bức tường mỏng của khách sạn là những tiếng vật nhau huỳnh huých. Giữa không gian tĩnh mịch của đêm tiếng rên xiết kéo dài sung sướng rõ như thở bên tai.

Tôi lắng tai nghe tiếng thét đau đớn đâu đó.

Tôi bật đèn sáng choang, ngẫu nhiên mép gối để quên đi sự cuộn cuộn đang chảy ngược trong mình. Sự cuộn cuộn khiến tôi căng cứng.

Tôi dậy sớm. Toàn thân mỏi mệt.

Lan can ẩm ướt sương đêm và thơm phảng phất.

Tôi nhìn thấy Hảo đang đứng ở cửa phòng bên cạnh. Em đang chải tóc. Mớ tóc vàng xù mà đêm trước tôi vừa sục vào thì sặc sụa ho vì mùi dầu gội hắc hắc. Hảo cũng nhìn thấy tôi, nhếch mép cười như chào xã giao và quay lưng đi vào trong. Tôi gục xuống khi nhìn thấy ngực Hảo có vết răng sâu hoắm. Đó là dấu tích của tôi cho lần mãnh liệt với em đêm trước. Trà đón tôi ở bến xe. Đôi mắt Trà long lanh và triu mến khi nhìn thấy tôi bên kia ô cửa kính. Tôi ôm em vào ngực, dịu dàng và nóng ấm. Trà đẩy tôi ra, mặt đỏ bừng vì xấu hổ. Tự dưng tôi thấy hụt hẫng. Nếu là Hảo, có lẽ cô ấy sẽ nhảy lên và cắn vào tai tôi. Trà mang quần áo treo vào móc cho tôi. Cô ấy đã bật sẵn nước nóng và xả đầy bồn tắm. Tôi nghe hương hoa dịu nhẹ bay đâu đó trong phòng. Tôi kéo tay Trà, tôi muốn cô ấy kỳ cọ lưng. Hay mơn man trên vai khi tôi lim dim. Trà cười, nụ cười nhẹ và vương vãi như nắng ngoài sân. Cô ấy cầm theo tờ báo, chờ tôi ngoài phòng khách. Phòng khách sạch và bóng loáng vì mỗi ngày Trà đều đến lau dọn tần mẩn. Tôi nghe văng tiếng nhạc dịu dặt, cả tiếng Trà hát khe khẽ. Chẳng bao giờ Trà hát trước mặt tôi. Chắc là Trà sợ tôi chê hát không hay.

Tôi ngủ vùi trong phòng tắm. Khi tỉnh dậy vẫn thấy Trà ngồi yên như thế. Mái tóc dài, mềm buông xuống lưng ghế. Nhưng tôi không thấy Trà hấp dẫn nữa.

Tôi để mặc Trà một mình.

Mang ba lô và lang thang một mình trong chuyến đi.

Tôi chỉ cầm theo máy ảnh. Nhưng tôi chẳng chụp được gì.

Khi leo lên những bậc thang của tòa nhà. Tôi ngược mắt lên và nhìn thấy chân của cô gái váy ngắn đi trước. Dài và thon thả. Tôi nhìn thấy một vài vết sẹo được giấu giếm khéo léo dưới lớp vỏ da. Sực nghĩ về Trà. Có lẽ Trà của tôi không có vết sẹo nào như thế. Mà hơn nữa cô ấy chẳng bao giờ mặc váy ngắn, không vắt chân cao. Nên tôi chẳng nhìn thấy gì.

...

Tôi để mặc Trà một mình.

Mang ba lô và lang thang một mình trong chuyến đi.

Tôi chỉ cầm theo máy ảnh. Nhưng tôi chẳng chụp được gì.

Tôi nhìn thấy Hảo trong chuyến đi đâu đó của mình. Em đi với một người đàn ông khác. Cao hơn, sang trọng hơn người tôi từng gặp hôm trước. Tôi thấy mình đau nhói bên trái ngực. Tôi từng lao vào vòng tay của em và ngây ngất trong nụ hôn của em đầy thôi. Có khi nào Hảo ngồi yên lặng để đếm rằng bao nhiêu người đàn ông đã ngã khụy dưới chân em như tôi không. Tôi thấy mỗi một. Bước chân không còn sỏi dãi trên dốc cao và triền đồi mấp mô nữa. Tôi ngã vật xuống cỏ. Cỏ đâm vào lưng đau rát. Những cành cây mắc cỡ cào rách cánh tay nắng gió phong trần. Ành sáng mặt trời bỗng mất tôi. Như một sự trừng phạt như sự ngu dại và hiểu lầm của tôi.

Tôi bật dậy khi nhìn thấy ống kính mình lóe sáng. Cỏ và mặt trời đang thiêu đốt tôi. Nhưng chúng sẽ là nhân vật trong tác phẩm nổi tiếng của tôi. Một con kiến lòng vòng trong ống kính. Tôi không đuổi nó đi. Nó cũng giống như trái tim tôi. Chẳng biết tìm lối ra.

...

Những cuộc rong chơi lang thang đã mang đi của tôi tất cả. Khi trở về. Tôi nghe tin Hảo chết.

Lưỡi dao oan nghiệt của kẻ nào đó đã xuyên thủng tim Hảo khi em đang tung tăng với một người đàn ông ở khu du lịch sang trọng bên bờ biển. Tôi ngờ rằng máu em đã thấm đỏ cả vùng biển mặn. Máu Hảo không tanh nên cá không đến. Chỉ có người hiểu kỳ vây chặt lấy thân thể nằm sóng xoài của em và lắc đầu (*Ai sẽ trách móc em. Ai sẽ thương xót em. Tôi không có mặt nên không hay biết điều đó. Mạch máu tôi đông cứng. Như ngày xưa em vút bỏ tôi không thương tiếc sau đêm truy hoan bão bùng.*)

Người ta không bắt được kẻ giết em. Vì không có người làm chứng. Người đàn ông đi cùng em điên loạn và lảm nhảm suốt ngày đêm những câu nói vô nghĩa. Ấu là điều may mắn cho Hảo. Có khi cuộc ra đi của em sẽ đỡ muộn phiền hơn là việc em bị trừng phạt cho những chuyến rong chơi của mình bằng thân hình tàn tạ hay tật nguyền. Tôi đã từng nghĩ về điều đó. Và thấy thương Hảo.

Tôi thấp cho Hảo nén nhang ở nơi người ta bảo em đã nằm xuống. Tôi nhìn thấy nhiều chân nhang đã tàn xung quanh đó. Họ cũng thấp cho em. Và cho sự rong chơi bất hạnh của em. Tôi không còn gì cả. Hảo mang trái tim của tôi đi. Và tôi trở về nhà bằng sự câm lặng trước lễ đính hôn của Trà.

Tôi không buồn. Không đau. Trà gục xuống trước mặt tôi, hai bàn tay của Trà đặt trên đùi tôi khẩn thiết. Tôi không hỏi lý do, chỉ lẳng lặng chúc Trà hạnh phúc. Tôi nhìn theo Trà, mềm mại lướt qua cửa và ra đường. Thấy trống rỗng như chưa hề quen.

NIÊ THANH MAI

AO LÀNG TRONG VẮT

VŨ ĐÀM

Ao làng nằm ở đầu làng, cạnh con đường chính của làng. Ao rộng và sâu, chỗ nông nhất người lớn lội cũng ngập đến bụng. Nước ao trong vắt, là nguồn nước ăn của dân làng, là môi trường sống bình yên của lũ tôm, cua, cá. Ao còn là nơi thoát nước về mùa mưa, là lá phổi khổng lồ điều hoà khí hậu về mùa hè để cho làng thêm trong lành, mát mẻ. Vào ngày hội làng, chín cô thiếu nữ được tuyển chọn với những tiêu chuẩn hết sức khắt khe, xinh nhất làng và đặc biệt phải còn trong trắng, đội chín bình nước lấy ở ao làng vừa đi vừa múa đến đền Thành hoàng để các cụ tắm rửa cho Thành hoàng. Thành hoàng là một viên tiểu tướng, trong một trận đánh giặc Minh, đạo quân của ông bị quân giặc đánh bại, không để rơi vào tay giặc, ông đã trầm mình xuống ao làng. Quá căm thù ông vì đã chỉ huy quân lính anh dũng đánh trả làm cho quân giặc chết rất nhiều nên tên tướng giặc đã xua quân lính xuống ao mò xác ông, hòng vớt lên băm nát để trả thù nhưng mò tìm mãi chẳng thấy. Tên tướng giặc tức giận nhảy ùm xuống ao, tiếp tục hò hét bọn lính mò tìm bằng được xác ông; đang lặn ngụp, bỗng tên tướng bơi nhanh vào bờ, ôm cổ kêu rống lên, thì ra một con cua càng to tướng đã cặp đúng vào yết hầu của tên tướng. Bọn giặc cho rằng ao làng có ma nên sợ hãi bơi hết vào bờ. Khi bọn giặc vừa đi khỏi làng, xác ông nổi lên, gió đưa bông bênh như thể một người đang bơi ngửa. Dân làng vớt xác ông lên, khâm liệm, làm đám ma linh đình và chôn ông ngay trên mảnh đất hình thang ở cạnh ao làng. Cũng từ đây, ao làng có một đặc điểm kỳ lạ pha chút huyền bí là rất nhiều cua. Đi trên đường, người ta có thể nhìn thấy những con cua càng to, mình đen bóng bò lổm ngổm trên các đám bèo, cạnh sen hay bụi cỏ mọc quanh bờ ao. Vào những trưa hè nóng nực, người ta còn thấy vô số con cua bò lên mặt đường làng, giương đôi mắt đen bóng nhìn đất, ngắm trời.

Ngày tôi còn là trẻ trâu thì chị Xuyên đã là một thiếu nữ xinh đẹp. Chị, mặt trái xoan, dáng thất đáy lưng ong, da trắng, đặc biệt chị có mái tóc đen dài chấm gót. Mỗi lần gội đầu, chị đều phải nhờ thêm một người nữa phụ giúp. Chị là niềm tự hào, kiêu hãnh của làng. Ở làng, từ người già đến lũ trẻ trâu chúng tôi không ai là không yêu mến chị; chị không chỉ đẹp người mà còn đẹp nết. Riêng tôi, tôi ngưỡng mộ chị đến độ thầm nhủ lớn lên nhất định sẽ bảo mẹ đến hỏi chị làm vợ! Tất nhiên tôi chẳng bao giờ thực hiện được ý định ngu ngốc của mình cho dù chị có trẻ mãi không già, đơn giản là vì chị không quan tâm đến chuyện chồng con.

Chị Xuyên bán bún riêu cua ở chợ làng, mỗi lần theo mẹ đi chợ, tôi đều bắt mẹ dẫn lại hàng chị ăn bún. Bún riêu của chị ngon, rẻ nên rất đông khách. Tôi vừa ăn vừa ngắm chị. Một lần mãi mê ngắm chị, tôi đánh rơi bát bún xuống chân, bị bỏng mất mười hai ngày mới khỏi. Mẹ tôi sợ quá không cho tôi ăn bún nữa nhưng khi có ai cho tiền, tôi đều lén mẹ ra hàng chị ăn bún. Sau này, khi đã sống ở thành phố, mỗi lần về quê, tôi đều không quên ra hàng chị làm một tô bún riêu.

Một dạo tôi đưa cô vợ mới cưới người Hà Nội về quê và hùng hồn bảo sẽ chiêu đãi nàng một món ăn đặc sản cả nước này, cả thế giới này chỉ làng tôi mới có! Tôi đưa vợ ra chợ làng, vào hàng bún riêu của chị Xuyên gọi hai tô. Nhìn thấy vợ chồng tôi, chị Xuyên mỉm cười bảo tôi dẫn vợ về trình làng đấy à? Tôi đáp vâng, kèm theo một câu nói đùa, không phải dẫn về trình làng mà dẫn về để thưởng thức món bún đặc sản của chị! Chị khen vợ tôi trông xinh và phúc hậu. Lời khen của chị làm mũi tôi phồng lên, nhưng nếu làm phép so sánh với chị, cùng lắm vợ tôi chỉ bằng bốn phần mười thời con gái của chị. Bây giờ chị đã đứng tuổi, mặt có nếp nhăn, duy chỉ có mái tóc của chị vẫn đen và dài. Tôi thấy chị vẫn đẹp, đẹp như ngày nào tôi muốn cưới chị làm vợ! Trong lúc ăn, một ý nghĩ vờ vẩn, hết sức thô tục đến với tôi. Tôi nghĩ, chị đã hơn bốn mươi tuổi, chị vẫn chưa chồng, không biết chị có còn trinh không? Mặt tôi đỏ rực lên, tôi đưa mắt nhìn chị, bắt gặp ở chị một ánh mắt dịu dàng, ấm áp. Chị không biết được ý nghĩ của tôi. Song tôi cảm thấy mình mắc tội lớn với chị. Tôi xuất thân từ một người nông dân, tôi sinh ra ở làng, lẽ nào tôi lại không tin những người dân quê!

Ăn bún xong, tôi móc túi, lấy tiền trả chị, chị gạt tay tôi không nhận, chị bảo chị chiêu đãi người thành phố. Tôi hiểu tấm lòng chân thành của chị nên cất tiền đi. Một điều có thể chị không nghĩ đến nhưng tôi rất lấy làm hãnh diện, hành động của chị đã làm đẹp mặt tôi trước cô vợ mới cưới, như ngầm bảo với nàng rằng tôi là kẻ được người làng trọng nể! Khi chúng tôi ra về, chị dặn nếu rảnh rồi đưa vợ đến nhà chị chơi. Tôi cảm ơn chị rồi đưa vợ về nhà. Trên đường đi, vợ tôi bảo có phải món bún riêu vừa ăn đó là đặc sản cả nước, cả thế giới chỉ ở làng mới có đó phải không? Tôi đáp, phải. Vợ tôi cười phá lên, bảo tưởng gì chứ bún riêu ở thành phố có mà đầy rẫy. Ngực tôi nhói đau, tôi suýt cho nàng một mồm mĩa mai, nhưng chợt nghĩ, nàng là người thành phố, nàng không sinh ra ở làng quê, nên không thể hiểu được những người dân quê. Trong mỗi bát bún riêu, ngoài công sức của chị, còn chứa đựng những giá trị không thể quy ra bằng tiền bạc.

Năm chị hai mươi tuổi, mẹ chị bị liệt nửa người, hàng ngày chị phải ra ao làng mò cua đem ra chợ bán, lấy tiền nuôi gia đình, thuốc thang cho mẹ. Cua quá rẻ vì nhiều người bán. Chị nghĩ cách lên thị xã học làm bún riêu rồi mở hàng bán bún riêu ở chợ làng. Những ngày đầu mở hàng, chị gặp khá nhiều phiền toái. Bấy giờ huyện là lá cờ đầu của toàn tỉnh trong việc tập thể hoá, mọi cái đều là tập thể, hợp tác xã nên chính quyền không muốn cho chị mở quán bán bún riêu nhưng cảnh ngộ gia đình túng bấn, cha ở mặt trận, hai em đang đi học. Xã hợp bản, xin ý kiến huyện mãi, chị mới được mở hàng. Tuy vậy thỉnh thoảng xã vẫn cho người đến kiểm tra xem có đúng là chị dùng tiền lãi vào việc đóng gạo, mua thuốc cho mẹ không! Họ sợ chị tích lũy, làm giàu để trở thành Tư bản! Những ngày còn được mẹ cho đến hàng chị ăn bún riêu, tôi đều thấy anh Thương giúp chị gánh bún, rửa bát. Anh Thương ở cuối làng, không có họ hàng thân thích gì với nhà chị, lại đến giúp chị, tôi thấy lạ quá liền hỏi mẹ. Mẹ tôi bảo anh Thương mồ côi cả cha lẫn mẹ, anh sống với bà nội, năm ngoái bà anh chết, thương anh bơ vơ, chị đưa anh về nhà ở. Anh Thương người cao to, đẹp trai, nước da màu đồng thau đỏ au, đôi mắt lúc nào cũng u buồn như chực khóc. Gánh bún, rửa bát cho chị được ba năm, anh Thương được một người chú họ đưa lên thành phố làm nghề bốc vác. Con gái ông giám đốc phải lòng anh. Năm sau anh cưới vợ, chuyển ngành. Không hiểu do bận mải công tác hay do mặc cảm về thân phận hèn nhỏ mà không thấy anh về làng cũng chẳng thấy thư từ gì. Anh Thương đi, hai người em thay nhau giúp chị làm công việc của anh Thương. Được bốn năm họ cũng lần lượt ra đi, cô em gái lấy chồng còn cậu út ra trận. Ngày tiễn con trai lên đường, mẹ bảo chị:

- Bệnh tình của mẹ đã khỏi, các em đều trưởng thành, chữ hiếu như vậy con đã làm trọn, giờ con hãy nghĩ đến chuyện chồng con đi!

- Đàn ông nhà ta đều ra trận, con phải thay cha, thay các em phụng dưỡng mẹ. Ngày cha ra đi, mẹ hứa với con, mẹ sẽ cho con ở nhà với mẹ suốt đời, lẽ nào mẹ đã quên!

Nói xong, chị muốn ôm chầm lấy mẹ, van mẹ đừng bao giờ nhắc đến chuyện chồng con của chị nữa. Mẹ chị rơm rớm nước mắt, bà đâu ngờ lời hứa vu vơ của mình với đứa con gái đầu lòng năm chị mười bốn tuổi, bây giờ bà phải buộc lòng thực hiện. Lời hứa, bà nói với chị vào ngày bà tiễn chồng ra trận. Khi chồng bà vừa ra khỏi nhà, chị lao vào ôm chặt lấy cha, kêu khóc không cho cha đi. Bà đã phải dỗ dành chị mãi, lúc sau chị mới buông chân cha. Nắm chặt tay mẹ, chị

bắt bà phải hứa, nếu chị cho cha đi, bà sẽ cho chị ở nhà nuôi mẹ, chị không phải đi lấy chồng. Bà biết tính chị, mỗi lần bà nói mua cho chị cái gì hay cho chị đi chơi, chị đều bắt bà hứa và thực hiện bằng được nên khi nghe chị nói, bà đã hứa, một lời hứa cốt để cho chị bằng lòng để chồng đi đỡ khỏi vương vẩn. Lời hứa ấy bà quên ngay sau đó nhưng chị đã không quên. Từ năm mười bảy tuổi đến nay, chị đã nhắc lại nó hàng trăm lần mỗi khi mẹ giục chị đi lấy chồng.

Những người đàn bà có chồng con ra trận đều chung một niềm mong ước, chiến tranh sớm kết thúc để họ được sống sum vầy với chồng con. Mẹ chị cũng là người đàn bà trong số ấy nhưng nỗi mong ước của mẹ chị còn thêm một phần nữa, ngoài việc đoàn tụ, còn chuyện chồng con của chị. Khi những người đàn ông trong nhà đã khoác balô trở về, chị sẽ không còn lý do để từ chối chuyện chồng con. Chị tuy đã nhiều tuổi nhưng chị vẫn đẹp, vẫn có nhiều người khao khát được làm chồng chị. Tối nào mẹ chị cũng chống gậy lần mò sang nhà ông Trưởng để nghe đài bán dẫn. Đến nhà, vừa thấy ông, mẹ chị đã hỏi ngay: “Chiến tranh đã sắp xong chưa hả ông?”. Ông Trưởng vắn to chiếc đài, gân cổ trả lời mẹ chị bằng cái giọng thuốc lá khàn khàn: “Sắp xong rồi, ta đang thắng nhớn”. Mẹ chị tựa chiếc gậy vào tường, ngồi xuống giường, nghiêng đầu về phía chiếc đài đặt trên bàn, lắng nghe chương trình thời sự. Hơn tám giờ mẹ chị mới về. Thấy chị đang làm cua ở dưới bếp, bà không nói gì, chỉ đứng nhìn chị một lúc rồi lộc cộc lê đôi guốc lên nhà. Buông chiếc màn thô nhuộm nâu, mẹ chị lên giường nằm, nghĩ về những người đàn ông ra trận và những người đàn bà ở làng quê. Những người đàn ông ra trận, phải đối mặt với bom đạn, trực diện với cái chết. Còn những người đàn bà ở quê, phải đối mặt với cái chết vô hình, ấy là sức lực tràn trề của tuổi thanh xuân luôn khao khát được ái ân với chồng nhưng đêm đêm phải chết mòn trong tiếng thở dài mong đợi. “Chiến tranh thật là khủng khiếp!”. Vào cái đêm cuối cùng của chiến tranh, mẹ chị đã thốt lên như vậy sau khi nghĩ về những người đàn ông ra trận và những người đàn bà ở làng quê, rồi mẹ chịu lặng lẽ ra đi. Sau cái chết của mẹ, tóc chị bạc và rụng đi rất nhiều. Chị tìm mọi cách để cứu vớt mái tóc dài bám gót của mình mà chẳng thể cứu được. Mỗi lần chị chải đầu, từng nắm tóc tuột ra cuốn chặt lấy lược. Một tháng mười chín ngày, đúng bốn mươi chín ngày mẹ, tóc chị thôi rụng. Mái tóc dài mượt mà ngày nào của chị bây giờ chỉ còn lửng lờng ngang lưng. Người làng quá quen thuộc hình ảnh chị ngồi hong tóc trên chiếc sào dưới bóng cây mít, nay không còn thấy nữa, ai cũng thấy ngẩn ngơ như vừa mất đi một vật gì quý giá. Con bé Hằng cạnh nhà mà chị thường nhờ phụ giúp gội đầu, đã khóc sưng mắt khi thấy mái tóc ngắn ngắn của chị. Chị đã phải động viên, an ủi nó, rằng mái tóc của chị thương xót mẹ nên rụng đi ít hôm, chỉ vài ba bữa nữa nó lại đen, lại dài ra. Khóc nhiều, tóc thương nhớ mẹ sẽ không dài ra nữa. Con bé tưởng thật, thôi không khóc nữa, bắt chị cho nó mớ tóc rụng, hàng ngày trải ra giường, buộc chặt một đầu, ngồi tết tóc đuôi sam. Ngay cả tôi, khi ra hàng chị ăn bún riêu, nhìn tóc chị, nước mắt tôi cũng đã nhỏ xuống cả bát bún. Mái tóc chị đã một lần cứu sống tôi và thằng Tý khi chúng tôi còn là những đứa trẻ trâu. Đó là những ngày hè lồng gió, chúng tôi ngồi vắt vẻo trên lưng trâu từ cánh đồng về nhà, bắt gặp chị đi ngang qua ao làng thì thôi rồi, cho dù cả lũ chúng tôi có đang chí choé cãi nhau về vấn đề gì cũng đều im bặt, phóng mắt nhìn vào sau lưng chị. Từ đấy, một làn tóc đang chấp chới bay trong gió, lúc lên cao, lúc sà xuống, khi tụm thành một dải dài, khi xoè ra như một chiếc quạt giấy khổng lồ. Cũng một chiều hè, khi lũ chúng tôi đang “ngự” trên lưng trâu ngắm làn tóc chị bay trong gió thì đột nhiên thằng Tý cưỡi con trâu đi đầu, người cao kêu như cái sào chị hay hong tóc, bị con ve trâu đốt ở sau lưng, giơ tay vỗ trượt, mất đà lặn tòm xuống ao làng. Tôi bị mái tóc của chị làm mê mẩn nên không kịp nghĩ đoạn ao này rất sâu. Từ lưng trâu, tôi nhảy xuống ao, định thực hiện một hành động nghĩa hiệp, cứu thằng Tý. Nhưng hồi ôi lúc xuống ao rồi, tôi chẳng biết Tý với Tẹo gì nữa mà chỉ thấy toàn nước là nước ồng ộc chảy vào mồm mình. Khi chúng tôi sắp bị Hà bá nhấn chìm thì tay chúng tôi quờ quạng được một đám dây rợ lưng nhùng. Đám dây rợ cứu sống chúng tôi chính là mái tóc của chị Xuyến. Chị đã nhảy xuống ao, nước sâu ngập đầu, chị bám vào một rễ cây, nhúng ướt mái tóc của chị, quăng về phía chúng tôi. Chẳng biết có phải do ngưỡng mộ mái tóc dài của chị hay để trả ơn mái tóc chị đã cứu sống mình mà thằng Tý đã thề sống chết với chúng tôi, nhất khoát sau này lấy vợ, nó sẽ chọn một cô có tóc dài. Lời thề sống chết này, thằng Tý thực hiện một cách triệt để. Ngày nó rục rịch chuẩn bị ra trận, mẹ nó muốn nó cưới cấp tốc một cô vợ nhưng dẫn đi xem mặt mấy đám, thằng Tý đều lắc đầu chỉ vì mấy cô tuy xinh xinh đấy nhưng tóc lại ngắn ngắn ngang lưng! Thằng Tý ra đi, người mẹ ở nhà đi khắp các làng lân cận tìm một người con gái tóc dài dăm trước cho nó. Tìm mãi mới được một người con gái tóc dài,

tất nhiên chẳng thể sánh được với tóc của chị Xuyên, dù sao chỉ dài đến đầu gối chân cũng là lý tưởng lắm rồi. Người mẹ sung sướng biên thư báo tin mừng cho con, thư gửi hôm trước, hôm sau nhận được giấy báo tử của thằng Tý.

Chiến tranh kết thúc, hai người đàn ông nhà chị ra trận chỉ có một người trở về, người ấy là cha chị. Ông đeo huân chương, ông là thương binh, là anh hùng. Mất hai ngày chống nạng đi thăm hỏi bà con trong làng, ngày thứ ba ông mới có thời gian trò chuyện với chị. Ông bảo:

- Ở chiến trường, cha đã biết tất cả, mẹ viết thư nói hết với cha. Bây giờ cha đã về, con tính sao?

Nhìn cha với ánh mắt cầu khẩn, chị đáp:

- Mẹ đã mất, em đã hy sinh, con chỉ xin cha cho con ở nhà để phụng dưỡng cha.

Cha chị không nói gì, ông thấu hiểu được tấm lòng của con gái, người mà ông không những yêu mến mà còn cảm phục. Chị đã thay ông làm trụ cột gia đình. Chị là điểm tựa tinh thần to lớn của ông. Ông thường nói với đồng đội, sở dĩ ông lập được nhiều chiến công, trở thành anh hùng là do ông có một hậu phương vững chắc. Hậu phương ấy chính là "thằng con trai" đầu lòng của ông! ước nguyện của chị là vậy, vợ ông và cả ông đều không muốn, nhưng ông làm sao có thể ngăn cấm được khi mà vào tuổi mười bốn, cái tuổi còn non trẻ, chị đã quyết chí suốt một đời tôn thờ chữ hiếu. Từ đôi mắt nâu của ông, hai giọt nước mắt lặng lẽ rơi xuống. Chị chạy ra sân lấy khăn mặt lau nước mắt cho cha.

- Cha là anh hùng, sao cha lại khóc? – Chị nói, mắt chớp mấy cái, cố kìm nén không cho nước mắt của mình trào ra. Nắm chặt bàn tay chị, cha chị bảo:

- Cha sinh ra con, con sinh ra sự anh hùng của cha, con cũng là anh hùng!

Chị đưa mắt nhìn cha, cảm thấy mình vẫn nhỏ bé như ngày nào sà vào lòng cha bắt ông kể lại câu chuyện chìm chết tên quan ba Pháp ở ao làng. Chuyện này xảy ra vào hồi quân Pháp còn đóng quân ở bốt Cầu Kè cạnh ao làng. Tên quan ba khét tiếng tàn ác, thường bắt cóc những cô gái đẹp trong làng đưa về bốt để hãm hiếp. Đội du kích giao nhiệm vụ cho cha chị tìm cách trừ khử hắn. Biết được tên quan ba có thói quen tắm trường ở cầu ao làng vào những buổi tối mùa hè, đêm đêm cha chị ra con sông ở ngoài đồng tập dượt. Một đêm, gần sáng trời nổi cơn dông tối đen mù mịt, cha chị lần ra ao làng, núp mình dưới một đám bèo tây, ăn cơm nắm gói trong túi bóng, uống nước ao, đợi đến chập tối tên quan ba ra tắm, ông lặn lại cầu ao cầm chân lôi tuột hắn ra giữa ao. Bọn lính gác trên bờ không dám bắn vì sợ trúng tên quan ba, chúng chạy về bốt lấy thuyền con ra cứu, ra được đến nơi thì tên quan chỉ còn là cái xác không hồn. Còn cha chị đã bơi qua bên kia trốn thoát.

Cởi bỏ bộ quần áo anh hùng, cha chị lại trở về với cuộc sống của một người nông dân. Tối tối, ông ngồi bên ngọn đèn kèn gạch cua giúp chị. Công việc này, ông làm một cách viên mãn. Những con cua ở ao làng chẳng những đã cứu giúp gia đình ông mà còn cứu thoát cả làng khỏi nạn đói năm Ất Dậu. Cảnh tượng hàng trăm người, hình hài chỉ là bộ xương bọc da, quần áo tơi tả, lặn ngụp xuống ao làng mò cua, bắt được con nào cho vào mồm nhai ngấu nghiến, mãi mãi còn ghi dấu ấn trong tâm trí ông. Ông thấy đất nước này thật kỳ lạ, ngay cả đến những cái ao làng khiêm nhường cũng tạo nên sự vĩ đại của dân tộc và trong ông đã xuất hiện một ý tưởng, đề nghị Sở Văn hoá- thông tin cấp bằng di tích Lịch sử- văn hoá cho ao làng ông. Một ý tưởng đầy nhân văn, hướng về quá khứ của ông suýt nữa thì bị phá sản bởi sự trở về của Thương. Cuộc tìm về cuối nguồn ngọt ngào của Thương theo mệnh lệnh của vợ sau khi thị đi xem bói về mồ mả gia đình chồng, đã gây xáo động to lớn cho làng bằng việc lấp ao làng. Chả là trong chuyện về cổ hương này, Thương có đến thăm ủy ban xã, thấy trụ sở làm việc chỉ là nhà mái ngói cũ kỹ, Thương bảo:

- Ủy ban xã là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của làng mà ọp ẹp thế này thì làm sao thể hiện được quyền lực với dân!

Chủ tịch xã Kiện kính cần nói với Thương không có kinh phí. Thương phẩy tay:

- Làm tờ trình đi, tôi sẽ ký duyệt. Quê hương thì phải ưu đãi chứ!

Và cái phẩy tay của Thương đã biến ngôi nhà ngói cấp bốn thành ngôi nhà ba tầng uy nghi lộng lẫy. Trước ngày khánh thành, đích thân chủ tịch xã mang một tạ gạo tám thơm, một tạ gạo nếp, nửa tạ gà lên thành phố, gọi là có chút quà quê hương tạ lễ và mời Thương về cắt băng khánh thành, tiện thể dự hội làng luôn cho tăng phần long trọng. Vợ Thương nhất định không cho chồng về. Gạn hỏi mãi, vợ Thương mới tiết lộ, gần đây có nằm mơ thấy xe ô tô của Thương bị lao xuống ao làng, cả hai vợ chồng đều chết đuối. Nghe vừa dứt lời, Kiện hồ hởi bảo.

- Chị yên tâm, em sẽ cho dân làng ra đứng dọc bên đường tiếp giáp với ao làng làm cột mốc.

Vợ Thương vẫn không bằng lòng với biện pháp có một không hai này của Kiện, bảo lần này còn lần khác, chả nhẽ sau này, mỗi lần về thăm quê, hương khói cho các cụ lại bắt dân ra đường làm cột mốc!

Kiện lấy làm buồn lắm, Thương không về nữa có nghĩa là các khoản ưu đãi không còn, sẽ chẳng còn cái để chấm mút. Nguyên nhân chỉ là cái ao làng, thật vớ vẩn, tại sao lại không lấp quách nó đi biến thành đất mặt đường đem bán cho dân. Đất đang lên cơn sốt, đây cũng là khoản kiếm ăn, làm giàu được. Còn nước tắm cho Thành hoàng, chỉ cần xây một cái giếng là thừa thãi. Vui mừng vì tìm ra được giải pháp tốt đẹp, Kiện thấy người mát mẻ, khoan khoái như ngày còn là trẻ trâu ra tắm trường ở cầu ao làng được xây dựng bằng những phiến đá phẳng lì. Kiện tức tốc trở về quê để thực thi ngay cái sáng kiến đã được vợ chồng Thương nhiệt liệt tán thành. Nó không những xoá bỏ hoàn toàn nỗi lo chết đuối của vợ Thương mà còn giúp Thương xoá bỏ được tận gốc hình ảnh ngày nào Thương gánh bún, rửa bát cho chị Xuyên. Ngày thương về làng, những người nông dân chuyện trò với nhau, họ bảo: “ ồ, có ai ngờ cái thằng Thương ngày xưa vẩn đần chân đất, gánh bún, rửa bát cho con Xuyên bây giờ lại làm to đến thế !”. Đó là lời khen chất phát của dân làng, muốn ca ngợi chí tiến thủ của Thương nhưng Thương lại cho đó là một sự xúc phạm! Vì thế khi nghe sáng kiến tuyệt vời của Kiện sẽ lấp ao làng để cho tư nhân thuê mặt bằng, xây quán bán hàng, Thương lại phẩy tay: “Cứ làm tờ trình đi, tôi sẽ ký!”.

Ngày khởi công lấp ao làng, xảy ra một hiện tượng lạ chưa từng thấy, hàng đàn cua chen chúc nhau leo lên bờ. Người làng đổ ra xem rất đông. Đám thanh niên bảo chúng chạy trốn cái chết còn người già bảo hình như chúng muốn gửi đến con người một thông điệp gì đó thì phải? Gần một trăm nhân công được huy động để chở đất lấp ao nhìn thấy cảnh tượng này đều sợ hãi, không ai dám là người hất xẻng đất đầu tiên xuống ao. Hò hét mãi chẳng được, chủ tịch Kiện tức giận, cởi phăng quần áo dài; trong bộ trang phục quần đùi, áo may ô, Kiện phăm phăm đi đến bên đồng đất, giằng lấy xẻng từ tay một thanh niên, xúc đất hất một cái thật mạnh xuống ao. Chả hiểu sao cái xẻng tuột khỏi cán làm Kiện mất đà ngã chúi xuống ao. Sau khi uống no một bụng nước, Kiện được mọi người cứu đưa lên bờ. Bỗng Kiện ôm bộ hạ kêu rống lên. Người ta vội vã cởi quần đùi cho Kiện, than ôi cái của quý của Kiện đã gần như sắp lìa ra bởi đôi càng to, khoẻ của một con cua càng đen bóng. Không ai bảo ai, tất cả cán bộ xã và đám nhân công được xã thuê để lấp ao làng đều lui sạch.

Chủ tịch Kiện đã lên tận Hà Nội để khâu lại cái của quý của mình, chẳng biết nó có lành lặn lại được không nhưng sau này người làng hay nhìn thấy cô vợ trẻ đẹp của Kiện lén lút đến nhà của một gã hoạn lợn; gã khoẻ đến độ một mình bê được cả con lợn nặng gần một tạ đi phẳng phẳng như mấy bà cắp cái thúng không đi chợ làng.

VỮ ĐÀM

THIÊN HÀ

TRĂNG HÀ THÀNH

Trăng Hà Thành treo nghiêng vành phố cổ
Đêm Hàng Bông sương lạc ngõ hồn xưa
Em nhẹ gót Hàng Hai mở lối cũ
Tình xót xa theo gió mây mờ

Trăng Bác Cổ thu vàng mấy độ
Phố Tràng Thi ai còn nhật xác ve
Trăng Cổ Ngư ngắt ngư sâu quanh quẽ
Đêm Nghi Tàm
Còn ai đọc thơ Đỗ Phủ cho vợ nghe (*)
Sớm Sinh Từ từng cơn mưa đổ
Có còn ai nhớ tới mấy câu thơ
“Em ơi, chúng mình dìu nhau xuống phố”
Hay đã quên một thời
“Ta bước đi không thấy phố không thấy nhà...”
Văn Miếu ngẩn ngơ
Ngậm ngùi cong mái đỏ
Người gục đầu đếm từng hạt mưa sa

Trăng Quán Thánh dật dờ hồn thiên cổ
Dấu người xưa ngõ Trạm nhật nhòa
Rêu phong kín qua mấy tầng cổ mộ
Triều đại ngai vàng lưu dấu văn bia

Trăng Hồ Gươm lung linh Thê Húc
Liễu mơ màng xoắn tóc liễu trai
Tháp rùa nguyên sơ đi vào cổ tích
Ký ức trùng trùng huyền thoại chưa phai

Trăng rực sáng
Hàng Than bùng ánh lửa
Cháy bỏng đời ta
Em mật ngọt Hàng Đường
Gió Đồng Xuân nhẹ ru lời hát xẩm
Trăng Hà Thành còn óng ả giọt sương.

Hà Nội đêm 29/8/2013

THIÊN HÀ

PHÍA TRƯỚC LÀ GÌ?

HÒA VĂN

1.

"Phía trước là gì?".

Câu hỏi này lặp đi lặp lại trong đầu bà Chánh Xinh. Gọi bà Chánh vì bà là chánh thất của ông Chánh tổng Thượng, một chức sắc thuộc triều đình ngày xưa làm nhiệm vụ coi sóc một tổng. So với quan tứ trụ ở kinh diên thì chẳng đâu vào đâu nhưng đem đặt ở làng; ở phủ và ở tổng thì to lắm. Vợ của Chánh tổng đương nhiên được bàn dân thiên hạ kêu bà Chánh. Xinh là tên con gái cả của bà chứ không phải tên tục, tức là tên cha mẹ đặt khi đầy tháng. Tới giờ chính bà Chánh không nhớ nổi cái tục danh ấy nữa mà nhớ làm chi khi đã có cái tên Chánh Xinh vừa hay vừa đầy uy lực!

Mỗi khi ngồi với các bà cùng cảnh ngộ bà Chánh Xinh (về sau gọi bà Chánh) hay nói chuyện xưa tích cũ, những câu chuyện nói như bà Sung, bà Nong nghe bắt thuộc lòng lâu thế mà mỗi lượt cất tiếng bắt đầu kể chẳng ai bảo thôi do vậy bà cứ thản nhiên kể, kể một cách say sưa như mới lần đầu tiên.

Chuyện thứ nhất, nhà cửa. Ôi thiên địa giờ đang ở nơi không có cái chi là riêng tư, ngay đến đôi đũa cái chén ăn cơm hễ ai đến chạn chén trước thì chọn cái lành lặn, đôi bằng nhau còn khi chậm một chút còn chi dùng nấy. Bà Chánh thường ở vào trường hợp thứ hai bởi so với các cụ cùng phòng bà thuộc kể cả, tuổi đã trên chín tư hơn những cụ khác đến mấy chục tuổi, gần đây thêm chứng thấp khớp đi chậm chạp cũng khó khăn làm sao nhanh cho được. Bà không tỏ vẻ buồn bực hay tránh móc điều chi dù thua thiệt.

Bà Chánh tăng hăng xong tả cái nhà mà không phải nói chính xác cái dinh thự mới đúng. Nó được xây ba mặt mỗi mặt ngó một hướng theo đúng phép phong thủy của ông thầy Chệt từ phố Hội tới xem đặt la bàn, cắm mốc, ra thước ra tắc lố bang mỗi mặt một chữ đầy cao vọng ở tương lai như Đẳng khoa, Tài, Lộc. Ngôi dinh thự nó uy nghi tráng lệ (chữ của chính là Chánh dùng) nằm ở giữa khu vườn rộng trên năm sào đất mà đất thuộc loại nhất thổ cư. Chỉ mấy năm sau khu vườn sum sê cây trái hoa kiểng. Cây nào cây nấy đều là hàng độc tứ phương, nhiều cổ thụ xếp hạng danh mộc được đưa về từ núi rừng xa xôi cách trở, qua tay "nghệ nhân" chăm chút sửa sang cẩn thận không mấy ngày đã đẹp lắm và chễm chệ chiếm hữu nhiều khoảng đất rộng toả bóng mát rượi mùa hè nam nóng mà cột võng bên gốc cây đánh một giấc ngủ trưa có chi sướng bằng. Bà Chánh nói úp úp mở mở có vẻ thích chí mọi thứ ở nhà bà một là lễ vật được cung phụng nhân những dịp Tết nhất, tiệc tùng, hai là do chính ông Chánh mua rẻ hoặc tiếng là mua nhưng như cho của người cần cầu cạnh điều chi đó liên quan đến lộc và lợi!. Ngay như cái tủ thờ, bộ ván gỗ, đến cái giường nằm cũng vậy cái nào cũng kính biểu cũng đền ơn cũng tình cũng nghĩa cả!.

Bà Chánh thường nói, chừ tẻ quá chừ hồi trước... Ý bà nói sự cùc cung tận tuy từ lời thừa tiếng gỏi đến cử chỉ của nhiều kẻ ăn người ở trong nhà và cả người nghèo khó cùng đình đến hạng mua chức mua sắc.

Ngược với bà Chánh, bà Nong, bà Sung có số phận hẩm hiu từ lúc lọt lòng mẹ đến khi già cả, nói như cách nói của dân gian “nghèo rớt mồng tơi!”.

Được cái hai bà có cách sống ung dung tự tại, ngày ngày thường chú tâm niệm Phật mong mỗi đời sau sanh dạng số tốt hơn. Hai bà như cặp bài trùng, thương nhau lắm!

Bà Sung không có chồng không con cái đã đành còn bà Nong có con có cái nghe phong phanh không đến nỗi chi mà chúng nó ăn tro mò trấu làm răng không biết để bà... Hôm thằng con chớ bà đến đây nghe nói chỉ gỏi đâu mấy tháng để vợ nó đi Tây tu nghiệp ngành... Thế mà tới chừ đã tròn năm không ai bén mảng.

Bà Nong hay nói:

“Ở đây mà sướng!”.

Không biết trúng hay sai. Thấy bà chẳng buồn lúc nào nên coi là trúng.

Chuyện thứ... Bà Chánh kể na ná tình cảnh bà Nong có điều nó không đơn giản. Nó liên quan đến tiền bạc, gia sản rõ là đời trăm nẻo chẳng biết đâu mà lường...

Ngày... tháng... năm... cách đây hai chục năm, trên tay bà Chánh có tiền tỷ tỷ đồng thời có cả ba dãy nhà mặt tiền ở thành phố X, mỗi dãy chiếm gần ba bốn trăm mét đường.

Khuynh người con út của bà Chánh đang ở Mỹ, hai cô con gái lấy chồng ở Hàn, Huyền con trai thứ tư ở trong nước nhưng có cũng như không vì là con nghiện chất trắng hạng nặng. Chính đứa con trai thứ tư này chằm ngòi cho sự xuống dốc của nhà bà Chánh.

Cách ngày... tháng... năm... gần bảy năm sau đó Khuynh về cưới vợ rất đình đám đến nỗi tới giờ thiên hạ còn nhớ và chưa có ai qua mặt cái cách ném tiền qua cửa mà vợ chồng Khuynh đã làm.

Hồi ấy chưa có tiền tỷ tỷ như bây giờ, nói thế không phải không ít tiền, tẻ cũng tiền triệu trở lên (Giá trị tiền triệu lớn lắm!).

Khuynh nói:

“Tiếng con ông Chánh tổng vang bóng một thời nay cũng hàng cự phách trong kinh doanh làm ăn chừ kém cỏi đâu? Nên mẹ đừng lo sau cưới xong vợ chồng con trở lại bên đó làm ra tiền ra của trở lại ngay!”.

Cô vợ thêm vào:

“Chồng con nói đúng đó, thưa mẹ!”.

Bà Chánh tuy có phần không ưng bụng nhưng nghĩ:

“Chả thấm tháp chi mà tính!”.

Nhà hàng to nhất ở thành phố X này được chọn làm nơi đãi đằng hàng ngàn khách khứa, trên năm chục chiếc xe Ford, xe Mercedes rước và đưa dâu từ phố Y đến thành phố X.

Mùa cưới đúng tháng mười trước ngày hai mươi ba năm bữa, gặp năm thuận trời những cơn mưa như cầm chỉnh đồ nghĩa là mưa lớn và dữ dội lắm, nó trút xuống nhiều nhất đúng ngày Khuynh đám cưới. Để khỏi lỡ việc trọng đại của một đời người Khuynh huy động tất cả xe cộ lớn

nhỏ trong hai thành phố liền kề nhau xử dụng vào việc đưa đón khách mời từ nơi gần đến nơi xa về dự đám cưới.

Cả thành phố lúc này y như cửa nhà Khuynh. Đi đâu cũng gặp song hỷ Khuynh- Lài (Lài tên cô dâu). Đi đâu thiên hạ cũng bàn ra tán vào đám cưới to quá cỡ!.

Bà Chánh ngồi than ngán thở dài. Một năm sau buổi đình đám vợ chồng Khuynh không những làm ăn thất bát, hảng nước mắm mang tên “Đông” sản phẩm có thương hiệu hàng mấy trăm năm ở trong nước được Khuynh gây dựng lúc đầu được người tiêu dùng ưa thích Công ty nước mắm Đông Phát Đạt lớn mạnh. Đùng một ngày qua kiểm nghiệm phát hiện có hoá chất gây hại đến sức khoẻ con người. Pháp luật vào cuộc tán gia bại sản bởi ngoài đình chỉ sản xuất vợ chồng Khuynh còn bồi thường cho người tiêu dùng hàng triệu đô la. Khuynh viết thư về cầu cứu mẹ!.

Tôi có đứa cháu gái, người mua trọn hai trong ba dãy nhà của bà Chánh. Là một doanh nghiệp đương thời kể:

“Trông người mà ngẫm đến ta!”.

Một nhà giàu có nức tiếng ở thành phố X này mà khi ông Chánh mất sau ngày giáp năm không có nơi chốn để thờ tự!. Bà Chánh kê chiếc bàn con sát tường trong căn phòng nhỏ hẹp đặt bức chân dung ông tạm gọi là cho có nơi ngày rằm mùng một thắp cây hương tưởng nhớ!.

Toàn bộ gia sản tiền ngàn... ngàn... tỷ tỷ... trôi qua biển Thái Bình Dương đến nước Mỹ cũng không đủ số tiền toà án tuyên vợ chồng Khuynh phải bồi thường. Mà ngoài bồi thường còn phải chịu cảnh lao lý một thời gian!.

Bà Chánh không kể đoạn này với các bà đang sống ở nhà dưỡng lão Nhơn Bồn, nhưng ai cũng biết!.

Phía trước của bà Chánh là gì?.

Câu hỏi nhức nhối không dễ trả lời.

Bà Chánh đang nóng ruột nóng gan chờ tin con..

2 .

Bệnh viện tư nhân mang tên Nhân Ái mới xây xong ở ngoại ô thành phố X được các phương tiện thông tin báo, đài quảng cáo là cơ sở khám chữa bệnh hiện đại nhất khu vực với đầy đủ tất cả các trang thiết bị y tế sẵn sàng khám điều trị mọi chứng bệnh từ A đến Z đặc biệt đội ngũ thầy thuốc rồi hộ lý luôn luôn niềm nở chăm sóc người bệnh từ khi nhập viện cho đến khi ra viện. Câu cuối của quảng cáo nhấn mạnh giá rẻ bất ngờ!.

Kha Kha cô con gái của nhà doanh nghiệp là cháu tôi thuật lại như thế với má nó bởi sáng ngày hôm qua Kha Kha cùng đoàn sinh viên Y khoa năm cuối được Ban giám đốc bệnh viện mời đến tham quan trước là tỏ nhĩa ý quan tâm đến những bác sĩ tương lai thứ đến mong có người giỏi khi ra trường về đây công tác.

Chuyến đi thăm bệnh viện Nhân Ái trở thành một dịp Kha Kha và các bạn trổ tài cấp cứu bệnh nhân.

Kha Kha:

“Ông biết Nhà dưỡng lão Nhơn Bồn?”.

“Biết!”.

Tôi vừa gật đầu vừa trả lời câu hỏi của Kha Kha và hỏi lại:

“Có gì à?”.

“Dạ! Gần như hầu hết các cụ ông cụ bà ở nhà dưỡng lão cùng bị ngộ độc thức ăn từ món cháo thịt heo nạc băm do một người làm từ thiện nấu, chở đến tận nơi và trực tiếp phân phối cho các cụ điểm tâm buổi sáng.”

Cô bác sĩ tương lai kể vụ ngộ độc hy hữu này đang tiếp tục điều tra làm rõ nguyên nhân, có điều nạn nhân là người cao tuổi vậy nên trông ai cũng rất nguy cấp. Sau cấp cứu đến gần trưa tình hình khá dần chỉ còn bảy cụ cần phải nằm viện tiếp tục theo dõi điều trị, trong đó có bà Chánh, bà Sung và bà Nong. Bà Nong và bà Chánh nặng nhất theo bác sĩ điều trị nếu tình trạng tim mạch, huyết áp không khá lên thì căng lắm!. Hiện thời hai bà đang được duy trì sự sống nhờ hệ thống máy thở oxy.

Ban giám đốc nhà dưỡng lão Nhơn Bồn chạy xuôi chạy ngược lo lắng mà làm sao bây giờ...

Vợ chồng Tiên lái xe từ Sài Gòn về đến nhà dưỡng lão Nhơn Bồn mất gần một ngày một đêm. Tới nơi mới rõ cơ sự, cả vợ liền chồng điếng người.

Chuyện vỡ lẽ cái ngày Tiên chở bà Nong đến đây "gởi" nói là để cho vợ đi tu nghiệp chỉ là nói dối để bà không biết một sự thật phũ phàng đưa con dâu của bà hồi đó cô M dính vụ ngoại tình công sở mà người đàn ông trưởng phòng nhân sự không ai xa lạ chính là cháu kêu bà bằng cô!. Sau vụ đó Tiên tím mặt nhưng còn đưa con gái lên bảy, thương con và cũng chính thương bản thân, Tiên ngậm bồ hòn làm ngọt nén nỗi đau thấu ruột gan, xử trí một cách êm thấm.... để giữ "thanh danh" cho con!. Hơn nửa năm sau Tiên và M thuận tình ly hôn trước sự ngỡ ngàng của người thân và bạn bè. Tiên bỏ đi vô Nam...

Liên vợ của Tiên giục chồng nhanh chóng đến bệnh viện Nhân Ái.

Là bác sĩ, Liên vừa đến nơi vội vàng gặp giám đốc bệnh viện xin được phép tham gia cứu mẹ!.

Trên một tiếng đồng hồ hội chẩn các bác sĩ Khoa cấp cứu bệnh viện Nhân Ái nhất trí bằng mọi phương cách “Còn nước còn tát”.

Bác sĩ Liên được Khoa mời tham gia hội chẩn bình tĩnh trình bày hướng xử lý tình huống theo phát đồ mới nhất mà đã có một lần ở nơi công tác bác sĩ Liên cùng các bác sĩ ở Trung tâm y tế quận Bình Tâm, từng xử lý thành công một ca bệnh như vậy. Các bác sĩ yêu cầu bác sĩ Liên ghi ra giấy.

Phát đồ cấp cứu được bác sĩ Liên ghi một cách nhanh chóng chính xác, xem xong các bác sĩ dự họp nói “Đồng ý” và ghi vào biên bản... thực hiện.

Không biết có ai đã qua một lần thập tử nhất sinh chưa?. Ví dụ như bị đuối nước chẳng hạn!.

Tôi xin kể câu chuyện: Một lần đi theo anh bạn trổ nước tưới cây bắp, tôi chủ ý cùng anh bạn cho nước từ quanh bờ đất thổ lần lượt vào trong. Nước đến đâu để, trùn,... chạy tán loạn, từ hàng bắp bị nước ngập đến nơi cao ráo. Rốt cuộc sau trên hai giờ trổ nước tưới, chỉ còn đôi ba hàng còn khô ráo, ở trên đó hàng mấy chục con dế, con trùn đang ở đường cùng chạy quanh chạy quẩn và khi nước chảy tràn ngập hết hàng đất cuối cùng chịu “chết!”.

Đến con dế con trùn mà không bao giờ chấp nhận sự chết một cách dễ dàng hướng hồ chi con người!. Hồi tôi bị đuối nước, trước giây phút “chết” tới nơi, tôi quẩn quại đờn đau vô cùng!. Tự trách mình sao quá dại không nghe lời mẹ dặn “Con đừng bao giờ tắm sông!”. Rồi như cuộn phim chiếu chậm tôi thấy mẹ thấy cha, thấy em rõ mồn một... và cả bạn bè... nữa. May mà hồi ấy Lộc bạn học cùng lớp đã cứu tôi thoát chết trong gang tấc!.

Bà Nong nằm bất động. Các y bác sĩ hết thăm khám đo huyết áp, kẹp mạch lại ghi ghi chép vào bệnh án. Hầu như mọi loại thuốc men hiện có tại bệnh viện đều được chỉ định xử dụng cho ca cấp cứu đặc biệt này.

Ông giám đốc Sở Y tế thành phố đến thăm và nói:

“Các anh Nhân Ái cứ lo hết mình. Có gì cần điện tôi chi viện!”.

Bác sĩ Liên cô con dâu lần đầu tiên gặp mẹ chồng trong tình cảnh hết sức oái oăm. Chắc không có nàng dâu nào trên trái đất này lại gặp một trường hợp tương tự, giờ đầu óc vừa xúc động vừa rối beng như xác xả tằm. Cô vô cùng lo lắng... rất may cách mà cô đề xuất để cứu mẹ chồng đang từng bước có hiệu quả. Bà Nong rục rịch. Tiên nãy giờ ngồi bên mẹ, anh như người có xác không hồn!. Mặt mũi tái ngắt không còn chút máu nào!.

Phía giường bệnh bên kia cũng với phát đồ điều trị như bà Nong, bà Chánh đã tỉnh dậy cách đây hai mươi phút. Khiến cho mọi người thêm hy vọng...

“Tiên ơi! Cứu mẹ!”.

“Con ơi! Cứu mẹ!”.

“Tiên ơi! Cứu mẹ!”.

Bà Nong gọi liên hồi!. Thật ra chỉ gọi trong tâm tưởng thôi chứ hàm miệng bà còn cứng ngắt. Trong cơn mê mê tỉnh tỉnh bà Nong dành tất cả tình yêu thương cho đứa con trai độc nhất của bà, bà không bao giờ có một lời than oán chi cả!.

Trời tháng chạp giáp Tết Nguyên Đán lạ thật chẳng chịu tạnh ráo. Những cơn mưa đầu Xuân không đổ xuống âm âm như mưa mùa Đông nhưng cũng không mưa lất phất như mọi năm. Mưa và gió từng hồi khiến cảnh vật trông buồn quá. Những cây tùng trồng ngay hàng thẳng lối dọc hành lang trước phòng cấp cứu được cắt tỉa hình bầu dục bình thường trông đẹp thế giờ đang bị gió thổi mạnh nghiêng qua ngã lại tơi tả. Các chậu hoa cúc, hoa hướng dương đang làm nụ, có nụ chớm chớm nở... thế mà trong cơn mưa gió chẳng còn gì vẻ đẹp để thanh thoát vốn có.

Tiên và Liên cả hai ngồi im hình như từ sáng đến giờ chưa cơm nước gì mà sao bụng dạ cứ nặng trĩu. Bác sĩ Tân giám đốc bệnh viện Nhân Ái đến ngồi bên vợ chồng Tiên.

“Anh chị là...”.

Không để bác sĩ Tân nói hết câu, bác sĩ Liên trả lời ngay nhưng cũng chỉ biết lí nhí “Dạ!, Dạ!”.

Bác sĩ Tân nói:

“Ba tôi cùng hai cụ cao niên ở chỗ tôi ở thường hay lui tới thăm viếng nhà dưỡng lão Nhơn Bồn. Ông kể ở đó cuộc sống thường ngày của các cụ tội lắm! Thiếu vật chất không nói thiếu vắng mặt tinh thần là không có gì bù đắp nổi!. Ba tôi rủ Chủ Nhật tới đi với ông sẽ cảm nhận rõ hơn.”.

Tiên như người mất hồn, ngồi nghe bác sĩ Tân nói chuyện lòng đau đớn quá!.

Bác sĩ Tân kể tiếp thật ra vụ ngộ độc sáng nay là độc nhất vô nhị, từ rất lâu rồi bên cạnh kinh phí thành phố chi, nhà dưỡng lão tồn tại chủ yếu nhờ các nhà Mạnh thường quân, các nhà từ thiện. Họ đến với các cụ tất cả vì tình con người với con người không chút vị lợi cho nên chuyện bà Hân ở quận 3 gây ra ngộ độc thực phẩm nhất định là ngoài ý muốn. Nguyên nhân ban đầu theo Trung tâm y tế dự phòng cho biết do trong thịt heo nạc còn dư độc tố tăng trọng tạo nạc, một vấn nạn làm các nhà quản lý đau đầu họ đang kiên quyết truy tìm và xử lý tận gốc.

Tiên hiểu rất rõ việc bác sĩ Tân nói nên trả lời:

“Dạ! Tôi biết!”.

Bác sĩ Liên thêm vào: “Dạ! Ở mình bác sĩ có gặp trường hợp nào như...”.

Bác sĩ Liên định nói “Như mẹ tôi chưa?”. Nhưng dừng lại.

Bác sĩ Tân hiểu ý:

“Chưa đây là lần đầu tiên!”.

Rồi đứng dậy lấy ống nghe chập chập vào ngực bà Nong, đột nhiên đôi mắt bà Nong hé hé mở. Bác sĩ Tân nói như reo:

“Cụ tỉnh lại rồi!”.

Vợ chồng Tiên đứng bật dậy ôm chầm lấy mẹ mừng lắm!. Mà lặng thinh.

Sáng ngày hôm sau bà Chánh bà Nong dậy sớm như thường lệ, trong khi Tiên và Liên còn đang nằm ngủ ngon lành trên một chiếc giường trống người bệnh cùng phòng.

Hai bà tâm sự với nhau mình mới thoát cái chết trong gang tấc.

Bà Nong chăm chăm nhìn Tiên, nói:

“Con trai tôi đó!”.

Kết

Từ lúc bà Nong đi đến giờ căn phòng ở nhà dưỡng lão Nhơn Bồn này trở nên vắng vẻ, trống trải một cách kỳ lạ. Bà Chánh trước đây cả ngày nói bu lu bù loa trăm chuyện, chuyện nọ chưa dứt xọ chuyện kia liền tay nay hay ngồi thẫn thờ nhìn ra cái sân rộng sắp đặt nhiều loại cây kiểng, cây thế xanh tươi mát mẻ thế mà trong lòng nóng tựa hơi lửa. Bà Chánh sẽ sẽ đứng dậy chầm chậm rời khỏi căn phòng buồn tẻ định sang nói chuyện với bà Sung một chút có khá hơn không!.

Cách đây mấy hôm Khuynh con trai bà Chánh gửi thư về báo tin từ ngày thi hành xong án "làm hàng kém phẩm chất ảnh hưởng sức khỏe người tiêu dùng" đến nay trên mười năm mà anh chưa tìm được công việc gì ra hồn để làm. Cốt làm cho khuây khoả thôi cũng chẳng có ai tiếp nhận. Anh nói bên nước họ ngó dễ thế nhưng không phải vậy, ai mà vi phạm điều gì liên quan đến tính trung thực một lần thôi coi như đi tong... đúng là “Một lần thất tín vạn lần thất tín!”. Vợ anh một tay lặn lội trong cơ chế thị trường đúng là thị trường nên vất vả lắm mới có đủ tiền cho hai vợ chồng và hai đứa con đang tuổi ăn học tạm tạm sống qua ngày giữa thời buổi kinh tế suy thoái... Anh nói trăm lần ngàn lần tạ lỗi mẹ. Anh viết: “Chỉ hình dung mẹ thui thui ở nhà dưỡng lão thiếu mọi điều kiện sinh hoạt, tuổi mẹ lại cao rày đau mai ốm không có con cháu bên cạnh chăm nom là con khóc!”. Đoạn này bà nhờ cô bé Ti Thi nhà ở phía trước nhà dưỡng lão chạy qua chơi đọc giùm, đọc tới đó bà Chánh nói thôi biết thêm buồn chứ ích chi. Bà trông mong hai đứa cháu nội mai sau khôn lớn học hành nên danh nên phận làm ăn tốt là mừng. Còn lớp con như thằng Khuynh như thằng Huyền và cả hai cô con gái ở xứ Hàn nữa có như không, cái thân lo chẳng xong mà sức đâu lo cho ai. Thôi kể làm gì nữa!. Thật là số phận nghiệt ngã bám riết nhà bà Chánh từ ngày ông Chánh đi theo ông theo bà tới giờ!. May mà có nhà dưỡng lão... chứ không chẳng biết đi đâu về đâu?.

“Bà Sung ngó vậy mà sướng”.

Bà Chánh lẩm bẩm không để bà Sung nghe, thế mà bà Sung có linh tính nói ngay:

“Thôi đừng phân bì tôi nghe!”.

“Có chi mà phân bì phân bà?”.

“Thì... “.

Bà Sung định nói toạc móng heo rằng “Con nợ, chồng oan gia, cửa nhà bán hết ra thân ăn mày!” nhưng kịp dừng lại. Bà Sung cười hà hà, kiêu cười móm rộm cái miệng, thiệt tội!.

Rồi nói:

“Mai thuê xe thô tôi với bà đi chùa Linh Ứng được không?”.

“Ừ! Tôi có mệt nhưng cố gắng đi, may mà có Phật độ trì chứ không tôi đã xanh cỏ hơn trăm ngày rồi!”.

Mới đó mà đã qua tháng hai âm lịch rồi nếu mà nay ở quê bà Chánh một trong các tay chủ chốt lo tính mâm cao cỗ đầy trong các đám Thanh Minh chạp mả ở tộc họ, lễ Kỳ Yên ở đình làng. Giờ thì muốn cũng không được “Lão giả an chi” một phần; một phần khác tiền bạc đâu mà đóng mà góp như xưa!.

“Cái thân già đây còn phải sống cậy nhờ của thiên hạ”.

Bà Chánh lại lẩm bẩm!.

Anh bưu điện đứng ngoài cổng nói với vào:

“Có bà Chánh bà Sung ở trong đó không? Nhận thư!”.

Nói là nói như vậy nhưng anh bưu điện dựng xong chiếc xe Honda dưới bóng cây dừa đã đi vô tận nơi bà Chánh đang ngồi với bà Sung phía sau căn phòng hóng gió mát đưa phong thư.

Bà Sung hỏi:

“Của ai rứa?”.

Anh bưu điện nhanh nhẩu trả lời:

“Bà Nong gửi!”.

Cô bé Ti Thi học lớp bảy đọc thư từng chữ từng câu có ca có nhịp khá rành mạch. Hai bà bạn cũ của bà Nong nghe mà mừng. Từ ngày cô con dâu vợ anh Tiên con trai bà nhất định “Mẹ có không muốn vợ chồng con cũng mời mẹ đi Sài Gòn ở với con với cháu”. Sau vụ suýt quy tiên đến nay bà Nong thoát được cảnh sống “cô quạnh” rồi.

Người ta nói đúng thật “Dâu hiền con gái”. Bác sĩ Liên con nhà gia giáo nền nếp gốc gác miền Trung đã ba thế hệ ở sống ở đất Sài Gòn vẫn gìn giữ trọn vẹn lễ nghĩa đạo làm người. Bà Nong giờ được phụng dưỡng đầy đủ an vui tuổi già nên có da có thịt khoẻ mạnh hơn trước nhiều.

Cuối thư bà Nong cho biết:

“Lá thư này là do tôi đọc cho cô dâu viết hai bà thấy được không?. Hai bà nhớ chịu khó ráng ăn uống nhiều hơn một chút nữa nghe. Chứ cứ như mấy khi thì... dễ sinh bệnh tật thêm khổ thân.

À quên! con dâu tôi nay mai sinh con trai đầu lòng. Tôi sắp có cháu nội bằng ẵm rồi!.

Bà Nong - Địa chỉ: nhà số:... đường... quận Bình Tân, Sài Gòn - ĐT: 090535709...”./ (*).

()*: Các chi tiết trong truyện ngắn nếu có sự trùng lặp với ngoài đời sống là ngoài ý muốn của tác giả. (Hòa Văn)

HÒA VĂN

XUÂN NHẬT

PHAN

Nếu ông bạn già đừng trượt chân suýt ngã ngoài bậc thềm thì chả ai đi làm lại cả bậc thềm bằng gạch, đá cuối mùa đông, bao nhiêu lạnh miền bắc đã cuối mùa nên xua nam tàn nhẫn, tuyết làm gãy cành hồng mới ra hoa, tróc gốc hải đường sắp tới mùa rực rỡ. Coi vậy mà tết tới khi những bông tuyết tan trên thềm nhà; không phải cái nắng hanh hao vàng, se se tí gió cho lòng chợt băng khuâng như giáp tết quê xa; nắng đông nơi này loé lên vài tiếng giữa trưa, không đủ cạn ly cà phê nhớ; đôi tay buốt chưa tan đã hết nắng. Mỗi mùa xuân không về như bao lớp tuyết tan đi, tuyết lại rơi và mùa xuân vẫn về sau đông giá. Bao giờ về lại quê xưa, ăn cái tết ở trần, khê khà dưa giá chấm nước thịt kho tàu đưa cay cho chung rượu đế. Tiếng ồn sòng bầu cua, lét đét đem tiếng pháo ròi của mấy tên nhật pháo đêm Giao thừa, thằng bé khóc áo mới vướng bờ rào kẽm gai, con mèo no mỡ tắm nắng xuân, tiếng trống lân xua bày trẻ nhỏ ra đình, bỏ lại căn nhà yên vắng khói hương... bỗng nhớ ông bạn không về từ lần bái biệt đã biết xác thân gửi lại quê người. Có những người đi không mong trở lại thật lòng, dù nổi buồn trong ly rượu đỏ không đủ quên hết những gì đã qua, màu hổ phách sóng sánh trong ly cognac càng gọi sâu cổ thổ... những đồng cảm nên có món ngon rượu quý phải gọi mời cho được một tâm khảm tương đồng. - Muốn hay không cũng phải làm lại cái thềm nhà gạch vỡ, đá lở để biết lòng người không sờn, bảo vệ người đồng điệu là bảo vệ niềm vui còn lại nơi viễn xứ xa xôi. Nhưng nói gì với đá ngây ngô, đá sần sùi tủi nhục tới vô ưu, đục vãi máu tay cũng không nhúc nhích. Gạch vỡ dễ như bánh tráng, nhưng đập nát để xúc đi thì cứ văng men gạch lên mặt mũi như những mũi kim châm. Thân trong mấy lần áo vải, giày nón, găng tay... càng luộm thuộm khó làm mà lạnh thì cứ len lỏi vào cổ áo, ống chân như cố tình tìm lên, dò xuống cội lòng trống hoác những mùa xuân... mai chưa nở viết về xuân thế chó/ nào được đây ý nghĩa mùa xuân/ pháo chưa đốt lân châu trước ngõ/ xuân chưa về báo hồi bài đâu... biết xuất ngoại làm nghề báo chí thì ở cha nó trong nước cho khỏi lạnh teo hồn, quần tóc với xứ quỷ tha ma bắt này.

Gã buồn bã đục từng viên đá cuội, tiếng xe thứ tư ghé lại trước nhà, gã không buồn quay lại vì biết chắc là người đi lượm rác. - Bà Mỹ đen hàng xóm dọn ra đường một đồng rác vĩ đại và nham nhở từ cuối tuần, nhìn qua chỉ thấy thùng, hộp nhựa thùng bể, bàn ghế ngoài trời đã mục vì nắng mưa, cành cây mục gãy bởi tuyết đá, mớ móc áo không xài vương vãi ra tận giữa đường... Nhưng từ ngày kinh tế suy thoái, nhiều người đi nhặt rác hơn xưa; những người mất việc tới hết luôn tiền thất nghiệp thì làm gì? Những người đàn ông ở Texas chỉ đi xe truck (Texas man-truck only) sẽ đổ vào xe vài gallon xăng, chạy rảo khắp nẻo đường từ đầu tuần và thứ Tư là đông đảo nhất. Thứ Tư đổ rác nên nhà nhà kéo thùng rác ra sau nhà, nhưng rác commercial, rác xây dựng, sửa chữa nhà cửa, tủ bàn ghế cũ, cành cây lá rụng... phải kéo ra trước nhà cho xe rác có cần cầu tới lấy. Thế là người Mỹ đầu tiên, đến từ sáng sớm. Anh ta lục tung đồng rác, nhặt mớ chân ghế bằng sắt để bán sắt cũ. Người Mỹ đến thứ hai chỉ còn nhặt được những thùng rác, hộp nhựa bể để bán nhựa. Người da màu thứ ba, bới tung đồng cành lá mục, rồi thở dài, bỏ đi. Không chừng hôm nay anh ta lỡ sở hụi mấy gallon xăng vì trên thùng xe anh ta chỉ vón vện một cái máy tập thể dục loại nhỏ, cũ sét. Tiếng xe thứ tư của kẻ không may làm gã không muốn nhìn gương mặt tím tái vì lạnh không bằng thất vọng. Thời buổi đi nhặt rác cũng lỡ vón tiền xăng. Dù sau lưng gã, phía ngoài đường vẫn có tiếng bới rác, tiếng động kết thúc bằng câu chửi thề tiếng Việt. Hắn quay mặt ra đường để bái kiến đồng hương, chưa kịp thì bề trên

đã hỏi: “Anh, Việt Nam hả?”

“Dạ phải. Anh cần tôi giúp gì không?”

“Có hút thuốc không? Cho tui xin một điếu. Lạnh quá!”

“Anh chờ chút nha...”

Gã vô nhà lấy bao thuốc lá, cái quẹt, rót ly trà nóng. Rồi bưng ra cho khách.

Người đồng hương với gã rít thuốc ngon lành, hớp trà quỳnh quáng. Cuối cùng là dựa ngửa vì say. Gương mặt hốc hác, xanh gầy phần phật gió đông tàn. Anh ta lim dim như người hút thuốc phiện, thỉnh thoảng run lên vì lạnh. Không biết anh ta có đói bụng không, vì trà với thuốc lá không đủ làm người ta vật vã đến thế! Gã vào nhà lần hai, mở tủ lạnh - chỉ có chả lụa là món ăn liền được. Nhưng nghĩ tới bên ngoài băng giá, gã xé gói mì gói, rót nước trà nóng vô mì cho mau ăn, cắt vài lát chả lụa phủ mặt tô mì, bỏ microway.

Bưng trở ra cho người đồng hương không còn ở đó, anh ta đã đi. Không từ biệt, ắt có nguyên do! Gã nhìn quanh-chẳng mất gì vì có gì để mất ngoài cây búa, vài cái đục, cái máy cắt gạch đã cũ mèm-không đáng cho ai lấy. Lòng gã ân hận sau ánh mắt nhìn quanh, thế giới này xấu xa từ những ý nghĩ không tốt về người khác. Gã buồn bã nhìn qua công viên trước nhà, cả công viên tro cành trụi lá thê lương như lòng gã vậy; người đồng hương của gã đang bỏ lên xe truck những thứ nhà kia vừa bưng ra đường cho xe rác lấy. Gã đứng hồ thẹn, phân vân... cuối cùng bước qua công viên để phụ người đồng hương khiêng lên xe cái bếp điện người ta bỏ rác. Gã nhìn nụ cười mãn nguyện trên gương mặt hốc hác, xanh gầy mà cảm khái nghị lực phi thường của người đồng hương di dân.

“Anh qua Mỹ lâu chưa?”

“6 tháng. Còn anh?”

“Tôi thì lâu rồi, anh mới qua 6 tháng, không có việc làm hả?”

“Tui có đi làm, nhưng bị đuổi vì không biết tiếng Anh.”

“Hãng nào cà chớn vậy?”

“Tiệm phở chứ hãng Mỹ nào mà nói!”

“Tiệm nào?”

“Tiệm của chị tui.”

“Trời đất!”

“Anh đừng có nghĩ xấu chị tui à nha. Tự ông anh rể không muốn tui làm nên kiếm có đuổi tui. Chị tui có cho chút đỉnh để xài, nhưng lấy làm chi cho mang tiếng. Tui chưa tìm được việc làm nên đi lượm rác, mỗi thành phố đổ rác khác ngày nên tui cũng làm full-time đó anh. Tiếc là thời buổi người đi lượm rác đông hơn người đi làm nên chậm chân, ngủ trễ là bơ mỗ...”

“Anh khá lắm, tôi có nấu cho anh tô mì gói với chả lụa, sang tôi ăn đi cho ấm lòng viễn xứ.”

“Ngon à nha, tui không từ chối đâu. Nhưng anh đẩy giùm tui cái xe một cái. Lạnh quá, bình quăng không nổi.”

Chả biết hắn làm full-time kiểu gì mà không đủ tiền mua cái bình điện mới cho chiếc xe tàn, vỏ cũ còn cồng trên lưng nó toàn đồ phế liệu nặng chịch. Hắn qua nhà gã, ăn tô mì đã lạnh - khen ngon. Ăn xong, cảm ơn, chào tạm biệt, lên đường. Không quên chúc mừng năm mới phát tài, sức khỏe dồi dào... theo kiểu bình dân học vụ. Hắn lái xe đi, làn khói ống pô mù trong sương tình đồng hương viễn xứ. Chưa kịp hỏi hắn tên gì thì hắn đã quay lại, “Kệ mẹ nó, hôm nay kiếm được bao nhiêu cũng bỏ. Tui ở đây giúp anh, thấy anh đực đá bỏ mà như người ta đực tượng đá thì chừng nào mới xong! Trời lạnh thấy mẹ.”

PHAN

thơ

ĐOÀN THỊ DIỄM THUYỀN

BẾN SÔNG CHIỀU

Nắng tan trên bến sông chiều
Lắng dần đáy nước, dịu hiu cuối ngày
Cánh chim chiều chấp chới bay
Gió buồn đầy cánh bần rơi khẽ khàng
Chiếc cầu bắc bến gãy ngang
Hoa cau rớt nhẹ hương mang ít nhiều
Con đò vắng khách buồn thiu
Gối đầu bóng lá, đợi chiều khép mi

SÁNG XUÂN

Em gieo những sợi tơ tình
Là muôn sợi nắng cột mình với nhau
Em gieo sợi gió lao xao
Níu chân anh đứng bên rào nhà em
Em gieo những hạt sương mềm
Ngủ mê trên cỏ bên thềm ngày xuân
Anh chậm bước, anh phân vân
Em gieo mắt biếc... nẩy mầm tim anh
Anh gieo một nụ cười lành
Hoa lòng em bỗng nở nhanh giữa đời

ĐOÀN THỊ DIỄM THUYỀN

TIẾNG NỔ

TRÂM MIÊN VƯƠNG

Tôi van anh lần sau tắt máy xe từ ngoài ngõ chịu khó dắt vào. Tiếng máy xe của anh làm tôi khó chịu, bệnh trạng tôi chập chờn....

..... Đám biểu tình tuần hành suốt trên con đường rộng lớn khu phố người ở đông đúc. Đoàn người không biểu ngữ không vũ khí. Họ im lìm trong khóe mắt lóe lên những tia hận thù. Nhà cửa hai bên đóng cửa lại rầm rập, trèo lên bao lơn hoặc qua những khe cửa nhìn đoàn người trên đường dài dằng dặc trong những bộ quần áo đủ mọi màu. Đến ngã ba đoàn người biểu tình cứ vượt qua bằng qua không cần biết có ai. Những chiếc xe gầm ghi dử tợn cũng phải dừng lại không di chuyển thêm một chút khi gặp phải đoàn người này như bực tức khi phải chờ đoàn người di chuyển qua hết. Khu phố này không lạ gì những cuộc phô trương người hay đi tìm nguyện vọng. Tôi nghĩ thầm trên một phương diện nào con người cũng đều phải đòi hỏi bằng những phương cách này hay sao? Một con phố thường ngày giờ này linh hoạt nay đã biến đổi âm thầm nhu một con phố ma. Đoàn người như những con quỷ hiện lành chất trong địa ngục được tập tành trước điều thiện. Dù vậy cũng không tắt được tia mắt quỷ ngáy lúc thoáng nhìn.

Tiếng cãi nhau của những mấy đứa trẻ cãi nhau đang đánh bi ngay đầu ngõ hẻm:

-Tao nhất, mày nhì thằng Lũy ba đi đi...

-Của mày rồi đó, chỉ hằm thôi con ơ - Lũy bị hằm rồi

-Tao trước.

-Tao trước chứ.....

Bây giờ tôi mới thấy rõ trái bi tròn trĩnh lăn trên đất chỉ có hai màu đỏ vàng làm tôi phải thắc mắc nhiều nhất. Tôi hoa mắt lên: khốn nạn thằng nào cho màu đỏ vàng vào đây, mày biết màu đỏ là màu gì không?

Thằng bé nhất đám cầm chặt viên bi bị hằm vỡ đứng khóc.

-Mày thường tao đi.

-Ơ, mày bị hằm, bị vỡ ráng chịu chứ ai mà kêu ca gì.

Tôi thấy thằng bé ráp hai mảnh bi vỡ vào nhau đứng nhăn nhó như khỉ ăn gừng. Rồi chợt quay vụt chạy nói với theo lũ trẻ:

Hẹn chúng mày khi khác kiếm tiền mua bi... Thượng đế ơi...đoàn người...màu da ai vàng...dân Việt đau thương...thằng bé đứng khóc...đoàn người đang đi...hai mảnh vỡ của viên bi.

-Tôi đã nói, đã van xin anh, anh có xe...

-Tôi xin lỗi, xin lỗi nhé, quên.

Đoàn người hôm ấy đã khuất không để lại cho dân thành phố điểm gì vui tươi. Những nhật báo, từng nhóm người bàn bạc thế sự, từng câu hỏi được nêu ra: “nước việt sẽ đi về đâu? Đầu óc nhức mỗi nên tôi bước xuống đường ra khỏi ngõ tiến dần vào chợ một lúc để quên khuấy những chuyện đã rồi. Lặng lẽ bước vào gian hàng vải, cố mua vải hai mảnh khăn xô trắng rồi về, bước vào nhà nghe mẹ chửi Ty:

-Tại sao mà để em đi chợ? Con này thật đáng đánh đòn. Đưa khăn trắng đây cho mẹ, sao không để em nó đi chợ cho, đi nghỉ đi, lên trên gác mà nằm nhé, mẹ chuyển phòng con qua phía kia rồi, con nhớ đừng ngồi đấy nữa, chỗ cửa cũ của con đó, tiếng xe quỳnh làm con khổ thêm, con gái mẹ sẽ khỏi bệnh:

-Vâng con nghe mẹ.

Trên đường phố hôm nay lại một đoàn người khác có vẻ dữ tợn hơn đoàn người trước. Có lẽ là loại vừa vừa dưới địa ngục. Trên tay gậy gộc lăm le như ngày xưa chú tôi đi bắt gà nuôi vườn giữa ban ngày khi có khách mà lỡ thả ra buổi sáng. Tôi lại cũng gặp tội trẻ bắt bi như hôm nào và lần này lại bị đánh vì thắng hai thằng kia. Tiếng còi hú xe cảnh sát làm tôi ngẩng lên trong lúc nghe nghe tiến đến đằng đằng sát khí, tiếng hô cháy vang trời, khổ thân đoàn người khi có người bị cháy trùng hợp sự thương hại của tôi với thằng bé bị hai thằng lớn đánh: Tội mà ỷ hai đánh tao phải không? Mà nhớ món nợ máu này, sẽ phải trả con ạ, hôm trước tao thua tao có than thân không đồ khôn nạn?. Tiếng xe chột nổ lớn, xói xang. Mẹ tôi đã đứng cạnh bao giờ nói:

-Mẹ đã bảo con không được ra đứng chỗ đó nữa, sao con không nghe , bây giờ nghe mẹ đi.

-Mẹ ơi con nhìn thấy nhiều lũ quỳnh quá. Mẹ tôi chỉ tay vào người thanh niên đi xe rồi nói:

-Nó đi xe lúc con đang bệnh làm con bệnh thêm thế con nghe mẹ qua đây ở ngay đi con, nếu không mẹ phải khất khe với con đấy.

Tôi nhìn vào đôi mắt mẹ vâng lời bước qua cánh cửa. Tự dưng mâu thuẫn đến với mình. Tôi không muốn thấy thiếu tiếng xe xói xang ấy mỗi chiều, nhưng có mặt lại muốn chửi cho anh ta biết mặt. Đặt mình xuống giường thì tôi phỏng định bọn người biểu tình đã bị quét sạch. Hình như từ lúc đám người biểu tình này mới này đến con đường ảnh hưởng đến bệnh trạng của tôi. Tôi biết thằng bé cũng từ con ngõ đó mà tới. Thắc mắc thật nhiều từ khi tiếng còi hú vang, đoàn người có người bị thương, có người tự thiêu có kẻ bị bắt, thằng bé đánh thắng lại bị đánh, đời nào kiếp nào giải quyết cho, ổn thỏa. Tôi tiếc không còn ở lại phía cũ, không còn được nhìn đoàn người, tôi tiếc không còn thấy thằng bé đánh bi trở lại chơi với những đứa khác. Cánh cửa đó niêm phong hạn chế từ đó. Mẹ tôi đã hiện ra từ lúc nào và giọng ôn tồn: -Con gắng nghe mẹ nhé, mẹ đi đền khăn cầu cho con, cho đất Việt. Cần gì hỏi và gọi Ty nó lên. Mẹ vuốt tóc tôi rồi đi ra. Tôi làm bạo ra song cửa vẩy tay. Mẹ tôi vừa đi khỏi chợt nghe tiếng xe máy đầu ngõ, ngừng lại và dặt xe vào. Tôi nhìn anh và tim đập nhanh hơn lúc thường, nó len lỏi vào tâm hồn dâng cao đến một độ nào đó rồi thất vọng như bao lần xe anh vượt qua lối rồi hạ xuống, nhưng lần này anh chống xe ngay cửa sổ thẳng chỗ tôi, và vào thẳng nhà cho đến nỗi tôi không đề phòng kịp. Tiếng em tôi mừng rỡ:

-Anh Linh anh vẫn khỏe đấy chứ?

-Mạnh nhưng buồn. Tiếng anh nói sang sảng đến nỗi sau này còn vang mãi trong tôi. Bấy nhiêu thôi tim tôi se thắt lại. Bỗng dưng tôi dờn bỏ ngay chỗ ngồi đi thẳng vào giường đặt mình xuống.

Đã lâu lắm tôi không thấy đoàn người đến trên con đường này nữa. Sự khác thay thế vào đó, những chiếc xe nhà binh, xe Nhật nhảy múa trên con lộ lạnh lẽo từ hai thời kỳ: Những xe Nhật chở hai người được chở bên một phía hay hai phía cũng chẳng làm tôi thỏa mãn hơn. Nhiều tiếng nổ đêm khuya phá giấc ngủ. Quỷ thật đánh nhau trong thành phố này sao? Mấy thằng đánh bị cũng vậy, tất cả diễn qua như một vở kịch diễn qua một lần không hai. Phía này hỏa châu nhiều, họ đốt đèn trời có ý gì?..... Má ơi! Má. Họ đốt đèn trời có ý gì hở má? Để đánh nhau với ai? Việt minh à, sao kỳ vậy?...Việt nam...Việt cộng ...Việt nam cả mà? Người mẹ đến tự bao giờ:

-Thôi con nằm xuống đi bệnh lại lên rồi đó. Người mẹ lại đi giấc mơ hải hùng lại đến....

-Tao đánh mày sao?...

-Tại sao mày lại yêu?...không được mình quấy rồi... dân Việt. Chị em, khó xử quá...anh...em cũng yêu anh rồi đó. Ty nữa.....

Tôi mơ thấy anh chấp cánh bay ra khỏi tiền đồn hẻo lánh xa rừng thẳm về với đô thị nhan nhản những bộ mặt già dặn không chịu hy sinh nhập cuộc để đoạt dứt tiếng kêu trầm thống của vùng lầy hiện tại. Đại gia đình Việt tang thương. Những người phụ nữ đang sa xuống hố bùn (trôn nuôi miệng). những đứa trẻ nhỏ tí đã ngậm trên miệng điều thuốc Salem hoặc đi bắt mối cho những khách làng chơi ngoại quốc. Những gì đó của xã hội này. Bản thể nước nhà còn gì. Những đứa trẻ con chấp nhận hay kẻ đàn anh khôn nạn đã lừa chúng vào con đường hủy diệt. Tất cả luân lý tiền nhân để lại đã bị tiêu diệt trong khoảng thời chiến tranh lúng túng trong tiêu cực. Áo ảnh là khối mờ xa lắt, hay tất cả vọng mô của dân tộc đã bị đục khoét nên không nhìn thấy tương lai, thấu cuộc chung toàn diện. Cũng như anh không thể thấu đáo nội tâm của tôi, của Ty. Ty yêu tôi một người chị không điên hẳn khủng hoảng. Còn tôi với Ty một người em yêu mến. Đàn ông là gì mà có thể gạt bỏ tình chị em.

Những đêm động đặc trong thành phố. Tôi bơ vơ, em tôi bơ vơ trong niềm lo của bất cứ cuộc sống người con gái nào. Trong lúc thiếu thốn, dục vọng thức dậy, niềm lo âu trong cuộc sau tiềm ẩn nhất trong tâm não của cả nơi loài mềm yếu. Người đàn bà thụ động trong chờ đợi. Đoàn biểu tình cũng vậy. Một số động bằng gần số có thụ động tính như đàn bà, họ chẳng biết tí gì về công việc họ làm, họ chỉ a dua theo con đầu đàn... cũng kệ họ.

-Em tôi nó nói anh lên đây phải không? Anh nghe tôi, anh xuống, anh có thể như viên bi của thằng bé, rồi cũng sẽ bị bể hai vì vậy anh được gì. Anh là một kẻ tồi đến không đúng lúc với hai tôi, khi trái bị vỡ ra đau đớn lắm, da vàng cả mà anh, ai đang tâm lút đường. Anh là kẻ đào hoa đúng lúc đối với thiên hạ, khi chúng tôi những phần thụ động vương vào vòng tầm thường lắm lắm. Anh là một loài gì bây giờ anh hãy bước ra, anh là anh, không là một loài gì khác, loài ong chẳng hạn, hay loài bướm, cũng chẳng phải vì vậy ve vãn cả hai. Bây giờ tôi mới thấy sát nghĩa tồi, hay anh thương hại, khỏi cần, anh để tôi yên, anh hãy bước ra nghe không anh. Bây giờ, ngay lúc này tôi cô lập hoá tình cảm tôi lại, xin lỗi tôi tự tôn, mà phải đúng nghĩa. Anh bước ra rồi tôi kể chuyện này cho anh nghe. Chuyện ngày nay chuyện đất nước lâm nguy, anh là trai, tôi không nói khéo anh đâu tôi nhìn thấy khoảnh của anh trên lãnh vực đó tôi nói rõ cái đó còn cái khác xin chịu, và anh là anh không phải là tôi. Anh nên nhớ, bao giờ cho người dưới đường không còn, tất cả nội người sẽ hiểu. Nếu anh thương Ty, thương tôi thì chúng tôi cũng chẳng muốn nghe tiếng xe xỉa xối này nhiều, chỉ muốn nghe đôi lúc, tiếng xe lúc đó kêu khác, có nghĩa như tiếng kẻ trở về thành phố, tiếng kèn kên kiêu trong màu áo chiến kiêu xa. Nhưng tôi tầm bậy quá rồi phải không anh. Anh bước ra rồi tôi nói chuyện với ai, anh ngồi lại tôi kể chuyện cho anh nghe rồi ra đi mới phải. Nghe tôi kể chuyện đó anh chấp nhận không nói đi? Thôi khỏi cần ý kiến của anh. Rồi đây tôi cũng không thể ngồi không, cũng sẽ làm một cái gì khi anh ra đi rồi. Việc tôi làm sẽ không cùng khuôn khổ như anh nhưng cùng một tiêu chuẩn đại chúng. Mặc anh không thuận nhưng tôi thuận, cái điều muốn của kẻ này không là của kẻ khác. Đây là suy nghĩ theo một chiều. Sự này tôi muốn cho anh, đừng ngồi không và hỏi người ta làm gì nữa, thừa thãi lắm đó

anh.

Tôi nằm im trong những ý tưởng. Anh đi lúc nào không hay. Ty không hiểu có dưới nhà không, nhà im lìm thế này. Tiếng má tôi vọng dưới nhà:

-Sao con khóc hử Ty?

-Con gì buồn gì vậy? Mẹ tới hỏi rồi bước chân cầu thang từng nấc thang thấy gần tới hơn. Mẹ tôi hỏi:

-Bớt chưa con gái ?

-Dạ bớt rồi, mẹ lo cho con quá.

Mẹ tôi kêu Ty lên đình đặc ngồi trên chiếc ghế báo cho chúng tôi sắp bán nhà này di chuyển về Đà Lạt hợp với thời tiết hơn, nhất là có lợi cho căn bệnh tôi. Lên đó má tôi sẽ trồng rau, trồng dâu hay trồng hoa, bất cứ việc nào có thể sống được. Tôi và Ty nghe nói chột nhìn nhau. Tôi thấy Ty buồn nhiều. Tôi không thể chối cãi sự man mác dâng lên trong lòng. Cả hai chị em cúi xuống suy tư cho xa cách này. Chắc chẳng còn được nhìn những đám người biểu tình và có người cháy hay không còn phải nghe tiếng xe nổ nhói tai, tiếng xe nổ mâu thuẫn không nói được trong lòng tôi phải nên ghét hay nên buồn. Tất cả một đoạn sống qua đi rơi lại phía sau như chuyện tàu lửa chỉ còn sự trống rỗng của cuộc sống gia đình toàn đàn bà. Mẹ tôi cũng cho biết sẽ dọn nhà vào cuối tháng. Tôi không lo âu một chút nào nhưng vài ý nghĩ viển vông đại dột xen vào khơi lên cho tôi biết một lần ra đi có sự gì trùng hợp đau buồn. Tôi cúi xuống nhìn tập drap trải trên nệm màu hoa cà đan khít bằng những cánh hoa không tên rồi ngả mình không đợi má tôi nói thêm gì. Mẹ và Ty xuống hẳn mới dành cho tâm hồn phần trống rỗng. Tôi lo cho ngày mai, phải đối phó với cuộc tiễn đưa bằng xác thân, bằng linh hồn trộn trạo như đồng vữa, rồi cát sẽ nhuộm màu xanh của si măng, hay thời tiết miền lạnh lẽo càng nung nấu sôi bỏng hoa niên. Tôi nhìn thấy tương lai trong má tôi, trong tôi cơn bệnh hiện hữu, trong đất nước khói lửa điêu tàn, trong anh tạm gọi là hèn nhát không vươn dậy. Bác sĩ chữa bệnh cho tôi cũng là những con người đóng khung cho cho sự dốt chung của nhân loại. Một hiện hữu đáng trách khi nhìn thấy thảm cảnh, không thể thừa nếu anh đứng dậy, và vẫn thiếu từng bàn tay.

Tôi chép miệng cúi mặt lũng sâu vào chiếc nệm cao su êm dềm. Tôi có thể giàu tưởng tượng hơn lên như nằm trong vòng tay một người tình, trong hạnh phúc. Giây phút này tôi không hiểu rõ tôi ở khoảng trời nào, cạnh con đường cũ để xem đám người hay đòi thông gió lạnh vì vút nước nở buồn.

Má và em, ăn cơm xong mới đánh thức tôi. Uể oải nghe đau ran từng khúc xương vì thời gian bệnh khá lâu không được hoạt động. Như một cuộc ngưng chạy của một chiếc máy ngày này qua ngày khác làm hao tổn tinh thần, đúng ba tháng kỳ hè tôi đã nằm đó mãi, cho đến ngày hôm nay mới được sự chấm dứt. Còn mấy ngày nữa thì hết tháng và bốn tuần nữa thì hết hè. Nghiễm nhiên được trả lại trên ghế nhà trường tiếp tục học. Tôi đoán chừng sách vở nhàm chán tôi phải quay vòng tròn, má tôi phải giải quyết cho tôi bằng phương trời khác, bằng lớp học, bàn ghế, con đường, nhưng luân lý có khác không hờ các người dạy ta tất cả rồi phản lại tất cả, trò đời bần thủ như một sân khấu.

Bữa cơm hôm nay cộng với bữa cơm hôm qua nơi vòm trời cũ. Khoảng đất xa lạ này tôi thấy khoảng tối trong ngày, tìm đêm lạnh lẽo làm bạn cho ngày mới. Cô đơn làm nghĩa sống khởi tâm. Tôi không nuối tiếc một chút nào khi từ biệt thành phố thường có đám người đến và một đám người cháy. Bây giờ nằm im trong căn phòng trống rỗng khi nhớ lại vết xe đi nhờ qua hè nơi thành phố. Tiếng xe nổ giòn chát chúa nhưng đáng yêu nhiều. Tôi kết tội anh nhưng tôi không hối hận việc làm của tôi vì khi kết luận và quyết định của anh đã thành hình mà tuổi anh đã tròn hăm lăm. Một sự quyết định giải quyết được hai điểm chỉ tôi suy nghĩ được chẳng khó. Nó là của tôi và của em tôi. Nó là của anh và của đất nước. Nó là của chúng ta và của thế hệ. Mặc dù

trong say mê đắm chìm, mặc dù nó bao gồm sinh lý, hạnh phúc. Mặc dù nó trả giá bằng gian lao cực khổ, hay trả cho anh bằng những sinh lý vất vả no tròn. Nghĩa là chúng tôi hy sinh quên đi, coi như vết xe đường không còn nữa, coi như không còn phiền toái bằng tiếng xe qua con hẻm nhờ hè.

TRẦM MIÊN VƯƠNG

thơ

VÔ BIÊN

BÊN ĐỜI CÒN SỢI TÓC BAY

Những sợi tóc bay bên trời vạn đải
Bay qua ngàn thu cát bụi mịt mờ
Riêng ta đám mây phiêu bồng nọ
Trút xuống đời bằng nỗi lòng không
Ta thả xuống trần gian hết vương váu một thời
Lột xác
Ta trần trụi đến khơi vơi
Đắm mình giữa dòng sông bất nhị
Ô hay bên đời còn sợi tóc em bay
Ta thả xuống ngàn ngày
Tóc xanh bay ngàn tóc trắng
Thả xuống lòng trái đắng
Quyện mật ngọt trần gian lên đèn tóc em
Thả ta trong ta
Có kẻ chần trêu nhìn mơ màng chiều xuống
Một đường bay phiêu hốt cánh chuồn chuồn
Lượn sóng đến đời có một vị tăng
Theo gã một đồng dắt trâu về cột
Đi bên đời chiều bát ngát
Nghe trong hương nắng sợi tóc em bay về
Chiếc lá ngày xanh hay giữa lòng con suối
Ta xin gửi lời trần trụi
Một tiếng yêu thương
Giữa trần gian.

Viết 1999

VÔ BIÊN

ĐÊM KHẢI HUYỀN

QUÝ THỀ

Người ta kể lại rằng đêm đó khi nàng cất lên tiếng hát, đại thánh đường tràn ngập một mùi thơm đặc biệt, ban đầu không ai biết mùi gì, sau có người nói mùi Long Diên Hương. Chị Tro, một người đàn bà ốm nhom như con cá hồ phơi khô, ở thôn Cận Hải, làm nghề rồi, có chồng đi biển, lượm về một thứ, mới trông như sáp ong, mùi thơm lạ lùng, bỏ trong hai ba cái túi ni lông cột chặt lại, mùi thơm vẫn bốc ra ngoài. Trong làng chẳng ai biết là gì, đem tới nhà ông cụ Luận, tám mươi chín tuổi, ba đời làm nghề thầy thuốc, cụ nói đó là Long diên hương, cái mùi ái tình của cá voi đánh dấu con đường nó đi giữa biển cả mênh mông cho con cái tìm thấy. Thầy nói mùi lạ lắm, ngửi một lần nhớ ba năm, đêm nằm chiêm bao thấy sóng, sáng dậy nửa ngày còn say sóng lao đao...

Nàng hát hay đến nỗi thánh giả hàng ngàn người tràn ngập đau đớn, quần quai trong một thứ hạnh phúc dữ dội, tàn nhẫn. Có người nức nở, có người mê mẩn, có người ngất xỉu. Xe cứu thương tới lui chở người bị thác loạn thần kinh tới bệnh viện cấp nập. Tiếng còi của những chiếc xe sơn trắng có hình thập tự đỏ, nghe không ghê rợn mà dịu dàng thánh thót như nhạc giáo đường. Tiếng hát của nàng trong vắt giống như đựng trong lọ thủy tinh mở nút bay ra một làn hương. Tiếng hát trong như một khoảng chân không, đó là thứ vật chất chẳng có gì, gọi là ê-te, theo cách nghĩ ở thời của những nhà giả kim thuật. Tiếng hát sắc như dao cạo, con dao sắc bén đến nỗi cửa vào da tê tái mê mẩn. Tiếng hát cao dần, cao dần, từ bát độ này sang bát độ kia, trở thành siêu âm. Khi âm thanh rung động đã đến tần số siêu âm thì tai người chẳng còn nghe, nhưng những chiếc bóng đèn thủy tinh cảm nhận trước tiên. Tội nghiệp, những chiếc đèn nội hoá làm dấm, mỏng manh treo ở quầy bán vé nổ trước tiên. Nơi đây tối như đêm ba mươi, tiền bán vé rơi lả tả, chẳng ai nhặt, sau này phải dùng chổi để gom lại. Rồi tới mấy bóng đèn trong phòng vệ sinh không chịu nổi tần số rung động siêu âm, biên độ siêu âm nổ lộp bộp như ngô rang. Người ra vào không còn đủ ánh sáng phân biệt nơi nào dành cho nam, cho nữ, để xảy ra vài đụng chạm hoặc hiểu lầm, thực đáng tiếc. Rồi thì tới lượt mấy cửa kính vỡ, thủy tinh rơi loảng xoảng. Chiếc vòng đeo tay bằng thứ ngọc thạch giả rẻ tiền nơi cánh tay bà bộ trưởng gãy

làm ba. Bà làm bộ kêu to :”Ồi chao ! Chiếc vòng ngọc thạch đáng giá bốn cây rươi vàng gãy rồi !”. Ông bộ trưởng nói :”Để tôi đèn”. Bà ta cười thầm trong bóng tối, cảm ơn nàng ca sĩ có tiếng hát lạ thường. Rồi thì tất cả đèn đóm trong phòng lần lượt vỡ tung, từ trên cao trút xuống một trận mưa thủy tinh trông như chiếc đuôi ngôi sao băng. Đèn đuốc tắt ngấm cả nhưng căn phòng to lớn luộm nhuộm một thứ ánh sáng màu xanh, ánh sáng ma trơi, ánh sáng lân tinh, ánh sáng huyền hoặc do nọc độc loài rắn nhả vào vết thương gây ảo giác lập loè đom đóm.

Và nàng quị xuống. Một con rắn lục từ chiếc mi-crô phóng ra cắn vào môi nàng. Tiếng hát tắt nửa chừng, cơn thác loạn đi qua để lại tàn phá như một cơn bão, đồ vật đổ bể ngổn ngang. Mọi người sực tỉnh kéo nhau ra về. Chị Diên bán đồ khô ở chợ Đầm, ngày thường bán cá khô, mắm ruốc, rằm mừng một bán tương chao. Chị chống tay lên thành ghế ngủ ngon lành. Ông Thuận chồng chị, suốt đời chẳng làm việc gì ngoài việc tụng kinh gõ mõ, thuộc lòng bộ kinh Niết Bàn, hiện là cư sĩ tu tại gia. Ông Thuận đánh thức vợ dậy vừa đúng lúc tiếng hát đưa bàn chân trái của chị Diên lên phiến đá nơi cửa Địa Đàng. Chị tức lắm, vì chỉ còn một bước nữa đã vào cõi cực lạc thế mà bị kéo ra. Tối đó chị không cho chồng ngủ chung. Ông Thuận ôm mền gối, nói :”Chẳng cần, ra hiên ngủ sướng hơn !”. Nói thế nhưng đêm đó ông Thuận chui xuống bếp vùi đầu vào mái tóc rậm và cứng như đuôi trâu đầy mùi nước mắm hành tiêu ớt tỏi của con mụ giúp việc tên là Côi. Ông nghĩ lại rất giận vợ và ghét luôn cái Niết Bàn. Đêm đó ông mơ thấy mình lần mò tới tầng thứ bảy cõi A Tỳ. Ông thấy địa ngục cũng chẳng đến nỗi nào, nhà cửa khang trang , đường xá sạch sẽ. Người với quỷ sống chung hoà bình vui vẻ và lịch sự. Ông đến gần một con quỷ đang điều khiển nút giao thông hồi đường, nó đứng nghiêm chào theo kiểu nhà binh rồi nhả nhận chỉ đường cho ông. Không biết do hấn làm việc tắc trách hay mới từ quê lên thành phố, chưa thuộc tên đường, thay vì chỉ cho ông xuống tầng thứ tám hấn lại chỉ đường trở lại dương thế. Ông giật mình tỉnh dậy. Mụ Côi, người đàn bà hôi mùi nhà bếp chẹn cái bắp đùi to bằng gốc chuối lên ngực ông làm cho ông nghẹt thở sinh ra giấc mơ kỳ dị vừa qua. Gà gáy sáng, ông ôm gối mền lên nhà trên. Lúc này, sau một giấc ngủ đầy, chị Diên thấy trong người khoan khoái, hết cả giận, kêu chồng vào nằm chung. Ông Thuận sợ vợ nghi, trưa không cho ăn cơm nên dù đã ngáy đàn bà tới cổ cũng lết vào nằm. Vợ thấy chồng nằm yên, tức lắm, nhưng chẳng biết nói sao, hỏi :”Đêm qua cô gái hát hay không ?”. Ông Thuận nói :

- Hay ho gì, làm vỡ hết cửa kính với bóng đèn. Hát hò kiểu đó chủ rạp phá sản !

Anh em nhà Tào xem hát xong trở về cãi cọ nhau một trận kịch liệt. Nhà Tào có ba người, Tào cha, Tào anh, Tào em. Tào cha Tào anh làm nghề hót tóc dạo, cha xóm trên, con xóm dưới. Riêng có Tào em không theo nghiệp cha, cha ghét lắm, gọi là đồ bất hiếu. Thằng em ở nhà mài dao kéo với tông đơ cho cha và anh, ngoài ra còn đi chợ nấu ăn. Hấn có tài mài dao. Hấn tin rằng có thể mài con dao bén đến nỗi cắt đứt da thịt mà người ta không hay. Khi ấy không còn gọi là con dao mài mà phải xem đó là một “phương tiện giải thoát”. Giải thoát gì ? Hấn tự trả lời :”Giải thoát con người ra khỏi cuộc đời héo hon chật chội này”.

Tào anh cãi lộn với em không lại tức quá, lúc đầu tính xô đổ tủ đựng chén đĩa, sau thấy tiếc, lựa mấy cái chén đất mà đập cho hả giận. Tào em ra sân ngồi một mình dưới ánh trăng cuối tháng. Mặt trăng trông xấu xí như mắc bệnh phong hủi. Tào em nghĩ tới thân phận con người, không cầm được nước mắt.

Hai anh em cãi nhau về việc con rắn lục từ đâu chui ra? Từ hộp đàn dương cầm hay từ máy phóng thanh? Tào em ngoài việc mài dao còn đọc sách đông tây kim cổ. Hấn cho con rắn chỉ là phương tiện của đấng hoá công mà cụ Nguyễn Du đã nói trong lý thuyết xuyên suốt của truyện Kiều “Tài mệnh tương đố”. Vì tiếng hát của nàng quá hay, đạt tới tuyệt đỉnh rồi nên nàng phải chết. Nàng không thể hát hay hơn thế nữa, chấm dứt vào thời điểm cực sáng ấy là vừa. Con rắn đúng là một nhà hiền triết. Tào em cầm quyển sách rắn học, nọc độc học vào nhà thấp đèn lên đọc. Chương mười bảy nói về rắn lục. Loài rắn này màu xanh lá mạ, con cái biết trang điểm cho mình cái đuôi hồng vào thời kỳ yêu đương. Chúng nó thường sống trên giàn hoa thiên lý, bắt chim sẻ sẻ để ăn, cắn người để chơi. Chúng sống ở trên cao nên không thể mổ vào tay chân con người được. Chúng cũng không thể tấn công vào đỉnh đầu vì chúng rất sợ tóc. Tóc người ta là một thứ lông lá đáng sợ. Trên đất, trong rừng, dưới biển , không có con vật nào có một chòm

lông dài trên đầu còn thân thể lại trần trụi. Rắn lục chỉ thích cắn vào môi, môi hồng, môi trái tim, môi cắn chỉ, môi dày, môi mỏng, miễn là môi đàn bà con gái, vì môi họ thường ăn hàng, nói láo và dùng để hôn là tốt nhất. Có những chiếc hôn ngọt ngào chết người! Rắn lục sợ có kẻ cạnh tranh với mình. Cô gái nào bị cắn vào môi phát ra thứ ánh sáng màu xanh lân tinh, màu xanh chất đồng vị phóng xạ coban, thứ người ta chứa trong những chiếc kim cắm vào khối u ung thư. Thứ ánh sáng quái quỷ này trong phút chốc tràn lan gây ảo giác cho những người chung quanh.

Tạo anh đập xong mấy cái chén rẻ tiền đã hả giận, hồi hận tới ngồi cạnh em vuốt ve an ủi :”Thôi con rắn lục nơi đâu chui ra cũng được, miễn là nó tồn tại và nó đã cắn môi người con gái. Con rắn đã thực hiện xong công việc của nó, chẳng thể xoay chuyển gì được nữa, mọi sự đã được an bài, dù có phi lý cách mấy cũng phải chịu “. Người em nghe thế lại khóc to hơn . Tạo anh không biết tưởng em còn giận mình. Tạo em thở dài nói :”Ồi cuộc đời phù du , ngắn ngủi, tro bụi nhọc nhằn...”Tạo anh tưởng rằng em mình làm thơ. Nó mà mê làm thơ thì còn ai mài tông đơ với dao kéo? Nhưng không. Tạo em hỏi :”anh có biết ông cụ Tuần không?”. Tạo anh đáp, biết. Tạo em thở dài than :

- Suốt một đời bon chen danh lợi, lúc qua đời con cháu đem đi hỏa táng mang tro về, ai cũng tưởng ít nữa phải được một thúng, đâu dè không đựng đầy cái gáo dừa ! Ôi “những gì còn lại” mả mai là thế ...

Người em lại khóc. Những giọt nước mắt rơi xuống đất chẳng có thứ cây trái huyền thoại nào mọc lên cả . Nước mắt chỉ là những giọt mặn mặn, chừng vài phần ngàn muối, độ mặn thua xa nước biển, thế mà tại sao có người ví đời là bể khổ, nước mắt thành biển, nói như thế là nói ngoa. Hai anh em nhà Tạo làm lành với nhau. Họ vẫn còn thắc mắc, tại sao con rắn và người phụ nữ là đồng minh lâu đời với nhau từ thuở trong vườn địa đàng tại sao nay lại xích mích ? Sự thực vào đêm hôm đó có con rắn cắn môi người ca sĩ hay không ?

Lão Niên, một lão già sáu mươi chín tuổi, đi lính hai mươi bốn năm bị một viên đạn kẹt lại trong cột sống. Cái đầu đạn này là đạn sừng sần làm bằng chì. Lão bị thương không phải do hòn đạn mũi tên của quân thù mà chỉ vì người ta lầm tưởng lão là con nai chà đang xuống khe uống nước. Hôm đó lão mặc bộ đồ ka ki màu vàng, trời chập choạng tối, mấy thằng lính thấy lão tưởng con nai, bắn một phát. Chát chì gây nhiễm độc dần dần hệ thần kinh, chất độc chạy đến chân làm lão bị liệt, chạy lên não làm cho lão ăn nói lung tung. Ban ngày, đến đâu lão cũng thấy ma quỷ. Quân đội không còn dùng con người này nữa. Họ cho lão cái chức trung sĩ với cái huy chương. Lão mang hai thứ này đi xin việc sáu năm không ai nhận. Cuối cùng nhà hát cho làm chân kéo màn. Không hiểu có phải vì chất chì làm biến dị hệ thần kinh hay không mà lão có một biệt tài, đó là “cảm giác nghệ thuật”. Lão biết kéo màn vào đúng thời điểm đáng kết thúc nhất. Không sớm, không muộn một giây, khi nào thì nên cho cuộc đời kết thúc từ từ, khi nào cho cuộc sống kết thúc một cách đột ngột đều do lão chọn cả, và thường chẳng bao giờ sai. Đào chính, đào phụ, kép chính ,kép phụ, đạo diễn phó đạo diễn, kể cả tác giả kịch bản đều giao cho lão cái quyền kết thúc, kết thúc một cuộc đời kịch. Từ đó lão có tên là :”người kéo màn”, có khi còn gọi là “người kết thúc”. Ôi trong cuộc đời sự kết thúc đúng lúc thường hiếm thấy. Có nhiều người khôn ngoan, từng trải, thủ đoạn, làm to, biết đủ thứ nhưng lại không biết kết thúc để cho nó đổ vỡ vào phút cuối, thực đáng tiếc. Đúng là chẳng biết cái thuật “xuất xứ” của cổ nhân .

Không biết giữa cô gái và ông lão có một sự giao tiếp bí ẩn theo kiểu sóng điện từ, phóng lên tầng điện li phản xạ xuống cái cột sống có kẹt viên đạn chì nào không mà ông lão kéo màn đúng lúc cần thiết nhất. Chính nàng muốn như thế, để đến khi già,khi xấu, chết như một bà già ở trên giường thì còn gì vô duyên cho bằng. Không phải kịch bản mà chính cái cảm giác kịch quyết định tất cả. Mỗi khi hai cánh màn nhưng khép lại thì luôn luôn ngày hôm sau ông chủ rạp phải cho người leo lên nóc rạp thay mấy viên ngói, đóng lại mấy cái đinh, ngói nứt, đinh long do tiếng vỗ tay vang như sấm. Mỗi lần đóng đinh thay ngói ông chủ rạp, ông bầu gánh không buồn, họ rất vui. Hôm đó thường cả hai ngồi lại với nhau đếm tiền đến khuya, tiền rách, tiền lẻ dùng để ăn cháo gà với đấm bóp. Đêm nay cũng thế.Cô gái quì xuống cùng với hai cánh màn nhưng khép

lại, khép lại một cuộc đời, thực là một kết thúc tuyệt hảo, chẳng mong đợi gì hơn. Ngôi sao sáng nhất, ngôi sao đẹp nhất đã vỡ tung và người nghệ sĩ già kéo màn hay bấm máy vào đúng cái thời khắc bi tráng nhất. Đêm đó ông chủ rạp hát với ông bầu không còn đủ hơi sức đếm tiền. Tiền nhiều quá, họ tuôn đại vào những chiếc bao tải, một người cầm miệng bao, người kia leo vào ra sức dẫm. Ông chủ rạp người to béo, nặng cả tạ nhảy chồm chồm trong bao vẫn không hề bẹp tiền. Hai người làm việc tới khuya, mệt quá ngủ li bì cạnh mấy bao tiền, bỏ hai mụ vợ nằm suông ở nhà.

Đêm đó lão Niên “người kéo màn” thất thủ trở về. Trên đường ai hỏi gì lão cũng không nói. Về nhà vợ lão hỏi cũng ngậm câm. Lão run rẩy như người vừa trải qua kinh nghiệm khủng khiếp. Ngày hôm sau lão hoàn hồn, lão kể: “Khi tiếng hát của nàng lên cao dần, mọi thứ có thể vỡ đã vỡ, chỉ riêng dép lốp quý ông cán bộ, nịt vú quý bà trong hội liên hiệp bằng cao su mút là không vỡ thôi, tất cả mọi nguồn sáng đều tắt ngấm, đèn hột vịt thắp lên cũng tắt thì cả sân khấu đại thánh phòng nhuộm một thứ ánh sáng màu xanh, xanh như mắt mèo, xanh như ma trời, màu xanh quỉ, canh trứng sáo, xanh rắn lục ... Lão còn kể tới tám mươi một màu xanh khác nhau, thật là sản phẩm của bộ óc nhiệm độc chi. Tóm lại lão muốn nói tiếng hát đã thăng hoa thành ánh sáng thì cảm giác kịch cháy bùng trong cái cột sống có viên đạn chì, xui lão lết tới chỗ có hai sợi dây kéo màn. Lão kịp thấy nàng gục xuống, cổ áo loang vệt đỏ...”

Về sau vợ lão kể lại cho mấy mụ hàng xóm nghe, mụ không nói cổ áo “loang vệt đỏ”. Mụ nghĩ, cổ áo loang vệt đỏ nghĩa lý gì? Làm chi có chuyện đó? Nói như thế thì xoàng quá, chẳng xứng đáng với huyền thoại sống. Mụ nói (nguyên văn): “Từ miệng nàng khắc ra một hoa hồng nhung!”. Lần thứ hai mụ kể: “Một bông hồng nhung đỏ thắm mọc ra từ miệng cô gái”. Mấy người nghe kể lại cho người khác: “Miệng cô gái mọc ra cành hồng sáu bông hoa đỏ tươi cùng với cành lá và những chiếc gai hình móc câu!”. Bây giờ nó trở thành một khóm hoa.

Không phải tất cả đều là thêu dệt tưởng tượng, thật đấy. Bác sĩ Báu, trưởng khoa cấp cứu bệnh viện trung tâm, bảo cô y tá chuẩn bị cho ông bốn túi máu, loại máu O cho ca mổ khâu tĩnh mạch thanh quản. Trong lúc giải phẫu áp huyết xuống, truyền cả bốn túi vẫn chưa đo được, phải tiếp thêm hai túi máu nữa. Mỗi túi máu 250cc, sáu túi vị chỉ lít rưỡi. Trong trường hợp này vị bác sĩ không tiếc máu, ông cố cứu lấy tiếng hát mà bấy lâu nay ông hằng ngưỡng mộ. Sáu túi máu đỏ có khác chi sáu đoá hoa hồng nhung? Sáu đoá hoa làm thành khóm hoa. Mọi chuyện không ngoa lắm đâu, chỉ có một điều thực đáng tiếc, hoa hồng thứ sáu chưa kịp nở thì mùa băng giá đã tràn ngập khu vườn rồi!

Mọi bi kịch thường bắt đầu hết sức đơn giản. Quả núi sụp đổ có khi chỉ vì hạt cát nằm không đúng nơi lẽ ra nó phải nằm. Trong hàng ngàn tỉ tế bào đã có một cái mà bi kịch chui vào trong hai cái dải xoắn DNA quái quỷ nào đó và cứ thế nổi bất hạnh nhân lên như mối dùn.

Nữ danh ca Hải Lý đau họng, khan tiếng và khó nuốt. Nàng cho rằng mình bị cảm, ai cũng tưởng là bệnh xoàng kể cả mấy ông bác sĩ. Đã cảm thì chữa theo cách chị Xuân, người hàng xóm là hay hơn cả. Chị Xuân nói: “Liên ơi mày chui vô bụi tre lượm cho tao miếng mảnh chai đem vô đây”. Con Liên làm theo, nó lượm miếng thủy tinh vỡ rửa qua loa, chị Xuân đập ra lấy một miếng, chị nói: “Trúng gió thì phải cắt lể, cắt lể xong lấy đồng tiền cũ, thứ bạc thiệt có hình mụ đầm già, nếu không có lấy đồng bạc năm hào bằng nhôm, vụn bất đắc dĩ mà không có nữa thì lấy cái muỗng cạo cũng được. Cạo cho ra hết gió, nấu nồi nước xông lá sả lá chanh, không có, lấy hộp cao vàng bỏ vào nước sôi dậy nắp lại xông cũng được. Xông cho đổ mồ hôi, cho ra hết “cảm” xong ăn tô cháo hành cho thật nhiều tiêu vào, cái chứng đau cổ khản giọng hết ngay. Mà cũng tệ, mình làm nghề ca hát mà chẳng biết giữ gìn để cho nhiệm hàn...” Nghe chị Xuân trách Hải Lý nói: “Ừ, lần sau phải giữ, đêm nọ trở về mắc mưa”.

Cách chữa bệnh rướm rả này chẳng đem lại kết quả. Hải Lý tới bác sĩ ông này cho mấy viên thuốc át-pê-rin với tiêm mũi thuốc. Ông bác sĩ này rất “tâm lý”. Ông biết khám bệnh theo kiểu cũ, nghe rồi gõ, xong lấy tiền, bệnh nhân không thích, phải tiêm mũi thuốc họ mới an tâm, và không tiếc tiền. Thường ông tiêm mũi nước cất với cái vẻ trịnh trọng như tiêm thuốc hồi dương cứu tử.

Bệnh vẫn không thuyên giảm. Hình như có cái gì vướng trong cổ nàng. Nó níu thanh quản làm

không rung lên được. Hay nàng bị hóc xương? Nàng đi tìm ông thầy thuốc tại mũi họng. Ông bảo Hải Lý cởi quần áo ra, nàng không chịu, hỏi: "Tôi đau họng, cởi quần làm chi? " Ông nói: "Cơ thể con người là một thể thống nhất". thống nhất hay phân lập nàng không cần biết, cương quyết không chịu cởi quần! Ông bảo nàng há miệng nói: "A" thật to. Ông dùng que gỗ đè lưỡi nàng xuống, lấy đèn pin rọi vào. Nàng hỏi: "Có thấy cái xương cá ở trong đó không?". Bác sĩ nói:

- Có một chỗ màu nhạt hơn chắc là nấm ...

Nàng nghĩ cây nấm mọc trong họng là chuyện quái dị. Hải Lý tưởng tượng hình ảnh cây nấm trông như cô gái cầm chiếc ô nhiều màu đứng nơi gốc cây. Hồi mười hai tuổi nàng đã là cô gái đó. Nàng tự hỏi, tại sao cây nấm kia không chịu đứng nơi gốc cây lại chui vào cổ nàng? Hay tại lễ Vu Lan vừa qua nàng lên chùa ăn chay, trong đó có món canh nấm? Hay là loài nấm độc có màu sắc rực rỡ in trong quyển tự điển? Hay là cây nấm nguyên tử khủng khiếp tàn phá hai thành phố bên Nhật. Đó là hai chiếc nấm khổng lồ do con người làm ra sáng như hàng ngàn mặt trời mọc cùng một lúc. Trong khi nàng thả cho đầu óc tưởng tượng rong chơi nhảy nhót như con chim chuyền cành thì ông thầy thuốc trao cho nàng mấy viên thuốc hình vuông màu trắng. Ông bảo ngậm chớ không được nhai, vài ngày thì hết, lại lên sân khấu hát như con sơn ca. Ông nói với giọng tin tưởng lẫn chút hài hước và nàng cũng cười và tin như thế.

Nhưng sự việc không phải đơn giản và dễ dàng như người ta có thể cười cợt được. Nàng quay trở lại phòng mạch. Ông lại dùng que gỗ đè lưỡi. Giờ đây cây nấm không chỉ đổi màu, nó còn đổi cả số phận, xô nàng đến vực thẳm. Lần này vị bác sĩ không còn buộc nàng cởi quần, không đùa cợt. Ông thất sắc, run rẩy. Ông cho cây kéo nhỏ. Mũi nhọn vào, lấy một mẫu thịt đi thử. Mười phút sau có kết quả, nghi ung thư thanh quản. "thử thịt" lần thứ hai, mất cái từ "nghi".

Loài nấm độc mọc rất nhanh trong thanh quản cô gái. Cắt nó mọc lại, cắt nữa nó mọc nhanh hơn. Cả chất phóng xạ Coban tạo ảo giác màu xanh mà anh em nhà Tạo đồ thừa cho con rắn lục hoang đường cũng chẳng thể diệt loài nấm quỷ. Nó chồng chất lên nhau tạo thành quả đồi chết trong chiếc cổ cao ba ngón đẹp như cổ hoàng hậu, cổ thiên nga. Bây giờ nó là tảng băng chằng dòng nước. Nó như cái nút chai giữ giọng hát trong trẻo của nàng ở trong chiếc lọ thủy tinh. Bệnh viện đi tới một quyết định táo bạo: Cắt, cắt thực sâu, cắt triệt để, may ra...

**

Hải Lý đang nằm trong phòng hậu phẫu. Lúc này thuốc mê đã tan, đầu óc nàng lâng lâng khó chịu. Chung quanh chỉ có mấy chiếc giường trải ra trắng. Nàng nhìn ra cửa kính, chòm sao Mỹ nữ rực sáng phía trời tây, những ngôi sao nối đuôi nhau sáng lấp lánh, sáng dần lên, sáng nữa, chói loà rồi nổ tung, làm thành cơn bão ánh sáng. Nàng nghĩ ngôi sao cứ xử thật đúng. Một ngôi sao sáng không thể lụi tàn trong cô đơn như những ngôi sao khác. Nó phải tự mình nghĩ ra một kết thúc. Phải tự đốt mình lên rực sáng như mặt trời. Đêm nay ta cũng phải tự đốt ta lên, dâng hiến tiếng hát cho đời, và quí ngã chính cái nơi đã làm nên vinh quang. Không thể nằm nơi đây tàn tạ như ngọn đèn hết dầu. Nàng tháo mọi thứ dụng cụ y khoa trên người, lén qua những người gác trong bệnh viện, kêu xe tới nơi đêm đêm nàng vẫn dâng tiếng hát đem lại hạnh phúc cho bao nhiêu người. Lần này ngôi sao sáng nhất sẽ nổ tung kết thúc một cách rực rỡ nhất.

Lần trình diễn cuối cùng đó nàng đã gây ra biết bao nhiêu huyền thoại, và nàng đã tắt giống như một ngôi sao.

Người y sĩ trực phòng cấp cứu nửa đêm mơ thấy có người tới rủ đi xem ảo thuật. Họ đi vào một căn lều không lò chứa đầy khán giả. Trên sàn diễn người ta không thấy nhà ảo thuật truyền thống với bộ quần áo bí hiểm, màu đen rộng thùng thình có nhiều túi để giấu bộ bài, mấy chiếc khăn lụa, đoạn dây thừng, thỏ và chim. Người diễn trò ảo thuật hôm nay là một cô gái trẻ và đẹp. Cô mặc áo cưới bằng voan trắng có hai đứa bé mang đôi cánh bằng giấy giả làm thiên thần nâng

tà áo dài giống như trong lễ đăng quang. Khán giả thì thầm : “Ăn mặc như thế này làm sao xoay trở diễn trò?”. Giàn nhạc chơi một khúc tình ca. Mấy mụ đàn bà son phấn mồm hôi nhếch nhai, quạt phành phạch cười đùa: “Không lẽ bọn này làm đám cưới trong rạp xiếc?”. Có người nói : “Ao thuật mà. Cô dâu sẽ lòi chàng rể từ trong chiếc váy rộng của cô ra “.. Một vài tiếng cười. Lại có người nói : “Rồi cô làm chàng rể biến đi bằng cách nhét hẳn ta vào chiếc giày bé tí tẹo của cô”. Lại có người cười . Có tiếng loa giới thiệu tiết mục “Mưa hoa hồng”. Khán giả chưa bao giờ được xem trò này, họ háo hức chờ đợi. Cô gái cầm ngọn lao mũi rất nhọn. Có người nói : “Đừng có tin đó là thứ thiệt, đồ dõm, bằng giấy bạc, thứ trong bao thuốc lá, khiến người ta tưởng mũi dáo nhọn “. Mũi dáo chốc chốc lóp loà lên giống như đèn máy ảnh . Có người thét: “Ồi sáng quá, có thể chụp hình được !” Rồi người khác kể: “Bên Nhật người ta làm được cái máy ảnh chụp linh hồn người chết. Anh chụp ra có hình hai người lồng vào nhau. Đã có người mua về chụp thử rồi. Chụp người ngủ thấy cái “vía” rời xác đi chơi. Lúc ấy mà lấy lọ nôi vẽ mặt, lúc quay về cái vía nhận không ra xác, nó bỏ đi, người chết luôn. Có tiếng người thét thực to : “Diễn đi! Lòi chàng rể trong cái xú chiêng ra đi !”

Cô gái không lòi người nào ra cả. Cô từ từ mở mấy sợi dây đăng ten màu tím, thắt thành nơ rất đẹp nơi ngực áo cô. Khán giả cười ồ khi nàng phoir ra bộ ngực xẹp lép như con trai, một làn da trắng, trắng và mỏng như giấy. Có người la to : “Đồ Pê đê”. Cô gái trình diễn một cách lặng lẽ chậm chạp. Có ai đó nói trong loa : “Khán giả chú ý! Cô gái sẽ phóng ngọn lao lên trời và hoa hồng sẽ trút xuống như mưa. Hoa nhiều lắm, ai cũng có phần”. Lại có tiếng người nói : “Trò bịp rẻ tiền, một kẻ nào đó núp trên nóc rạp, nơi này đầy bóng tối, hẳn bắt lấy ngọn lao và ném hoa hồng xuống . Có người đòi vạch mặt trò bịp, đòi tiền lại, nhiều người la ó, rạp xiếc như cái chợ. Ba ngọn đèn quét những ống ánh sáng quanh sân khấu tròn đồ đầy bột cưa, hơi nồng mùi nước đáί ngựa, rồi cả ba nguồn sáng tập trung vào cô gái. Cô giang thẳng cánh phóng thực mạnh chiếc lao lên cao. Cô ngửa người phanh ngực chờ đón. Chiếc lao nhọn từ trên cao rơi thẳng xuống cắm vào miệng cô gái. Đúng lúc đó mọi người thấy một cơn mưa hoa hồng . Họ vỗ tay reo hò nhiệt liệt. Bỗng nhiên mọi người cùng phần nộ hét lên : “Không phải hoa hồng. Đồ bịp!”. Bàn tay ai cũng nhầy nhựa máu. Mấy mụ đàn bà kêu lên:

- Nó làm hồng áo em rồi !

- Nó làm hồng tóc em rồi !

- Nó làm hư giấc mơ của ta rồi !

-

**

Y sĩ trực phòng cấp cứu thức dậy, ngáp liền mấy cái, tự nhủ : Mơ với mộng, thực chẳng ra làm sao. Anh ta đi qua phòng khác. Nơi đây có đặt mấy cái tủ lớn, trong đựng đầy chai lọ, có những chiếc thấu đựng tim gan người chết để các sinh viên y khoa tới nghiên cứu. Có chiếc lọ thực to, trong chứa đầy thứ nước màu vàng, ngâm một thai nhi hai đầu, cái rốn của nó lỏng thông quần queo như dòi chó. anh ta mở nắp lọ, mùi cồn bay ra. Anh ta cười nói với đứa bé: “Thích nhé cậu bé hai đầu. Ở trong này tha hồ mà nốc rượu!”. Anh thấy cảnh tượng chẳng khác gì người ta ngâm rắn với chim bìm bịp và nghĩ : Múc một cốc nếm thử sao nhỉ ? Anh ta thấy bỗng ham lý giải sự đời : Mỗi người một số phận. Một cái trứng với hai chú tinh trùng chui vào cạnh tranh nhau, cuối cùng anh chàng nào cũng có phần, thực công bằng, hai cái đầu. Cái số thằng bé này là được bơi trong cồn. Nó mà lớn lên sẽ là tay nát rượu. Một thằng ghiền rượu uống gấp đôi người khác, bởi vì nó có tới hai cái mồm. Thằng bé hai đầu này cũng chỉ là lỗi lầm của tạo hoá . Bệnh tật là đòn chí tử mà lại rất vô lý vì chẳng do tội lỗi, đó là sự bất công của tạo hoá .

Anh lần tới chỗ cô gái mà người ta đem lại tới nay. Đêm qua cả bệnh viện rộn lên vì cô này. Anh bắt đầu làm công việc của người y sĩ trực. Anh thấy túi máu không chảy. Anh trách mấy cô y tá:

Thực là một lũ con gái vô dụng, chỉ được cái ăn hàng với nói chuyện yêu đương. Nghĩ lại anh thấy tội nghiệp cho họ, những con cái lãnh trách nhiệm sinh tồn, một trọng trách của tạo hóa giao cho. Họ phải nghĩ tới việc kiếm con đực để làm tròn chức năng đó. Nhưng dầu sao truyền máu cho bệnh nhân mà không mở ống dẫn là quá tắc trách. Anh đưa tay thử lại khoá, anh thấy khoá đã mở hết cỡ. Bình truyền dịch cũng không chảy giọt nào, anh kiểm tra cũng thấy khoá đã mở. Chỉ có lọ ôxy là còn sủi bọt. Anh phân vân tự nhủ: tại sao có hiện tượng lạ kỳ này? Anh cầm tay cô gái lên, tay Nàng lạnh ngắt và cổ tay cứng như đá. Thả nào dịch truyền và máu không chảy ra. Cả người nàng lạnh ngắt và trong như một khối băng. Anh thì thầm: "chết rồi... chết lâu rồi..."

Anh mở mặt nạ ôxy che mặt người chết, anh thấy một khuôn mặt quen quen, hình như đã gặp đâu đó rồi. Anh cố nhớ nhưng chịu. Anh vỗ trán, cái tên cô gái không chịu văng ra. Anh thấy nơi cổ người chết có mang cây thánh giá bằng bạc nhỏ, thì ra đây là người của nhà thờ. Tội nghiệp, cô không được làm phép trong lúc lâm chung. Không biết ông thành Phê rô có mở cửa thiên đường cho cô vào không? Nhìn vẻ mặt cô gái anh biết con người này đã sống một cuộc đời lương thiện. Kia, hãy xem khuôn mặt toát lên cái thần thái yên bình hạnh phúc xiết bao !

Mười năm làm việc nơi đây anh chứng kiến nhiều hiện tượng kỳ dị không thể dùng khoa học giải thích được. Có nhiều kẻ nghèo nàn xấu xí thất học, trước khi chết còn bị cơn bệnh vò nát như tấm giẻ rách, thế mà lúc vừa qua đời, có một giây phút ngắn ngủi hiện lên một khuôn mặt đẹp tuyệt vời, hào quang của sự nhân hậu toả ra lấp lánh. Hiện tượng kỳ bí này chẳng kéo dài. Vài giây sau linh hồn họ đã vút lên tới cõi cực lạc, bỏ lại đằng sau cái thân thể ô trọc không cần thiết nữa, giống như phi thuyền bỏ lại đằng sau tên lửa đã hết nhiên liệu. Nhưng ngược lại cũng nhiều trường hợp có người khi còn sống trông sang trọng, phương phi, bề vệ, ra dáng kẻ cả, khi chết trông như đồ trộm cướp.. có phu nhân kiều diễm phúc hậu đoan trang, lúc tắt thở hoá thành khuôn mặt dĩ điểm. Chắc họ ra đi vội vàng quên mang cho mình chiếc mặt nạ da người. Gặp trường hợp này người ta cũng có cách chữa, cứ tô son điểm phấn giống như người ta trang điểm cô dâu để qua bên kia thế giới còn tiếp tục cuộc sống hư nguy.

Người y sĩ này thấy cô gái giống như không chết mà đang ngủ, đang mơ, giấc mơ đắm chìm về một thế giới tốt lành .

Một buổi sáng màu tro đứng đợi bên ngoài cửa kính. Người y sĩ rút thuốc lá ra hút, trầm ngâm đứng nhìn một ngày âm thầm nở ra như một bông hoa. Khói thuốc quanh quẩn trong căn phòng chẳng chịu tan . Anh thấy một cái bóng trắng trong cửa gương. Bóng anh hay bóng cô gái ? Cả hai đều mặc áo trắng. Anh cho rằng áo mình không trắng bằng áo cô gái. Đêm nay anh đã ngủ quên, lại còn mơ thấy chuyện lung tung, không làm hết nhiệm vụ người trực, để cô gái phải vĩnh biệt cuộc đời trong nỗi cô đơn. Anh kêu thầm : "Cô ơ hãy tha lỗi cho tôi, tôi đã không tới kịp tiễn đưa cô về cõi vĩnh hằng. Giờ đây mặc dù biết cô chẳng cần cái thế gian này nữa nhưng tôi đã hút thuốc trong phòng làm cho bạn giấc mơ của cô"

Có tiếng hát văng vẳng. Anh lắng nghe, không rõ nó phát ra từ đâu, bên phải, bên trái? Trước hay sau? Một ca khúc hư thực, lặng lẽ, và tráng lệ. Anh rùng mình, tiếng hát này có hực hay sao? Anh bước đến chỗ cô gái nằm, nhìn lại lần nữa. Bây giờ cái tên người đó mới chịu hiện ra. Ôi, dễ quá mà! Đó là nàng ca sĩ Hải Lý, ảnh nàng in trên tấm lịch treo trên tường nhà anh. Anh đặt bàn tay dịu dàng lên trán cô gái, vỗ về :

- Ngủ ngoan hiền nhé con chim sơn ca bé nhỏ tội nghiệp. Sáng nay chẳng có mặt trời. Mặt trời tắt biển âm u. Bình minh chết đuối. Một ngày của tiếng thở dài... Ngủ đi...đừng hát nữa... ngủ đi...

Tiếng hát tắt.

QUÝ THÈ

KIÊM THÊM

NGƯỜI MẶC ÁO KÍNH VẠN HOA

mọi sự đã có đổi khác
mây thì trong, gió hiu hiu lạnh
cây cỏ đổi màu
phía chân trời cầu vồng bảy sắc
còn em thì sao

mùa xuân sắp tới rồi
em đổi sắc
chào đón xuân mới
em mặc áo màu kính vạn hoa
đẹp tuyệt vời
như thế là em đã hơn cầu vồng bảy sắc

nhớ thuở xưa anh vẫn chơi kính vạn hoa đó
nhìn hoài, bỗng thấy em trong đó
em rực rỡ hơn các sắc màu
khiến anh mê đắm
thế ra em đã có từ ngàn năm trước
và em là người phát minh ra cầu vồng và kính vạn hoa
để trang điểm cho cuộc đời
và mùa xuân này nữa

cả Huế đang hân hoan chào đón em
người mặc chiếc áo màu kính vạn hoa

bỗng dưng anh nhớ màu áo ấy biết chừng nào.

(Sắp tết)

KIÊM THÊM

TRONG CHÉN TRÀ

Nguyên tác : Chawan No Naka của Koizumi Yakumo

QUỲNH CHI chuyển dịch

Vào ngày mùng 4 tháng giêng năm Nguyên Hòa thứ 3 – tức là cách đây đã 220 năm trước (*) lãnh chúa Nakagawa xứ Sado dẫn đoàn tùy tùng đi lễ đầu năm, giữa đường đã ghé lại một quán trà ở Hakusan trong phố Hongo thành Edo. Trong lúc cả đoàn đang ngồi nghỉ, một võ sĩ còn trẻ trong đoàn tùy tùng, tên là Sekinai, vì khát quá đã lấy một cái chén thật lớn dùng để uống trà, tự tay mình rót trà vào đầy chén, đoạn bưng chén đưa lên miệng, thì tình cờ Sekinai cúi xuống nhìn vào chén trà chợt thấy một khuôn mặt không phải là của mình mà của người khác hiện ra trong chén nước trà trong suốt màu xanh lục. Sekinai giật mình, ngơ ngác nhìn quanh. Thế nhưng không thấy ai đứng gần đó ngoài chính mình. Mái tóc và bộ dạng của bóng người soi trong chén trà có vẻ như là một võ sĩ còn trẻ. Hơn nữa bóng người ấy in rõ mồn một một cách lạ lùng. Người ấy lại rất khôi ngô tuấn tú và nét mặt lẫn dáng điệu có vẻ hiền lành như phụ nữ. Khuôn mặt trong chén trà nhìn như thật. Mắt và miệng đang động đậy. Sekinai hết sức bối rối vì thấy điều quái lạ xảy ra, bèn đổ chén trà ấy đi và xem xét thật kỹ lòng chén, xong đó chỉ là một chén trà rỗng tiền chẳng có vẽ vờn hoa lá gì cả.

Sekinai bèn lấy một bừa một cái chén khác ở đó, và lại rót trà vào chén. Thế nhưng trong chén trà ấy lại vẫn thấy hiện ra khuôn mặt lúc nãy. Sekinai bèn nhờ pha cho ấm trà khác, và thử rót nước trà mới pha vào chén xem sao. Thế nhưng lần này, khuôn mặt lạ lùng không hề quen biết lúc nãy lại vẫn hiện ra. Hơn nữa, giờ đây khuôn mặt ấy còn đang mỉm cười có vẻ như điệu cợt. Sekinai cố giấu vẻ kinh ngạc, lăm bắm một mình:

-Ta không biết mi là ai, nhưng đừng hòng làm gì ta được.

Thế rồi, Sekinai bưng chén trà lên uống, nuốt trọn cả khuôn mặt đang soi bóng trong chén vào bụng, rồi bước ra khỏi quán. Trên đường đi, đôi lúc Sekinai không khỏi có cảm tưởng như mình đã lỡ nuốt cả hồn ma vào bụng.

Chuyện sau đó xảy ra vào lúc chạng vạng tối hôm ấy. Sekinai đang đứng gác trước dinh cơ của lãnh chúa Nakagawa thì bất giác có một người khách lạ lảng lảng bước vào phòng lúc nào không biết, làm Sekinai giật bắn cả người. Khách là một võ sĩ còn trẻ, ăn mặc chỉnh tề. Khách ngồi xuống ngay trước mặt Sekinai, khẽ cúi đầu chào rồi nói :

-Ta tên là Shikibu Hiranai, hôm nay lần đầu tiên đã được gặp huynh, nhưng huynh có vẻ như không nhớ ra ta thì phải ?

Giọng nói của người ấy trầm thấp, nhưng nghe vẫn rành rọt như xuyên vào tới tận xương tủy . Bất giác Sekinai nhìn mặt người ấy mà giật mình đánh thót. Vì trước mặt Sekinai chính là khuôn mặt trong chén trà mà Sekinai đã nuốt chửng vào bụng ban sáng. Đó chính là hồn ma có khuôn mặt đẹp đến rợn người. Người khách tối nay cũng đang mỉm cười hóm hỉnh giống hệt như nụ cười hóm hỉnh của hồn ma, mà hơn nữa đôi mắt ở trên cái miệng đang cười ấy đang nhìn chòng chọc vào mặt Sekinai, rõ rệt là có vẻ khiêu khích đồng thời lại như khinh bỉ.

Sekinai cố nuốt giận, nhưng đáp lại với giọng nói thật lạnh lùng:

-Không, ta chưa được có dịp gặp huynh bao giờ. Rồi Sekinai hỏi tiếp : - Mà tại sao người lại

vào đây được chứ, hãy cho ta biết người đã lên được vào đây bằng cách nào ?

Vào thời phong kiến, dinh cơ của các lãnh chúa thường được canh gác cẩn mật suốt ngày đêm, chỉ trừ phi các vũ sĩ lo việc canh gác quá biếng nhác chểnh mảng, nếu không có người đưa vào thì không một ai có thể lên vào trong tư dinh của các vị lãnh chúa này được.

-Hừ, huynh bảo huynh không biết ta à ?

Người khách lạ vừa nói với giọng hết sức mỉa mai vừa hơi chồm người tiến sát Sekinai, bảo:

-Hừ, huynh bảo huynh không biết ta ư. Nhưng sáng nay huynh chẳng đã vừa mới dùng một thủ đoạn dễ tiện làm ta một suýt khốn đốn đấy là gì nào.

Sekinai vội nắm lấy chuôi thanh đoản đao vẫn mang ở thắt lưng, hùng hổ nhắm đâm vào cổ người lạ. Thế nhưng Sekinai cảm thấy mũi đao nhẹ hẫng lao tới như không đâm được vào cái gì cả. Cũng cùng lúc đó, kẻ đột nhập trong đêm tối vội nhảy lùi về phía chân tường nhẹ nhàng không một tiếng động, và cứ thế mà lách qua tường biến mất. Trên bức tường chỗ người ấy đã đi qua không để lại một dấu vết gì lại. Hồn ma đã lách qua tường biến mất, giống hệt như ánh nến xuyên qua giấy dán đèn lồng mà chiếu rọi ra ngoài.

Khi Sekinai kể lại chuyện này với các bạn đồng sự, ai nấy đều ngạc nhiên ngơ ngác. Vào giờ khắc xảy ra chuyện này, không một ai đã trông thấy có người lạ ra vào trong dinh. Và hơn nữa, trong đám tùy tùng của lãnh chúa Nakagawa không một ai biết có người nào tên là Shikibu Hiranai.

Đêm hôm sau nữa, không nhằm phiên trực của mình, Sekinai ở nhà với cha mẹ. Đến khuya hôm ấy, có mấy người đàn ông lạ mặt tìm đến nhà, nói rằng muốn xin gặp Sekinai trong chốc lát. Sekinai cầm gươm bước ra, thì thấy có ba người đàn ông có vẻ là võ sĩ, ăn mặc chỉnh tề đang đứng trước cửa. Ba người hướng về phía Sekinai lễ phép cúi đầu chào, rồi một trong ba người đó cất tiếng nói :

-Ba chúng tôi tên là Matsuoka Bungo, Tsuchihashi Kyuzo và Okamura Heiroku, là bầy tôi của ngài Shikibu Hiranai. Đêm qua, chủ nhân chúng tôi đến thăm ngài, đã bị ngài dùng gươm xông tới chém. Chủ nhân chúng tôi đã bị thương nặng, phải đến vùng suối nước nóng để tịnh dưỡng, nhưng thế nào chủ nhân cũng sẽ trở về vào ngày 16 tháng sau. Lúc đó, thế nào chủ nhân cũng sẽ đáp lễ ngài một cách đích đáng về mũi gươm của ngài tối qua.

Sekinai nghe chưa hết câu nói của họ, đã bắt đồ vung gươm nhảy bổ vào chém hết phải sang trái, thế nhưng ba người đàn ông đã nhanh nhẹn nhảy qua hàng rào nhà bên cạnh mà biến mất hút.



Câu chuyện kể đến đây thì bị đứt đoạn. Không biết có bao nhiêu người còn nhớ được đoạn sau, thế rồi thâm thoát mà cả trăm năm trôi qua, tất cả đều đã trở về với cát bụi.

Tôi cũng đã tự mình tưởng tượng ra nhiều điều, có thể là thế này hay thế kia, về hồi kết cuộc, nhưng có lẽ không có đoạn kết nào có thể làm hài lòng các độc giả tây phương. Mà có lẽ tốt hơn hết là để mọi người tự mình tưởng tượng ra những tình tiết sẽ xảy ra sau khi Sekinai đã nuốt chửng hồn ma vào bụng.

Tokyo, 12/2/1991

QUỲNH CHI

78- nguyệt san việt văn mới số 9 – ngày 15 tháng 3 năm 2014 .

HY VỌNG

HOÀNG THÁP

Sau một ngày mệt mỏi, nó trở về gian nhà trọ, gian nhà ở chung với một thằng cùng đi đánh giày như nó. Thằng ấy giờ này chưa thấy về.

Nó ngả lưng trên chiếc giường gỗ cũ được phủ bằng chiếu đã phai màu, mắt nhìn qua ô cửa sổ duy nhất của gian nhà trọ nhớ về quê hương, gia đình và nghĩ về thân phận của nó. Đã hơn chục tuổi, nó không biết bố nó là ai, làm gì. Đã có lần nó hỏi mẹ nó về bố nó. Mẹ nó trả lời khẽ như tiếng thở, chỉ đủ cho hai mẹ con nghe: “Bố con đi làm ở xa vài ba năm nữa sẽ về”. Rồi mẹ nó đi buôn bán ở chợ biên giới rồi mất tích. Nó nghe dân làng bàn tán: Mẹ nó bị lừa bán ra nước ngoài, không thể trở về. Nó ở với bà ngoại đã già yếu làm ruộng. Cuộc sống hai bà cháu khó khăn. Nó bỏ học dở lớp 5, ra thành phố kiếm sống bằng nghề đánh giày. Nó đánh giày một thời gian, dành được chút tiền mang về biếu bà ngoại thì bà đã không còn. Ngày bà nó qua đời, dân làng không biết nó ở đâu mà tìm. Trở về ngôi nhà cũ, nơi mẹ nó đã sinh ra nó, nơi bà ngoại nó luôn yêu thương, đùm bọc nó, thế mà tất cả đã bỏ nó ra đi. Đứng ở giữa nhà khẽ gọi bà, gọi mẹ, nó nghẹn nấc lên cùng tiếng khóc, nước mắt chảy qua hai gò má xuống cổ và ngực nó. Nó khụy ngã xuống nền nhà bụi bặm. Nó được người hàng xóm cho ăn cơm và dẫn ra viếng mộ bà ngoại nó. Cắm ba nén hương trên ngôi mộ chưa xanh cỏ, khói hương mỏng mảnh loảng tan theo gió nơi nghĩa địa, nó chắp hai bàn tay nhỏ bé gầy yếu đến sạm lại vái bà. Nó thầm gọi bà trong tiếng nấc rồi ngã gục đầu trên nắm mộ, từng giọt nước mắt rơi thấm vào đất mộ, nơi có trái tim nhân hậu yêu thương nó đêm ngày, dõi theo nó, cầu mong cho nó những điều may mắn, tốt đẹp nhất. Đó là hình ảnh quê hương đang đi cùng nó khắp mọi nơi.

Nó ngồi dậy, lấy vạt áo lau khô hai mắt, soạn lại những đồng tiền khách trả công nó đánh giày. Những đồng tiền còn mới nó để riêng một chỗ phòng khi trời mưa to, bão lớn nó không đi đánh giày được, nó để mua bánh mì, cơm hộp khi nó đói, rồi tiền mua thuốc cảm, thuốc đau bụng đi ngoài, hai thứ bệnh này hay đến hành hạ nó khiến nó cứ đen gầy không thể lớn nhanh được. Giống như thằng bạn cùng nhà trọ, nó mệt và ngủ thiếp đi từ lúc nào không biết.

Ngày hôm sau, mặt trời đã lên cao tỏa ánh nắng khắp nơi, thành phố nhộn nhịp người người qua lại, xe cộ ngược xuôi, các quán ăn sáng lác đác có người ra vào, thằng bé đánh giày vào quán phở. Nó đến một bàn có hai khách ngồi chờ. Một người đàn ông cao lớn có khuôn mặt nghiêm nghị và bộ râu quai nón đen rậm. Bên ông là cô bé khoảng 9 đến 10 tuổi, mái tóc nhuộm màu vàng, làn da trắng mịn, cặp mắt mở to, trông như một búp bê.

Nó lễ phép hỏi: - Thưa bác! Bác có cần đánh giày không ạ?

Người đàn ông gật đầu, tháo giày đẩy về phía nó. Nó để sẵn đôi dép màu xanh còn mới cho ông đi tạm. Đôi giày đánh bóng xong, nó mang trả khách, nhận 10.000 đồng tiền công cũng là lúc người đàn ông ăn hết bát phở. Bát phở ăn dở của cô bé búp bê còn thừa trên nửa bát, mùi phở thơm ngon khiến nó ứa nước miếng. Nó ngồi xuống định ăn thì người phục vụ bàn của nhà hàng đi tới. Nó sợ hãi đứng dậy bước đi.

Người phụ nữ dọn bàn ngăn nó lại, âu yếm:

- Cháu đói hả? Cứ ăn đi!

Nó bớt sợ, ngồi lại ăn nhanh bát phở dở. Chỉ một lát sau, người phụ nữ dọn bàn lại mang cho nó gần đầy bát nữa. Bà đã dọn lại từ các bàn khác khách bỏ thừa. Bà nói với thằng bé đánh giày: "Sáng vào tầm này, cháu đói cứ ra đây, cô góp phở lại phần cho cháu nhưng cháu đừng để bà chủ nhìn thấy đấy. Ảnh bà chủ kia, cháu nhìn cho kỹ nhé!". Bà chỉ tay về phía tấm ảnh to như một chiếc ti vi trong khung kính đối diện với nó, gần chỗ nó đang ngồi ăn phở thừa. Khuôn mặt người đàn bà trong ảnh xinh đẹp, tươi cười, có đôi mắt sáng như nhìn theo nó. Ăn xong bát phở, nó đi ngay khỏi nhà hàng. Hình ảnh người phụ nữ dọn bàn mang phở thừa cho nó, căn dặn nó cũng đi cùng nó, làm nó nhớ mẹ, nhớ bà ngoại của nó. Nó vừa đi vừa khóc. Những giọt nước mắt cô đơn hèn yếu đã khiến chân tay nó bủn rủn không muốn bước. Nó ngồi bệt xuống dưới bóng cây bên đường. Hòm đồ đánh giày treo trên vai rơi theo xuống mặt đất ngay cạnh nó. Vừa lúc ấy, một chiếc xe con màu đen sang trọng chạy tới bóng cây đỗ sừng lại. Trong xe chỉ có một người đàn ông lái xe. Bước xuống xe, người lái xe đến bên thằng bé đánh giày hỏi:

- Cháu có đánh giúp được đôi giày bây giờ không?

- Chú tháo giày ra để cháu làm!

Vừa nói, nó vừa đưa đôi dép nhựa màu xanh cho người lái xe.

Người lái xe ngả lưng vào ghế trong ca bin xe dưới bóng cây râm mát, chờ sếp của anh đi nghỉ ngơi thư giãn ở một khách sạn gần bên có tiếng là chiều khách cùng đối tác làm ăn. Vào trường hợp như vậy, anh cứ chờ thoải mái, khi cần, sếp gọi điện thoại. Không may tắc đường hoặc vì lý do khách quan nào khác đến chậm ít phút, sếp anh thường vui vẻ bỏ qua.

Anh chăm chú nhìn thằng bé đang đánh giày cho mình, đôi tay bé nhỏ đen gầy với mảnh giẻ cũ kéo đi, kéo lại, lau chùi cẩn thận, thật dễ thương. Nó trạc tuổi thằng Tuấn con trai anh đang học lớp 7. Vợ chồng anh chưa muốn con phải làm việc nhiều, cốt sao con chăm học thành người có kiến thức, có đạo đức biết ứng xử với mọi người. Thằng bé đánh giày chắc có hoàn cảnh khó khăn, không biết có được đi học không?

Khi đôi giày đã đánh bóng xong, nó trao trả người lái xe, nhận tiền công rồi trở lại bóng cây ngồi im lặng, vẻ mặt dăm chiêu. Người lái xe nhìn thằng bé đánh giày từ đầu đến chân. Bỗng anh nhận ra nét mặt quen quen. Lúc nó cầm đôi giày đi về phía anh, dáng đi thấy như anh từng gặp. Anh nhắm mắt lại, vừa để suy nghĩ vừa tưởng tượng. Đúng rồi, thằng bé đánh giày khốn khổ này trông rất giống sếp anh. Không thể! Chẳng lẽ đây là giọt máu của sếp anh, người đàn ông đáng kính đạo mạo, thông minh, thành đạt và giàu sang? Phải chăng đây là sản phẩm từ cuộc vui chơi thư giãn nào đó của những đại gia như sếp anh, tương tự như cuộc thư giãn hôm nay mà anh đang chờ sếp gọi anh đón, khi tan những cuộc vui chơi trong nỗi đau khổ của đồng loại, những tiếng cười hô hô mãn nguyện, lẫn với những tiếng nấc nghẹn nơi trái tim giá lạnh của

những kiếp người nhỏ bé, nghèo hèn? Thằng bé đánh giày có là con của sếp không? Cũng có thể không phải vì thiên hạ đã có những người không cùng huyết thống mà hao hao giống nhau.

Chắc sếp anh không phải là người vô tình vì đã nhiều lần sếp đứng trước hàng trăm, hàng ngàn người giảng dạy về đạo đức, nhân cách làm người. Gia đình, vợ cùng hai con một gái, một trai của sếp có cuộc sống thoải mái, yên ổn. Con gái đầu học lớp 11, con thứ hai là con trai học lớp 6. Vợ sếp là cán bộ ngân hàng xin thôi việc từ khi sếp được đề bạt làm Giám đốc Công ty với lý do sếp bận việc nhiều và hay đi công tác vắng nhà, bà phải ở nhà lo việc gia đình, chăm sóc hai con.

Người lái xe nhìn thằng bé đánh giày. Chạnh lòng thương, anh lại gần nó âu yếm hỏi:

- Cháu bé..., nhà cháu ở đâu?
- Nhà cháu ở Thuỷ Nguyên Hải Phòng.
- Bố mẹ cháu làm gì?
- Cháu không biết bố cháu làm gì? Cháu chưa gặp bố cháu lần nào, mẹ cháu bảo: Bố đi làm việc ở nơi xa, khi nào góp được nhiều tiền mang về ở cùng mẹ con cháu.
- Còn mẹ cháu?
- Mẹ cháu bị lừa bán sang nước ngoài, vì mẹ cháu hay đi buôn ở chợ biên giới. Dân làng và bà ngoại cháu bảo vậy.
- Bây giờ cháu ở cùng bà ngoại à?
- Bà ngoại cháu ốm chết rồi.
- Thế cháu ở với ai?
- Với bạn cháu ở nhà trọ. Bạn cháu đi đánh giày như cháu, mỗi đứa đi một hướng mới có nhiều khách đánh giày bác ạ!
- Nhà cháu ở quê giờ ai ở?
- Bao giờ rồi, khi nào bố cháu mang tiền về làm lại nhà sẽ tìm cháu về ở và cho cháu đi học.
- Cháu bỏ học từ bao giờ?
- Từ khi mẹ cháu bị lừa bán sang nước ngoài, cháu đang học lớp 5. Bà cháu nghèo không nuôi được cháu đi học. Cháu ra thành phố bắt chước trẻ con đánh giày thuê, khi góp được tiền về biếu bà, thì không còn bà ngoại cháu.

Người lái xe nghe thằng bé đánh giày kể về những người thân với cuộc sống tự lập, anh thấy thương nó. Anh mở ví lấy đồng tiền 100.000 đồng đặt vào tay nó: "Chú cho cháu". Nó rút tay từ chối.

- Nay cháu, đồng tiền này là chú đãi cháu chiếc bánh khi cháu đói lòng, rồi chú sẽ đi tìm bố mẹ cho cháu. Chú hay chở sếp đi công tác nơi này, nơi khác, thấy ai trông giống cháu, chú sẽ hỏi, biết đâu một ngày nào đó cháu sẽ được gặp bố mẹ cháu.

Thằng bé đánh giày nhận đồng tiền, ngược mắt nhìn người lái xe hy vọng. Người lái xe dùng điện thoại di động chụp vài kiểu ảnh thằng bé đánh giày với ý định giúp nó tìm bố mẹ. Ở bên quán nước dưới cây bàng phía cuối đường có người đàn ông cần đánh giày vẫy tay gọi. Thằng bé đánh giày chào người lái xe, vội đi về phía đó. Người lái xe nhìn thằng bé đánh giày đeo hộp đồ đóng bằng gỗ trên bờ vai gầy yếu, đôi chân bẩn bụi, bước nhanh dưới nắng gió đất trời rộng lớn mênh mông thấy lòng mình se lại. Anh tự nhủ lòng: Nếu có thể, anh sẽ tìm bằng được ai đã sinh ra rồi bỏ rơi đứa trẻ tội nghiệp đáng thương này.

Thằng bé đánh giày đang đánh bóng giày cho khách dưới gốc bàng, nhưng trong trí nhớ nó còn rõ nguyên khuôn mặt nhân hậu, giọng nói ấm áp từ người lái xe mà nó đã được gặp cũng như nét mặt và giọng nói nhân từ của người phụ nữ cho nó ăn phở thừa. Nó tin tưởng và hy vọng rằng một ngày nào đó nó sẽ được gặp bố mẹ nó.

HOÀNG THÁP

TÌNH THÙ

VŨ ANH TUẤN & ĐẶNG LỆ QUYÊN

Đó là buổi chiều của một ngày ngọt ngào. Tất cả đều im lặng, kể cả chim chóc và ve sầu. Không có một tiếng động nào, dù nhỏ, ở trong khắp cánh đồng. Y như là cả trái đất đang ở trong trạng thái chờ đợi, dưới một bầu trời tối sẫm và thấp. Không một gợn gió. Tuy nhiên, người ta vẫn cảm nhận được là gió đang ẩn nấp ở đâu đó, đang tự cuộn mình lại, để rồi sẵn sàng bùng ra để đánh tan một cách thô bạo các đám mây đang chồng chất lên nhau trên bầu trời Haute-Roche.

Và Pascaline, đứng giữa bầu không gian, mặt ngẩng lên trời, đang chờ đợi trận gió nổi lên, chờ đợi những giọt nước mưa lạnh đầu tiên nhỏ xuống khuôn mặt ẩm ướt bởi mồ hôi của nàng.

Cứ y như là cả trái đất đang ở trạng thái chờ đợi. Chờ đợi điều gì? Ngay cả nàng nữa, chẳng phải nàng cũng đang chờ đợi điều gì đó hay sao? Nàng nhắm mắt lại một lúc, và gương mặt của Mathieu lại hiện ra, thật chi tiết, đến mức nàng phải rùng mình. Nếu gương mặt đó luôn hiện ra trong trí nàng, nếu chỉ cần chớp mắt một cái là nàng lại có thể nhìn thấy chàng, y như chàng đang đứng trước mặt nàng, thì có phải nàng đã yêu chàng rồi chăng? Từ một dạo gần đây, nàng thường nằm mơ thấy chàng đã thật sự ở đây, cặp mắt đen láy của chàng nhìn sâu thẳm vào mắt nàng... "Mathieu Quérusat, em yêu anh, và anh rụt rè đến mức em không thể biết được anh có yêu em không..."

Ngay sau những rung động đột ngột của các cành cây dưới tác động của một làn gió mà chính bản thân nàng cũng chưa kịp nhận biết, Pascaline liền trở vào nhà. Một tiếng sấm vang lên, liền theo đó có tiếng thứ hai to hơn, và mưa bắt đầu trút xuống những hạt to, mạnh. Trên lầu các cánh cửa đập mạnh, Pascaline chạy lên đóng các cửa lại. Đứng trước cửa sổ của phòng mình, nàng chần chờ một lúc để ngắm cánh đồng tối đen đang bị những tia chớp xẻ ngang xẻ dọc thành những vết thương lớn ánh vàng và hồng. Và một lần nữa, nàng lại có cái cảm giác đang chờ đợi. Ở đằng kia, giữa những lùm cây mà ánh chớp của cơn giông vẽ lên, lúc ẩn, lúc hiện, những đường viền không đều đặn, là ngôi nhà cổ của giòng họ Roustan. Không hề có một chút ánh sáng nào trong ngôi nhà rộng lớn đó. Nàng tự hỏi có phải là vì sấm sét, gió hay mưa không...? Pascaline không thể tập trung vào quyển sách của nàng được, nhiều lần, cái bề mặt tối om, nháy nhót của ngôi nhà cổ Roustan lại hiện ra trong trí nàng. Đột nhiên hình như nàng nghe thấy tiếng máy nổ và tự nghĩ, lẽ ra trước khi có giông, nàng đã phải cất xe của nàng vào nhà kho chứ không nên để nó ngoài sân phơi như bây giờ. Ai có thể đến thăm nàng vào lúc thời tiết như thế này nhỉ? Nàng ngóng chờ nhưng không thấy ai gõ vào cánh cửa gỗ hai lớp dày dặn của nàng. Tuy nhiên, nàng chắc chắn là: hoặc có cái xe nào đó đã đến rất gần đây, hoặc có ai đó đã nổ máy và xuất phát từ đây... Làm sao mà có thể biết chính xác được trong tiếng ồn ào của sấm sét, gió và nước này?... Nàng chần chờ muốn mở cửa, rồi lại thôi vì không còn nghe thấy gì nữa. Có lẽ ai đó đã đi lạc đường chăng, rồi người đó đã rời khỏi đây rồi chăng?... Có thể lắm chứ: vì Haute-Roche nằm ở cuối một con đường thuộc tư nhân và không có lối ra. Nàng mong sao sự suy luận của nàng là đúng. Hơn nữa, chẳng phải nàng đã mơ đó sao? Với tiếng ồn ào như vậy ở phía ngoài, nàng có thể lắm lắm chứ. Và rồi nàng ngáp. Hai tay đặt trên quyển sách, nàng buông mình dựa vào lưng ghế, mắt lăm lăm nhìn vào ánh sáng đang nháy nhót của ngọn đèn.

Ngôi nhà cổ Roustan... Tại sao Hubert lại hỏi nàng làm vợ nhỉ? Anh ta có còn yêu nàng không?

"Thật vô lý, nàng nghĩ, hai đứa đã cắt đứt quan hệ gần hai năm nay rồi. Mình đã những tưởng mình yêu anh ta, vào lúc đó, cũng có thể mình đã từng yêu anh ta... Và cũng chính khi càng hiểu

anh ta hơn thì mình càng yêu anh ta ít hơn. Chính là vì cái lỗi suy nghĩ phải tìm cách xoay sở để giải quyết những áp-phe ít nhiều mờ ám và béo bở của anh ta... Anh ta không hề giống người anh của anh ta! Théotime là một anh chàng tỉnh lẻ ít nói, tốt bụng, hơi vụng về và là một con người tốt... Chính xác thì họ là những anh em cùng mẹ khác cha và mình nghĩ là Hubert thường xuyên sống bám vào ông anh của anh ta, vì anh Théotime lớn tuổi hơn anh ta nhiều. Chuyện gì đã khiến cho Hubert lại hỏi cưới mình sau hai năm không còn quan hệ? Hai đứa đã cắt đứt với nhau mà không làm lớn chuyện, anh ta cũng tỏ ra không cần có cách giải quyết nào khác, nhưng rồi đột nhiên, tuần trước đây thôi, khi mình đã khước từ lời đề nghị của anh ta thì anh ta đã nổi cơn lôi đình, và tỏ ra thật tình tiếc rẻ... thậm chí thất vọng, vì anh ta đã đề cập cả đến chuyện tự tử!..."

Phải xua đuổi cái kỷ niệm không vui này đi. Pascaline vừa lơ mơ ngủ vừa nghĩ đến Mathieu Quérusat. Nàng thường đến nhà chàng, rảo qua khắp các nhà kính ẩm ướt và đầy hương thơm, mua ở nơi chàng những cây hồng, những bông hoa cẩm chướng hay những loại hoa khác. Mathieu, nhà trồng hoa, đã cho nàng những lời khuyên, những lời hướng dẫn, đã tặng nàng một đóa hoa tú cầu lớn hay những nhánh hoa đỗ quyên đầy nụ, đã tiễn nàng ra tận xe, tay ôm cẩn thận những cành cây dễ gãy, thậm chí không dám cả mím cười khi nói lời tiễn biệt và cảm ơn nàng. "Mathieu, anh chàng trồng hoa ơi, em yêu chàng, và thật sự em chẳng biết phải làm thế nào cho chàng hiểu được điều đó. Tính rụt rè của chàng đã làm cho em cũng nhút nhát theo. Ôi, chàng Mathieu của em ơi!..." ời không biết chủ nhân của ngôi nhà đang có mặt ở đó không. Vừa đúng lúc nàng định cài cánh cửa sổ lại thì có một tia chớp khổng lồ từ dưới đất phóng lên bầu trời dường như rất thấp, chiếu sáng rực ngôi nhà cổ Roustan trong một tiếng sét thật khủng khiếp. Ngay lúc đó điện bị cúp, nàng phải mò mẫm bước dọc theo cầu thang để xuống nhà. Rồi nàng châm sáng cái đèn dầu đã được chuẩn bị sẵn từ khi cơn giông mới bắt đầu đe dọa, và ngồi vào chiếc ghế bành, tay cầm quyển sách. Mỗi khi có một trận giông mạnh như trận giông này, thì trong cái vùng hoang vu và hẻo lánh này, việc bị cúp điện suốt đêm là chuyện không lạ gì.

Một sự mơ màng thật dịu dàng... Mưa đã nhẹ hạt hơn, sấm cũng ít dữ tợn hơn. Cơn giông tắt dần như trong tiếng thì thầm của con suối lẫn với tiếng gió. Lại có tiếng xe... Mình đang rời khỏi nhà của Mathieu... Tiếng máy xe nổ đem mình ra xa khỏi Mathieu...

Pascaline được hai tia nắng vàng óng xuyên qua khe cửa sổ đánh thức dậy. Không còn giông, không còn những cảm giác chờ đợi của buổi tối hôm qua. Buổi tối hôm qua thật là kỳ lạ. Nàng nhớ lại những tiếng ồn của động cơ xe, và một lần nữa nàng lại cho rằng nàng đã nằm mơ, nàng mở toang cửa sổ. Căn phòng được ánh nắng tràn vào chiếu sáng lên. Ở phía xa xa, ngôi nhà cổ Roustan dường như vẫn còn đang ngủ giấc ngủ của tối hôm qua.

Pascaline xuống nhà dưới, mở ngăn kéo của cái bàn bu-rô lớn mà trên bề mặt có đầy những trang giấy của cuốn tiểu thuyết nàng đang viết dở. Trên máy chữ có một trang giấy đang được đánh máy dở dang. Nàng đọc câu cuối cùng: "Đây về bức tức, Eléonore nhấn mạnh ga để chạy đến nhà Julien." Nàng sẽ có giết người thanh niên đó không? Hơi do dự, Pascaline từ từ thêm vào tiếp: "Nàng cảm thấy muốn giết, vì anh ta đã làm nàng quá tức giận, quá bị tổn thương, quá bị xúc phạm." Rồi nàng đi vào căn bếp rộng rãi, mở hai cánh cửa kính bên trong, chân chửi một giây trước khi mở hai cánh cửa gỗ phía ngoài. Đột nhiên một mối lo thấp thỏm xâm chiếm lòng nàng, nàng phải ráng sức mới nâng được cái chốt cửa lên, rồi xô hai cánh cửa ra phía ngoài.

Có hai người đàn ông đứng sẵn ở bên ngoài. Một trong hai người hỏi:

- Cô là Pascaline Mauret phải không?

- Vâng...

- Tôi là cảnh sát trưởng Masselot, và đây là thanh tra Folenfant.

Nàng không nói lời nào, khiếp đảm, nhìn hết người này đến người kia, hai người đàn ông đứng đó y như tự bao giờ rồi vậy. Rồi ánh mắt của nàng lại chuyển sang cái sân phơi. Ở đằng đó có hai cái xe của cảnh sát, những người đàn ông mặc đồng phục đang quan sát tỉ mỉ chiếc xe của nàng.

- Théotime Roustan đã bị ám sát đêm qua trên một chiếc xe, rồi bị xô từ trong xe ra ngoài ở bãi đậu xe của siêu thị.

- Thế tôi có liên quan gì tới chuyện đó? - Pascaline nói lắp bắp - Théotime? Các ông nói là Théotime hả? Một con người thật tử tế...

- Hình như là xe của cô có liên quan... Cô đã làm gì vào tối hôm qua, vào lúc giữa hai mươi và hai mươi ba giờ, trong lúc cơn giông đang trút xuống ấy?

**

Mathieu Quérusat đang bước ngang bước dọc trong văn phòng của cảnh sát trưởng. Ông này đang nhìn anh ta đứng ngồi không yên.

- Cậu hãy thôi đừng có lo lắng quá vậy. - Cảnh sát trưởng Hervé Masselot nói.

- Đừng lo lắng sốt ruột à? Cô Mauret đang bị giam, thế mà cậu lại bảo mình đừng lo à?

- Cô ta đã bị giam đâu, cô ta chỉ đang bị tạm giữ đó chứ. Chúng tôi không thể làm cách nào khác được... Anh Théotime Roustan đã bị giết trong xe của cô ta kia mà, một nhát rìu vào đầu...

- Thật khủng khiếp! - Mathieu than - Cô ấy không thể nào làm được chuyện đó...

- Cô ta đã mô tả, trong quyển tiểu thuyết đầu tiên của cô ta, một vụ giết người tương tự... Và trên máy đánh chữ của cô ta, có một trang của quyển tiểu thuyết đang viết, trên đó có một câu đe dọa nói lên một dự định sẽ giết người...

- Chuyện đó là tất nhiên rồi, vì cô ta viết tiểu thuyết hình sự mà!

- Đúng vậy. Nhưng người ta đã tìm thấy cái rìu dính đầy máu, được chôn trong nhà kho của cô ta. Đất mới bị đào và bị dẫm còn dấu đã giúp chúng tôi dễ dàng tìm ra nơi cất dấu nó. Ghế của chiếc xe thì còn dính máu. Xe còn dính bùn, chứng tỏ là cô ta đã cho xe chạy trong cơn giông, hay ngay sau đó. Vẫn chưa hết: có một vết xước dài ở sườn bên phải của chiếc xe, và ở đó có dính một ít sơn. Sơn đó là loại sơn để sơn cổng của ngôi nhà cổ Roustan, đã để lại vết ở trên xe khi bị quẹt... Không có dấu vết nào khác ngoài dấu vết của chính Pascaline Mauret...

- Làm sao mà cậu có thể tin rằng Pascaline có thể làm được một việc tương tự... Cậu nhầm rồi đấy, Hervé!

- Ai đã nói với cậu là mình tin như vậy? Mình đang đợi người em trai của anh Théotime Roustan đang trên đường trở về từ Paris vào sáng hôm nay. Folenfant đang làm một cuộc điều tra mang lại nhiều tiết lộ mới về cậu ta. Cậu đừng nghĩ là mình chỉ dựa vào những ghi nhận đầu tiên đâu nhé... Này, hãy nói thật với mình đi, cái cô Pascaline ấy thật ra là gì đối với cậu vậy?

- Ờ... không là gì cả, chỉ thuần túy là một khách hàng thôi...

- Ừ, chỉ vì một khách hàng thuần túy mà cậu phải chạy năm mươi cây số, bỏ bê nhà cửa, công việc của cậu để đến một thành phố mà cậu chẳng mấy khi đặt chân tới à?!

Vừa đúng lúc đó, người ta thông báo là Hubert Pérignac đã đến, và Mathieu Quérusat từ biệt ông bạn Cảnh sát trưởng của mình. Qua cửa sổ, Hervé Masselot nhìn anh ta đi qua đường. Hình như Mathieu đã đột nhiên bị già đi vậy. Anh ta bước đi, đầu cúi gằm. "Ông bạn của tôi ơi, Hervé tự nhủ, cô tiểu thuyết gia xinh đẹp của cậu đang ở trong hoàn cảnh khá bi đát đấy..."

Cảnh sát trưởng Hervé trở lại ngồi vào bàn làm việc của mình. Đây là lần đầu tiên mà Mathieu - người bạn từ hai mươi tám năm nay, từ khi hai người còn để chỏm - mới biết yêu, thật trớ trêu thay! Tệ hơn là ông ta đã phải tạm bắt Pascaline Mauret trong khi trong tận thâm tâm ông ta cũng có cùng chung sự suy nghĩ với Mathieu. Các bằng chứng thật là quá... rõ ràng đối với một người mà trong những tác phẩm của mình đã đưa ra toàn những tình huống thật ác hiểm.

Cảnh sát trưởng Hervé cho gọi Hubert Pérignac - người em cùng mẹ khác cha với nạn nhân - vào văn phòng của ông ta. "Tiếc thật, ông ta nghĩ, lúc xảy ra án mạng, cậu ta ở Paris, nếu không thì mình thích nghi ngờ cậu ta là hung thủ hơn thay vì... Theo những tin mà Folenfant đã thu thập được về cậu ấy, thì cậu ấy thích hợp hơn trong vai của Pascaline Mauret..." Rồi ông ta thở dài.

**

Tối hôm đó, Cảnh sát trưởng Masselot thấy cần gặp lại Pascaline. Giờ đây ông ta đã rõ là Hubert đang bị ngập trong nợ nần, đã loan tin khắp nơi là anh của cậu ta đã đưa ra ý kiến sẽ bán ngôi nhà cổ Roustan để trang trải nợ cho cậu ta, nhưng chính Hubert, cậu ta đã khẳng khái từ chối cử chỉ nghĩa hiệp ấy của ông anh vì cậu ta đã có cách giải quyết. Cậu ta sắp cưới một thiếu nữ, chủ nhân của một trong các khu đất đẹp nhất vùng. Một phần của khu đất này lại nằm trong khu quy hoạch chung cho các công trình xây dựng, như vậy cô ta sẽ rất giàu, hơn nữa cô ta lại có một nghề mang lại thu nhập lớn.

- Nghề gì? - Cảnh sát trưởng hỏi - Và là ai vậy?

- Xin ông cho phép tôi không đưa cô ta vào chuyện này. - Hubert vừa nói vừa cúi đầu xuống. - Ông anh tội nghiệp của tôi... Thật là khủng khiếp! Thật vậy...

Thế rồi anh ta bật khóc, những tiếng nấc nức nở có thể làm cảm động bất kỳ ai ngoại trừ ông Cảnh sát trưởng Masselot. Ông ta xem kỹ toàn bộ sự việc, nghiên cứu cẩn thận các tài liệu mà thanh tra Folenfant đã thu thập được. Những người khách thường xuyên của một số casino, những người bán rượu của một số hộp đêm đã xác nhận những tin tức đó. Và theo bà Flers, một người có tiếng trong giới tư sản của Paris, người đã có yêu cầu đừng nêu tên bà ta ra, thì ngày đêm hôm án mạng xảy ra, Hubert đã qua đêm tại nhà của bà ta ở Neuilly. Người thanh tra ở Paris đã đến nhà bà ta cho rằng bà ta có vẻ thành thật, và rất sợ người ta bàn tán về bà ta, vì chồng bà ta đang có chuyến đi công tác ngoại giao... Cảnh sát trưởng Masselot gọi ông phó Lamarche của mình.

- Cậu hãy đi chuyến tàu cao tốc sắp tới đến Neuilly. Cậu hãy cố tìm hiểu xem thật ra bà ấy có yêu Hubert không. Cậu cứ nói là chúng ta bắt buộc phải nêu tên bà ta ra, với tư cách là người làm chứng... Cứ làm cho bà ta phải sợ khiếp lên đi!

- Bộ anh nghĩ rằng đó là một cái cớ giả, một bằng chứng ngoại phạm đã được dựng lên sao?

- Có thể lắm.

- Nếu vậy tay ấy chỉ cần nhờ một trong số gái điếm ở Paris mà tay ấy hay lui tới là được rồi!

- Thật tình mà nói, cậu sẽ tin ai hơn nào? Một bà lớn lo lắng cho danh giá của mình, hay một cô gái điếm hay chiều ý và không hề ngại ngùng?

- Tất nhiên... Trường hợp đầu làm cho vấn đề trở nên nghiêm túc hơn. Nhưng thật không dễ gì mà làm cho tay ấy chịu thua đâu, dù cho rằng đó là thủ phạm! Bởi vì ngay lúc này thì chính Pascaline mới là kẻ bị tình nghi mà lại không có chứng cứ ngoại phạm! Hơn nữa, tay Hubert lại nói rằng cô ấy có mâu thuẫn với ông anh của hắn vì chuyện giáp ranh của hai mảnh đất của họ, mà anh hắn lại từ chối không muốn giải quyết.

Cảnh sát trưởng Masselot còn nhiều việc khác phải làm nên đã khất lại cuộc gặp Pascaline qua sáng hôm sau. Rất kinh ngạc, Pascaline đã không ngần ngại kể lại quan hệ của nàng trước đây với Hubert Pérignac, gần đây thôi, việc Hubert đột nhiên hỏi nàng làm vợ. Tại sao nàng đã không nói gì về những chuyện này vào buổi ban đầu? Nhưng... Cảnh sát trưởng có hỏi nàng câu nào về những chuyện ấy đâu! Hơn nữa, ông ta lại cảm thấy không cần thiết phải đề cập đến những chi tiết thuộc về cuộc sống riêng tư ấy của nàng...

- Còn về Théotime? Và cả cái chuyện có liên quan đến ranh giới của các khu đất? Các người có mâu thuẫn với nhau phải không?

Mặc cho nỗi lo lắng của mình, Pascaline đã không khỏi mỉm cười. Đúng là có vấn đề về ranh giới, nhưng nàng đã liên hệ với người đo đạc địa hình và ông chủ ông kẻ đã giải quyết xong việc tranh chấp nhỏ đó liên quan đến một mảnh đất không đáng kể. Chỉ cần hỏi ông chủ ông kẻ thì sẽ rõ ngay thôi... Hơn nữa sự tranh chấp đó chưa bao giờ có ảnh hưởng gì xấu đến mối quan hệ với người láng giềng của nàng. Nàng cảm thấy thật chán ngán với câu chuyện diên khùng đó và cảm thấy thật buồn vì cái chết quá thương tâm của anh Théotime tội nghiệp ấy...

Đúng ngay lúc đó ông phó Cảnh sát trưởng đã gọi điện thoại từ Paris. Trước sự gợi ý về tất cả những điều đang chờ đợi bà Flers với tư cách là người làm chứng, bà Flers đã khai lại. Bà ta không hề gặp Hubert đã hai tuần nay, lúc mà tay ấy tuyên bố là những khó khăn của tay ấy sẽ được giải quyết vì tay ấy sắp cưới một cô hàng xóm khá giả của tay ấy, và cô này thừa khả năng giải quyết nợ nần giúp cho tay ấy. và cũng nhờ vậy mà tay ấy có thể từ chối đề nghị hào hiệp của ông anh Théotime...

- Hơn nữa bà Flers rất khổ sở vì cái đám cưới sắp tới, - Lamarche nói tiếp. - Tôi có đến nhà Hubert ở Paris. Tôi có tìm thấy một bức thư của ông anh gửi cho tay ấy, trong đó người anh đã từ chối thẳng thừng, không đồng ý bán bất cứ thứ gì và còn cấm không cho tay ấy được tiếp tục lai vãng đến ngôi nhà cổ Roustan nữa. Chuyện đó xảy ra cách đây ba tuần...

- Như vậy là vừa đúng lúc trước khi tay ấy hỏi cưới cô Pascaline Mauret, và tay ấy lại cũng đã bị từ chối... Tôi phải cho gọi hắn ngay lập tức. Tự gây án mạng, rồi đổ tội cho một người khác mà hắn thù ghét bằng cách sử dụng xe của người ấy, và để rồi trở thành một cách rất hợp pháp, người thừa kế của nạn nhân... Dàn cảnh cũng khá lắm!

Pascaline không còn nghe thấy gì cả. Đứng ở cửa sổ, nàng nhìn dáng người cao ráo của Mathieu Quérusat như đang đứng đợi. Sự có mặt của chàng làm lòng nàng tràn ngập sung sướng. Cảnh sát trưởng Masselot bỏ ông nghe xuống, và người bác sĩ pháp y bước vào, tay cầm bản báo cáo. Théotime Roustan đang ngủ khi bị ám sát. Anh ta đã uống một liều thuốc ngủ khá mạnh.

Khi người ta đưa Hubert vào để hắn gặp, để hắn được nghe nói về bà Flers và về bức thư của người anh mà hắn đã vô ý bỏ quên ở nhà hắn, hắn đã sụp xuống một cách thảm hại. Hắn đã lấy chiếc xe của Pascaline để đến gặp Théotime và làm lành với anh ta, hắn nói. Tất nhiên là một lần nữa người anh đã mềm lòng trước em mình, anh ta đã lấy một chai rượu ra. Hubert đã cho thuốc ngủ vào ly của người anh trước khi kéo anh ta ra ngoài để khoe chiếc xe 205 mà hắn mới tậu được... Cho xe chạy, đi chơi dưới trời giông, Théotime ngủ thiếp đi rất nhanh...

- Chúng tôi đã rõ đoạn kể tiếp, - cảnh sát trưởng Masselot đứng bên cửa sổ nói. - Đây là một vụ

án mạng được cậu tính toán từ trước... Nào, hãy dẫn cậu ta đi!

Cảnh sát trưởng quay sang phía Pascaline.

- Tôi nghĩ rằng có người đang đợi cô... Mathieu và tôi là những người bạn chí cốt lâu năm. Tôi đã báo cho cậu ta về việc cô được trả tự do... Cô có bỏ qua cho tôi không?

Nàng chìa tay cho ông ta, rồi chạy ào ra ngoài về phía Mathieu đang đứng

Yên chờ đợi. Thế rồi chàng giang rộng vòng tay, và thế là nàng bị nhốt vào một nhà tù khác, một nhà tù thật êm ái và dịu dàng mà nàng sẽ tình nguyện chịu ở lại đó suốt cuộc đời còn lại...

Dịch theo LUCIE REFLAW

VŨ ANH TUẤN & ĐẶNG LỆ QUYÊN

thơ ·

VƯƠNG HOÀI UYÊN

MÙA TRĂNG CŨ

Làm sao anh biết được
Giữa những lo toan cháy bỏng của cuộc đời
Nơi một khoảng trời khuất nẻo của hồn em
Vẫn còn sáng mãi nửa vầng trăng.

Cơn lốc đời cuốn em về nơi cuối biển đầu sông
Đi đâu cũng thấy vầng trăng thời mới lớn
Trăng vẫn đến – muện màng treo nửa mảnh
Vẫn trong ngần như trăng thuở ấy - bên anh.

Và bao giờ anh về lại cánh đồng xanh
Nghe gió vọng khúc ru hời trên cỏ
Con sông biếc vẫn muôn đời tràn trở
Mãi mê nằm nghe biển gọi miền xa.

Em trở về cùng năm tháng đã đi qua
Chợt hốt hoảng khi trăng đời đã xế
Hồn đắng nghẹn trước những điều dâu bể
Ngẩn ngơ tìm một nửa mảnh trăng xưa.

VƯƠNG HOÀI UYÊN

CỦA NGƯỜI PHÚC TA

TRẦN CHIỀU

San người Nam Sách, tỉnh Hải Dương ra cư ngụ ngoài vùng mỏ năm 18 tuổi, học hết lớp 7 phổ thông. San được người chú họ tên là Sở, đỡ đầu cho học Trường Xây dựng. Học nề hai năm ra trường, tay nghề bậc 3, San được phân công về Công ty nhà ở 2, biên chế trong Đội xây dựng 4, do ông Phu làm đội trưởng. Ông Phu có con gái lớn tên là Sim, năm lên mười, bị bệnh đậu mùa, trí nhớ kém, học trước quên sau, bỏ dở lớp 6, ở nhà lo cơm nước giúp mẹ. Ông Phu ưng San: *"Nó chịu thương chịu khó, lại biết chắt chiu"*. Bà Phu thì bảo: *"Tướng mạo nó, được con mắt nhanh, cái dái tai dày, vành tai hùm, giữ cửa đấy"*. Ông Phu ngắt lời vợ: *"Ta gả con Sim cho thằng San chẳng bà?"*. Bà Phu dẫn đo: *"Liệu thằng San có bằng lòng không, ông thử ướm nó xem, nếu nó ưng con mình, thì gả, cho nó ở rể"*. Ông Phu mới hía ra điều hệ trọng ấy với ông Sở, chú họ San, ông này đã vỗ vập. Hai ông *"tâm đầu ý hợp"* cho gọi San vào.

Ông Sở hỏi San: *"Ông Phu, thủ trường cháu, cháu biết rồi, chú không phải giới thiệu, điều chú muốn nói với cháu bây giờ, có mặt ông Phu đây, là chú đã có lời với ông Phu trước, xin cho cháu được đạ vào làm con cái ông Phu, ý cháu thế nào?"*. Thấy San còn lưỡng lự, ông Sở lại bảo: *"Cháu được đạ vào cửa ông Phu đây là phúc rồi đấy"*. Nghe ông Sở nói vậy, San nghĩ: *"Sim xấu người, nhưng được nét làm, lại là con một, bố mẹ song toàn, còn khỏe cả, nhà cửa vườn tược đủ huê. Ông Sở tinh đời, chọn không sai"*. San thưa với hai ông: *"Cháu ra đây được, lại được học nghề đến nơi đến chốn, có công ăn việc làm ổn định là nhờ 2 ông, cháu coi hai ông như cha, hai ông bảo sao cháu xin vâng ạ"*. Lễ hỏi cho đôi trai gái nên duyên, được tổ chức vào giờ Tý, ngày Mùi, tháng Thân, năm Đinh Sửu, *"được tuổi cả hai đứa"*. Một tuần sau, ông Phu sắm lễ vu qui cho con gái chu đáo, ẩm cúng, ai cũng mừng *"con ông thành gia thất"*.

**

Lấy vợ được một năm, vợ đẻ con gái đầu lòng, *"cái rận cái chấy"*, San mừng lắm *"con gái giống cha như đực"*, đặt tên là Sâm. Ông Phu bảo con rể: *"Nó mẹ tròn, con vuông rồi, ở nhà đã có bố mẹ giúp, con phải đi học, sau này lấy cái cần câu cơm, bố lo liệu đâu vào đấy cả rồi, ý con thế nào, nói cho bố biết"*. San thưa: *"Được thế thì còn gì bằng, con cảm ơn bố mẹ"*. Hôm sau, ông Phu đưa giấy gọi nhập học cho con rể và gấp rút chuẩn bị để cậu tú lên đường, nhập môn.

San học kém, cả khoá học không được môn nào trung bình, nhưng nhờ có thầy, là chỗ bạn chiến đấu của ông nhạc giúp tận tình, bản luận án tốt nghiệp thầy làm cho, thi thiếu 2 điểm, cũng thầy đỡ, anh mang về cái bằng đại học đồ trình bố mẹ vợ. Ông bà Phu thích lắm, càng quý con rể. Hồi ấy, người có bằng đại học hệ chính qui, lại trong biên chế Nhà nước, có giá lắm.

Ông Phu chạy cửa thị xã, ém San vào phòng Quản lý công trình công cộng và phát triển đô thị, giữ chân cấp đất, là nhờ bà Xuyên, di ruột bà Phu, cán bộ tổ chức Tỉnh uỷ, có ý kiến với ông Trưởng Chủ tịch thị xã, chỗ thân tình của bà. Bà Xuyên sau này chuyển về Công ty Ngoại thương, làm Trưởng phòng Xuất nhập khẩu nông, lâm, khoáng sản. Nếu không có chuyện rùm beng về 10 cái tivi Nhật vỏ đỏ, 19 in phân phối sai đối tượng, thì khoá ấy bà đã vào Hội đồng nhân dân, thay ông Vũ, Phó Chủ tịch, phụ trách tài mậu, bị kỷ luật buộc ra khỏi Đảng, đi lấy vợ bé ngoài Vân Đồn. Ông Phu nể ông Trưởng xếp con mình vào chỗ thơm, không quản ngại *"giúp khoản công thợ"* xây ngôi nhà 2 tầng ở phố Đông. Bà Xuyên lại mới chuyển về Uỷ ban nhân dân thị xã, làm Trưởng phòng Quản lý công trình công cộng và phát triển đô thị, San càng có điều kiện gần gũi bà Xuyên, qua bà Xuyên, được tiếp cận thường xuyên với Chủ tịch thị xã. Anh học được nhiều điều hay, mở mang đầu óc, khôn khéo trong giao tiếp, ứng xử, rõ ràng là *"gần đèn thì rạng"*.

Hồi ấy, cấp đất ở, đâu khó khăn phức tạp như bây giờ. Người ta còn cho nhau cả một lô đất xây biệt thự, không tính toán thiệt hơn, chứ đâu có chuyện *“giọt nước mái nhà này, róc vào hiên nhà kia đã vác búa nói chuyện với nhau”*. San nói với bố vợ: *“Cơ quan đang khuyến khích người đi học. Con thưa với bố mẹ, cho con đi khoá này, 3 năm, nhanh thôi mà, khi con trở về, tình hình tổ chức nhất định sẽ có những thay đổi lớn, công việc bây giờ sẽ thuận đối với con hơn, ý bố mẹ thế nào?”*

Nghe con rể nói phải, ông Phu bảo con gái: *“Chồng con có chí, con phải cố gắng nuôi con, để động viên chồng con đi học, đúng như nó nói, 3 năm nhanh thôi mà, nên thợ nên thầy nhờ có học, con ạ, con thu xếp cho chồng con đi”*.

Ông Tường và bà Xuyên tạo mọi điều kiện cho San đi học, thứ nhất, ngoài khoản lương hàng tháng lĩnh đủ, kể cả phụ cấp khu vực và các khoản phụ cấp khác nếu có, còn được cộng thêm tiền tài liệu học tập, học phí.

Ông Phu cất công lên trường trước, lo chỗ ăn chỗ ở cho con rể, thật hiếm có một ông bố vợ như ông Phu, chu đáo, coi con rể như con ruột. San cảm động trước sự quan tâm săn sóc của bà Xuyên, của ông Tường và bố mẹ vợ, anh thêm quyết tâm học thành tài. Nhưng khổ nổi, các môn kinh tế, chính trị khô khốc, khó nhập tâm, học mệt như đánh vật, San đuối sức, sợ học không đến nơi đến chốn, phụ lòng những người có công tạo dựng cho mình, nhất là để ông nhạc khản khè thì còn ra làm sao, San tìm thầy đỡ đầu. Thầy Triệu, cùng quê Nam Sách, Hải Dương với San, chủ nhiệm bộ môn, biết gia cảnh San, ông thương tình sẵn lòng giúp đỡ. Có thầy, các môn (thầy không phụ trách), điểm dưới trung bình, thầy nhờ bạn đồng nghiệp xin cho, nhưng có nâng, cổ lắm cũng chỉ trung bình, không thể nào khác được. Đến kỳ thi tốt nghiệp, sức học càng đuối, tự thấy *“khó có thể vượt qua được chương ngại”* này, San đánh bài ngựa với thầy: *“Ba năm đèn sách, công cha mẹ, công vợ, mà em tay trắng về, khổ tâm lắm thầy ạ, còn sự nghiệp em nữa chứ, thầy cố giúp em, em nên người sau này, không dám phụ công thầy, em nói có quỷ thần chứng giám”*. Rồi San cũng đem được cái bằng Đại học chính trị về trình bố mẹ vợ.

Ông Phu mừng con rể, một cán bộ trẻ có 2 bằng đại học chính qui. ở thị xã này người có hai bằng đại học chính qui, đếm trên đầu ngón tay, chứ nhiều nhời gì. San còn là con rể ông Phu nhé, cán bộ chủ chốt của thị xã đấy, đem những tiêu chuẩn đó để cọ xát trong cuộc chạy đua vào hàng ngũ cán bộ cốt cán, phần thắng 100% thuộc về San là cái chắc, chắc như *“đinh đóng cột”*.

**

Bà Xuyên lên Thị uỷ, làm Phó Ban Tổ chức, San được đề bạt làm Trưởng phòng quản lý công trình công cộng và phát triển đô thị. Bây giờ, chưa có phòng Thị chính như bây giờ, việc quản lý đất đai nói chung, cấp đất ở nói riêng, không gắn với qui hoạch và kế hoạch. Chủ tịch thị xã chỉ đạo thế nào, thực hiện vậy, có gì cản lại lên xin ý kiến cấp trên về làm. Làm nhưng phải lựa lúc Chủ tịch vui vẻ, có *“biến tướng”*, bị phát hiện, cứ *“vò đầu bứt tai”*, ông ấy lại thương, cho qua: *“Lần sau làm vậy, tao gọt đầu”*. ấy là thời kỳ đất nội thị đã có giá chứ không *“bèo”* như trước, bởi vì ngoài biên giới đã thông thương, buôn bán sầm uất, trong này than thở phỉ mốc như nấm, cai than, chủ thầu, nhà buôn, cán bộ có chức, có quyền bị cuốn vào cơn lốc nhà cao tầng mặt phố.

Đất Trung tâm thương mại, đất Chợ trung tâm lên cơn sốt giá chóng mặt. Người có quyền cấp đất lên ông lên bà. Người mót đất khúm na khúm núm chạy cửa này, cửa nọ. Bọn phe đất lên ngôi. Tỉnh ngó xuống, can thiệp vào là phải. Ông nào cũng ký vào đơn xin đất, có quyền thế mà, ai dám cãi. Thị xã không thể không nhìn vào chữ ký đó mà cấp, không cấp không xong, chứ đùa à. Thế là sinh ra cái bệnh *“đất thom”* cấp cho đối tượng thương binh, gia đình liệt sĩ, bà mẹ Việt Nam anh hùng, cán bộ lão thành cách mạng cũng ghé gắm vào cho con, cháu, họ hàng *“tê nước theo mưa”*, thành thử *“tuần chay nào cũng có nước mắt”*. Con cháu các cụ cả, ở ngoài mặt phố, đẹp chưa?

San đối chiếu tiêu chuẩn *“sâu ra, cao xuống”*, thì ông nhạc anh đủ điều kiện xin đất ở mặt phố, không phố Chợ trung tâm thì Trung tâm thương mại, chỉ có nhất. San nói với bố: *“Tiêu chuẩn bố*

xét là được". Ông Phu dẫn đo: "Bố đã có nhà ở". San giải thích cho ông nhạc nghe chủ trương "sâu ra, cao xuống" đây rầy cán bộ thị xã có nhà cao, cửa rộng còn chiếm đất giữa phố, không phải chỉ có bố già mà còn có cả con cái bố già, đã ai đụng đến cái lông chân bố già đâu. Nghe con rề nói thế, ông Phu tặc lưỡi ký vào đơn xin đất ở. Ông được cấp ngay lô đất số 5, diện tích 62 mét vuông, mặt tiền 4 mét, hai mặt đường, phố Chợ trung tâm, cạnh lô đất bà Xuyên, diện tích nhỉnh hơn 3 mét vuông, cũng hai mặt đường, mặt tiền 6 mét. Thời ấy "cấp như cho", mà sang tay nhau, có rề cũng phải 300 triệu. Ông Hành, họ nhà Y, bán lô đất giữa phố về xây biệt thự, còn tiền để ra, gửi quỹ tiết kiệm, ăn đủ ba đời. Chuyện thật mà cứ như đùa. Mẹ ông Tường được thị xã cấp lô đất số 1, phố Chợ trung tâm theo diện chính sách "gia đình có công với cách mạng", diện tích hẹp hơn diện tích lô đất bà Xuyên, nhưng những ba mặt đường, cổng chợ. Ông Tường xây nhà 4 tầng. Bà mẹ ở được một năm thì về với tổ tiên, ông Tường được hưởng quyền thừa kế. Ông bán ngôi nhà hai tầng ở phố Đông, cho thằng con cả 200 triệu, xây khách sạn mili. Như vậy, về phương diện pháp lý, ông Tường vẫn chưa có đất ở, chưa được cấp đất lần nào, khi đưa ra Hội đồng tư vấn cấp đất ở thị xã, ông Tường thuộc diện số 1 được cấp đất ở. Nhưng ông không xin, mà ông nhường cho một thương binh mù, hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, dư luận xôn xao "khen ông thức thời, khen ông tốt, khen ông biết ăn trông nôi, ngồi trông hướng", không như mấy bố già cửa tuốt, chẳng nể ai, chẳng ngán ai.

San biết "kẻ hay người dở" qua việc xin đất ở, cấp đất ở, làm gì mà khó. Đến khi ông Tường gọi dây nói cho San: "Cậu xem lô đất Cửa hàng Kẽm, đã cấp cho ai chưa, nếu còn, cấp cho bà Hải". San chẳng lại gì bà Hải bên Đồ, chuyên đóng gạch xỉ bán, là chị ông Tường Chủ tịch thị xã. "Các vị muốn xoá đói cho bà Hải đây. Được thôi". Bà Hải được cấp đất ở chỗ hơi hẻo lánh, không mấy ai để ý tới, nhưng đến khi mở con đường từ phố Hẹn ra biển thì đất khiếp lên được, bởi vì con đường mở ra triển vọng hết sức tốt đẹp cho các hoạt động karaoke, xông hơi, thẩm mỹ... Bà Hải không có tiền nộp lệ phí đất, ông Tường đưa cho chị 100 triệu: "Tiền hoả hồng cho chị". Đất tên bà Hải, nhưng ông Tường quản lý. Ông sang tên cho nhà "Mão thịt chó" lấy 100 cây vàng 24K, giao kèo: "Hai bên không được lộ chuyện mua bán lô đất bà Hải, chỉ khi nào đất bán công khai, sẽ làm trước bạ, sang tên, đổi chủ".

San cũng phải tính cho mình một lô đất ở chứ, chả lẽ, cấp đất ở cho người ta, mình "nằm giữa mất phần chẵn", trật khác ra hay sao. San đề đạt nguyện vọng với Chủ tịch thị xã, "xong ngay". Lô đất ở khu nghỉ mát, bấy giờ thuộc loại "đất thánh", chỉ có những người giàu có, những người có thể lực mới chễm chệ xơi, chứ dân đen, có mà ăn đất thật. Ông Phu bán lô đất cho Hoàng, anh chàng phát lên nhờ vào than thổ phỉ, 400 triệu, gạt hẳn một nửa cho con rề xây khách sạn mili; còn lại, ông đổi sang đô la Mỹ, toan gửi tiết kiệm để lúc về già đỡ gánh cho con, không may bị bọn lưu manh lừa mất sạch. Ông tiếc đứt ruột, nhưng tự an ủi: "Của đi thay người, có phải đồng tiền xương máu mình làm ra đâu, có mất chỉ mất mỗi mấy chữ ký".

Thầy giáo Tần, bạn chiến đấu của ông Phu, người có công dìu dắt San nên người đến chia buồn với ông Phu. Ông Phu mời cơm thầy giáo Tần, đôi bạn tri kỷ dốc bầu tâm sự: "Tôi muốn qua anh, gửi lời xin cấp đất tới cháu San, anh bảo cháu giúp tôi". Ông Phu đỡ lời thầy giáo Tần: "Việc của anh, cháu nó có trách nhiệm phải lo. Nó lo cho người ta còn được nữa là cho anh". Đúng là San lo cho người ta còn được, nhiều người được San giúp, có nhà cao, cửa rộng, họ không sao quên ơn San. Ông Phu lại nói: "Anh là phải có lô đất ở Trung tâm thương mại mới phải. Anh đã được cấp đất lần nào đâu, lại ở sâu, ở cao, dịp này phải được cấp đất ở. Không thể để anh phải chờ lâu". Ông Phu còn dãi dằng: "Phải thế, không là không xong với tôi. Anh có hiểu vì sao tôi nói thế không? Vì các ông lãnh đạo thị xã này, có ông nào chê xuất đất đâu, mà lại toàn xuất đất ngon, trăm cây vàng, chứ ít ỏi gì". Thầy giáo Tần phân bua: "Đúng như ông nói, các ông ấy chẳng chê xuất đất nào đâu, nhưng có thí cho mình, thì cũng chỉ xương xẩu, còn nục nạc, họ ăn chân ăn tay nhau, đến gì thứ mình, thường dân".

San xem hồ sơ xin cấp đất của thầy giáo Tần, thấy thiếu ý kiến tổ trưởng tổ dân, trực tiếp đến khối A, tổ 17, gặp ông tổ trưởng tổ này: "Ông giáo Tần ở sâu, ở cao, lại chưa được cấp đất ở lần nào, đúng thế, ông xác nhận vào đơn xin cấp đất ở cho ông giáo Tần". Biết chuyện này, thầy giáo Tần rất lấy làm cảm kích: "Thằng San được đấy, nó giữ được nghĩa tình sau trước làm một". Lại bà Xuyên điện xuống: "Anh xem lại hồ sơ xin cấp đất của em Hoè, còn thiếu gì không, sớm

giải quyết cho nó". San thưa: "Vâng ạ, cháu sẽ lo cho em trong dịp này, em không phải chờ lâu, bà yên tâm". San xếp đơn cấp đất ở của ông giáo Tần và cô Hoè lên trên, giải quyết trước, chỉ còn chờ ông Tường ký là gửi thông báo cấp đất ở cho đương sự ngay. Nhưng ông Tường bị mổ cắt ruột thừa, việc cấp đất ở tạm đình lại, không thể khác được, cứ phải chờ ông Tường. San lại nhận được đơn xin cấp đất của chị Oanh, con gái thầy giáo Triệu. Chị Oanh hiện là Phó Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Phong Doanh, cần lô đất mặt đường, phố Thương mại, mở sạp hàng. Thầy giáo Triệu điện về, thăm hỏi tình hình sức khỏe, công việc làm ăn của San, rồi đặt vấn đề Oanh, con gái ông xin cấp đất ở: "Em Oanh nó kinh doanh du lịch, phải có đất mặt phố, xin nơi khác chắc là không khó, thế mới phải cậy cửa anh, anh phải lo cho em trong dịp này, để ra giêng nó động thổ, được tuổi mà".

San xếp đơn xin cấp đất của Oanh, con gái thầy giáo Triệu sau đơn cấp đất ở của cô Hoè, cháu bà Xuyên và thầy giáo Tần. Ông Tường ra viện, San đến thăm ông và đưa hồ sơ xin cấp đất ở của cô Hoè, của thầy giáo Tần và cô Oanh, con thầy giáo Triệu. Ông Tường hỏi: "Anh đã kiểm tra kỹ chưa, đúng tiêu chuẩn, đúng đối tượng cấp chưa? Anh định cấp cho 3 vị này lô đất số mấy, ở phố nào?". San thưa: "Cấp ở phố Thương Mại, lô số 4 cho bà Oanh, lô số 5 cho ông giáo Tần, lô số 6 cho bà Hoè". Ông Tường ký thông báo cấp đất ở cho ba người, danh sách đầu tiên trong số 100 hồ sơ xin cấp đất ở của cả thị xã, dồn cục lại từ năm kia đến giờ. San gửi thông báo đi rồi mới phát hiện ra, 3 lô đất ấy đã cấp cho 3 người trong ngành hải quan, họ đã nộp tiền, chờ giao đất. San đến thương thuyết với họ, nhưng không xuôi, bởi vì họ là những cán bộ trong ngành hải quan, đầu có sạn, lại nhiều tiền, không xong với họ, nếu họ không được giao đất. Người đầu tiên gặp San nói toạc ra ngay: "Tôi không nhận bất cứ lô đất nào khác. Anh giao đúng lô đất ấy cho tôi trong năm nay, tôi biếu anh chiếc Dream II đập hộp". Người thứ hai, đến gặp San, rắn hơn: "Tôi sẽ kiện lên tỉnh, nếu anh không giao đúng lô đất trong thông báo cho tôi. Một khi tôi nhận được đúng lô đất của tôi, tôi cũng bồi dưỡng cho anh một con Dream II đập hộp". Người cuối cùng đến gặp San, chỉ hỏi một câu ngắn gọn: "Tôi có được đúng lô đất Ủy ban thị xã thông báo không? Không nói nhiều, anh cần gì, một Dream II đập hộp, được chưa? Cứ giao đất là có ngay".

Bạn đọc thông thái kính mến. Chúng ta lạ gì những cuộc ngã giá đại loại như việc giao đất ở ở thị xã đông người hiếm đất này nữa. Tại sao vậy, xin thưa: "Mất một xe Dream II đập hộp, giá bấy giờ 5 cây vàng, cộng với khoản nộp lệ phí đất 45 triệu, vị chi 60 triệu, bán 300 triệu, còn rẻ chán, không vậy chớ nào ném chiếc Dream II đập hộp qua cửa sổ".

San lại lợ mọ đến gặp ba chỗ người trong nhà, "vật đầu gãi tai" xin họ nhận lô đất khác, để 3 lô đất ấy cho 3 cán bộ trong ngành hải quan, không thì không xong với họ. Họ đã đi lại, giẫm nát lớp sỏi đầu ngõ nhà ông Tường, Chủ tịch xã chứ ít ỏi gì. Nhưng đến cửa ông Tần, ông này đã gay gắt: "Sao anh lại có thể làm cái việc trái lương tâm đạo lý ấy. Anh về đi". San đến gặp bà Hoè, bà này cũng nhất quyết: "Tôi chỉ nhận lô đất thị xã thông báo cấp cho tôi. Chả nhẽ anh ăn tiền của họ, anh bỏ rơi tôi?". Còn nhà chị Oanh, San đến đúng ba bận, có mặt cả 2 vợ chồng chị ta, đều không xong. San nói xằng với họ: "Nếu các người không nhận lô đất khác, cứ một mực đòi lô đất ấy, thì rồi chẳng có lô đất nào hết".

Rốt cuộc, sau cuộc họp gia đình, gồm thầy giáo Tần, thầy giáo Triệu và bà Xuyên tại nhà ông Phu mới ngã ngũ được. Thị xã quyết giao đất ngay cho bà Oanh, ông Tần, bà Hoè ở khu đất mới san, không đẹp như ở phố Thương Mại, phố Chợ trung tâm, nhưng được cái không khí trong lành, thuận lợi kinh doanh du lịch, bán bấy giờ 400 triệu một lô đất vẫn còn hớ. Mọi người hể hả ra về, San chưa hết tức, chờ họ đi cả, anh ném một câu tục: "Ăn cả c...". Ông Phu gọi con rể vào bảo: "Thôi con ạ, giận cá chém thớt làm gì, âu cũng là con người, ai chả tham". San bảo: "Đất có ma bố ạ, chỗ nào cũng thiêng". Trong nhà, ông Phu nghe điện thoại, đầu dây bên kia nhờ cho gặp San. San cầm ống nghe: "Dạ. Báo cáo anh, mai giao đất cho các anh bên hải quan ạ. Vâng. Mai em trực tiếp giao cho họ. Anh có dặn gì em không?". Người vừa nói chuyện qua điện thoại với San là ông Chủ tịch thị xã. Ông vừa mới nhận được quyết định của tỉnh, đề bạt San làm Phó

Chủ tịch thị xã, phụ trách giao thông công chính. Chủ tịch hỏi: “Anh có biết sự kiện quan trọng đối với sự nghiệp của anh không?”. Anh trả lời : Dạ, không ạ. Anh nói dối, ai mà tin được./.

TRẦN CHIỀU

thơ

TRIỆU TỪ TRUYỀN

ẢO ẢNH THỰC

Tặng sinh nhật những người con gái

Em là ảo ảnh óc đảo của người chẵn giữ tình yêu trong sa mạc
em của hiện thực xa vời
vì trong hàng tỷ bọt trứng mẹ biết chọn lựa ai
trong hàng triệu mầm sinh cha không ngờ ai đưa về đến đích
con gái của mẹ cha một quang tử vượt qua chặng vô thường đầu tiên
nhờ năng lượng của tương lai từ chàng trai si tình giục giã
chàng du mục trên sa mạc .

em không tin sao
khỏa thân trước gương em phải khẳng định
ốc đảo xanh mượt cỏ
giếng trong mát
đồi cát đầy mật ngọt chà là
trái tim ấm xua tan đêm trường sa mạc
vuốt ve vỗ nhịp xua tan thống khổ trần gian
máu nóng tuần hoàn
bao dung muôn thú
nuôi dưỡng sinh linh.

cám ơn ngày hạnh phúc sinh nhật em
biết ơn giây phút rời bỏ hư ảo mà tượng hình
hàm ơn cha mẹ
không quên nhớ ơn năng lượng tương lai
của chàng du mục .

Attapeu 20/7/2008

TRIỆU TỪ TRUYỀN

NGƯỜI ĐÀN BÀ ĐÁNH GIÀY

VŨ THẾ LONG

Ngày ấy, giặc Mỹ ném bom, dân thành phố phải sơ tán khắp nơi. Gia đình tôi chia năm xẻ bảy. Mấy đứa em nhỏ thì theo bố lên cơ quan trên Bắc Giang. Cô em gái tôi thì theo trường về Hưng Yên, Mẹ tôi và chị cả vì làm trong ngành giao thông nên phải ở lại Hà Nội trực chiến trên trận địa cầu phao Sông Hồng. Tôi theo trường lên sơ tán tận Đại Từ , Thái Nguyên. Tôi được phân về ở với gia đình bác Hải, một nông dân nghèo, nhà tranh, vách đất ngay cửa rừng. Ngày ấy, chúng tôi tuổi ăn, tuổi lớn mà cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc khi cái lạnh mùa đông tràn về vùng rừng núi. Bác Hải coi chúng tôi như con em trong nhà. Thỉnh thoảng, bác Hải thu hoạch khoai, sắn, bác lại cho chúng tôi một rổ. Bữa cơm có gì ngon, hai bác cũng để dành cho chúng tôi. Khi thì bát canh cua, quả cà. Khi thì đĩa ếch xào mướp nấu bằng những con ếch vừa bắt được trong mưa rào đêm trước.... Chúng tôi, dân thành thị, về sống với bà con nông dân được bà con quý như khách. Cái gì tốt nhất cũng nhường cho từ chỗ nằm đến góc sáng kê bàn làm việc, học hành. Ngày ấy, chẳng ai phân biệt quê, tỉnh. Mọi người đều nghĩ vì đánh giặc mà mỗi người đều phải chịu khổ, hi sinh chia sẻ để cả nước đánh giặc.

Hồi ấy, như một cái lệ, chiều chiều bà con trong xóm kéo sang nhà thầy Tư để nghe đài. Thầy Tư đi học ở Liên Xô về nên có cái đài bán dẫn, chiều chiều, mọi người kéo sang nghe tin chiến sự. Hôm nay bắn được bao nhiêu tàu bay Mỹ? Chúng nó ném bom ở đâu? Đến tối thứ bảy thì có “câu chuyện cảnh giác”. Mọi người nín thở hồi hộp nghe giọng phát thanh viên kể về một lũ biệt kích xâm nhập Miền Bắc bị tóm gọn... Tôi nhớ ngày ấy, trên đài có vở kịch “chú bé đánh giày”. Nhân vật “Chú bé đánh giày” là một biệt động viên nhí ở Sài Gòn. Chú luôn luôn cất tiếng rao “Đánh giày đánh giày đây! Giày trắng đánh xi trắng, giày đen đánh xi đen, giày màu đánh xi màu! Đánh giày đánh giày đây...” và chú đã tung lựu đạn vào đám lính Mỹ lập chiến công . Cùng ngồi

nghe với tôi có cô Tam, con bác Hải chủ nhà. Sống ở nông thôn, chưa bao giờ ra thành thị, Tam không hiểu đánh giày là gì. Dân nông thôn hồi ấy ra đồng chỉ đi chân đất. Cùng lắm là đôi dép cao su làm gì biết đến săng đan, giày da. Tôi phải giải thích cho Tam rõ các em nhỏ đánh giày ở thị thành vất vả ra sao? Đói khát thế nào... Tam nghe tôi kể mà hùng hực phần nộ. Em bảo: "Lớn lên em quyết xung phong đi bộ đội vào Nam để giải phóng cho các em nhỏ đánh giày, phải cho các em đến lớp..."

Tôi ra trường, cả lớp chúng tôi mỗi người mỗi ngả kẻ Bắc người Nam. Có người ngã xuống nơi chiến trường nhưng trong lòng chúng tôi không bao giờ phai mờ những tình cảm mà bà con nơi thôn quê hẻo lánh đã dành cho chúng tôi trong những ngày tháng gian khổ của những năm chiến tranh ác liệt. Những kỉ niệm chẳng bao giờ nhạt phai trong lòng chúng tôi.

Trưa qua, có anh bạn cùng lớp ở Tây Nguyên mới ra, lũ bạn bè cùng lớp chúng tôi kéo nhau ra quán bia vỉa hè Huỳnh Thúc Kháng hàn huyên, nhắc lại những kỉ niệm xưa còn học trên sơ tán. Bạn bè cũ của tôi lắm anh cũng đã trở nên ông nọ bà kia, bết nhất cũng là anh trưởng phòng. Đi đâu cũng chỉnh tề sơ mi cấm thùng giày đen bóng loáng chắc chẳng còn nhớ đến những củ khoai củ sắn ngày nào còn trên rừng sơ tán. Riêng tôi, dân khảo cổ bụi đời thì chỉ quần cụt áo phông, chẳng thiết gì giày da bóng lộn, ca vát cổ cùn. Mới được hai tuần bia, có một thiếu phụ trạc tuổi 50 đội nón lá xách cái làn trên để lỉnh kỉnh những hộp xi, bàn chải, giẻ lau giày bà ta đến gần đơn dả: "mời các bác đánh giày Xi em là xi Thái bóng lắm đây". Người thiếu phụ bịt khẩu trang khăn khăn, năn nỉ mời mấy anh bạn đầu mướt, giày xịn. Mấy cậu bạn cùng lớp thì nhau cởi giày ra đánh. Trao giày cho người đàn bà xong còn dặn đi dặn lại. Đánh cho thật bóng vào! Giày mà không soi gương được là không trả tiền đâu đấy!

Đánh xong mấy đôi giày, người đàn bà ốm yếu gầy gò quay lại chỗ chúng tôi. Lúc ấy chị đã bỏ cái khẩu trang. Nhìn khuôn mặt khắc khổ, nhăn nheo của người đàn bà và giọng nói rất quen, tôi vụt nhớ ra, người ấy hình như mình đã gặp đâu rồi. Tôi hỏi: "Quê nhà chị ở Đại từ phải không? Bà ta ngó ra: "Sao bác biết em ở Đại Từ ạ? Hỏi thêm dăm câu, tôi nhận ra ngay đấy chính là cô bé Tam con bác chủ nhà sơ tán của chúng tôi ngày nào. Cả lũ chúng tôi sửng người. Miệng đắng ngắt không uống trôi cốc bia lạnh trên tay.

Tam kể: "cậu hai nhà em đi bộ đội đã hi sinh trong Quảng Trị. Em cũng có đi Thanh Niên Xung phong tận Nghệ An sau được giải ngũ về địa phương. Nhà em vẫn làm ruộng như xưa tạm đủ ăn nhưng vẫn chật vật lắm. Ông bà thì đã già rồi, chẳng biết bầu víu vào đâu. Mấy năm trước khu làng em phải di dời để xây nhà máy, ruộng đất xưa được chia nay nhà nước đền bù để di dời nơi khác mà chỗ mới thì chẳng trồng trọt được gì. Họ hứa sẽ tuyển người địa phương vào xí nghiệp để có công ăn việc làm ổn định nhưng ở tuổi em bây giờ tay nghề chẳng có, mà nào nó nhận vào xí nghiệp. Em lại phải nuôi hai thằng con nhỏ đang học ở quê và chăm sóc hai cụ già ốm yếu. Tiền đâu ra mà lo cho chúng. Em đành gửi cháu cho ông bà trông, nhà em cũng lên đây chạy xe ôm. Số chúng em nó vất vả thế đấy các bác ạ"...

Lũ chúng tôi cùng nhau đóng góp chút ít gọi là giúp chị nhưng Tam nhất quyết không nhận. Chị bảo "Bà con trong làng, nhất là các cụ lúc nào cũng nhắc đến cái đận các anh về sơ tán nhà ở chúng em. Hôm nào mời các bác lên chơi, bà con mừng lắm đấy."

Chúng tôi quyết định sẽ làm ngay một chuyến trở về làng xưa. Trong đầu biết bao dự định. Nhưng quả thật cũng chẳng biết làm thế nào để góp phần trả cái ơn cái nghĩa xưa. Làm thế nào giúp bà con thoát ra khỏi cái nghèo cái đói? Câu hỏi trả lời sao mà khó thế.

Hà Nội 24-5-2013

VŨ THẾ LONG

HẠC THÀNH HOA

NHỮNG CHIỀU CỦA NGƯỜI CÔ ĐỘC

1. Anh còn lại những buổi chiều
Những buổi chiều dáo dác kiếm tìm
Những buổi chiều nghén cổ nhón gót
Những buổi chiều đưa vào quán nước cho thờ
Mời thuốc cho hút, diu lên xe và đỡ đầu bằng cánh tay êm ái nhất.
Buổi chiều đưa về con đường ký ức ngắn nhất để cùng một lượt
vừa gặp gia đình vừa gặp lại bạn bè.

2. Anh còn lại những buổi chiều
Những buổi chiều ve vuốt lá xanh xao
Những buổi chiều nghe chuông reo lần cuối
Áo vàng hoàng yến, áo tím hoàng hôn,
lòng tắt nắng trở về.
Ôi những buổi chiều bình minh
Sau một ngày ra công vỡ đất
Sau một ngày tự giam cầm trong vỏ cứng khô
Sau một ngày vác mỗi lỗ tượng đồng tiếng nói không ngừng
Sau một ngày những cặp mắt bồ câu mỗi lúc một xa
Những bước chân người càng đến gần vực sâu lịch sử
Sau một ngày càng lạnh căm lủi thủi càng giống người tiền sử bơ vơ.

3. Anh còn những buổi chiều
Những buổi chiều mang đến từng cơn gió mát hồi sinh màu nhiệm
Từng khoảnh khắc ngày tàn để thở ra kỳ hết nỗi buồn
Anh ngây ngất trong em mùi thơm mát dịu của Jasmine
Ôi những chiều vàng đơn độc lang thang trên phố không người
Ta thấp lên đôi ngọn nắng nhớ nhung
Trong mắt tròn ngơ ngác.

HẠC THÀNH HOA

ĐI QUA MIỀN NHỚ

BÙI THỊ THÙY

Em. Tình cờ được gặp. Tình cờ được quen. Tình cờ được biết. Và tình cờ tôi được ghi tên em vào miền nhớ... Em hồn nhiên nhưng em chẳng một phút bình yên.

Tôi hơn em những năm tuổi. Tính ra thì tuổi tôi và tuổi em thuộc *"tứ hành xung"* trong âm dương ngũ hành như cách người đời vẫn dò xem để loại trừ đối tượng hợp tác làm ăn và kết duyên. Ủ! Nếu thế thì tôi an tâm vì tôi vẫn hai bàn tay trắng nên việc hợp tác làm ăn là ngoài dự định, tôi và em cùng giới nên việc kết duyên một ngàn năm nữa cũng không. Tính tôi không dễ cũng chẳng khó. Không xét nét nhưng lại hay để ý chuyện người khác. Có lần em rủ tôi đi cùng ra trụ sở công an phường để làm thủ tục tạm trú, tạm vắng không nhớ ra họ đi kiểm tra không có giấy tờ lại ư hử mất năm mươi nghìn, một nửa tiền ăn trong tuần chứ bộ. Con người dù là ai, ở đâu, làm gì, già hay trẻ, trai hay gái cũng phải có giấy tờ tùy thân. Nó là sự mã hóa cho sự tồn tại của cá nhân trong cộng đồng. Là minh chứng cho sự vô tội vạ. Sở dĩ tôi nói điều này vì có lần đọc báo thấy chuyện mấy anh công an đẹp trai vác gậy đi bắt mấy cô ả ông ẹo gọi khách dọc đường Bưởi nhưng vô hiệu vì mấy cô ả xòe ra đầy đủ nào chứng minh, nào giấy tờ tùy thân và còn căng mặt lên thách đố *"Tui, đứng chờ bọn đó!"*. Đành chịu! Thương là thương mấy anh công an đang đêm đang hôm, ngủ chưa đầy giấc, lọ mọ dậy, vợ thì nguýt dài nguýt ngắn thế mà rốt cuộc tay không lại về. Thà cứ như mấy bà già đầu ngõ, dù bận nhai trầu và húi húi rót nước chè xanh vời khách nhưng cứ thấy thấp thoáng bóng áo xanh nào là nhanh nhẩu *"Chú ơi! Vào đây uống ngụm nước cho mát lòng"*. Nên dù có biết hàng nước của bà sai 100 % vì tội lẩn chiếm lề đường thì cũng đành nhắm mắt xuôi tay vì ai nỡ bắt một bà già bảy mươi kiếm ăn ngày được dăm mười ngàn. Ấu cũng là người! nhưng chỉ cần một câu nói cũng nhẹ bót cả cõi lòng. Em – nhân vật của tôi, sau một ngày hai tiếng đi hỏi thủ tục để tạm cư trong xóm đã rủ tôi đi cùng đến trụ sở công an để làm tạm trú, tạm vắng.

- Nộp hai mươi ba ngàn và ký vào đây!

- Dạ vâng ạ!

- Nhớ là về kê khai và xin dấu xác nhận của nhà trường cho đầy đủ, kèm theo photo chứng minh thư và 2 ảnh 4×6 gần đây nhất và một tuần sau mang đến nộp.

- Sao lại 2 ảnh à chú?

- Hai ảnh là hai ảnh chứ muốn mấy ảnh.

- Dạ! vâng ạ. Cháu chào chú.

- Chị nhớ không nhầm năm ngoái chị làm mua mọi giấy tờ hết có mười hai ngàn thôi em à!

- Vâng. Năm nay có lẽ xăng tăng giá chị à!

- Ờ! Biết làm sao.

Một tuần sau. *"Này cháu! Giờ ngồi điền đầy đủ thông tin vào tờ này"*. *"Cho cháu mượn cái bút được không chú"*. Và thế là em hí hoáy ngồi viết. Lại. Tôi thấy lạ. Cách đây hai tháng mười một ngày hai tiếng, em đến xóm tôi để thuê phòng, từ ngày đó đến tận xẩm tối hôm nay có bao giờ tôi nghe em nhắc hay kể gì về bố đâu. Tôi cứ ngỡ bố em đã mất. Vì nếu làm một phép suy ra thế

này là biết. Chị gái em về quê mới lên đến thăm em và bảo *"Hôm nọ chị về nhà, mẹ đạp xe ra bến đón. Dạo này mẹ gầy lắm! Hôm nào cũng thế mẹ nấu cơm trưa và để chiều ăn luôn. Biết chị về nên mẹ làm gà, con bị què chân ấy! Có để một phần rang đưa lên cho em đấy"*. Nếu có bóng hình người đàn ông trong nhà chắc căn nhà không quanh vắng đến như vậy. Thế mà mười mười tôi nhìn thấy rõ là em khai: Họ tên bố: Dương Văn C. Quê quán: Bình Lục – Hà Nam. Nghề nghiệp: Nông dân. Tuổi: 46...Ồ! Rõ ràng là có bố. Cuối cùng sự băn khoăn của tôi cũng được giải đáp trên đoạn đường về nhà nức mùi hoa sữa bên cạnh con mương đen sì. Tôi lựa lời hỏi *"Thế bố mẹ em năm nay khoảng bao nhiêu tuổi à em?"*. Thế là em kể. Bố em bỏ đi vào ngày mẹ sinh em ra. Em là con gái thứ ba, sự dư thừa ngoài niềm hi vọng một đứa con trai nối dõi tông đường của bố. Mưa dầm dề thổi đất thổi cát, mưa xối xả trên mái nhà tranh dột nát, mưa làm em lạnh và thiếu tình cha ngay vừa khi mới cất tiếng khóc đầu tiên. Từ ngày đó đến giờ chưa một lần em gọi tròn vành môi một tiếng "bố" mặc dù có nhiều lần ông ghé xe qua thăm nhà cho tấm quà miếng bánh. Ông vẫn làm nghề lái xe thuê. Bốn mẹ con bươn chải nắng mưa để tồn tại. Mẹ em là con dâu trưởng, ở cùng nhà với ông bà nội đã già yếu nên hầu như mọi sự chăm sóc đều một tay mẹ cáng đáng. Dù thế nào bốn mẹ con cũng nhường bát cơm trắng cho ông bà già yếu. Phần gạo đổ quạch còn lại chừng nửa bát cũng đổ đầy nước nấu cháo. Thế cũng đủ cho bốn mẹ con xì xoạp ẩm cứng bên nhau trong mùa đông giá buốt. Rồi cũng qua những năm tháng tuổi thơ không mấy yên bình. Chưa một lần em dám mơ được xỏ một chân thôi vào chiếc váy xanh ba tầng mà mấy đứa bạn cùng lớp trên phố hàng ngày vẫn mặc. Chưa một lần em được ngậm chiếc kẹo mút nhiều màu dù nó chỉ hai trăm đồng lẻ. Chưa một lần em được bố đeo xe đạp đến trường dù nhà cách xa trường đến năm cây số...

Ngày em đỗ vào đại học. Mẹ khóc. Vui mừng là một nhẽ nhưng cũng từ đây mọi thứ sẽ khó khăn hơn. Gần rằm tháng bảy, chị gái em đến bảo *"Hôm qua bố bảo chị đến nhà chơi. Bố có hỏi thăm em. Hay cuối tuần sau chị em mình đến nhé!"*. Em chẳng nói chẳng rằng chỉ thở dài một tiếng thuần thục. Tôi tự hỏi nếu ông ấy ở Hà Nội, dù thế nào con cái mới lên cũng lạ nước lạ cái sao không đến thăm chứ? Chỉ một lời an ủi, động viên cũng quý giá và thiêng liêng. Em vẫn cất tiếng hát trong những lúc rửa bát, nấu cơm. Tiếng hát bi ai của kẻ du mục trên hành trình đi tìm chốn địa đàng trong ca từ Trịnh Công Sơn. Đắng chát. Nẫu nề. Trừ khoảng thời gian đó rồi ra còn lại em cắm cúi học. Học ngày học đêm. Sáng dậy từ khi gà chưa gáy, tối ngủ lúc gà đã ò... ó...o.

Đêm. Khuya lắm. Trăng chênh chao một góc cuối trời. Em ngồi khóc một mình ngoài sân.

- *Chị ơi! Em có lỗi...*

- *Bình tĩnh, có chuyện gì vậy em?*

- *Em có lỗi...chị gái em nhắn tin bảo ông ấy dạo này gầy yếu lắm! Giờ ông cùng dì và các con phải thuê một căn nhà lụp xụp tận Văn Điển. Sức yếu nên không đi lái xe thuê được nữa. Dì ấy vẫn nhiech móc ông...Em ngồi học mà không thể tập trung được. Hình ảnh ấy ám ảnh em. Em đã ghét cay ghét đắng không nhìn mặt từ bé mỗi khi ông ghé qua nhà... Thế mà giờ đây em hụt hẫng như rơi vào vực thẳm, không biết thế nào nữa. Em giận bản thân em...*

- *Thôi em đừng buồn nữa, em cố gắng học tốt, rồi khi nào có dịp thì đến thăm bố.*

Cuối tuần em thấp thỏm, hết đi ra lại đi vào, hết mặc áo phông rồi lại vào thay sơ mi trắng cổ bông. Rốt cuộc thì ở nhà. Vì một lí do đơn giản *"Đường Hà Nội loằng ngoằng, một mình đi sợ lạc"*. Mười chín năm em đã lạc tình cảm thiêng liêng nhất. Mười chín năm em ám ảnh ngày em sinh ra mưa dầm dề, nhà nhão nhoét nước mắt với dấu hỏi cong vẹo *"Nếu em là con trai chắc ông không bỏ đi? Nếu em là con trai mẹ và các chị sẽ không khổ? Nếu em là con trai nhà em sẽ không bị dột? Nếu em là..."*.

Chiều cuối đông. Nắng chưa kịp tắt. Gió chưa kịp thổi. Cây chưa kịp nảy mầm...Giọng bà hàng xóm ngọt hơn nước mía mới ép, dài hơn câu hát chầu văn xưa *"Này! Xóm bên ai là Kiều sang nghe điện thoại! Nhanh lên con kẻo người ta chờ..."*. Ngọt là ngọt thế chứ cứ nghe xong một nghìn đồng mà trả gọi là phí hao mòn điện thoại và phí gọi vọng sang. Cũng chẳng là bao vì

nhiều khi người ta nhịn ăn để nuôi dưỡng tinh thần. Người ta nhịn ăn để mặc một cái áo mới ra đường dù chỉ là hàng hạ giá. Và em cũng thế, thủng thẳng đi. Bà hàng xóm đứng ngó nghiêng xem có chuyện gì không để đúng 12 giờ trưa mai còn có cái mà chạy sang nhà bà Lộc chống mông buôn chuyện. Cũng là để thăm thêm tình làng nghĩa xóm, có chuyện thì chia sẻ dù là chuyện đầu đầu. Hôm có điện thì hai người, chứ hôm mất điện chẳng cần loa đài cũng nhưng nhúc nháy sân, rôm rả phải nói. Kể cũng vui tai. Nghe xong điện thoại, em về. Mắt sâu và trong hơn. Em khẽ nói nhỏ với tôi “Ô...ng... ấy gọi và bảo ngày mai em ở nhà, ... sẽ cùng chị đến thăm em”. Tiếng “ô...ng” như sắp vỡ toang và tôi hiểu trong ánh mắt ấy tiếng “bố” đã tròn dần nơi khóe môi. Mười chín năm em tập đánh vần duy nhất tiếng “bố” không biết ngày kể sau em có thể phát âm lưu loát không? (Bởi ngày ấy tôi có việc bận, không ở nhà nên không biết mọi chuyện diễn biến thế nào).

BÙI THỊ THÙY

thơ ·

DUNG THỊ VÂN

TÌM EM GỌI GIẤC MƠ VÀNG

Tìm em! Em đã sang ngang
Tìm em gọi giấc mơ vàng chiều nay
Tháng năm thốn thức là đây
Tình người năm cũ vẫn đầy nắng mưa

Mắt môi em vẫn ngày xưa
Tương tư em của thuở chưa lấy chồng
Ước gì có lá diêu bông
Cho người gom hết đêm trồng vườn tôi

Chiều rơi hạt nắng mờ côi
Bàn tay ai buốt ven đời đắm sương
Người đi khuất nẻo dặm trường
Tìm tôi ai cắt trăm đường biệt ly

DUNG THỊ VÂN

CHÚNG NÓ BA THẰNG

BÚT XUÂN TRẦN ĐÌNH NGỌC

Hạnh lái xe ra khỏi hăng với niềm vui dào dạt trong lòng. Hôm nay thứ sáu phát lương và đây là lần thứ hai Hạnh cầm cái check về nhà.

Lương bắt đầu sáu đồng một giờ, tuần bốn mươi giờ, có bảo hiểm sức khỏe sau ba tháng và năm đầu được hai tuần vacation, Hạnh đã thỏa mãn lắm. Không vui sao được khi mà thời gian này người ta thất nghiệp cả lũ, đến nỗi có những người đã làm hàng chục năm liên tục vẫn bị cho nghỉ việc. Bạn Hạnh ở đây, có những cặp vợ chồng đã sang từ năm 75, cả hai đều giỏi tiếng Anh, đều đi làm, mua hai cái nhà, cái ở cái cho mượn, đi xe Mercedes, Lexus, Camry, thành công ngoài sức tưởng tượng, lúc Hạnh mới sang Hạnh thấy người ta mà xót xa cho mình. Bao giờ Hạnh với Tùng mới có được một phần trăm của người ta?

Vậy mà chỉ vài tháng nay thôi, mấy cặp vợ chồng đó liên tiếp bị lay off, hết chồng đến vợ, quỳnh quáng cả lên vì không có tiền trả tiền nhà, tiền xe, e nhà băng xiết.

Đang lúc bạn bè chơi với như thế thì Hạnh lại được việc làm, dù chỉ một việc nhỏ với hăng may tìm ở Irvine. Có phải là Hạnh may mắn quá không?

Hôm đi phỏng vấn, do sự giới thiệu của Kim Anh, bạn Hạnh, đang làm trong hăng, Hạnh lo họ không mượn vì đơn nhiều quá mà chỉ lấy có hai người.

Bà đầm Mỹ phỏng vấn, hỏi Hạnh đi làm bằng gì? Kim Anh đã dặn nhỏ Hạnh rồi nên Hạnh đánh liều trả lời "I have my car" chứ không dám nói Hạnh quá giang bạn hoặc đi xe bus, e không được mượn.

Tuần sau, khi nhận được cú phôn của bà Mỹ, bà Sharon Ladue, nói Hạnh được mượn và sẽ đi làm vào thứ hai tới, Hạnh mừng đến riu cả lưỡi chỉ nói được tiếng "thank you."

Buổi chiều, Hạnh phải phone ngay cho Kim Anh hỏi ý kiến về vấn đề xe. Kim Anh bảo trong đơn xin việc đã nói có xe thì phải có xe, nói dối e chủ nhân sa thải khi biết được. Hạnh bàn với Tùng. Tùng nói:

"Mình mới sang đây được một năm. Nhờ chương trình H.O., mình có trợ cấp của chính phủ sống qua ngày. Anh đi học, em đi học, hai đứa nhỏ đi học, tiền dư dả đâu mà em tính mua xe?"

Hạnh bàn:

"Em có thể xoay xở được, miễn là anh đồng ý thôi. Nọ nay em cũng góp nhóp được mấy trăm, mình vay chú cô Quyền mấy trăm, Kim Anh mấy trăm, em có việc là từ từ em trả. Em chỉ mua cái xe độ ngàn mấy hai ngàn thôi. Hai vợ chồng, hai đứa con mà không có cái xe thì bất tiện lắm, không đi đâu được, không làm ăn gì được, anh nghĩ thử xem?"

"Anh đồng ý mua xe quá đi chứ. Cái xe là cái chân ở xứ này. Nhưng anh chỉ ngại anh chưa có việc, mình em lo không xuể."

Hạnh quả quyết:

"Anh đừng lo. Em đi làm em trả dần. Thôi để em gọi cho Kim Anh và cô Quyền."

Cô Quyền là cô ruột Hạnh. Chú cô Quyền khá giả và vẫn bảo Hạnh là nếu Hạnh cần một ít mua xe thì chú cô cho mượn đỡ. Kim Anh cũng sẵn sàng giúp Hạnh.

Thế là Hạnh có cái xe Toyota đời 85. Màu trắng. Một đời chủ. Máy móc đồng sơn còn khá với cái giá hai ngàn năm trăm đồng. Từ tháng sau, Hạnh bắt đầu trả cho Kim Anh và cô Quyền mỗi người tháng một trăm cho đến khi hết.

Trời tháng chạp mau tối, Hạnh chăm chú lái về nhà. Nhưng sức nghĩ trong tủ lạnh hết sữa, Hạnh moi óc xem quảng đường này có còn cái super market nào không.

Lucky qua rồi, Vons qua rồi, Alpha Beta cũng qua rồi. Minh sơ ý quá không nghĩ ra sớm để ghé mua.

A, may quá còn cái 7-Eleven đây. Ghé mua là về liền. Hạnh đã được Tùng dặn nằm lòng rằng:

"Em chớ lang bang ở dọc đường kéo "gang" đẳng, du đẳng. Đạo này thất nghiệp nặng, cướp xe xảy ra nhiều lắm. Coi trên TV đó."

Hạnh rà xe vào parking và cẩn thận hơn, kiểm chỗ đèn sáng đậu. Tay Hạnh không cầm bóp mà chỉ để vài ba đồng tiền lẻ trong túi. Cầm bóp đi lơn tơn ban đêm nguy hiểm lắm, vì vậy lúc ở hăng ra là Hạnh đã bỏ cái bóp ở cốp sau xe.

Hai đồng tám mươi lăm. Ga-lông sữa đắt hơn ở super market dăm chục cents. Hạnh bỏ túi mười lăm cents thôi và cầm ga-lông sữa đã bỏ trong cái túi nhựa trở ra parking.

Hạnh vừa mới tra được chìa khóa vào ổ khóa thì một con dao nhọn dí ngay vào cổ lạnh buốt. Ba thằng con trai mặc jeans, đầu tóc trông góm, quây lấy Hạnh, điệu bộ rất dữ dằn:

"Đưa chìa khóa đây. Lên xe. La một tiếng là ăn dao. Understand?"

Hạnh mất hồn ríu ríu dạ và gật đầu lia lịa.

Ba thằng Việt Nam, giọng non choẹt nhưng đáng điệu hùng hổ dữ tợn như muốn ăn tươi nuốt sống Hạnh. Hạnh run như cây sậy mặt không còn hột máu, tim đập thúi thúi trong lồng ngực làm Hạnh muốn xỉu tại chỗ.

Chùm chìa khóa xe chưa kịp đưa thì một thằng trong bọn đã giật phắt lấy và đẩy Hạnh chúi nhúi lên xe. Mắt Hạnh hoa, tay chân luống cuống. Trời sập trên đầu, đất lún dưới chân Hạnh,

vạn vật quay cuồng như chong chóng. Một thằng lái còn hai thằng ngồi kèm Hạnh hai bên ở băng dưới. Ba thằng nói bô bô, cãi nhau về việc chúng định đưa Hạnh và cái xe đi làm thịt bằng tiếng lóng, thỉnh thoảng có chêm cả tiếng Anh. Cứ mỗi câu lại có một tiếng Đan Mạch (Đ.M) phụ họa lộn xộn ngẫu nhiên.

Sau cùng, một thằng làm tài xế lái đi. Thằng ngồi bên phải rút ở lưng quần ra một khẩu súng lục. Nó dí mũi súng vào mông tang Hạnh:

"Biết điều nghe. La lồi chống cự là về âm phủ nghe không?"

Hạnh co dúm người lại, hai tay ôm lấy mặt, đầu gục xuống. Mùi thuốc lá pha lộn một thứ mùi khét lẹt, hơi hám từ quần áo, hơi thở của ba thằng con trai làm Hạnh lợm giọng muốn nôn mửa.

Thoáng trong trí, Hạnh nhớ đến lời Tùng dặn:

"Chớ đi lang bang buổi tối. Bây giờ thất nghiệp nặng, cướp xe xảy ra nhiều lắm."

Nào mình có đi lang bang đâu. Chỉ ghé mua một bình sữa vì nhà hết sữa đã hai bữa rồi mà nên có sự. Hạnh muốn khóc. Hai hàng nước mắt bỗng nhiên ứa ra. Chưa bao giờ trong đời, Hạnh lại bị một nỗi lo sợ dọa dầy như thế này. Mấy lần vượt biên bị bắt ở Nha Trang, Phan Thiết, sợ có sợ thật nhưng còn người này người kia, vào tù mấy tháng, lo lót dứt tiền dứt bạc là lại được tha, lý lịch trắng phau như chưa vượt biên bị bắt lần nào.

Vậy mà bây giờ! Sa vào tay những tên đầu trộm đuôi cướp, du thủ du thực này, Hạnh chỉ muốn cắn lưỡi chết cho rảnh. Giá có mình Hạnh thì Hạnh cũng làm, làm liền, nhưng khi nghĩ đến chồng đến con, Hạnh thấy chết không nhắm mắt. Con Vân, thằng Toàn. Một đứa mười bảy, một đứa mười lăm. Chết thì đành đoạn quá, đau thương quá. Nước mắt, nước mũi Hạnh chảy ra làm ướt nhẹp một khoảng quần ở hai đầu gối.

Chiếc xe quặt mạnh vào một con đường tối thui làm Hạnh chao người sang thẳng bên cạnh. Nó lại chửi thề:

"Đ.M. người như không có xương. Ngả bên này, nghiêng bên kia. Phải con gái ông còn ham. Đàng này già chát kiêu bà nội bà ngoại rồi. Ông cẩu sườn ông cho mấy cái bạt tai thấy con dĩ mẹ bây giờ."

Hạnh không dám hé răng, cũng không dám nhìn chúng nhưng Hạnh đoán chúng chỉ trên dưới hai mươi là cùng. Cái tuổi này đang tuổi học hành, mai sau kỹ sư, bác sĩ không sướng sao mà đi làm cái chuyện tồi tệ thế này. Không biết chúng con cái nhà ai? Bố mẹ chúng có phải là người tử tế? Chúng định làm cái gì Hạnh đây? Hạnh lan man nghĩ, cơn sợ lúc đầu cũng đã hơi dịu dần.

Chiếc xe dừng ngay giữa một vườn cam xa nhà cửa. Hạnh không biết nơi đây là đâu.

Đường xá Hạnh cũng không thuộc. Từ hôm mua xe, Hạnh chỉ lái một mạch từ nhà đến sở và từ sở về nhà. Chủ nhật, thứ bảy có đi chợ hoặc đi thăm bè thăm bạn đã có Tùng lái. Hạnh không thích đi đường lạ nhất là lên freeway. Hạnh nghĩ chẳng bao giờ Hạnh dám lái freeway. Xe gì như mắc cửi với tốc độ kinh hồn. Xảy tay là đụng, là tai nạn, chết chóc. Hạnh xưa nay vốn yếu tim không thích những cảnh ghê rợn, máu me, khủng khiếp. Show TV nào bắn giết là Hạnh đổi đài ngay.

Một thằng mở cửa rồi túm lấy áo Hạnh lôi Hạnh từ trong xe ra:

"Ra đây bà ngoại. Đ. má, ngồi lì trong đó ăn cái giải gì chứ?"

Hạnh bị kéo mạnh ngã chúi sấp xuống đất. Cát, đất đỏ dính tèm lem lên mặt, lên miệng Hạnh, chui cả vào cổ họng. Hạnh ho khan, thấy mẩn mẩn trong miệng, đưa tay lên quệt môi. Máu chảy từ vết trầy ở môi dưới do cái té sấp vừa rồi. Hạnh khóc mùi, hai tay chấp lại vái:

"Các anh tha cho tôi về. Tôi chân yếu tay mềm lại có chứng đau tim, cơn bệnh lên là tôi chết, tôi bỏ hai đứa con tôi. Tôi lạy các anh tha cho tôi. Tôi mới đi H.O. sang được một năm..."

Thằng lái xe lại sờ vào bàn tay Hạnh:

"Tháo đồng hồ ra, nhẫn ra, bỏ xuống đây. Có tiền bạc gì trong túi bỏ hết ra đây. H.O. nhiều đứa giàu lắm nghe hông? Bán nhà rồi đi không khá sao được?"

Hạnh vừa khóc thút thít vừa tháo đồng hồ.

"Cái nhẫn này là nhẫn kỷ niệm cưới của hai vợ chồng tôi, vàng 14 chẳng có bao nhiêu tiền. Xin các anh tha cho.

Thằng cầm súng vừa nãy quát lên:

"Tháo ngay ra con đĩ ngựa. Mà muốn bố cho mày một báng súng phải không?"

Nói xong nó toan đập báng súng vào đầu Hạnh nhưng thằng kia cản nó:"

"Đừng đánh nặng kéo mụ lặn quay ra. Để coi, tao thấy hứng, bà ngoại tao cũng thử tí. Con gái chơi mãi chán rồi."

Ba thằng thích chí cười hô hô. Thằng lục cốp sau xe đã thấy ngay cái bóp. Chỉ có giấy tờ với \$12.34 vừa tiền các vừa tiền một đô - la. Chuyên ăn hàng không đáng.

Thằng lái xe nói:

"Con mụ kia! Còn gì không bỏ hết ra đây. Mày giấu diếm chúng ông kiếm ra được chúng ông đánh thấy con đĩ mẹ mày!"

Hạnh sụp xuống lạy chúng nó:

"Lạy các anh. Gia đình tôi mới sang còn thiếu thốn lắm. Cái xe này cũng tiền của bà con, bè bạn bỏ ra mua đặng tôi đi làm nuôi gia đình. Tôi không còn một cái gì trong người hết. Xin các anh tha cho."

Thằng cầm súng giật mạnh tay Hạnh một cái:

"Cái vòng gì đây? Ngọc thạch? Sao không tháo mau ra đi con?"

Hạnh nhăn nhó:

"Cái vòng này không đáng vì nó là đồ giả có mấy đồng bạc. Vả lại phải có xà bông mới kéo ra được."

Thằng cầm súng nhăn nhó:

"Mày không tháo ra thì tao chặt bàn tay mày tao lấy vòng nghe chưa? Muốn đằng nào?"

Hạnh rần hết sức để lấy cái vòng nhưng cái vòng chặt quá không chịu ra.

Hồi còn ở Việt Nam, Hạnh gầy hơn, chỉ ngoài chín chục pao, tra vòng vào, lấy vòng ra rất dễ. Sang đây hơn một năm, Hạnh có da có thịt, cổ tay tròn trịa hơn, muốn tháo vòng phải có xà bông và nước.

Tay đau đỏ cả da lên mà vòng không tháo được, Hạnh đứng thở dốc. Thằng tài xế rọi đèn bấm vào cổ tay Hạnh. Nó thấy những vết đỏ ửng lên chứng tỏ Hạnh đã cố sức tháo.

"Kiểm chút xà bông ở đâu bây giờ đây? Đ. má."

Nó soi đèn bấm vào cái đồng hồ và chiếc nhẫn đang nằm trong lòng bàn tay nó:

"Đ. má cái nhẫn này không đủ một bữa cô-kên của bố. Còn cái đồng hồ, Timex hả? Đồ dỏm."

Nó lấy trớn liệng mạnh cái đồng hồ vào vườn cam.

Thằng nói đều vừa nãy cười cười bước lại:

"Không còn cái gì thì còn cái này. Bà ngoại trông cũng còn mặn mòi lắm đây!"

Nó ôm lấy eo Hạnh, ghì sát người Hạnh vào người nó. Hạnh uốn người ra để tránh đôi môi của nó chỉ chực ngọam vào má vào môi Hạnh. Nó thích chí la lên:

"Hai cái mông còn chắc như bắp và hai trái lê còn ngon lắm tụi bay ơi. Tao xái nhất ghen!"

Nó đưa tay kéo rết phọc-mơ-tuya quần và tính lôi cái của nợ của nó ra. Nhân lúc nó bận một tay, Hạnh xồng ra chạy được vài thước. Hai thằng kia giang tay đón đường:

"Chạy đi đâu hả cục cưng? Mình Việt Nam với nhau cả mà. Còn hơn Mỹ đen, Mỹ trắng với Mẽ chán. Hãy ngoan nào cục cưng!"

Thằng kéo phọc-mơ-tuya đã tụt hết quần xuống tới đầu gối để lộ ra cả cái xì líp trắng nhờn. Được hai đứa bạn hỗ trợ, nó a lại ôm nghiêng lấy Hạnh như con hổ đói vồ mồi. Hạnh bị bao vào giữa ba gọng kim thép không còn cách thoát thân. Giá như Hạnh chỉ mất cái xe và mọi thứ khác, Hạnh sẵn lòng coi như vận rủi. Nhưng con người Hạnh, tiết trinh Hạnh một đời trân trọng, Hạnh nghĩ thà chết còn hơn.

Trong lúc thằng thốt, Hạnh muốn có con dao hoặc vật gì nhọn để đâm vào cổ mình. Là xong. Ai cũng một lần chết. Sống nhục cũng vô ích thôi.

Thằng tụt quần nhả nhờ dùng sức xoay mạnh thân người Hạnh lại vì khi nó nhào tới, nó chỉ ôm được phía sau của Hạnh. Cái lắc mạnh quá làm ruột Hạnh đánh sóng lên, vừa lúc mặt nó và mặt Hạnh chạm nhau, Hạnh nôn thốc nôn tháo ra một đồng đồ ăn mới tiêu hóa nửa chừng từ bữa trưa, cả người thằng tụt quần từ đầu đến chân tẩm dẫm cái chất nhờn nhờn, chua chua, hôi hám lẫn những hột cơm trắng và đồ ăn chưa tiêu, người thấy muốn nôn mửa. Quần Hạnh cũng ướt dẫm, từng giọt nhỏ rỉ rỉ xuống bàn chân Hạnh mùi khai xông lên: Hạnh sợ quá vãi dãi ra quần. Và Hạnh khụy xuống bất tỉnh nhân sự, mang máng bên tai còn nghe mấy tiếng đ. má, đ. mẹ rồi một cái đá thật mạnh vào mạng sườn làm Hạnh mê đi luôn.

*

Hạnh từ từ mở mắt nghe tiếng Mỹ nói xì xào và lơ mờ trước mắt hình dáng cô y tá mặc blouse trắng, đội mũ trắng.

"Are you feeling better, Ms. Pham?"

Hạnh đã nhìn rõ hơn. Cô y tá trẻ đẹp và dễ thương quá. Hạnh gật gật đầu, môi mấp máy:

"Yes, yes."

Cô y tá dứt cho Hạnh vài muỗng nước lạnh rồi đi ra ngoài gọi Tùng và hai đứa nhỏ. Có cả mấy người bạn của Hạnh. Tùng mừng rỡ cầm tay Hạnh:

"Em thiếp đi lâu quá làm anh thật lo. Bây giờ em thấy trong người làm sao?"

Hạnh ráng sức:

"Đây là đâu đây anh? Nhà mình hả?"

"Em bị cướp xe và bắt tỉnh ở một vườn cam bên Tustin. Cảnh sát tìm được em đem em vào nhà thương này từ đêm qua. Em nhớ ra không?"

Thảm cảnh như khúc phim lần lượt diễn ra trong trí Hạnh. Hạnh mua sữa, bị ba thằng bắt đi, bị làm nhục... Hạnh gật đầu. Nước mắt Hạnh tự nhiên lại ứa ra.

Kim Anh đứng phía bên kia giường, bây giờ mới nói:

"Thôi Hạnh đừng buồn nữa kéo bệnh thêm. Cảnh sát nói sau khi Hạnh nôn mửa và bắt tỉnh thì chúng bỏ đi và cảnh sát đi tuần thấy được. Cái xe chúng lái tới Anaheim bỏ đó, cảnh sát sát tìm lại được cho Hạnh rồi. Có Dung, Linh và cả vợ chồng Thảo vào đây thăm Hạnh nữa.

Hạnh ngược mắt nhìn lên. Chồng, con, bạn bè, ai cũng thương Hạnh, tỏ lòng săn sóc Hạnh nhưng Hạnh nghĩ giá cứ ngủ luôn đi đừng dậy nữa, có lẽ mát mẻ hơn, tránh được cái cuộc đời khốn khổ này mà vì tiền bạc, của cải, con người đối xử tàn nhẫn với con người quá một con thú.

Hạnh thở dài, nhắm mắt lại. Ngủ không sao bây giờ tỉnh, những vết thương và những chỗ bầm tím do sự giằng co, cào cấu và hành hạ của ba thằng du đãng làm Hạnh đau ê ẩm, nhức nhối. Hơi cựa mình là cái cổ và nhất là mạng sườn đau chảy nước mắt. Mối Hạnh sưng vù lên như trái cà chua, má bị cào xước mấy chỗ vì bàn tay có móng sắc của thằng tụt quần, từ hai đùi Hạnh xuống tới mắt cá, vết bầm tím như bị đánh một trận như tử. Từ thuở bé không ai đánh Hạnh, lôi kéo Hạnh. Ba má Hạnh không bao giờ biết đánh con, còn Tùng nâng Hạnh như nâng trứng, hứng như hứng hoa.

Dù sao Hạnh còn may. Nhờ nôn ọe vào mặt thằng tụt quần và vào chính người Hạnh, Hạnh đỡ bầm, hôi hám, xấu xí quá nên thoát nạn.

Cô y tá vào nói mọi người giờ thăm bệnh nhân đã hết. Vân và Toàn cúi xuống hôn Hạnh. Tùng cũng hôn Hạnh dặn dò. Mọi người ra về.

*

Phải ba tuần hơn, Hạnh mới được về nhà,

May là Medi-Cal còn giúp, không thì trả nợ nhà thương đến mãi đời chưa hết. Cái bill nhà thương gửi về nhà cho Hạnh và Tùng chỉ sơ sơ có \$96,327.42. Gần 100 ngàn. Ấy là còn phải tái khám và tháo băng. Xương mắt cá bị nứt, xương cổ bị trẹo, xương sườn bị cú đá xuyết gãy, môi không phải may lại nhưng làm độc phòng lên xẹp xuống cả tháng chưa khỏi, những vết bầm cả hai tháng sau chưa lặn hết.

Hạnh phải nghỉ việc hai tháng không làm việc được. Cái xe bị phá tanh bành: mất bình điện, mất radio cassette, hai cái ghế bị dao rạch toạc ra để kiếm tiền, kim cương hạt xoàn, hai bánh xe còn khá mới bị tháo, một cái cửa trước bên tài xế đang tháo dỡ nhưng chưa lấy ra được. Giấy tờ xe, thẻ xanh, bằng lái, thẻ an sinh xã hội của Hạnh đều bay theo chiếc xe và chùm chìa khóa.

Lúc còn nằm trong nhà thương, Hạnh đã phải trả lời cảnh sát về vụ cướp xe.

Hạnh phải thuật lại tỉ mỉ những chi tiết về ba thằng ăn cướp. Hạnh nhớ rõ nét mặt từng thằng, điệu bộ, giọng nói, cách ăn mặc nhất là dáng người và chiều cao.

Hạnh không muốn đụng chạm đến chúng nữa sợ bị trả thù nhưng cảnh sát khuyến khích Hạnh kể ra, nói ra, tả ra cho hết những điều Hạnh biết về chúng. Hạnh đành phải làm theo lời cảnh sát.

Một buổi chiều, hai người cảnh sát đến nhà Hạnh. Họ chìa ra năm tấm hình chụp năm thằng con trai, hỏi Hạnh có thằng nào trong ba thằng đã ăn cướp xe Hạnh không. Hạnh sáng mắt lên nhìn thấy hai trong năm đứa và chỉ cho cảnh sát. Xong, hai người cảnh sát đi ngay. Lúc đó Tùng cũng có mặt ở nhà. Tùng rất mừng, bảo Hạnh:

"Phen này ba thằng đó vào tù rồi. Đáng kiếp bọn ăn cướp."

Hạnh rầu rầu:

"Em sợ lúc nó ra nó kiếm em trả thù. Cảnh sát có bảo vệ được mình lúc đó không?"

Tùng trấn an Hạnh:

"Cảnh sát có nhiệm vụ điều tra và thi hành luật pháp. Em có tổ giác chúng đâu mà cảnh sát vẫn phải điều tra. Luật lệ mà. Em đừng quá lo."

Vài ngày sau, lúc Tùng vừa đưa Hạnh đi tái khám ở nhà thương về, bà Quyền hốt hơ hốt hải đến gặp Tùng và Hạnh. Bà nói:

"Chị Hạnh ơi! Chị khai làm sao với cảnh sát mà thằng Quảng bị bắt với ba thằng ăn cướp xe chị rồi..."

Quảng là con chú cô Quyền, nó đang học lớp 12 và rất ngoan. Hạnh không ngờ em mình lại dính líu với "gang" đảng cướp. Hạnh tưởng nghe lầm hỏi lại bà Quyền:

"Cô nói sao con chưa hiểu. Em Quảng sao lại bị bắt?"

Bà Quyền mếu máo:

"Chúng nó "gang" đảng với nhau từ bao giờ cô chú đâu có biết. Sau vụ chị bị ba thằng ăn cướp, bây giờ lôi ra cả bọn bị bắt hết rồi."

Hạnh thành thực:

"Con không hề ngờ có em Quảng dính líu với bọn cướp. Khi cảnh sát đưa con năm tấm hình, con chỉ nhận diện được hai thằng trong ba đứa cướp xe con thôi..."

"Bây giờ làm sao hả anh Tùng?" Bà Quyền mặt như đĩa đám.

Tùng bàn:

"Con nghĩ chắc chú cũng đã nghĩ đến chuyện mượn luật sư, phải không cô? Ăn thua mấy thằng kia khai cho em Quảng mà ông tòa định tội Quảng nặng hay nhẹ hay vô can..."

"Chú nói chú có nhờ một luật sư danh tiếng rồi nhưng nghe đâu chúng nó khai ra em Quảng đã đi ăn cướp với chúng nó mấy nơi rồi. Một thằng có liên quan vào vụ giết người nữa. Thật cô rầu quá."

Hạnh tuy vậy không bị mất việc làm, trái lại hãng còn tăng lương cho Hạnh nữa nhưng Hạnh rầu một nỗi cảnh sát và tòa án đòi Hạnh đi lên đi xuống để khai và làm nhân chứng không biết mấy chục lần.

Ba tháng sau, tòa đòi mọi phía liên hệ ra để xử vụ cướp xe của Hạnh cộng thêm hai ba vụ khác mà cả bọn gồm sáu thằng nhúng tay vào, mới bắt được năm còn một thằng can tội giết người và hiếp dâm còn tại đào. Ba thằng bị kêu án 12 năm tù, một thằng 10 năm, Quảng con ông bà Quyền nhẹ nhất: 6 năm.

Bà Quyền ngồi cạnh Hạnh để nghe xử. Lúc nghe ông tòa kêu án con bà, bà xỉu ngay tại chỗ. Người ta làm hô hấp nhân tạo cho tim đập lại và đưa ngay bà ra xe cấp cứu.

BÚT XUÂN TRẦN ĐÌNH NGỌC

KHÁCH LẠ

CHIỀU HOÀNG

Từ ngày ông lão bỏ đi, Mơ có cảm tưởng đời sống mình như chậm lại, thời gian dài ngoẵng ra, không gian hình như ngày càng thênh thang hơn. Hiển nhiên, Mơ rất buồn. Nàng nhớ ông, nhiều lần rầm rút khóc thầm vào những lúc chạng vạng tối. Hình ảnh ông ngồi bên ngọn đèn lù mù đọc những trang kinh cứ in sâu trong tâm nàng như một dấu ấn chẳng thể nhạt phai....

Dù ông đã bỏ đi và chẳng biết bao giờ gặp lại, nàng cũng vẫn giữ thói quen sáng sớm ra hồ ướp trà vào các búp sen lấy hương, phòng khi ông trở về. Khoảng thời gian đầu ngày trong những buổi sáng tinh sương ấy là khoảng thời gian Mơ thích nhất. Các hạt sương còn long lanh đọng trên những cành lá, đêm vẫn còn quyến luyến chưa muốn rời ngày. Nhưng chim rùng đã bắt đầu líu lo cất tiếng hát chào đón một ngày rất tinh khôi. Mơ bắc lên bếp một ấm nước, bỏ một ít trà sen cùng hai tách nhỏ uống trà rồi đem cả bộ ra hồ. Nàng thông thả rót trà ra hai tách nhỏ, vừa uống trà, vừa tưởng tượng ông lão cũng có mặt và cùng uống với nàng.... "*Mời ông dùng trà con mới ướp hương sen...*" Mọi động tác thi vi của nàng làm thông thả như một người cực kỳ nhàn rỗi, bắt đầu hưởng trọn vẹn hương vị của một đêm tàn đang bịn rịn chia tay với ngày mới... Nàng nhớ ông, nỗi nhớ rất nhẹ nhàng, menh mang, loang dần trải dài theo ký ức. Từng ngụm trà nóng, thơm phà theo hơi thở, quyến với màn sương lãng bãng chung quanh.... Cũng hên, công việc hằng ngày của nàng khá nhiều, từ làm rẫy, trồng rau, hái trà, phơi khô v.v.. Lại kiêm thêm vụ niệm Phật mỗi tối nên dần dần, nỗi nhớ thương cũng tạm nguôi ngoai...

Một buổi sáng.

Khi ánh nắng sớm mai vừa chênh chếch ló lên gần tới bụi cây hồng. Mơ đang loay hoay làm rẫy ở mảnh vườn con bên hông, thì bỗng thấy một bóng người đi như bay về hướng nhà mình. Gã khoác trên người một tấm poncho đen, hai tay vung vẩy, trông xa tựa như hai cái cánh đang vỗ nhịp nhàng. Thoáng chốc đã thấy gã vào tới tận sân nhà. Giọng ồm ồm, gã nói lớn:

"Lão ấy đâu rồi?"

Giọng nói phá tan không gian tĩnh mịch. Một vài chú chim ngơ ngác, sợ hãi vụt cất cánh bay đi. Nghe tiếng người, Mơ giật mình nhìn ra mới biết nhà vừa có khách lạ ghé qua... Nàng vội quệt hai cánh tay đầy bụi đất vào vạt áo, lật đật bước ra chào.

Đó là một người đàn ông trạc trung niên, tướng mạo thật kỳ dị. Khuôn mặt gã tựa tựa như hình tam giác. Phần trán nở rộng rồi teo dần xuống phía cằm. Điểm đặc biệt nhất là các cơ quan trên mặt (mắt, mũi, miệng) đều xúm xít, túm tụm lại một chỗ làm cho vầng trán đã rộng lại càng thêm rộng. Hai má bót ra phía sau, cánh tai nhỏ dán sát với da đầu. Tấm poncho rộng thùng thình phủ từ cổ xuống quá đầu gối, chỉ thò ra ngoài hai bàn tay và hai cẳng chân khẳng khiu, lều khều. Nhìn thoáng, trông gã tựa tựa như một loài chim lạ nào đó.

Mơ há hốc miệng nhìn gã như bị thôi miên. Bốn mắt nhìn nhau. Một thoáng. Gã lặp lại câu hỏi lúc nãy - vẫn là câu hỏi trống - nhưng giọng đã bắt đầu bốt khích động và trùng xuống một nấc:

"Lão ấy đâu rồi?!"

Mơ rụt rè hỏi lại:

"Có phải....đại...nhân muốn... hỏi thăm thầy tôi?"

"Ta hỏi lão thầy bói đâu rồi?"

"Thầy tôi đã bỏ đi từ hai, ba tháng trước. Xin hỏi.... Đại nhân... là ai thế?"

Gã kêu lớn:

"Hả?... Mi nói sao? Lão ấy bỏ đi rồi hả?"

Niềm thất vọng ánh lên khoé mắt, miệng gã méo xệch đi như mếu, trông lại càng dị dạng hơn. Lão dẫm bành bạch hai bàn chân khẳng khiu xuống đất rồi ré lên khóc lớn: "Ta biết ngay mà! Ta biết ngay mà! Rõ ràng lão ấy tránh ta. Lần nào ta đến tìm, lão cũng đều bỏ đi trước đó vài ngày hay vài tháng rồi....hu...hu...hu..."

Thấy lão khóc lóc thảm thiết quá, Mơ đâm ái ngại. Nàng rụt rè an ủi:

"Đại nhân không nên bi thương quá thế. Cháu nghĩ, thế nào một ngày kia Đại nhân sẽ gặp được thầy cháu mà..."

Nghe Mơ nói vậy. Gã lập tức ngừng khóc. Nhìn Mơ với đôi mắt ráo hoảnh, tựa như chưa từng khóc bao giờ:

"Ý mi muốn nói, lão sẽ về đây lại?"

"Cháu...không biết.... Vì thầy cháu có thể về, mà cũng có thể chẳng trở về..."

"Đấy! Mi cũng lại nói giọng ồm ồm y hệt như thầy mi. Y hệt như cái giáo lý mà lão ấy đã vất vào mặt ta gần hai mươi năm trước. Hai mươi năm, ta ngồi suy nghiệm muốn vỡ óc mà chỉ nhìn thấy lờ mờ...."

Sau vài câu đối thoại với gã. Mơ nhận ra rằng, tuy gã có một hình tướng dị dạng, nhưng tâm hồn như trẻ, như già. Hình như những gì hắn nói, hành động đều hồn nhiên mọc trực tiếp từ cái tâm mệnh mang ấy. Mơ lại rụt rè mời:

"Thôi thì Đại Nhân đã đến đây rồi. Xin mời quá bước vào nhà dùng chén trà đã...."

Gã yên lặng theo chân Mơ bước vào hắc gian trước, nơi có đặt một chiếc bàn nhỏ bằng trúc và hai chiếc ghế. Mơ gọi chuyện:

"Chẳng hay quý danh đại nhân là chi và gặp thầy cháu trong trường hợp nào thế? "

" Ta tên là Vô-Khứ-Vô-Lai-Duy-Hữu-Hiện-Tại Đại Bà La Môn"

Thấy Mơ ngó ra với đám từ loảng xoảng gã vừa phun. Gã lại phải dài dòng giải thích: " Thường những hành giả Bà La Môn chúng ta hay tự đặt cho mình một danh xưng dựa trên chủ thuyết mà mình đang tu tập. Nên đôi khi có những tên dài thậm thụt như một tờ kinh. Ta là một đại hành giả Bà La Môn chủ trương không có quá khứ, không có vị lai chỉ tin vào hiện tại mà thôi... (thở dài) Chính vì cái tên dài lòng thòng này mà ta mới gặp được thầy người đó..."

" Thế Đại....Bà La Môn (nàng đổi lối xưng hô thay vì gọi là Đại Nhân) gặp thầy cháu trong trường hợp nào mà thở dài có vẻ...bi ai thế?"

"Thì có gì đâu. Trước đó, ta rất hãnh diện và thích chí với danh xưng và chủ thuyết của ta. Đi

đâu, tới chỗ nào, ta cũng đều tranh luận và dùng đủ mọi lý luận thế gian để bẻ tất cả những lý luận ngoại đạo khác. Dĩ nhiên ta chưa bị thua ai bao giờ. Cho đến một hôm...." Mơ im lặng hồi hộp lắng nghe. Nàng rót trà vào chén cho gã, nhìn gã chờ đợi. Gã ngừng lại một hồi, như để nhớ rõ lại mảnh quá khứ của hai mươi năm trước. Giọng buồn buồn, gã tiếp:

Cho đến một hôm... Đó là một buổi chiều gần tàn. Lúc đó ta cảm thấy đói bụng, bèn xuống chợ kiếm một mua một món gì đó để nhét vào bụng. Đang đi lơ ngơ thì bỗng dưng ta vấp phải một cây gậy trúc bị té dúi... Chẳng hiểu sao cái cú té của ta mạnh đến thế, nó làm ta đập mặt xuống đất, sứt bể cả mũi.... Nhìn ra, thấy thầy người đang nhìn ta chăm chú, trên tay lão còn cầm thanh trúc nhịp nhịp... Cáo sừng, ta lồm cồm ngồi dậy, hét toáng lên: "Lão làm cái gì thế? Sao đương không lại khều cho ta ngã sứt đập mũi hử?" Thầy người vẫn nhịp nhịp cây gậy trúc xuống mặt đất, khuôn mặt tỉnh bơ, hỏi lại: "Mi mới thật là người ăn nói hồ đồ. Ta gạt cho người té hồi nào?"

Ta càng cáu tiết khi thấy thầy người nói dối một cách trắng trợn đến thế, nên vỗ ngực bảo rằng:

"Tên ta là *Vô-Khứ-Vô-Lai-Duy-Hữu-Hiện-Tại Đại Bà La Môn*. Đại Bà La Môn ta không thèm nói dối như lão đâu nhé. Rõ ràng hồi nãy chính lão đã khoèo ta té bằng cây gậy trúc này!!" Nghe xong, thầy mi cười lên khanh khách:

"Chà... Đại hành giả Bà La Môn Vô Khứ Vô Lai ư? Nếu người chấp không có quá khứ thì cái hành động "*hồi nãy*" của ta cũng là không có. Sao người lại ăn nói hồ đồ mà dám lộng ngôn đổ cho ta là người nói dối? Chính người mới hồ đồ, mù mịt, ăn nói chẳng có trước sau..."

Nói rồi. Lão lại nhịp nhịp cây gậy trúc. Nhanh như chớp, lão vung cây gậy lên và phang thêm cho ta mấy cú nữa...

Đau quá, ta nhảy lên, la oai oái:

"Đó, rõ ràng là lão vừa đánh ta thêm. Chẳng chối cãi vào đâu đấy nhá!"

Thầy mi cười khành khách:

"Cái hành động "*vừa*" đánh đó nó đã chạy tuốt vào quá khứ rồi mà sao mi cứ lồi thối cãi cọ mãi? Nếu người đã chấp nhận là có quá khứ thì sao không đổi tên, cởi áo, về nhà đuổi vịt cho vợ có hơn không?"

Nghe thầy mi nói thế. Ta cứng họng. Thừ mặt một lúc nhưng vẫn cứ cãi bướng: "Ta chỉ không chấp nhận cái "*quá khứ có kiếp trước*", và không chấp nhận có "*kiếp vị lai*" thôi. Còn những hành động nào của đời này, ta còn nhớ được thì dĩ nhiên phải chấp nhận chứ!" Thầy mi gạt gù:

"Hóa ra là thế! Như vậy mi có thật nhiều "*quá khứ*". Cái cú ngã hồi nãy là một quá khứ. Cái trận đòn mới xảy ra cũng là một "*quá khứ*". Là "*Những-quá-khứ-nhớ-được*" (Tắc lưởi) Chậc! Chậc.... Nói như thế lại càng không ổn. Vì những gì người nhớ được thì mới gọi là quá khứ, còn những gì cóc nhớ được thì tất cả những thứ đó đều không có... Vô lý! Thậm chí vô lý! Này nhé. Nếu hồi nãy ta đánh người mạnh tay hơn chút nữa tới độ người bị ngất đi, thì chắc lúc đó không nhớ được rồi, nên hành động đánh kẻ như không có. Tới khi tỉnh dậy, thân thể vẫn đau như thì mi giải thích ra sao? Có chẳng? Không có chẳng? Lại nữa, giả dụ đêm qua mi nằm mộng, lấy vợ, sinh con v.v.. Sáng thức dậy còn nhớ rành rành thì mi cho giấc mộng ấy là thực chẳng? Nếu là thực thì vợ đâu? Con đâu? (thở dài). Ôi, con người cứ điên đảo mãi với chính những ngôn từ mà họ đã bày vẽ... Thầy người càng nói, ta càng mù mịt. Nhưng trong cái mù mịt ta lại thấy thấp thoáng những điều gì vừa kỳ, vừa diệu. Ta đứng ngẩn ngơ, quên mất cái đau do trận đòn lão đánh hồi nãy.

Tiếng lão lại cất lên, lần này như một lời chỉ dạy:

"Ta có mấy câu kệ. Người nghe xong rồi ráng mà suy ngẫm. Khi nào hiểu được một phần nhỏ thì hãy đến tìm ta:

***"Hiện tại thành quá khứ,
Quá khứ vòng vị lai....
Ba thời đều dung thông vô ngại.."(*)***

Nói rồi, lão bỏ đi. Còn ta ở lại một mình, ráng lắm bám câu kệ lão vừa đọc. Chợt giật mình, phóng tầm mắt về hướng lão thầy bói la oai oái:

"Không. Không, lão không thể bỏ đi được. Ta còn rất nhiều điều để hỏi..."
Nhưng trễ quá rồi, bóng lão đã biệt tăm ở cuối đường...

Từ đó. Ta ôm lấy ba câu kệ thầy mi để lại như một mũi tên đâm vào trái tim làm ta nhức nhối đêm, ngày. Rút ra chẳng được, mà để yên đó cũng chẳng xong. Ta tư duy một cách khổ đau. Một vài lần, ta chợt có cảm giác mình hiểu được phần nào thâm ý của bài kệ, và có cảm tưởng rằng, pháp giới thật trùng trùng biến hiện, hình như nó được thành lập bởi một chuỗi dài của nghiệp lực khởi lên liên miên vô tận. Nhưng những ý nghĩ ấy chỉ loé lên như ánh chớp trong đêm tối mịt mùng. Sau đó, ta lại rớt vào trong những ý tưởng nông cạn, loay hoay với mớ ngôn từ giữa Hữu và Vô... Nhiều lần, khổ sở quá, không thầy dạy, không người hướng dẫn, cũng không có lấy một tờ kinh để đọc. Muốn phát điên lên. Ta đâm oán trách thầy người, sao lại chỉ để cho ta có mấy chữ và bỏ đi như thế? Mấy lần, ta đi kiếm thầy mi, nhưng không gặp. Chắc cơ duyên chưa chín mùi. Lần này cũng thế. Thầy người vẫn không chịu gặp ta...

Càng nói, gã càng thẩn thức. Đôi vai gã rung rung. Lần này, Mơ thấy những giọt nước mắt trong vắt như thủy tinh rơi rớt đầy trên má gã...

Không gian rơi vào một sự yên tĩnh lạ lùng. Mơ có thể nghe rõ được tiếng lá xào xạc qua những cơn gió và hơi thở của mình cùng tiếng nấc của vị Bà La Môn. Nàng chẳng biết nói gì hơn là im lặng và chia sẻ. Một lúc, cơn xúc động cũng đã nguôi ngoai. Gã uể oải đứng dậy nói với Mơ như một lời cầu xin khẩn thiết:

"Suốt đời ta chỉ mong gặp được thầy người thêm một lần. Một lần thôi, có chết ta cũng đã mãn nguyện lắm rồi!"

"Chắc chắn rồi Đại Bà La Môn sẽ được gặp thầy cháu. Vì cháu biết rõ một điều rất thật, hiển nhiên như hơi thở. Thầy cháu chẳng bỏ ai bao giờ!"

"Vậy thì rất tốt. Ít nhất, trong cuộc sống của ta còn có một niềm tin..."

Nói rồi, gã trở bước. Bóng gã nhòa dần theo những cơn nắng quái. Xa xa, hình như có tiếng một loài chim đang hót đâu đây...

() Kệ trích trong kinh Hoa Nghiêm, viết theo trí nhớ của TG*

CHIÊU HOÀNG

NGUYỄN KHÔI

THU RỪNG SƠN LA

*(Mùa thu vàng sáng rồi đây
Áo em giặt suối hong đầy nắng trưa)*

Chẳng ai hẹn lên miền sơn cước
Ăn nếp xôi và tắm suối xanh
được hát "Khắp" tung vòng xòe "múa"
Giữa khói sương đỉnh núi an bình
Ở Kinh kỳ chen chân chợ búa
Lá thu rơi loảng xoảng đồng tiền
đường chật hẹp xếp nêo xe cộ
thềm khung trời thoáng có cánh chim...
Theo chân em lên miền núi vắng
Leo cầu thang ở Rế bản mường
được vào rừng bẻ măng hái nấm
nhen lửa hồng uống rượu Sơn dương...
Đêm ngủ bản mặt sàn trải đệm
Yêu thương nhau da thịt ấm nồng
chợt thức giấc vầng trăng bên bến
như rắc vàng trên hoa vông vang...
Anh men lối thu rừng thơ thẩn
dừng ngựa bên đèo nắng đợi em
-Chiếc khăn Piêu theo làn gió cuốn
đượm hơi người xao xuyến con tim...

Sơn La , thu 1970

NGUYỄN KHÔI

RỒI CŨNG QUA ĐI

THUẦN NGỌC

Tôi quen Diễm thật tình cờ. Năm đó, theo lời mời của anh Phong, một người bạn trong Gia đình Việt nam, tôi ghi tên dự trại hè ở giữa Fredericton và Gagetown, cạnh bờ sông Oromocto trong tỉnh Nouveau Brunswick. Tôi đến văn phòng trại và được người trực văn phòng cho biết “anh Đản ở toán C3, chị Diễm làm toán trưởng” rồi nheo mắt nhìn tôi, anh cười và tiếp “anh may mắn lắm, Diễm là chị cả của nhóm đó, rất vui tính !”

Tôi theo lời chỉ đi xuống khu trại. Chỗ ở của toán C3 cũng dễ tìm. Hỏi thăm một cô đang đứng ở ngoài và tôi được đưa trình diện Diễm. Diễm khá cao, người mảnh khảnh, mái tóc dài đến vai ôm lấy khuôn mặt dễ nhìn, và tôi chú ý nhất đến đôi mắt. Mắt Diễm nâu, sâu, mà thật trong sáng. Diễm có cái nhìn hồn nhiên, thân thiện làm cho người đối diện cảm thấy dễ chịu. Tất nhiên là tôi có cảm tình ngay với Diễm. Toán C3 đã có 6 nữ và dự trù theo ghi tên sẽ có 6 nam, ở trong một căn nhà có hai phòng lớn, riêng biệt, cách nhau một hành lang rộng. Phòng dành cho nữ đã có đủ 6 túi ngủ bày ngay ngắn, và Diễm chỉ tôi phòng bên kia “Anh đến sớm nhất, anh chọn chỗ trước, xong rồi mời anh ra sân để bàn chương trình và chia công tác trong toán.”

Lúc tôi ra sân, anh Phong, người bạn đã mời tôi đi trại đang đạp xe xuống. Anh cười : “Nhầm rồi anh Đản ơi ! Anh em quên không xét tuổi anh nên giao anh cho bà chị cả này. Anh phải lên trên kia ở với mấy anh già như chúng tôi.” Diễm cười “Làm gì mà đi bắt lính của người ta, lại còn dám kêu tên tộc của người ta nữa?” Tôi nói với anh Phong để tôi ở trong toán C3 cũng được. Diễm thêm là toán chưa có nam trại sinh nào hết, nên rất cần người khiêng gáo và bữa củi. Phong cười ha hả “rồi, muốn cho anh khỏe mà anh không chịu, chừng nào hết gân sức thì nhớ la lên nha, tôi sẽ đón lên khu trên.”

Nhưng suốt thời gian ở trại tôi sinh hoạt trong toán C3, vui vẻ và thoải mái. Toán chỉ có 10 người vì chỉ có 4 nam trại viên. Chúc, trẻ tuổi nhất trong toán, nhỏ con, thẳng tính, có nhiều tài và hát rất hay. Nhưng các cô thì lại không thích cách hát của Chúc. Hôm trời mưa, sinh hoạt trong nhà, Chúc hát bài *Mùa đông của em* đến đoạn cuối

Đêm chia ly em về, đường khuya em bật khóc,

Anh thương em thật rồi, mà chưa quên mùi tóc ...

Giọng hát nhẹ và trầm xuống, làm cho những người dù có cứng lòng đến mấy cũng thấy như chìm vào một nỗi nhớ không tên, mông lung và lãng mạn. Nhưng rồi đột nhiên nhóm ngồi phía trước cười phá lên, cười ngặt nghẽo, bỏ lăn ra sàn nhà. Chúng tôi ngồi sau, chưa kịp nghe thấy gì hết. Sau đó, Diễm kể lại “anh biết không, Chúc nó hát là -- Em hơi em, lần sau em có đến nhớ gọi đầu chanh nhé em !” Lâm Yến, cũng trong toán C3 cự nự “cái gì mà nói xấu con gái quá vậy !”

Tuy có Chúc hát hay và tếu nhưng toán C3 trong các sinh hoạt có chấm điểm đều về sau: kéo dây chót vì chỉ có mười người, trong khi các toán khác dự đủ 12, còn thi chạy nhanh thì cả toán C3 đều hăng hái, bặm môi, trợn mắt, rượt mấy toán khác chạy có cờ, chứ không có ai trong toán

chịu nhin để chạy về trước. Hôm thi nấu cơm, bọn nam trại viên chúng tôi đi kiếm củi, để mấy cô nấu. Nồi cơm toán C3 được giải nhất về dorm, không thua nồi cơm cô dâu thời xưa: trên sồng, dưới khê, tứ bề nhào nhét. Diễm cười “ở nhà chỉ cần xúc gạo, lường nước, cắm điện rồi bấm nút là nửa giờ sau có cơm nóng hổi, ăn liền.”

Những ngày ở trại qua mau. Đêm trước hôm chia tay, Diễm đưa tôi địa chỉ nhà, địa chỉ điện thư, và nói “em ít khi thấy ai lớn tuổi như anh mà chịu khó hòa đồng với tụi con nít chúng em ! anh về, có rảnh biên thư cho em.” Tôi đã để ý thấy Diễm làm việc đứng đắn, vui vẻ, tính toán kỹ lưỡng và không bao giờ đợi đến phút chót mới làm. Tôi cũng cho Diễm địa chỉ nhà và chỗ làm và hứa sẽ gửi điện thư cho Diễm Về đến nhà, tôi vẫn nhớ đôi mắt nâu, sâu mà trong sáng và hồn nhiên của Diễm. Hôm sau, khi vào trường, tôi viết ít hàng cho hay là đã trở vào làm việc và cảm ơn Diễm đã giúp cho tôi có những ngày thật vui ở trại. Diễm không trả lời mấy điều đó mà chỉ hỏi: “Anh Đản làm research associate vui không? Anh làm bao lâu rồi, và có thích công việc này không?” Sau đó chúng tôi thư từ qua lại, thăm hỏi nhau cũng chỉ tương tự như thế. Diễm cho biết đã học xong và làm System Analyst hơn hai năm nay.

Trong công việc, mỗi năm tôi vẫn được đi Âu châu, nhưng riêng năm đó tôi có dịp đi Âu châu thường hơn, hầu như hai tháng là đi một lần. Mỗi lần đi, tôi đều mua vài tấm bưu thiếp gửi cho Diễm. Tôi gửi hình tháp Eiffel, nhà thờ Chartres, nhà thờ Strasbourg, các trại trồng hoa ở giữa Rotterdam và Amsterdam ... Tôi cũng kể cho Diễm nghe đi uống cà phê ở Harrod's, bên Luân đôn và khen cà phê McDonald's ở Bruxelles uống rất ngon, khác hẳn McDonald's ở Bắc Mỹ. Tôi không có mua quà cho Diễm, vì không biết làm sao gửi cho Diễm, lại sợ Diễm ngại, không dám nhận, nên chỉ gửi điện thư và bưu thiếp. Diễm dặn khi đi trại lần tới, nên mang theo các hình chụp ở Âu châu cho Diễm xem.

Trái tim cần cỗi sau những lần không may trên đường tình đường như hồi sinh, và đập mạnh hơn một chút mỗi khi tôi nghĩ đến Diễm. Diễm cho biết cũng thích đi chơi, nhưng chỉ quanh quẩn lên Montréal, hay thành phố Québec, hoặc qua Atlanta và Houston thăm cô và các anh chị em bạn dì . Tết đó Diễm đi làm trong toán thả thơ ở hội chợ bên Westminster, tiểu bang California. Đó là lần Diễm đi chơi xa nhất.

Đến hè, chúng tôi gặp lại nhau ở trại. Diễm vẫn thế, mắt nâu, sâu và trong sáng, nhưng tóc cắt ngắn, không còn để xõa vai nữa. Tôi nhận ra ngay điều đó, làm Diễm cười “anh nhớ dai quá !” Cả hai chúng tôi đều ở khu văn phòng trại, Diễm lo tổ chức các trò chơi, tôi phụ trách chấm điểm và giới thiệu thuyết trình viên. Tôi có biết Bạch Yến hồi qua Paris dự Đại hội thể thao sinh viên Việt nam nên giới thiệu anh Trần Quang Hải không khó mấy, với lại anh Hải là cháu của cố nhạc sĩ, ca sĩ Trần Văn Trạch, đã từng nổi danh quá kiệt một thời.

Làm việc chung với Diễm, tôi càng thấy Diễm biết lo, tính trước, sắp xếp công việc đâu ra đó, và lập luận một cách rõ ràng, minh bạch, rất khoa học. Tôi cảm thấy ngày càng mến Diễm. Tôi có mang theo cuốn album nhỏ để các hình tôi đi Âu châu trong mấy năm qua. Tôi đưa cho Diễm xem trong những giờ nghỉ đầu tiên và chỉ cho Diễm biết đặc tính từng nơi. Diễm thích lắm “em vẫn mơ được đi Pháp, giờ thì lại muốn đi hơn nữa !”

Thời gian qua rất mau, tan trại và chúng tôi thu xếp về. Diễm và tôi không hẹn mà ra phi trường cùng một lúc. Phi trường không lớn lắm, các khu chờ chuyến bay gần nhau. Vì chúng tôi cùng đi Air Canada, chuyến của Diễm sẽ bay lúc 3 giờ 15 ở cửa 12, chuyến của tôi, 3 giờ 25 ở cửa 10, thành ra chúng tôi ngồi cạnh nhau. Khu chờ không đông lắm.

Chuyện sẽ tới phải tới, tôi nghĩ như thế, và thu hết can đảm, tôi hỏi Diễm: “Có anh bạn già viết mấy câu thơ cho Diễm, anh đọc cho Diễm nghe, được không?”

- Anh đọc đi, Diễm sẽ chú ý nghe ! Và tôi nói nho nhỏ:

Biết có anh bạn già

Muốn suốt đời có Diễm

Sợ một mình ở nhà

Chắc sẽ sớm sập tiệm !

Diễm ngồi im một hồi không nói gì hết. Tôi vừa định ngỏ lời xin lỗi đã đường đột làm phiền Diễm thì Diễm hỏi : “Có già bằng anh không, có giống như anh không?”

- Có chứ, copain mà ! Nhưng tôi chỉ sợ đã làm phiền Diễm.

- Không có phiền đâu, anh. Để em trả lời nha,

Muốn suốt đời có Diễm,

Chuyện đó khó gì đâu !

Khi xuống nhà nói chuyện

Đem trà, rượu, cau, trầu !

- Vậy là Diễm không từ chối? Tôi ngạc nhiên, không nghĩ là chuyện xảy ra nhanh như thế.

- Anh, giọng Diễm trở nên tha thiết một cách không ngờ, nếu trên đời này chỉ có anh và em, không có gia đình hai bên, thì em cũng muốn được suốt đời ở bên anh.

- Diễm sợ gia đình không bằng lòng ?

Diễm không trả lời, chỉ nhìn lại tôi, đôi mắt nâu, sâu, mà hồn nhiên và trong sáng. Trên khuôn mặt Diễm dường như tràn đầy hạnh phúc, một nguồn hạnh phúc thanh thản, từ trong nội tâm toát ra ngoài, bao trùm cả người và cả không gian quanh hai đứa tôi.

- Diễm, em thương anh đến thế sao?

Diễm gật đầu nhẹ nhẹ:

- Còn anh?

- Anh thương em dường như từ năm ngoái. Anh sẽ về nhà thu xếp rồi đi thăm gia đình em. Cầu mong mọi việc êm xuôi.

- Em cũng mong như thế. Em chờ anh cho em hay lúc nào anh xuống được.

Đến giờ, Diễm đi ra lối lên phi cơ, tôi nhìn theo. Diễm quay lại cười, vẫy tay nhẹ nhẹ, đôi mắt nâu, sâu, hồn nhiên và trong sáng hơn bao giờ hết.

Tôi về tới nhà, ngồi ngay vào máy, viết thư cho Diễm, cảm ơn Diễm đã hiểu lòng tôi và hứa sẽ thu xếp xuống thăm gia đình Diễm. Tôi đó Diễm trả lời, khuyên tôi nên từ từ, Diễm sẵn lòng chờ đợi và sẽ cố gắng thuyết phục gia đình. “Có nhiều khó khăn hơn là em đã tưởng, nhưng em tin là sẽ làm cho gia đình em hiểu rõ anh và em hơn. Em mãi mãi là ECN.” Tôi không biết ECN, hỏi, thì Diễm đánh cho mấy dấu “mặt cười” trong thư “đó là bảng số xe của em và có nghĩa là Em Của aNh - anh hiền quá, không nhanh nhẩu gì hết !”

Tôi bàn với em út tôi ở Mississauga, nên mua rượu và trà hiệu nào, loại gì. Nó cười hì hì “anh tính đem hai cái lẵng nhặng chưa được để rước lấy cái lẵng nhặng không chưa được ấy à !” rồi chắc sợ tôi giận, nó tiếp ngay “nhưng em nghĩ thiên thần của anh, đâu có làm sao mà thành lẵng nhặng được, phải không?” Nó khuyên tôi đợi khi đến nhà Diễm hãy mua rượu, mua từ trên tôi đem qua, vác nặng mà có thể bế chai. Trầu và cau thì đành chịu. Lúc đó không tìm ra đâu có trầu và cau tươi. Diễm vẫn vui vẻ và khuyên tôi không nên hấp tấp. Cuối thư nào Diễm cũng viết “Em mãi mãi là của anh, anh đừng lo !”

Tôi được thư của giáo sư Tadashi mời qua làm việc với International Bureau of Education (IBE) thuộc UNESCO, ngay tại trụ sở ở Paris, vào tháng 3 năm tới. Tôi gọi cho Diễm hay, Diễm mừng lắm “vậy là em có dịp đi Âu châu thăm anh .” Lúc đó tôi muốn nói “qua ở luôn với anh, chớ ở đó mà thăm !” Nhưng không biết sao, tôi chỉ cười.

Theo giáo sư Tadashi đề nghị, tôi sẽ qua Paris vào đầu tháng 10 để xem xét công việc, và coi mượn nhà ở ... Tôi hỏi, thay vì cho tôi đi một vé khứ hồi hạng nhất, ông có thể gởi cho tôi hai vé thuộc hạng bình dân được không. Ông cho biết sẽ gởi cho tôi hai vé hạng nhất, vì theo ông “chuyện thay đổi công việc và chỗ ở rất quan trọng nên cần có ý kiến của bà nhà !” Tôi không cãi chính nhưng gọi điện thoại kể cho Diễm nghe và rủ Diễm cùng đi. Diễm nhận lời ngay. Khi tôi hỏi “em tin anh quá vậy !” Diễm cười “em biết anh mà, anh của em chứ bộ !” Tối đó tôi trăn trở, không ngủ được, nghĩ rất nhiều đến Diễm. Cả đêm, tôi tự hứa là sẽ mãi mãi lo cho Diễm, thương Diễm và mang hạnh phúc đến cho Diễm, để không phụ lòng tin yêu của Diễm. Tôi cho Diễm biết là sẽ ở nhà người em của tôi, ở ngoại ô nhưng sát ngay Paris. Diễm cười “gia đình anh có nói gì không?”

- Không em. Em có phòng riêng của em và mình sẽ có thứ bảy cùng chủ nhật đi thăm Paris. Em chịu không?

- Chỉ cần anh đủ thì giờ cho công việc, còn thì sau này, mình có biết bao nhiêu ngày giờ.

Tối thứ sáu, đầu tháng 10, tôi đến phi trường Dorval. Diễm đã có mặt đợi tôi ở quầy Air France. Trông Diễm thật tươi. “Anh vẫn ngỡ là mơ, anh thật không ngờ !” Diễm cười “em xin riêng với mẹ, mẹ tin em, chứ bố em thì không bao giờ cho đi như thế này !”

- Anh sẽ không phụ lòng tin của em và của bác gái !

Tôi đưa hai vé và thông hành của Diễm và của tôi cho cô tiếp viên ngồi ở quầy hạng nhất. Mọi việc đều suông sẻ và nhanh chóng. Mặc dù còn sớm, chúng tôi đi ngay vào trong khu chờ lên phi cơ, qua chỗ kiểm soát an ninh không gặp khó khăn. Tôi chắc Diễm cũng như tôi, muốn vào trong cho an toàn. Tôi không nghĩ là chúng tôi đi trốn hay đi lén, nhưng vẫn không muốn gặp rắc rối. Tôi không biết sau này, mẹ của Diễm sẽ phải trả lời ra sao, nhưng qua những lần nói chuyện trước đây với Diễm, tôi biết bà rất thương Diễm, tin và chiều con. “Mẹ mà không thương em, bênh em - như có lần Diễm đã nói - thì chắc giờ này em đã có chồng và hai ba đứa con rồi, có đâu mà gặp anh !”

Phi cơ lượn hai vòng trong khi Paris trở mình đón một ngày mới. Trời trong xanh, và phi cơ đã xuống thấp để chuẩn bị đáp. Tôi chỉ cho Diễm tháp Eiffel đang vươn mình lên, như vẫy chào chúng tôi với những ánh đèn chớp nhanh. Phi cơ đáp xuống phi trường Charles De Gaulle. Không có những nhánh gĩa ra từ phi trường đến sát cửa phi cơ để hành khách đi nhanh và không bị lạnh hay ướt, mà tất cả hành khách đều xuống phi cơ, leo lên xe bus để được đưa vào khu quan thuế. Diễm và tôi qua nhanh, không bị thủ tục rườm rà gì hết, và vì cả hai chúng tôi chỉ đem theo túi xách tay để trong cabine, nên không cần ở lại chờ lấy hành lý. Chúng tôi theo ngõ không có gì phải khai báo và đi ra khu có thân nhân đón.

- Anh Đản ! Huy, em tôi đang đứng chờ trên lầu, gọi tôi. Có tiếng người hỏi “phi cơ Việt nam sao tới sớm vậy?” - “Không, đây là phi cơ từ Montréal !”

Tôi giới thiệu Diễm với em của tôi, nó đi du học trước 1975 và kẹt lại bên này.

- Em đưa anh chị về nhà, nghỉ ngơi và ăn trưa, xong đưa đi một vòng Paris cho biết.

Từ phi trường về nhà Huy mất hơn một giờ tuy đường không đông xe lắm. Dọc đường Diễm hỏi, bảng đề Fluide là gì. Giờ thì bên Pháp dùng chữ Fluide để chỉ là không kẹt xe, và chữ Bouchon để báo hiệu có kẹt xe phía trước. Diễm cũng ngạc nhiên khi thấy đèn báo hiệu giao thông màu đỏ đổi qua màu vàng rồi mới đến xanh, chứ không từ đỏ nhảy ngay qua xanh như ở Bắc Mỹ.

Nhà Huy ở khu Bourg-la-Reine, nhờ ở ngoại ô nên khá rộng. Chúng tôi quen miệng gọi là nhà chứ thật ra là một căn appartement, trong chung cư nhỏ gồm bốn tầng và 12 căn. Mỗi tầng có ba căn, một căn ngó ra đường, một ngó ra sân sau, hai căn này cách nhau một hành lang, dẫn tới thang lầu và căn chót. Căn này rộng nhất, chiếm trọn bề ngang căn nhà. Các căn trong cùng như của Huy có ba phòng ngủ. Huy ở tầng 1, cao hơn mặt đường, vì tầng dưới nhất, theo lối gọi bên này là tầng trệt, mới nằm ngang mặt đường. Huy chỉ phòng cho Diễm rồi mời :

- Chị rửa tay, rửa mặt xong ra ăn trưa, hay ăn sáng theo giờ Canada. Anh và chị Diễm qua đúng dịp, mỗi người được ở một phòng. Cầm, bạn gái em dắt con Lan về Việt nam, không thì anh Đản phải ngủ ở salon.

Diễm cảm ơn, rồi chúng tôi ngồi vào bàn. “Bánh mì Paris ngon thật ! Trước đây có nghe anh Đản kể, mà không ngờ là ngon đến thế này.” Diễm nói, và ngó tôi cười.

“Trưa nay, em đưa anh và chị đi một vòng Paris xem Arc de Triomphe (Khải hoàn môn), Montmartre, Sacré Coeur, rồi chạy dọc bờ sông Seine, đến Trocadéro để anh và chị Diễm xuống xem tháp Eiffel. Sau đó đi qua quận 13 đi chợ rồi đi ăn tối. Mai anh và chị Diễm đi nhà thờ Notre Dame chụp hình, tối ra Tổng hội Sinh viên Việt nam, họ mời anh và chị ăn cơm.” Tôi cười: “Vậy là tối mai ăn cơm chùa.” Diễm dường như thoáng cau mặt nhẹ, rồi thôi. Huy đi ra ngoài sân, lấy đồ trong xe.

- Anh, em nói này anh nghe, anh đừng la em nha !

- Em nói đi, anh không bao giờ la em hết !

- Anh, người ta có lòng tốt mời mình, anh đừng nói ăn cơm chùa nghe anh !

Tôi ngó Diễm, ráng làm dịu ánh mắt cho thật hiền và trả lời thật nhẹ nhàng. Tôi không muốn Diễm phải ngại hay phải sợ :

- Em nói đúng Diễm. Anh xin lỗi, anh sẽ không nói như thế nữa.

Tôi thấy Diễm nhìn tôi, mắt có hơi ngạc nhiên. Tôi vội hỏi tiếp: “Em có sao không, em, anh xin lỗi em mà!” Diễm cúi đầu, nói nho nhỏ:

- Cảm ơn anh. Em có phước hơn mẹ của em. Bố của em không bao giờ xin lỗi, lúc nào bố của em cũng có lý và mẹ của em lúc nào cũng sai.

- Nhưng em nói đúng thì anh phải nghe, đâu cãi bậy được.

Tôi thấy mắt Diễm như có hai ngấn lệ, vội vói tay lấy khăn giấy đưa cho Diễm.

- Em, đâu có gì mà em phải khóc. Em đừng khóc nữa em !

Diễm lau mắt, đặt chiếc khăn giấy xuống bàn, ngó tôi với đôi mắt nâu, sâu, và ngời sáng:

- J'ai pleuré de bonheur, anh. Cảm ơn anh thương em.

Lúc đó tôi chỉ muốn được ôm Diễm vào lòng và nói lời thương yêu chân thật với thiên thần yêu dấu đó. Nhưng Huy vào nhà, “anh và chị Diễm xong chưa, mình đi.”

Huy ở Paris cũng hai mươi năm, rất rành đường sá. Huy cho chúng tôi đi xem Khải hoàn môn. Chạy quanh vòng công trường, Huy nói : “Em chở mấy ông mới qua lên Carrousel, chỉ cho coi Khải hoàn môn (có ba vòm) ở đó và nói đây là Arc de Triomphe của Paris. Rồi em chở đến đây, nói là Arc de Défaite (vòm thua trận), vì Tây đánh đâu thua đó nên chỗ này lớn hơn Khải hoàn môn.” Huy đưa chúng tôi lên Pigalle, chỉ cho coi Moulin Rouge, rồi chạy lên Montmartre, coi Sacré Coeur. Diễm nhìn say mê, lâu lâu lại nói “em không ngờ đường ở Paris nhỏ như thế này.” Huy chở chúng tôi chạy dọc bờ sông Seine, chạy dưới các cây cầu, và chỉ chỗ công chúa Diana bị đụng xe.

Huy vòng lên Trocadéro và cho chúng tôi xem tháp Eiffel. May mắn tìm được chỗ đậu. Diễm cười ngất “Huy đậu xe cao bồi thật!” vì khi vào, Huy chạm vào cản trước của xe sau một cái nhẹ, rồi nháp tới, chạm vào cản sau xe đậu phía trước. Đậu xong, mỗi xe cách nhau không đầy một tấc.

- Phải đậu như vậy thôi, Huy cười, chị thấy có xe nào mà không móp đầu, móp đuôi?

Chúng tôi trèo các bậc thang lên Trocadéro, xem các vòi nước phun. Huy chụp cho chúng tôi bốn tấm hình, và tôi chụp thêm cho Diễm ba tấm đứng một mình. Diễm cười thật tươi, không có vẻ gì mệt mỏi dù đã đi suốt từ tối hôm qua đến giờ, chỉ ngủ một chút trên phi cơ. Chúng tôi qua cầu, đến xem đủ cả bốn chân tháp. Huy giải thích là mỗi chân tháp được đặt trên móng là một túi thủy ngân nên có động đất, tháp vẫn đứng vững. Tôi nói với Diễm là hôm nay chắc chưa đi lên tầng hai tháp được, nhưng chút nữa, tôi sẽ đưa Diễm lên cao, xem một vòng Paris. Chúng tôi tiếp tục đi dưới tháp qua bên Champ de Mars. Tôi kể cho Diễm nghe các biến động hồi Cách mạng 1789 đã xảy ra ở quảng trường này. Rồi tôi chỉ cho Diễm các dãy nhà phía xa, thuộc École militaire (Trường Quân sự) của Pháp. Chúng tôi quay trở lại. Đến gần cái vườn nhỏ cạnh một chân tháp. Huy đưa cho Diễm mấy mẫu bánh mì khô để Diễm cho bồ câu ăn. Diễm có vẻ vui lắm.

Trở ra xe, Huy chở chúng tôi chạy vòng qua Pont Neuf. Khi gần tới, tôi nói Huy cho chúng tôi ở lại Nhà thờ Đức Bà, Huy cứ đi chợ, rồi sẽ gặp nhau gần cửa nhà sách Nam Á trong thương xá Masséna, khoảng 6 giờ để ăn tối. Huy đồng ý, cười “anh chị đi chơi vui, em mở portable, anh có đem theo sổ đỏ không?” Tôi gật đầu. Huy để chúng tôi xuống. Tôi đưa Diễm đi xem nhà thờ, Diễm đếm các tượng thánh trên tường, ngắm hai tháp chuông. Tôi chụp cho Diễm vài tấm hình ở nhà thờ và bờ sông, rồi đưa Diễm đi xem chợ hoa, Diễm không thích loại hoa ăn ruồi, muối, mà rất thích các giò lan, trầm trồ luôn.

Tôi đưa Diễm đi xem các tiệm bán đồ kỷ niệm gần nhà thờ, mua cho Diễm hai vòng để chìa khóa hình tháp Eiffel, tôi chọn và chỉ cho Diễm xem các chữ *Made in France* bên trong hình tháp. Trong ba bốn trăm vòng bày bán, chỉ có vài ba vòng có các chữ đó. Chúng tôi qua cầu, sang bên kia nhánh sông, đi xem qua chợ chim, và chợ chó. Tôi đưa Diễm vào Samaritaine, đi thang máy lên tầng 9 chót nhất. Ra thang máy, tôi lại đưa Diễm lên sân thượng ở tầng thứ 10, rồi đi thang xoắn ốc lên tầng sân lộ thiên. Tầng này hình tròn, khá lớn, đi trọn một vòng là thấy hết Paris. Trên lan can, có để hình và tên các khu danh tiếng gần, xa. Tôi chỉ cho Diễm xem các nơi đã đi qua như Arc de Triomphe, Sacré Coeur, rồi tháp Eiffel. Tôi cũng chỉ cho Diễm nói các nhà ga, tháp Montparnasse, và Grande Arche de la Défense. Khi chỉ cho Diễm ngọn tháp Saint Jacques, tôi kể cho Diễm nghe là ngày xưa, Pascal đã ở trên đó làm thí nghiệm và đo trọng lượng không khí.

Samaritaine là thương xá lớn nhất và có lẽ cao nhất ở trung tâm Paris, và sân lộ thiên này là nơi xem Paris không khác gì ở tầng nhì tháp Eiffel, có thêm phần chỉ dẫn và không mất tiền. Hàng bán ở Samaritaine sang, đẹp, và rất đắt tiền đối với du khách đến từ Bắc Mỹ. Nhưng ở Paris, cũng như ở châu Âu, hàng đắt giá bao nhiêu thì người mua trả bấy nhiêu vì bao nhiêu thuế đều đã tính sẵn trong giá bán, người mua không phải bận tâm cộng thêm thuế.

Ra khỏi Samaritaine, tôi cùng Diễm đi trở lại nhà thờ. Tôi ghé tiệm bánh, mua hai bánh éclair café, rồi cùng Diễm vừa đi, vừa ăn. Bánh ngon. Bên này chỉ làm đủ bán trong ngày, không để qua đêm. Bột bánh nhồi khéo, bỏ vào miệng là thau ra, không phải nhai. Nhân bánh làm với kem sữa tươi, không rút bớt chất béo, ăn bùi hơn kem bên Bắc Mỹ.

Tôi đưa Diễm sang bên kia sông, vì nhà thờ nằm trên île de la Cité, một hòn đảo giữa sông Seine. Tôi chỉ Diễm lối xuống Métro, cũng không khác ở Montréal lắm. Mua vé xong, chúng tôi đi qua quầy soát vé, đến bảng chỉ dẫn. Tôi trở cho Diễm cách chọn tuyến đường. “Mình muốn đi quận 13, khu Porte d'Ivry và Porte de Choisy, chọn tuyến xe số 7, và hướng đi. Em thấy mình phải chọn xe đi về trạm chót là Mairie d'Ivry. Cũng đi xe số 7, mà nhánh Villejuif thì không đúng đường, lại phải xuống ở Maison Blanche, chờ chuyển Mairie d'Ivry. Khi về, cũng đi xe số 7 nhưng đi về hướng La Courneuve.” Chúng tôi đến thương xá Masséna chưa đến 6 giờ mà trời

đã bắt đầu sụp tối. Những cây platanes hai bên đường lá đã ngả màu vàng. Ngày mai đi vườn Luxembourg chắc lá cây đẹp lắm.

Huy đã chờ chúng tôi ở cửa tiệm sách Nam Á và đưa chúng tôi đến nhà hàng Sông Hương, cạnh nhà hàng Bi-da. Hầu như các tiệm quanh đây đều biết Huy, ai thấy Huy cũng chào hỏi. “Mì Quảng ở đây ăn được lắm” Huy vừa kéo ghế, vừa nói. “Để chị Diễm xem thực đơn cái đã”, tôi nhắc khéo Huy. Nhưng Diễm nói là chưa bao giờ ăn Mì Quảng, nên muốn thử cho biết. Tôi nhớ hồi qua Calgary năm trước, có ghé một quán Việt nam, thực đơn đề là Mì Quảng Phan thiết. Một người bạn cùng đi nổi sùng “mì Quảng là mì Quảng, còn đem Phan thiết vô đây làm gì nữa?” Lúc đó tôi cười “chắc họ nênm với nước mắm !”

Bữa ăn thật vui và ngon miệng. Khi người ta đem café ra, Diễm tròn mắt hỏi “cái tách chỉ có bầy lớn đó sao anh?”

- Đúng em, café express thì tách chỉ bằng hột mít thôi. Gọi double express, giá gấp đôi thì tách cũng chỉ lớn cỡ một nửa ly small của Tim Hortons. Nhưng café pha đậm lắm.

Huy cười, hỏi “anh ăn bánh éclair của anh chưa?” Thấy Diễm có vẻ ngạc nhiên, Huy tiếp:

- Lần nào anh Đản qua đây cũng ăn mỗi ngày một cái bánh éclair !

Diễm ngó tôi cười “hèn gì khi nãy, một hai cú lòi em vô tiệm bánh mua cho được.” Khi thấy Huy ký chi phiếu trả tiền nhà hàng, Diễm ngạc nhiên lắm. Huy giải thích là ở Pháp, nhà hàng, tiệm buôn đều nhận chi phiếu. Người ký chi phiếu gỗ (chèque en bois) nghĩa là không tiền bảo chứng như NSF bên Bắc Mỹ sẽ bị ghi tên vào danh sách và mãi mãi không được mở trương mục ở bất cứ ngân hàng nào ở Pháp.

Hôm sau chủ nhật, ăn trưa, thịt gà rô ti, bánh mì và đồ chua. Huy cười: “Hồi năm ngoái, có anh bạn học cũ qua thăm, em đãi thịt gà rô ti như hôm nay, em không biết là anh ấy ở tiểu bang Kentucky, thấy bóng gà là không muốn ngồi xuống bàn. Vậy mà anh ấy khen ngon, nên hôm nay mới dám mời chị. Chị ăn thử coi giống Saint Hubert hay Swiss Chalet?” Diễm lấy một miếng cánh ném thử “ngon chứ, không dai, mà không bở hay khô, ăn như thịt gà ở Việt nam ngày trước.” Huy giải thích là gà giò bên Tây có ba loại, loại ít ngon nhất là poulet industriel, nuôi như gà Bắc Mỹ, chuồng chật, nuôi thúc, ăn thực phẩm chế biến, thịt bở và khô. Poulet fermier loại plein air được tự do hơn một chút, có chuồng ngoài trời nhưng vẫn tù túng, ăn lúa mì thì thịt trắng, ăn bắp, thịt màu vàng. Ngon nhất là poulet liberté, nuôi như ở nhà quê bên Việt nam, tự do chạy nhảy. “Đãi chị bữa nay là poulet liberté đó.”

Ăn xong, dọn bàn ăn, và vì còn hơi sớm, tôi mở máy rửa chén, xếp chén đĩa đã rửa và khô vào tủ. Diễm ngó tôi làm, cười: “Bên em, anh xếp như thế là bị bố em rầy ngay !”

- Sao vậy em? Anh đặt chén đĩa mới rửa xong lên trên là không đúng sao em?

- Bố em luôn luôn bảo phải để chén đĩa mới rửa và đã khô vào bên dưới, khi dùng lấy chén đĩa ở trên, thì luân phiên được, không phải dùng hoài một số nào đó. Quên là bị la !

- Em nói đúng, nhưng ở đây, Huy với anh cứ xếp chén đĩa đã khô lên trên, khi dùng thì lấy chén đĩa ở dưới hết ra trước, như thế không sợ mặt chén đĩa để vào phải chạm vào đáy đĩa trước đã dính dưới ngăn tủ có thể dơ hay có bụi bặm.

Diễm cười, “bố em không có nghe như thế đâu !” Tôi thấy dường như Diễm còn sợ bố của Diễm nhiều lắm.

Ăn xong, Huy chở chúng tôi ra trạm RER ở Bourg-la-Reine và hẹn sẽ gặp chúng tôi lúc 5 giờ ở Thương xá ngay Porte d'Italie. Tôi chỉ Diễm cách đi RER B ra Saint-Michel. Notre Dame. Chúng tôi qua cầu, xem Nhà thờ Đức Bà lần nữa, rồi thả bộ trở về phía trạm métro vừa mới ra. Tôi chỉ cho Diễm xem trạm Cluny-La Sorbonne, nơi trước đây đã bị khủng bố đặt bom. Chúng tôi lấy RER B đi về trạm Luxembourg và lên, đi thăm vườn, vốn đã được Phạm Quỳnh diễn tả là vườn

Lục Xâm Bảo. Diễm nhớ chuyện Le livre de mon ami, trong đó cậu bé đi qua vườn vào ngày khai trường. Diễm có trí nhớ rất tốt, đọc lại rành mạch từng câu trong bài. Chúng tôi lấy métro số 7, đi về Porte d'Italie. Diễm chọn đường sành sỏi, như đã ở Paris lâu lắm rồi.

Bữa ăn ở tổng hội rất vui. Khanh và Khánh lo các món ăn rất chu đáo. Tôi đã có dịp quen phần lớn anh chị em ở đây và ai nấy đều vui vẻ và thân thiện với Diễm. Diễm ngồi vào bàn cạnh Phúc, một nữ sinh viên từ Đức qua chơi. Sau khi nói tên nhau, cả hai cô cùng cười. Diễm ngó tôi lúc đó ngồi trước mặt, “vậy là anh hên lắm, trước mặt lúc nào cũng có diễm phúc !” Tôi cười và nói vừa đủ cho Diễm nghe “chỉ biết có mình em thôi cũng là tuyệt lắm rồi.”

Sau khi chúng tôi trò chuyện thêm một hồi, Huy đưa chúng tôi lên Butte de Montmartre. Hơn 9 giờ tối mà người vẫn đông, tóe lù thật náo nhiệt. Huy đưa chúng tôi đi bộ một vòng, nhìn xuống Paris ở phía dưới chân đồi, tháp Eiffel ban đêm để đèn sáng thật đẹp. Lần đầu qua đây, tôi ước ao được nhận làm chân thợ điện, có nhiệm vụ đi thay các bóng đèn cho tháp, bảo đảm có công ăn việc làm quanh năm. Kể cho Diễm nghe, Diễm cười quá chừng, rồi nghiêm nét mặt hỏi tôi “anh làm thợ điện làm sao em gặp được anh?” Tôi nhại thơ của Vũ hoàng Chương

Em ạ, anh ngồi trên đọi

Chờ em chấp cánh bay lên.

Tôi không ngắm đèn ở Paris ban đêm mà nhìn vào đôi mắt Diễm. Ánh đèn chiếu trong mắt Diễm thật đẹp. Tôi không bao giờ quên đôi mắt nâu, sâu mà sáng ngời hạnh phúc đó.

Sáng thứ hai chúng tôi ra trạm métro sớm, tôi hỏi Diễm đưa tôi tám hình chụp cỡ thông hành để làm thẻ Orange, mua vé métro hàng tuần. Bên Paris mua vé métro hàng tuần bắt đầu đi từ thứ hai cho đến hết ngày chủ nhật, và phải làm thẻ có dán hình. Bên Luân đôn thì cũng làm thẻ có dán hình để mua vé 7 ngày, nhưng được đi kể từ ngày mua, không nhất thiết phải bắt đầu từ thứ hai đầu tuần. Tuy chúng tôi chỉ ở đến thứ năm nhưng mua vé tuần vẫn rẻ hơn mua vé hàng ngày, và nhất là Diễm được tám thẻ có hình làm kỷ niệm.

Tôi có gặp giáo sư Tadashi khi ông qua Canada mấy năm trước và tôi có viết hai chương trong một quyển sách do IBE xuất bản, nên buổi gặp gỡ rất thân thiện. Vấn đề lương bổng không có gì trở ngại. Diễm rất ngạc nhiên khi nghe IBE trả phụ cấp đắt đỏ và phụ cấp nhà ở, vì hai phần đó cộng lại gần bằng tiền lương của tôi đang lãnh ! Tôi đọc khế ước và ký tên, bắt đầu nhận việc vào tháng ba năm tới. Giáo sư Tadashi đưa chúng tôi đi thăm khu làm việc, giới thiệu với những cộng sự viên của ông và mời ăn trưa. Diễm rất thích không khí làm việc ở đây và cho là tôi đã tìm đúng môi trường.

Ăn xong, chúng tôi cảm ơn rồi từ giã Giáo sư Tadashi, đi kiểm trạm métro gần đó và tôi đưa Diễm đi Galeries Lafayette. Chúng tôi ra sớm một trạm, tôi chỉ cho Diễm xem hý viện Opéra rồi đi vào Lafayette. Tôi mua một chai Soir de Paris của Bourjois, và một chai Jicky của Guerlain. Tôi nhờ Diễm mang chai Bourjois về tặng cho mẹ của Diễm. Tôi nghĩ là người ở tuổi bà biết và sẽ quý hiệu này, tuy kiểu chai đã đổi. Jicky thơm dịu và rất hợp với Diễm. Diễm mua các loại kem của Vichy, mới thấy lần đầu, vì lúc đó hàng Vichy chưa bán ở Canada.

Tối về ăn cơm ở nhà, ăn theo lối Pháp, nghĩa là ăn món ăn chính xong rồi mới ăn đến salade. Huy khui rượu vang đỏ, vì ăn thịt trườn nấu đậu. Diễm lúc đầu không uống, nhưng sau cũng lấy ly của tôi nhấp thử một chút. Huy cười “ngon, phải không chị ?” rồi vói tay lấy chiếc ly khác, rót gần nửa ly cho Diễm. Sau bữa ăn, má Diễm phơn phớt hồng thật đẹp. Tôi cảm thấy hạnh phúc tràn trề, và cảm ơn Diễm đã mang hạnh phúc đến cho tôi. Đời bỗng đẹp lên một cách không ngờ.

Hôm sau, thứ ba chúng tôi đi Grande Arche de la Défense, ăn trưa với Huy. Khu này nhiều công ty điện toán như CSC, IBM, kế toán như Ernst & Young, ga métro rất lớn. Huy cho biết những công ty ở đây phải cam kết là không đóng cửa cùng lúc hay buộc nhân viên phải về cùng giờ, tránh cảnh chen lấn ở métro. Nhân viên có thể mua thức ăn ở các tiệm với giá đặc biệt, còn khách như tôi và Diễm phải trả giá chính thức. Thức ăn ngon, vừa miệng, vì các nhà hàng phải

cạnh tranh để giữ khách. Huy cho biết là có nói chuyện với giám đốc và ông ta ngỏ ý muốn mượn Diễm vì Diễm biết và đang làm với SAP. Diễm sợ tiếng Pháp còn kém. Huy cười “họ cần tiếng Anh của chị và SAP nhiều hơn.”

Sáng thứ tư chúng tôi trở lại già từ tháp Eiffel, Champ de Mars và Trường Quân sự, rồi chúng tôi đi Musée du Louvre, khi đó họ đang xây Pyramide bằng kính. Hôm ấy vào cửa miễn phí nên hơi đông. Đến trước bức tranh La Joconde, Diễm ngạc nhiên “chỉ có bấy lớn thôi sao anh ?” Tôi trả lời là giống như café express, nhỏ mà đậm đà. Xem tranh Sacre de Napoléon. Tôi chỉ cho Diễm xem giày của những người trong tranh, họa sĩ khéo đến độ người xem phân biệt được những đôi giày bằng satin. Tôi kể cho Diễm nghe còn một bức như thế, họa sĩ đã phác họa trước khi vẽ bức này. Tối đó chúng tôi đi ăn ở tiệm Nhật bản. Ở Canada, từ Montréal thuộc Québec xuống đến Windsor, trong tỉnh Ontario, phần lớn các tiệm ăn Nhật bản đều có chủ là người Nhật và đầu bếp múa dao là người Việt. Ở Paris, chủ tiệm Nhật bản này là Lộc, bạn của Huy từ 20 năm nay, còn đầu bếp là người Nhật chính cống !

Về lại nhà, Diễm cảm ơn Huy, nhờ Huy trao lại quà tặng cho Cẩm và cho bé Lan. Tôi thấy Diễm thật tế nhị và chu đáo, mua quà, gói, viết thiệp lúc nào tôi không hề biết. Như đoán biết được điều tôi nghĩ, Diễm cười “quà mua từ Canada anh !”

Trưa hôm sau chúng tôi ra phi trường về lại Canada. Khi phi cơ đã bình phi, Diễm ngả đầu vào vai tôi, lần đầu Diễm có cử chỉ thân mật như thế và nói:

- Cảm ơn anh thật nhiều. Sáu ngày qua em hết sức sung sướng và hạnh phúc. Em cứ xin cho thời gian đi thật chậm để em tận hưởng hạnh phúc đó. Còn anh, anh có vui không?

- Miễn là em thật sự có hạnh phúc là anh vui. Còn tất cả những cái khác, dù có quan trọng đến mấy, đối với anh, cũng chỉ là những cái lẻ tẻ trong cuộc đời, rồi cũng qua đi.

Diễm lắc đầu rất dễ thương “anh cũng phải có hạnh phúc cho anh nữa, em mới chịu !”

Về đến Montréal chúng tôi chia tay, đi phi cơ tiếp về nhà. Già từ của tôi đầy nước mắt, vì tôi đã khóc. Diễm hay hơn tôi, nhẹ nhàng an ủi : “Anh, đừng khóc anh, mình sẽ còn gặp nhau mà anh. Noel anh xuống em nha anh. Nhớ em mãi mãi là ECN nha anh.”

Theo ước hẹn, tôi xuống nhà Diễm nhân dịp lễ Giáng sinh. Diễm đón tôi ở phi trường. Gặp lại nhau, xúc động và mừng rỡ. Diễm đón tay xách giúp tôi túi đựng quà rồi chúng tôi đi ra xe, bảng số xe ghi rõ ba chữ ECN. Diễm đưa tôi về khách sạn chờ tôi rửa mặt, sửa soạn và thay đổi áo quần cho chừng chặc hơn. “Anh, ba em vẫn chưa chịu, nhưng mẹ em hứa sẽ nói vô, anh đừng ngại nha anh !”

Ở cửa, mẹ của Diễm vồn vã chào mừng khi tôi cúi đầu: “Thưa Bác !” Diễm ngó tôi, ánh mắt tươi và vui như muốn nói “được lắm !” Tôi vào nhà, cởi áo lạnh và giày, vào phòng khách và ngồi đối diện với mẹ của Diễm. Bà mời tôi uống trà, và sau đó bảo em của Diễm “lên thưa bố xuống ăn cơm luôn con !” Lúc lâu sau đó ông mới xuống, mặt không có vẻ gì là thân thiện, không gật đầu trả lời câu chào thưa của tôi. Mẹ của Diễm vẫn vui vẻ như cố gắng làm dịu bớt không khí căng thẳng từ khi ba của Diễm xuống phòng khách. Suốt bữa ăn, ông không nói một tiếng, chỉ có mẹ của Diễm ngồi trước mặt tôi hỏi han, trò chuyện, và mời mọc ân cần. Diễm ngồi cạnh tôi, và như bị khắc phục trước uy quyền của bố, Diễm mất hẳn vẻ hồn nhiên vui tính của những ngày ở trại, hay ở Paris. Ăn vừa xong, bố của Diễm rời bàn, đi trở lên lầu. Mẹ Diễm mời tôi qua phòng khách. Diễm đứng dậy khi tôi còn ngồi, lấy tay bóp nhẹ vai tôi một cái rồi phụ em của Diễm thu dọn bàn ăn. Không khí không có gì là vui hết. Bố của Diễm còn điều khiển gia đình với một bàn tay sắt, đầy uy quyền của một gia trưởng nghiêm khắc và thủ cựu.

Mẹ của Diễm vẫn vui vẻ tiếp tôi. Khi Diễm vào trong, bà nhỏ nhẹ nói: “Ông nhà tôi khó tính, cậu đừng chấp. Việc giữa cậu và Diễm hơi khó vì tuổi tác quá chênh lệch. Cậu chỉ nhỏ hơn chúng tôi có mười tuổi, còn Diễm thì chưa đầy ba mươi. Sợ cậu không ở lâu được với cháu Diễm, sau này có gì, một mình nó phải lo cho con cái không nổi !” Diễm và tôi cũng có bàn đến chuyện này, tôi

hàng năm vẫn đi khám tổng quát, sức khỏe tốt. Nhưng làm sao thuyết phục bố và mẹ của Diễm ? Tôi biết Diễm còn sợ bố nhiều lắm.

Diễm đưa tôi trở lại khách sạn, theo tôi lên phòng. Diễm vẫn đẹp tuy mắt không còn ngời sáng hạnh phúc như trước. Diễm đến đứng trước tôi, cúi mặt xuống, nói thật nhỏ : “Anh, anh đừng chê bỏ em nha anh. Em muốn bố và mẹ của em phải chấp nhận chuyện đã rồi.” Tôi kéo Diễm sát vào người, nâng cằm Diễm lên:

- Không nên em. Anh kính trọng em và thật sự muốn em có hạnh phúc. Mình hấp tấp, sau này em khổ, anh sẽ không bao giờ tha thứ cho anh được.

Vai Diễm run nhè nhẹ, Diễm úp mặt vào vai tôi, nước mắt ướt cả áo.

- Can đảm lên em. Anh thương em, anh muốn em có hạnh phúc thật sự.

- Anh thương em ít hơn một chút có được không? Bố em quân tử Tàu, anh cũng vậy !

Tôi giữ Diễm trong tay và rất muốn làm theo ý Diễm. Nhưng Diễm mỏng mảnh quá, trân quý quá, và hiền như thiên thần. Tôi đâu xúc phạm em được. Diễm như biết được sự dằn xé trong nội tâm tôi, chùi nước mắt, và nắm chặt tay tôi.

- Anh, em xin lỗi đã nói với anh như thế. Em hiểu là anh thương em. Cảm ơn anh. Anh đừng bao giờ giận em nha anh.

- Không bao giờ giận ECN đâu. Thương không hết, còn có chỗ đâu mà giận.

Diễm cười. Tôi dặn Diễm lái xe cẩn thận. Diễm hứa sẽ gọi tôi khi về đến nhà cho tôi an tâm, và sẽ gọi tôi vào đêm cuối năm, như đã gọi chúc Tết tôi năm rồi. Diễm về rồi, tôi gọi hãng phi cơ đổi chuyến bay, trở về nhà ngay tối đó. Còn lưu luyến ở lại nơi này làm gì, khi cả hai chúng tôi không có hy vọng gì vượt qua được trở lực của gia đình Diễm.

Tôi chờ Diễm gọi vào đêm 31 tháng 12. Cả đêm Diễm không gọi. Tôi định sáng sẽ gọi Diễm. Chừng mười giờ sáng ngày Tết Tây, chuông điện thoại reo. Tôi nhấc máy, mới vừa nói “Hello”, thì tiếng mẹ của Diễm đã hỏi từ đầu dây bên kia : “Cậu Đản phải không?”

- Dạ ! Thưa Bác. Bác vẫn mạnh khỏe? Và Diễm có chuyện gì vậy Bác?

- Cháu Diễm không bao giờ gặp cậu được nữa. Tôi nói giùm cho nó. Diễm xin lỗi cậu, và xin cậu quên nó đi. Nó cũng khổ lắm. Cậu nên quên nó đi.

- Cháu không thể nào quên Diễm được, Bác. Nhưng cháu hiểu, cháu không bao giờ trách Diễm. Cháu cầu chúc Diễm có hạnh phúc. Bác có thể cho cháu nói chuyện với Diễm được không? Cháu chỉ muốn chúc Diễm

- Diễm đã về bên bà nội nó từ trưa hôm qua - mẹ của Diễm cắt ngang, không để tôi nói tiếp. Thôi cậu quên nó đi. Tôi thật tình cảm ơn cậu đã đối xử với nó rất tử tế. Diễm có nói hết với tôi, tôi biết là cậu thương cháu nó lắm. Thôi chào cậu, chúc cậu may mắn !

Tôi máng điện thoại lên giá, không biết là mình có buồn không. “Diễm ơi, mong em được hạnh phúc,” tôi nhủ thầm như thế mà nước mắt trào lên, không cầm giữ được. Tôi ở nhà luôn hai hôm, không vào trường, không đi ra ngoài. Đầu tháng 3, tôi qua Paris làm việc, một mình.

Lật bật mà tôi đã ở Paris hơn bốn năm. Công việc bận rộn, viết lách nhiều, và phạm vi tra cứu rất rộng nên chiếm hầu hết thời giờ. Nhờ thế mà không thấy buồn. Lâu lâu tôi lại đi Aix en Provence, vào thư viện Pháp quốc Hải ngoại xem tài liệu. thỉnh thoảng tôi ghé thăm Huy và Cẩm, chơi với bé Lan. Nó vẫn chưa có em. Huy tế nhị, không bao giờ nhắc đến Diễm. Cẩm cũng không hỏi sao tôi chẳng tìm người về ở chung. Trong năm, cuối xuân khi trời bớt lạnh và trong suốt mùa hè, nếu tôi ở lại Paris, trưa thứ bảy tôi thường ra tháp Eiffel, mang theo mấy miếng

bánh mì khô, cho chim và bồ câu ăn. Có lúc lựa một chiếc băng ở chỗ không nắng quá, ngồi nhìn thiên hạ qua lại, trẻ con chạy giỡn, hay là xem mấy bà, mấy cô cảnh sát ngăn không cho du khách đi trên cỏ

Sáng nay thứ bảy, đầu tháng năm, tôi lấy Métro đi ra tháp Eiffel như thường lệ. Trời trong xanh, không một áng mây, nắng nhưng có gió nên mát. Dọc đường ra trạm métro, tôi thấy các bụi muguets trong bóng râm đã nở trắng xóa. Hoa hình cái chuông, mọc dài trên một nhánh cong cong, thơm dịu dịu, và tượng trưng cho hạnh phúc.

Đến chân tháp, tôi cũng lấy bánh mì khô trong túi đeo vai cho chim ăn. Chai nước suối Evian còn lạnh, quanh chai đã đọng hơi nước. Trong túi còn chiếc bánh éclair café, tôi định chút nữa, lúc gần đi về, mới ăn. Người qua lại chưa đông lắm. Tôi đến ngồi ở chiếc băng quen thuộc và người nữ cảnh sát viên tôi vẫn thường gặp ở đây cười chào "Bonjour Monsieur !" Tôi chào lại và nhớ đến bài ngữ vựng Pháp văn ngày trước.

Tôi ngồi, yên lặng, bình thản, trong niềm vui nho nhỏ của một ngày đẹp trời. Một lúc lâu sau đó, dường như nghe tiếng người nói chuyện với nhau bằng tiếng Việt.

- Đi chút nữa là tới Champ de Mars, và cuối đó là École militaire, anh !

- Mới qua Paris lần đầu mà em rành quá ?

Giọng người thiếu phụ nghe sao quen, quen quá ! Một giọng nói dường như tôi không thể nào quên được và vẫn ngỡ là mãi mãi không bao giờ còn nghe được nữa. Tôi nhìn về phía tiếng nói, thấy một người đàn ông đang đẩy xe cho con. Đi cạnh ông là một thiếu phụ, dáng người mảnh khảnh, khá cao, mái tóc như ôm lấy khuôn mặt để nhìn. Lúc đó người thiếu phụ cũng nhìn lại tôi, đôi mắt nâu, sâu, mà hồn nhiên và hết sức trong sáng. Thiếu phụ không cười nhưng khuôn mặt rất tươi, và như chan hòa hạnh phúc. Một nguồn hạnh phúc thanh thản, ngời sáng, tràn đầy từ trong toát ra ngoài, bao trùm cả người đàn ông và cháu bé trong xe. Ánh sáng hạnh phúc chói chan làm cho tôi phải cúi mặt, không nhìn lên được, đồng thời ánh sáng đó như len vào người tôi, tràn đầy tim, óc, và cho tôi như được chia sẻ hạnh phúc với người thiếu phụ. Khi tôi ngừng lên lại, thiếu phụ và người đàn ông đẩy xe cho con đã đi xa. Trong tôi dường như chỉ còn âm lại, không phải là tiếng thở dài nuối tiếc hay than van, mà như một thoáng chi đó, nhẹ nhẹ và êm ả :

- Miễn là em thật sự có hạnh phúc là anh vui. Còn tất cả những cái khác, dù có quan trọng đến mấy, đối với anh, cũng chỉ là những cái lẽ tẻ trong cuộc đời, rồi cũng qua đi.

Ghi chú:

Đến tháng 9 năm 2003 có vài thay đổi ở Paris, xin ghi lại đây.

1. Mặt tiền nhà thờ Đức Bà (Notre Dame de Paris) đã được lau, rửa xong, rất đẹp.
2. Samaritaine đã đóng sân lộ thiên (khu Panorama). Lên lầu 9, chỉ có thể đi thang lên sân thượng (lầu 10) mà thôi. Sân thượng có quầy bán rượu, bia, nước ngọt ... và du khách có thể ngồi ngắm Paris, nhưng tầm mắt bị che khuất rất nhiều.
3. Sông Hương không còn ở trong khu thương xá mà đã dọn ra ngoài, ở trên đường Choisy (Boulevard de Choisy).
4. Mua vé métro đi hàng tuần không phải làm thẻ có hình nữa.
5. Mỗi đêm tháp Eiffel chớp đèn từ chân tháp lên đến đỉnh (như đầu năm 2000) trong vòng 10 phút, vào đầu giờ, bắt đầu từ 9 giờ tối. Đứng bên Trocadéro ngó qua rất đẹp.
6. Xe bus chạy trong thành phố có bảng quang báo điện tử, cho biết giờ khởi hành và tên trạm chót (bến của tuyến đường). Khi xe chạy, quang báo cho biết trạm sắp tới (prochain arrêt), trạm đang ngừng (cet arrêt), và cho biết còn bao nhiêu phút sẽ đến các trạm chính (thường có hai, ba trạm chính trên một tuyến) .

THUẦN NGỌC

NIỀM VUI NHẬN ĐƯỢC

LƯƠNG VIỆT THÁI

Ngồi trong căn nhà mới trần nhà trơ những xương gỗ sần không mấy kỹ thuật. Vĩnh chịu yên lặng mang nỗi buồn từ căn nhà quê nội, từ khi ba anh tục huyền. Ba anh không còn là người cha của những đứa con mất mẹ nữa. Ba anh cho sự lấy thêm bà lẽ là điều cần thiết. Vĩnh thấy đôi mắt hối hận của ba anh trong những ngày sau này cho anh thấy sự rõ rệt hơn khi bốn đứa con nữa ra đời. Vĩnh không trách cứ điều đó nhưng tự dừng thay vào sự oán hờn Vĩnh đã thấy thương ba hơn.

Cứ mỗi lần đến thăm ba và người dì tại căn nhà cũ nơi miền quê, cứ mỗi lần gặp những đứa em còn lại đó, Vĩnh nghĩ ngay đến tương lai của từng đứa em, Vĩnh không làm ngơ trong vai trò anh cả. Một phần Vĩnh làm sao trong vai trò này anh cũng chưa định rõ. Anh biết chắc anh phải có bốn phận khi ba anh nằm xuống.

Tiếng Vĩnh nói với ông Quảng nhìn trên trần nhà:

- Có thể chú ấy đang mang bệnh, những kẻ điên thường hay lý luận như một triết gia.

Ông Quảng vẫn ngồi yên trên ghế, tay cầm chiếc đóm giấy vẽ nguệch ngoạc trên bàn nói về giận dữ:

- Anh có thể hiểu và bệnh đỡ cho em, cho anh ấy... mà anh hiểu tôi trong những ngày sau này. Nhưng anh có hiểu cho tôi không, tôi đang lấy công việc trong xứ đạo làm nguôi ngoai, những gì chất chứa trong lòng. Tôi già rồi cần gì sự thế gian nữa.

- Con xin lỗi. Ba cứ nói, chú đã làm gì ba phải buồn.

- Cũng như ngày anh mới đầu.

Vĩnh đã bị gọi tự ái nổi dậy. Vĩnh đã muốn nhắc đến sự tính toán lầm lẫn của ba, ngược lại ông Quảng chẳng hề buồn tha. Ngay cả chính Vĩnh, sự thù hằn giữa ông Quảng vẫn còn được niềm yết như một báo cáo nơi tâm hồn ông, Vĩnh không tha thiết cần ba mình thấu hiểu tâm trạng của đứa con trai trong gia đình khi ông tục huyền vội vã, nhưng Vĩnh nghĩ dầu sao sự đã rồi, ông nên nhẹ nhàng âu yếm hơn với những đứa em của Vĩnh. Ngồi ngay trước mặt ba, Vĩnh mừng tượng đến cảnh di ghê con chồng, Vĩnh quay nhìn ông định nói một lời bào chữa cho em, nhưng lại thôi, tính thói thường của ông Quảng là cai trị, làm Vĩnh lại đưa không khí im lặng đến.

Điều ông Quảng đã làm phật lòng Vĩnh nhất là các em đã lớn, dù lý hợp, giáo quyền hợp, ông Quảng gần bảy chục, ông cưới vợ hai khi giỗ mẹ Vĩnh tròn trăm ngày. Ông Quảng cũng vì việc đó ông ghét Vĩnh. Ông nhìn sâu vào góc nhà nói như phân trần:

- Hôm nay đến thăm nhà mới của anh, tôi cũng kể cho anh nghe sự khôn ngoan của em anh cũng là con tôi, tôi thành thực kể cho anh nghe không ác ý. Anh thử xem trong một buổi trẻ con đang chơi kể cả đứa con của dì, thằng Thêm, con Minh chúng chơi với nhau, trẻ con thường gây gỗ thế mà anh đâu thấy sự khôn ngoan của em anh. Nó chụp lấy tay thằng Thêm khi dỗ thằng Thêm nín, em anh nói một câu tôi cho rằng đã khôn ngoan: "Thằng này mày nín ngay, thế nào cũng có một ngày tao chặt cửa mày một cánh tay." Đó là sự khôn ngoan của em anh đó. Tôi

đồng ý nó đang điên, nhưng nó đã khỏi rồi.....

Vĩnh thực sự im lặng cho đến khi ông Quảng bước ra sân rồi khỏi mái nhà mà chàng vừa dọn đến. chàng cũng khóa cửa lại đi ra phố tìm sự thanh thản. Vĩnh nhớ lần Dung đến thăm, không còn nỗi nhục nào cho bằng. Lần đó ông Quảng kết án Dung, không chấp nhận cho Vĩnh điều mà lòng mình mơ ước, Vĩnh phản kháng vô vọng khi Dung ôm mỗi hận ra về, mỗi hận người thiếu phụ ra đi cầu chồng. Từ ngày gặp gỡ buồn đau đó Vĩnh chưa gặp lại để phân bua. Vĩnh phản kháng đập đồ đạc trong nhà rồi ra đi khỏi nhà sáu tháng trời. Vĩnh cứ nghĩ lại phải bước về căn nhà khốn cùng này. Chiến tranh lạnh trong nhà cũng bắt đầu từ đó, gia đình ngoài Vĩnh còn bốn đứa em, thằng tư bị bệnh điên khởi phát từ ngày nhà mới và bà dì ghẻ chính thức bước chân về ở hẳn căn nhà sát đây. Theo Vĩnh nghĩ sự việc xảy ra như một cuộc đảo chánh tâm hồn nên không một sớm một chiều mà thay đổi hẳn cách suy tư được, câu chuyện làm ông Quảng thay đổi hẳn tính tình. Nhưng đó lại là điều ưu phiền nhất trong vùng suy tư riêng của Vĩnh. Vĩnh lẳng lặng bước vào xóm vui của đàn ông để tìm điều gì khác thường nhất. Trong xóm người lao động, gần gốc cây me là trung tâm điểm, Vĩnh chọn một cô gái có sơn móng tay lòe loẹt đang ngồi trên chiếc ghế chờ khách. Đã có lời mời chào xoắn lầy:

- Đi khách chứ anh?

Vĩnh gật đầu đi theo cô gái vào trong căn phòng ẩm thấp. Tấm drap trải giường không còn là màu trắng tinh khiết nữa, nó ngả như màu trứng gà. Vĩnh không thấy hứng thú gì, bên tai vẫn còn lảng vảng những câu nói, những trận roi đòn, tất cả đối xử, thương yêu giận hờn khi Vĩnh còn là đứa trẻ con. Tất cả ngấm ấy thấm sâu vào tiềm thức. khi không còn níu được tình cảm trong gia đình nữa. Vĩnh chỉ còn suy nghĩ.

Vĩnh nằm xuống bên cạnh người con gái đã trút bỏ tất cả những tấm vải. Vĩnh vẫn nằm nguyên mồm thuốc ra hút để mặc người con gái ôm choàng và dục:

- Anh đi đi! Cô gái có vẻ còn e thẹn.

Vĩnh không biết phải làm gì thêm cho qua đi hết những những ý nghĩ vẫn vương ám ảnh, đã đến đây rồi về Vĩnh hỏi cô gái khi mắt đã quen với bóng tối:

- Em tên gì?

Người con gái đáp không thẹn:

- Tên T.

- Em làm nghề này bao lâu?

- Bảy tháng.

- Ai đến cũng hỏi câu đó tương tự rồi thôi? Anh ạ

Vĩnh không trả lời, tự kéo tấm drap dầy lên thân thể cô gái rồi đi ra, không nuôi tiếc tham nào đưa đến.

Người con gái chờ đợi một điều khác nơi Vĩnh nhưng khi thấy Vĩnh sửa lại quần áo bước đi Vĩnh đưa cho cô gái tờ giấy bạc bỏ trên chiếc drap trên thân thể làm cô gái cất tiếng khóc phía sau. Nhiều khi Vĩnh thấy mình tàn nhẫn một cách vô lý và cười to cho vui đi bớt phiền não đang vây quện ray rứt trong tâm hồn.

Từ lâu Vĩnh thấy mình để ý đến bao nhiêu phiền muộn thì tất cả nó quấy nhiễu khôn nguôi, vậy thì mình tự nhiên vô tư quên đi như những cơn gió thoảng qua, tự đeo vào một bộ mặt lạ ngông nghênh như những con đường đất nằm đó chịu nắng như những cô gái tự để thân xác mình cho người khác dầy vò khi người khác nghiêng ngả thêm muốn sau lần để kiếm tiền nuôi chút sốn nhục nhằn. Vĩnh cũng nghĩ đến sự khinh rẻ của chòm xóm đối với ba mình, người ta lên án hoặc vô tình hay hữu ý ông Quảng sống bình thản. Và từ đó sự xa cách đến giữa ba và con. Giữa Dung và Vĩnh, giữa cuộc sống mới và cũ. Vĩnh thấy tội nghiệp người con gái tên Tôì trong xóm nghèo chui rúc. Nhà người con gái không phải ở đó, Vĩnh cũng thấy buồn cho cả chính mình không biết tìm đến một nơi nào tìm sự yên ổn, có thể Vĩnh sẽ trở lại chỗ cây me tìm người con gái tên T để an ủi, không một sự xa cách nào không có ý nghĩa nhưng ở Vĩnh không muốn xa khỏi mái nhà mà ở đó có hình bóng và di niệm mẹ mình đã qua đời, nơi đó có các em, có kỷ niệm Dung. Vĩnh trở lại con đường với sợi nắng vàng về chiều Vĩnh rất khó chịu. Vĩnh lại kéo cánh cửa bước thật nhanh sau người đàn ông Vĩnh thẳng thốt bước tới. Dáng lưng hao hao giống một người nào. Vĩnh xin lỗi thật nhẹ:

- Xin ông cho phép nhường tôi người con gái này, tôi xin chịu khoản bồi thường cho ông một người khác, xin ông vui lòng cho ạ.

Người khách cầu nhàu và bước ra đi thẳng. Vĩnh thấy ái ngại nhưng cũng mặc.

Vĩnh mở toang cánh cửa bước vào trong phòng im lặng như tờ không hề có một tiếng động nào khác. Vĩnh hồi hộp lạ thường bước tới cạnh giường ngồi xuống. Người con gái vẫn không nên tiếng chỉ nghe có tiếng thở nhẹ. Vĩnh hỏi tự nhiên:

- Sao em không dạn như những người khác?

Cô gái vẫn không trả lời. Vĩnh đưa tay quờ ra, người con gái vẫn ngồi cùng cạnh giường. Vĩnh không định gặp người con gái này, tìm người con gái tên T Vĩnh đề nghị một chuyện, chàng không muốn suồng sã ngay với bấy kỳ cô gái nào nhưng chàng thấy lạ. Vĩnh đứng dậy muốn đi ra vì biết rằng không phải tên T bất chợt chàng quay lại hỏi: - Em tên gì?

Cô gái không trả lời. Có tiếng khóc xụt sùi, Vĩnh bước tới kéo cô gái đứng dậy. Một mùi thơm quen thuộc, đứng một lúc lâu Vĩnh mới nhớ ra một mùi thơm xa cách từ ngày Vĩnh rời khỏi căn nhà cũ, từ ngày sự liên kết giữa cha chàng không còn nữa.

Người con gái như đã nhận diện được người khách, nói trong ghen ngào:

- Em mới đến đây chiều nay. Vĩnh ôm chặt người con gái trong vòng tay thật chặt:

- Anh theo em suốt bao ngày từ ngày nào đến nay mới gặp trong hoàn cảnh trớ trêu này, Vĩnh phải nói dối để ngày nào sẽ phân bua chẳng muộn.

Người con gái kể lể thật nhiều về buổi chiều nay và những ngày qua, khi quyết định phải xa gia đình. Cũng như chàng bị cha phải đẩy đưa đến một ý thức hệ, nếu chàng không gặp cô gái mới đến làm buổi chiều nay đầu tiên, dáng thon nhỏ trong góc trí nhớ, và sự gặp gỡ ly kỳ này.

Trời gần tối có bóng hai người dìu nhau ra khỏi ngõ cây me. Vĩnh đã tìm lại sự yên tĩnh trong giao điểm và tất cả những buổi chiều khác đến như cả mùa xuân tươi

LƯƠNG VIỆT THÁI

TRẦN NHUẬN MINH

MÂY TRẮNG

Nếu không có câu thơ

Bạch vân thiên tải không du du (1)

Thì mây trắng trên trời Trung Hoa,

không trắng đến nỗi thế

Tôi đi hàng ngàn cây số đến xứ sở Người

Để chỉ nhìn làn mây trắng này thôi

Làn mây trắng một lần, bay qua lầu Hoàng Hạc,

bay qua hồn Thôi Hiệu

Vĩnh viễn trẻ và buồn, sống trên trời xanh

Khát vọng Tự Do và nỗi cô đơn thăm thẳm

Thấm vào tôi từ tuổi trong lành

Hạc Vàng có bay về cũng chả còn chỗ đậu

Nhà nhạn mọc như măng, trên bãi cỏ non xưa

Nơi Thôi Hiệu đề thơ, chỉ còn là chỗ thu tiền

của khách du lịch

Mây có trắng hết mình thì người đời cũng vẫn thờ ơ...

Sau một ngàn hai trăm năm, Thôi Hiệu

làm sao hình dung được

Có một nhà thơ từ tận cùng phương Nam,

đến ngắm làn mây bay qua thơ Ông

mà thương cảm bàng hoàng

Và thức suốt đêm trong thu lạnh

Nghe tiếng tàu âm âm lao qua sóng

Trường Giang...

Bắc Kinh 18 - 9 - 1999

(1) Mây trắng ngàn năm bay chơi vơi (dịch), một câu thơ trong bài Hoàng Hạc Lâu (Lầu Hoàng Hạc) của Thôi Hiệu (701-754)

TRẦN NHUẬN MINH

CƠN MÊ

CHU TRÂM NGUYỄN MINH

Tặng Lữ Kiều

1.

Con thuyền bắt đầu rời xa bãi, sóng cũng bắt đầu vỗ bọt trắng xóa, vùng đông hực hờ như vết thương tràn đầy máu đỏ. Hấn thức dậy và bắt đầu trèo lên ngọn núi cao sừng sững, gió lồng và biển xanh một màu, hấn đứng từ một chiều cao, rất cao, nhìn ra cõi mệnh mông xa tắp. Một cánh chim trời ? Không, một trực thăng bay, trong sương sớm. Hấn hút thuốc và nghĩ về những viễn tượng của đời sống, những dự tưởng đã đổ vỡ, những băng khuâng vô ích và sự bất lực của tuổi trẻ. Hấn mỉm cười và vung cánh tay ném viên sỏi nhọn ra khỏi trí óc. Phải vui cho thật đầy. Phải sống cho tròn, ngày đến rồi đi, đời có rồi tan. Khi cánh buồm ra xa, chiếc thuyền rất cao và hết sức hùng hồn.

2.

Hấn về phòng trọ cùng với mặt trời trên đỉnh đầu, lửa đã bén vào ý thức và đốt cháy bản ngã. Hấn mở to đôi mắt, những gân máu ở đó nổi lên gồ ghề như những sợi chỉ đỏ. Rất có thể buồn bã cho một ngày bắt đầu ngả bóng, và khó có thể tưởng tượng được về tương lai đang chờ đợi ở cuối đường. Hấn nắm chặt bàn tay, nghiến cứng hàm răng, ở cái thế đấu tranh tuyệt vọng, trông hấn y như con chó điên bị xiềng xích trong sở thú y . Vâng, tuổi trẻ, tuổi trẻ bây giờ đều như vậy, cô đơn và bất lực, phản kháng và tuyệt vọng, có ai trong chúng ta thấy hấn ỏi từng vũng máu để đổi từng phút tự do hay không? Hãy thương sót hấn vì tuổi trẻ đều đáng thương sót như vậy.

3.

Hấn sẽ treo cổ giữa căn phòng này ? Đó là ý nghĩa yếu đuối và quá thảm thiết vào lúc nửa đêm, khi hấn chợt nghe tiếng sóng vỗ từ bãi xa vọng về lẫn theo tiếng khóc, hấn mở cửa chạy ra hành lang đầy đặc bóng tối, ngọn hải đăng vẫn cháy sáng trên ngọn núi nhưng biển thì đã hòa lẫn trong đêm tối, thân xác hấn trơ trên nơi này, nhưng hồn hấn thì bay xa cõi nào... Hấn đứng sững, sương khuya vây kín cùng với gió và tiếng khóc náo nề.

4.

Ngày cuối cùng hấn thức dậy muộn, giòng máu trong trái tim đã tím bầm lại, dấu hiệu của sự khủng khiếp nhất đời người, hấn chạy ra bãi, con thuyền đã ra khơi từ lúc hấn còn chìm lửng trong giấc ngủ, hấn hoảng hốt, thuyền ơi, thuyền ơi, ta chưa nói câu giã từ có sao chia cách, ta chưa hôn sao hôn mang tiếc nhớ, thuyền ơi... Hấn muốn lên ngọn núi đá cao ngóng trông, tìm kiếm; nhưng quanh đó chẳng còn ngọn đá cũ. Tất cả bỗng trầm buồn và phẳng lặng, tất cả đều bị xóa nhòa. Hấn dục đã chạy băng về phía mặt trời, nơi vùng hồng. Vừa buông chiếc khăn tay vĩ đại màu máu. Hấn gọi thất thanh và chìm lửng sâu thẳm giữa cõi mênh mông, hư vô nào vừa mở cánh cửa vĩnh biệt, đón chào, và yên lặng.

5.

Một ngày sau đó, chiếc thuyền câu nọ từ viễn khơi trở về cùng với xác hấn, thật nhiều người trên bãi tập hợp chung quanh thành những vòng tròn thật kín. Hấn ướt nhẹp, nhưng hết sức thanh thản và tươi trẻ, đôi mắt yên vui, môi ươn nụ cười hồng, tay chân mềm mại, da thịt sạch sẽ và khỏe mạnh người ta đặt dấu hỏi, hấn đã chết, hay đang chìm trong giấc ngủ thơ ngây với giấc mơ thần tiên nào đó, hấn bị dọa đày hay đã được giải thoát. Có điều, vâng, chính đôi giày trện há mồm một cách tội tộ còn gắn chặt trong chân hấn đã tố cáo một thảm trện bi cùng. Chính cái tàn tích khốn nạn đó đã tận diệt những ước mơ và hoài vọng, nó hiện diện cho tuổi trẻ điêu tàn. Một người thở thật dài, thêm một người nuối tiếc, tất cả đều chấm dứt bằng với sự tuyệt cùng. Gã thuyền câu quì xuống nâng xác hấn trong vòng tay triu mến, gã bước tới bằng những bước thận trọng và nhẹ nhàng, đầu cúi thấp và môi thì thầm những lời âu yếm cuối cùng. Gã bắt đầu trở lại con đường dẫn đến núi đá cao, với những giọt nước mắt thân ái.

6.

Một tháng sau ngày hấn chết, đúng vào lúc gã thuyền chài ôm một cành hoa lên ngọn núi đá, một chiếc Jeep đầu tròn U.S.A xuất hiện cùng với bốn tên Quân Cảnh, họ cho xe dừng lại ở đầu dốc, tắt máy và hăm hở trèo. Một người nói, *tao không tin nó chết như vậy*, gió thổi mạnh bạo như những ngọn roi quất vào da thịt, những bước chân dồn dập, *có thể tên chó chết đó đã chuồn ngã nào rồi*. Họ thề một cách tội tộ, *chuyến này gặp tao xé xác thẳng yêu đó*. Mặt trời vẫn treo trên đỉnh đầu, khi bốn tên Quân Cảnh đạp bốn bàn chân lên nắm mồ vắng lạnh, tám con mắt hăm hực và khinh bỉ. Gã thuyền câu giấu mặt ... Hấn là kẻ tại đào.

CHU TRÂM NGUYỄN MINH

tìm hiểu

NHÀ VƯỜN Ở HUẾ

KIÊM THÊM

Tôi sinh ra và lớn lên tại Huế. Dù tha phương cầu thực, những con dân Huế như tôi, mỗi năm, khi hoa đào nở, dù sao chẳng nữa, vẫn cố trở lại Huế, tìm cảnh sống êm đềm. Du khách từ một nơi xa lạ đến Huế, bỗng cảm thấy tốc độ sinh hoạt nơi đây dường như chậm lại, cuộc sống thường nhật đã trở nên êm đềm, thanh thản, như sông nước con sông Hương đang lờ lững trôi theo dòng. Từ đó, tâm hồn du khách cũng lắng xuống dần để hoà mình với cảnh vật, với sự thông dong, trầm mặc. Một màu xanh mượt mà, đậm thắm phủ lên cảnh trí của thành quách, lăng tẩm, điện đài nhà cửa. Có một thuật ngữ được đặt ra để chỉ mối quan hệ hữu cơ giữa kiến trúc và vườn xứ Huế: "Nhà vườn". Mọi kiến trúc ở đây, từ nhà cửa dân gian, đến đình chùa, miếu vũ trong kiến trúc tôn giáo, đến ung điện, lăng tẩm trong kiến trúc cung đình đều gắn liền với yếu tố vườn.

Vườn cây tại Huế là mảng màu xanh để xoá dịu bớt cái rực rỡ của kiến trúc, là nét bút của tạo hoá có tác dụng uốn mềm những mảng kiến trúc gai góc, sắc cạnh vạch ra giữa bầu trời. Những vườn cây Huế có một vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của con người Huế từ trước đến nay. Phần lớn các gia đình, dù ở nội thành hay ngoại thành cũng đều cố gắng tạo nên một mảnh vườn, dù lớn hay nhỏ. Lớn thì trồng những cây lưu niên, cây ăn trái, nhỏ thì trồng hoa, trồng rau cải; không có đất thì tạo nên một "vườn treo" với những chậu cảnh, những giò lan, những Bonsai như một vũ trụ thu nhỏ của riêng mình. Vườn Huế là một khoảng không gian biệt lập để cho con người tìm đến trạng thái thư giãn tinh thần sau một ngày làm việc vất vả hay sau một chặng đời vật lộn với cuộc sống, toan tính những danh lợi, thiệt hơn.

Vườn cây xứ Huế được biết đến không phải vì những loại hoa muôn màu, muôn vẻ, như những làng Hoa Nghi Tàm, Ngọc Hà, Yên Phụ ở ngoại thành Hà Nội. Vườn Huế rất giản dị. Đó là chỗ dừng chân giữa mưa và nắng, là toà lâu đài của những loài chim, là bóng mát của khách viễn lai, là túp thơ của giai nhân mặc khách. Đây cũng là nơi trú ngụ của những mảnh tâm hồn thanh cao, thuần khiết, nơi di dưỡng của những quan lại Huế khi về già. Những người dân Huế tạo nên một mảnh vườn không phải mong thu lợi lộc khiếm tốn của mình, mà trước tiên, để được đắm mình trong cái màu xanh thanh thần của lá, của hoa, của trái cây ngon ngọt, mà trước tiên là của thiên nhiên siêu thoát dành cho họ.

Vườn Huế có mặt khắp nơi và vô cùng phong phú, đa dạng. Vườn hoa, vườn trái, vườn cỏ, vườn trên mặt đất, vườn trong không gian và trong đáy sâu của lòng người. Vườn Huế mở ra trong tâm hồn của con người một khoảng không bình yên. Đến đây, con người trở nên thư thái, khoáng đạt, để quên những khắc nghiệt của thế gian. Đây là bản giao hưởng của âm thanh, màu sắc, tâm tình. Kiến trúc ở cố đô Huế được xem như là mẫu mực của lối kiến trúc được "cảnh vật hoá". Những nghệ nhân xưa và nay ở đây đã coi vườn cây như yếu tố hoà hợp giữa âm và dương, giữa chuyển động và bất biến, giữa đất và trời, giữa vũ trụ và con người. Và du khách có cơ hội nào đến thăm một ngôi vườn nào đó vào một buổi chiều hè hay một đêm trăng sáng, thì mới tận hưởng được cái ý vị sâu sắc, trầm lặng của con dân vùng núi Ngự sông Hương.

Sông Hương đóng vai trò quan trọng trong cấu trúc vườn tại đây. Sau bao dặm trường luôn lách giữa những cánh rừng già, trần trở chuyển mình qua bao thác ghềnh của hai nguồn Tả, Hữu Trạch Nguyên ở ngã ba Bằng Lăng (Bằng Lăng) đã tạo thành con sông Hương thơ mộng, êm đềm chảy vào giữa lòng thành phố. Dòng nước cuốn theo bao nhiêu phù sa, tạo cho Huế hai thềm đất trù phú, tốt tươi, chạy dài đến Ngã Ba Sinh, rồi oà vỡ ra đầm phá vùng duyên hải. Những vườn cây xứ Huế được nuôi dưỡng từ những lớp phù sa đó. Dọc hai bên bờ sông Hương, biết bao thôn làng với những mảnh vườn nặng trĩu trái ngọt cây lành. Đó là những khu vườn đầy mít, chè, thơm, ổi của làng Tuần, những thềm đất trắng muốt của hoa huệ, rợp đỏ hoa dâm bụt, lẩy lánh ánh vàng tươi của hoa đồng tiền ở Nguyệt Biều, Lương Quán. Nói đến Huế là nói đến nhà vườn, vốn là hai bộ phận hữu cơ gắn liền nhau. Thành phố Huế là cả một thành phố vườn rộng lớn. Tài hoa nghệ thuật sống của con người xứ Huế là sự kết hợp hài hoà trong nhà ngoài vườn, một cảnh vườn vừa thơ mộng, vừa thực tế. Mỗi ngôi nhà đâu đâu cũng ẩn hiện màu xanh. Toàn thành phố phủ màu xanh mượt. Vẻ đẹp của con sông Hương một phần là nhờ những ngôi nhà vườn nối tiếp nhau hai bên bờ.

Nhà vườn là một thuật ngữ để chỉ một điểm cư trú được tổ chức thành vườn và nhà, mà chủ nhân đã đặt hết tâm sức vào đó. Kinh thành Huế là sự tổng hợp của những khu vườn đẹp và những nhà rường đẹp. Sự gắn bó mật thiết với thiên nhiên, dựa vào thiên nhiên mà sống đã khiến cho con người nơi đây nhanh chóng thích nghi với môi trường mới. Nhà và vườn gắn bó nhau dù trong một không gian hẹp. Họ đã mở ra chiều rộng và cả chiều sâu của không gian đó. Sắp xếp sao cho ngôi vườn có hoa, có cây, có rau quả, có giàn thiên lý, có gốc hồng, gốc mai. Tuy ít, nhưng tâm thức thì gửi gắm rất nhiều.

Theo thuật phong thủy, những lối đi vào nhà không bao giờ trở thẳng vào gian giữa của ngôi nhà chính, vì đây là gian nhà thiêng liêng để thờ phượng tổ tiên. Lối đi ấy phải được chặn lại bằng bình phong cao quá đầu người, và phải rẽ qua hướng khác để vào nhà. Từ đó, mới chuyển hướng ra vườn. Thấp thoáng trong tán lá và trong hoa trái là mái nhà rường cổ kính "trơ gan cùng tuế nguyệt". Cây cỏ nơi đây đã làm tăng thêm những nét dịu dàng, quyến rũ, lôi cuốn của Huế; cây cỏ giúp cho con người Huế hoà nhập với thiên nhiên. Cây cỏ cũng đã chuyên chở tư tưởng, phong cách riêng biệt của con người Huế, gợi mở cho du khách những hứng khởi ban đầu khi đặt chân đến Huế. Đi xuôi về miệt Vỹ Dạ, Nam Phổ, Phú Khê, những mảnh vườn nơi đây như được phát sinh theo một chiều hướng khác hẳn đi. Vẫn có những dây hoa thược dược đủ màu, vẫn có những hàng cúc vàng rực lên khi chiều buông xuống, vẫn có những vườn mít, cau, đào, dứa, nhưng trong chất liệu và qua cảnh trí, vẫn còn hiện lên những nét thơ. Cau thôn Vỹ đã đi vào thi ca, vào huyền thoại và vào cuộc sống, mở đầu cho hạnh phúc lứa đôi, của "đầu câu chuyện". Đó là nét trữ tình của bức tranh quê. Hoa cau rơi trên vạt áo của cô gái thanh xuân

Nam Phổ. Hàn thi sĩ một thời về chơi thôn Vỹ đã chợt thấy hoa lá xứ Huế và cô gái Huế ẩn hiện bên nhau một cách tình tứ "Vườn ai mướt qua xanh như ngọc; Lá trúc che ngang mặt chữ điền".

Tinh thần và đạo lý đã ẩn trong kiến trúc vườn. Có nhiều vườn lại có ngôi mộ tổ tiên. Ngôi mộ trong vườn tạo ra cảm giác gần gũi, thân thương của người sống và người chết. Đây là cách thể hiện tình cảm gắn bó và sự biết ơn của những người trong gia đình đối với tiền nhân, sớm khuya hương khói. Người xưa coi chuyện sinh tử là bình thường. Có được nhân sinh quan như thế, họ thấy cuộc sống của con người càng được ung dung, thư thái hơn, kể cả chuyện sinh ly, tử biệt. Để Huế, viếng thăm những thành quách, điện đài vẫn chưa đủ, nếu chưa đến thăm những ngôi nhà vườn ở vùng Kim Long, Dã Viên, An Cựu, Chợ Cống, Đông Ba, Hương Cẩn, Liễu Hạ. Vườn chùa Huyền Không bên bờ sông Bạch Yến, vườn An Hiên của bà Lan Hữu ở Kim Long, khu vườn "trên không" của anh Nguyễn Đắc An cuối đường Phan Đăng Lưu, ngõ vào cửa Đông Ba, vườn nhà cụ Thân Thần Tôn Thất Hân ở xã Phú Thượng, vườn đá của nghệ nhân Bửu Nghiêu ở Chợ Cống, vườn cụ Nghè Đường ở Phường Đức, vườn ông Trờ Xuyên ở phường Phú Lộc... đều là những tác phẩm hoàn mỹ, thể hiện tính nhân văn của cố đô Huế.

Vườn Huế là một tổng hợp cây cảnh, mai, lan, cúc, trúc, một vài khóm tùng, một vài gốc hồng gốc bưởi... từ đó loan dần ra, để gợi nếp sống phong lưu, nhàn dật của chủ nhân. Phần lớn vườn Huế trồng hoa màu, cây lưu niên, cây ăn quả; mười gốc mít, trứng gà, chuối, đào, ổi, cam, khế, chanh, thanh trà, nhãn, vải, măng cụt, chè, dâu, me, trầu. Với nghệ thuật làm vườn, trồng cây khéo léo của họ, người dân Huế đã cống hiến cho quê hương những đặc sản ngon lành: quýt Hương Cẩn, bưởi Liễu Hạ, dâu Truồi, thanh trà Nguyệt Biều, Lương Quán, nhãn lồng Kim Long, An Hoà, vải trạng Phụng Tiên, đào tiên Thế Miếu, hột sen Tịnh Tâm, chè Tuần, chuối Mỹ Lợi, dừa Mỹ Á, măng cụt Xuân Hoà, cau Nam Phổ, trầu Chợ Dinh... đều là những cây đặc sản xứ Huế từ lâu đời. Nét đặc sản của thổ nghi Huế là các vườn chung quanh những ngôi nhà đều có thể trồng được các thứ cây của hai miền Nam bắc. Cây măng cụt, quả chôm chôm, cây sầu riêng, quả xoài từ phương Nam; cây hồng, cây táo, quả nhãn, quả vải từ phương Bắc đều được trồng và trở nên tươi tốt tại đây. Một số thực vật phương Nam hay phương Bắc đến đây thì dừng lại. Trồng măng cụt xa hơn phía Bắc thì không có quả; trồng hồng Lạng Sơn, hồng Nghệ An xa hơn phía Nam sẽ chết dần mòn.

Với những tính chất đó, vườn Huế với ngôi nhà rường bên cạnh, quả là một tiểu vũ trụ hài hoà với thiên nhiên; vườn nhà đã tô điểm thêm cho vẻ đẹp xanh tươi của kinh thành Huế, cũng đã góp phần làm cho tâm hồn người thêm thâm trầm, tao nhã, đáng đáp vốn có của Huế. Nó thể hiện toàn vẹn nếp sống phong lưu, dân dã hàng ngày của người dân Huế bình thường, với đức tính cần cù, nhẫn nại, với tình thương bao la, con người thêm nhạy cảm với hương sắc, cỏ hoa. Ngày trước, mỗi khi trong nhà có người lâm chung, nhất là những người từng bỏ công sức ra để xây dựng vườn nhà, thì gia đình thắt những vòng vải trắng trên những cây trong vườn để tang cho kẻ quá cố. Cây cũng như người "có phúc cùng hưởng, có hoạ cùng mang". Xây dựng lên một khu vườn như một thú chơi, đúng hơn là một thứ tín ngưỡng. Cây thấy trong, cây cao ngoài, có lớp lang của không gian cao tầng trông thật ngoạn mục. Họ bố cục theo khiêu thẩm mỹ cao độ. Hai bên và đằng sau nhà thì lại khác. Cây lưu niên, cây ăn trái, cây lấy gỗ làm thành hàng để nối với dãy rừng làng liên tiếp. Để có được những cảnh vườn đến như thế, chủ nhân phải đổ bao nhiêu trí tuệ và mồ hôi, với đam mê kỳ thú.

Non bộ gần bề cận cũng là một cảnh trí khác. Non bộ hay núi giả là một phần đặc sắc trong nghệ thuật phong cảnh ngôi nhà vườn Huế. Đây là một cảnh thu nhỏ bằng đá, đất và cây trồng. Phong cảnh non bộ là cả một vùng nước non, hồ suối, hang động, cầu nhà, chùa tháp, với những tượng người, tượng thú bằng sành nhỏ. Nghệ nhân có thể diễn tả lại một khung cảnh nào đó trong thiên nhiên hay trong lịch sử: cảnh đào viên kết nghĩa, cảnh Lưu Nguyễn nhập Đào nguyên, Bồng lai tiên cảnh. Trên non bộ có những cây cảnh như cây si, cây sung, tùng bách, bồ đề, dương liễu, hồng tử muội. Những cây này thường được thu nhỏ chừng vài mươi phân, sao cho cân xứng với toàn cảnh. Những cây này được uốn theo những "thế" độc đáo: thế trực, thế hoành, thế rồng bay phượng múa, thế phụ tử, thế phụ thê, thế Thanh long, Bạch hổ. Bên cạnh những hòn non bộ còn điểm xuyết những chậu cây cảnh được uốn theo các thế, rất công phu, để hoà chung nhịp điệu.

Tạo được một khu vườn nhà Huế là một công phu, với đức tính nhẫn nại khi chăm bón. Nhà văn Nguyễn Tuân đã đưa ra một nhận xét: "Có một vườn hoa là chuyện dễ dàng, nhưng đủ thì giờ mà chăm sóc đến hoamới là việc khó. Người chơi hoa nhiều khi phải lấy cái chí thành, chí tình ra mà đối đãi với cả giống hoa không bao giờ biết lên tiếng kia. Như thế mới phải đạo, cái đạo của người quân tử. Chứ còn cứ gây được một khoảnh vườn, khuân hoa cỏ ở các nơi về mà trồng, phó mặc chúng cho trời, đây chúng ta ngoài mưa nắng với thờ ơ, chúng trở bông không biết đến, chúng tàn là cũng không hay, thì chơi hoa làm gì thêm tội với chúa xuân..." (Vang bóng một thời).

Kinh thành Huế là một nhà vườn vĩ đại; cả thành phố là một công viên lớn; ở đâu cũng thấy toàn là màu xanh mát dịu của sông hồ, cỏ cây, đồi núi, vườn tược. cái tài hoa trong nghệ thuật sống của người Huế là sự kết hợp cái vườn lý tưởng và cái vườn thực tiễn ấy làm một. Nhà vườn Huế là một mô thức kiến trúc dân dụng độc đáo; kiến trúc về phong cảnh, kiến trúc vườn hoa, kiến trúc vườn cây nhỏ nhỏ. Bao bọc chung quanh nhà, phía trước và hai bên là những dãy hàng chè tàu, hàng rào dâm bụt hay bờ dâu ô rô, bờ dâu xương rồng; phía sau là hàng rào tre trúc. Tre trúc thì mọc xanh tốt dày đặc, còn hàng rào chè tàu hay bờ dâu ô rô thì cắt xén công phu, tỉ mỉ hàng ngày. Cửa ngõ trước nhà thường kết cấu đơn giản hay xây bằng gạch có mái ngói để trốn mưa nắng. Cuối lối vào thường có một bình phong nhỏ xây bằng gạch hay trồng cây ô rô. Phía sau bình phong là sân nhà, trước sân có bể cạn, hồ sen, hồ trồng hoa súng.

Nếu khu vườn của kinh thành Huế có sông Hương trước mặt, thì trong vườn nhà ở đây lại có ao trồng sen, trồng súng, thả cá; bên cạnh có ghế đá, ghế gỗ, đặt dưới gốc dừa, gốc mít. Mặt ao là tấm gương trong suốt phản chiếu hình ảnh các công trình kiến trúc và cảnh vật trong vườn. cách điểm xuyết này đã tạo những nét sinh động lạ thường. Mô thức này rất thông dụng và cũng tùy theo khả năng sáng tạo, mỗi vườn nhà lại có những điểm nổi bật. Người Huế thường dùng nhiều trí tuệ để xây dựng nhà vườn, với niềm thích thú, đầy tự hào, suốt cả cuộc đời mình. Nhà vườn hay thành phố vườn đều là cảnh quan tuyệt mỹ. Khi xây dựng kinh thành Huế vào đầu thế kỷ XIX, các nhà kiến trúc đã dùng núi Ngự Bình ở phía nam làm tấm bình phong che chắn những gì trở ngại tổn thương cho Hoàng thành. Gần đó hơn, sông Hương trở thành một mặt hồ phẳng lặng, lững lờ, để soi bóng các công trình kiến trúc nghệ thuật hai bên bờ. Thuật phong thủy gọi đó là minh đường, một bộ phận cần thiết ở mặt trước mọi kiến trúc. Trên sông lại nổi lên hai gò nhỏ: Cồn Hến và cồn Dã Viên, dùng cho thế Thanh Long và Bạch Hổ châu hai bên để bảo vệ lấy. Khu vườn có độ rộng ấy đã được quy hoạch và xây dựng với những đường nét đối xứng rõ rệt. Nhìn kỹ hơn, có những phần thừa thoáng của không gian kiến trúc, để tạo sự nhẹ nhàng, thơ thới. Từ trong kiến trúc lớn này, người Huế đã học theo để thu gọn trong không gian kiến trúc của nhà mình. Nhà và vườn Huế gắn bó khăng khít với nhau trong tâm thức của người dân từ thời khai sinh, rồi trở thành hoàn thiện trong sự trưởng thành của họ. Sự sắp xếp nhà và vườn có quy cách như thế đã tạo ra một thế giới riêng, mà chủ nhân đem hết trí sáng tạo để thiết trí theo nhân sinh và nhận thức của mình. Đó cũng là triết lý sống của họ.

Đáng nhắc nhở đầu tiên là vườn của Huyền Không, phía bắc kinh thành Huế. Khách đi thuyền ngược dòng sông Hương, lên quá chùa Thiên Mụ, rồi rẽ vào con sông Bạch Yến ở vị trí cầu Xước Dũ, rồi theo dòng nước quanh co uốn lượn quanh những bãi phù sa sẽ gặp bến Huyền Không. Lên bến, du khách sẽ tần ngần, ngạc nhiên trước một không gian kỳ lạ, huyền hoặc, trầm sắc, trầm vẻ của vườn chùa Huyền Không. Đến Huyền Không, tức là đi vào thế giới của hoa, của quả và thiền. Xứ Huế có hàng trăm ngôi chùa, chùa nào cũng có hoa, có thảm cỏ với đường nét kiến trúc cổ kính, tuy nhiên, vườn chùa Huyền Không mới có được một dáng riêng tuyệt mỹ. Vào đêm, ngôi vườn trở thành một hoạt cảnh sinh động của âm thanh, ánh sáng, huyền thoại như ở cung trời Đâu Suất. Ngôi chùa này nguyên là từ đường của tôn tộc Nguyễn Đăng cùng cùng khu vườn rộng chừng một mẫu. So với những khu vườn khác ở Huế, một mẫu đất để lập chùa quả là điều khiêm tốn. Những vị thiền sư ở đây đã biết cách thiết trí tài ba, chia từng khoảnh, khoảnh từng vùng, để đem lại sự hoà hợp giữa thiên nhiên và nghệ thuật. Chùa trở thành một tổng thể kiến trúc phong cảnh, với 5 khu vực: vườn cây ăn trái, vườn hồng, vườn cỏ Phương Thảo Địa, vườn Hứa Nhất Thiên và vườn Phương Thảo Địa. Đây là thành công của những thiền sư chùa Huyền Không. Trong vườn hồng có đến 100 giống hồng ghép với đủ thứ tên: hồng bạch, hồng nhung, hồng vàng, hồng ngọc, hồng đào... Hoa hồng vốn được coi là biểu

tượng của vẻ đẹp thiên nhiên tuyệt vời của nữ giới. Tại đây có đến trên 200 loại lan quý. Các thiền sư ở đây thường xuyên tổ chức những chuyến điên dã, trèo đèo lặn suối vào Trường Sơn để săn tìm những chồi lan quý hiếm.

Hoa lan ở đây nở khắp bốn mùa, mùa nào hoa ấy. Du khách đến đây sẽ đứng trước một rừng toàn hoa lan rồi sẽ phải ngẩn ngơ, thán phục công trình sưu tầm và chăm bón công phu đến như vậy. Đó là những loại Mặc Lan, Đại Kiều, Tứ Thời, Nhất Điểm Hồng, Bạch Ngọc, Đông Lan, Hội Điểm... vào những ngày vào đông, những chồi Địa Lan nhú mình khỏi lòng mẹ, mập mạp, đen nháy; vào xuân những chậu Đông Lan, Xuân Lan khoe màu hoa sẫm, nhụy vàng, đốm trắng, nâu hồng, phấn hương thoang thoảng. Khi hè đến, những cụm Mặc Lan cũng bắt đầu trich mầm, từ đó cho ra đời những chồi non bụ bẫm, tràn trề sức sống. Chơi lan không chỉ thưởng thức về hoa, mà còn ở lá lan nữa. Nếu hoa là dung nhan của lan, thì lá lan chính là cốt cách. Mỗi tể lan có vẻ đẹp riêng tuyệt vời của nó. Lá của lan Tứ Thời thì nhỏ mặt, cong dài vút thẳng lên cao rồi đầu nhọn khẽ nhún mình xuống. Lá của Đông Lan thì trông đầy đặn nhưng lại có vẻ mềm mại, thân lá dễ uốn cong theo chiều gió; lá của Bạch Ngọc Lan thì ngắn và nhỏ, dịu dàng, nhưng lại không ẻo lả; lá của lan Tiểu Kiều và Hội Điểm mang dáng khoẻ mạnh của lan Tứ Thời, lại thêm vẻ duyên dáng của lan Bạch Ngọc... Giữa rừng lan này các thiền sư cho dựng lên một Thi Hiên để đề thơ, vịnh cảnh. Tiếp theo vườn hồng là vườn cỏ Thanh Tâm Viên, trông như một bức tranh thủy mặc được vẽ lên bằng phóng bút tài tình.

Khác với vườn chùa Huyền Không, vườn An Hiên có sắc thái khác. Vườn này dựng trên một lô đất có diện tích khoảng 4,600 mét vuông; mặt vườn hướng về nam, trước là sông Hương. Vườn bao gồm nhiều công trình kiến trúc lớn nhỏ, chính phụ, trong một tổng thể hài hoà. Nhà vườn bao vây bốn mặt và xen kẽ là những công trình là sân trước và vườn nhà. Đây là khu vực quan trọng, chiếm diện tích lớn của An Hiên. Từ cổng vào, đi qua một con đường nhỏ; đến bình phong, con đường rẽ ra hai lối: một lối đi vào nhà thờ chính; lối kia dẫn ra vườn. Ở hướng tây, đường cũng phân hai lối như thế. Nằm dọc song song hai bên là hai bồn hoa viền lề đá, trồng Thổ Lan. Nằm gần cổng ở bồn hoa bên trái là cây ngô đồng; đối diện bồn hoa bên kia là cây cần đô; tiếp hai bên là hai cây trúc và hai cây anh đào. Từ đó trở vào là hai hàng mai trắng nằm xen kẽ với bông trang vàng, trắng, đỏ. Đứng đối trước bình phong là hai cây hải đường hoa đỏ rực rỡ; tất cả phần này hiện ra như một bức tranh nhiều màu sắc tươi vui. Bồn hoa mỗi bên còn có các trụ đèn hình tứ giác mái uốn cong nằm trên trụ tròn nhỏ tạo ánh sáng lung linh huyền ảo khi về đêm. Phân cách bồn hoa với vườn nhà là hai hàng chèo tàu, được cắt xén cẩn thận, tươm tất, tỉ mỉ, tuy cao nhưng không quá rậm làm che mắt du khách khi muốn nhìn cảnh quan chung quanh khi ra vườn. Sau bình phong là hồ nước nhỏ nuôi trồng bông súng, nằm trước sân nhà thờ chính. Lá và hoa súng nở vào ban mai, biến mặt hồ thành một màu xanh dịu dàng. Trong hồ có những loại cá mai, cá cần, cá bóng mú. Nằm bên cạnh hồ nước là chiếc ghế đá xinh xắn, phẳng lì để ngồi thưởng ngoạn sân vườn trong những đêm trăng sáng. Đặc biệt ở đây có những cây mai vàng trên 50 tuổi, những cây lê khoảng 20 tuổi, cây hồng Tiên Điền già tuổi nhất trong vườn do cụ Nghè Mai, chắt nội của nhà thơ lớn Nguyễn Du tặng cho ông Nguyễn Đình Chi. Đây là giống hồng hiếm, hàng năm ra quả vào khoảng tháng bảy, tháng tám, trái không hột, mùi thơm ngon. Ngoài ra còn có các giống sầu riêng, măng cụt, đặc sản miền Đông Nam Phần.

Nhà cụ Nghè Đường được tạo dựng vào đầu triều vua Tự Đức, ở số 164 đường Huyền Trân Công Chúa, vốn là ngôi nhà có tuổi thọ tương đối cao, hiện nay vẫn còn được bảo lưu nguyên vẹn. Từ đường Huyền Trân Công Chúa vào nhà, qua một cổng xây với hai cánh cửa gỗ thưng song, hạ bản, mở một lối đi rộng, có hai bờ chèo tàu được cắt xén phẳng phiu. Ở đó, điều đập vào mắt chúng ta trước tiên là bức bình phong xây theo kiểu cuốn thư, đứng trước một bể cạn hình chữ nhật và giới hạn giữa sân và vườn trước. Vườn ở đây là một tổ hợp cây cảnh, mai, lan, cúc, trúc, một vài khóm tùng xinh xắn; vài gốc hồng, góc bưởi; cứ thế loang dần ra mãi, gọi cho chúng ta thấy được vẻ phong lưu, thanh thản của chủ nhân. Nhìn chung, không thấy có một khoảng đất nào bỏ trống; đây là một thứ đồng bằng thu nhỏ lại, trong khuôn viên này trồng đủ các giống đậu, trông giống như những khu vườn ở ngoại vi Hà Nội.

Trong cấu trúc cảnh quan vườn, chủ nhân thường đặt cả tâm trí của mình vào. Như nhà cụ Đô chẳng hạn. Trên hòn non bộ, có hình ảnh của ba miền đất nước: chùa Một Cột ở miền Bắc, chùa

Thiên Mục ở miền Trung, Đồng Tháp Mười ở miền Nam. Nối kết ba cảnh trên là dãy Trường Sơn. Đây là hình ảnh của Tổ quốc được thu nhỏ lại một cách gọn gàng, xinh xắn. Hằng ngày, chủ nhân có dịp ngắm nghía và suy tư. Trong khung cảnh này cho thấy dường như người Huế đã cố tìm cách để chinh phục thiên nhiên.

Có nhiều ngôi nhà nếu không đủ điều kiện để lập một ngôi vườn như ý muốn, nhưng vì quá đam mê hoa lá, thì vẫn nao nức trong lòng. Họ lập cảnh vườn "trên không gian". Đó là trường hợp cách dựng vườn trên lầu hai và lầu ba của anh Nguyễn Đắc An đường Phan Đăng Lưu. Nguyên là một Huynh trưởng Gia Đình Phật Tử Gia Thiện Huế, anh An say mê cây cảnh từ tuổi trung niên. Bây giờ ở tuổi "cổ lai hi", nhưng anh vẫn nuôi dưỡng sự đam mê say đắm đó. Đây là khoảng không gian khiêm tốn, lơ lửng trên không, nhưng với óc sáng tạo của chủ nhân, đã biến thành một thứ tiểu vũ trụ được thu mình gọn gàng trong những chậu hoa, những hòn Bonsai với nhiều kiểu dáng công phu trong nghệ thuật chơi hoa của con người Huế. Đó là những gốc tùng, gốc mai; có khi chỉ là những loại cây hoang dã, tầm thường như cây sanh, cây bồ đề, cây sim, tràm, nhưng lại được săn sóc, xén tỉa công phu quá mức, đã trở thành những tuyệt tác nghệ thuật. Chủ nhân đã tạo ra những "thế" cho những Bonsai, rồi dựa vào đó lại được lồng vào những sự tích làm bối cảnh. Nhiều nhất là "thế trực" và "thế hoành". Thế trực thì gồm những loại cây mọc thẳng, vươn lên rất cao. Thế "trực" gồm có thế Phụ Tử, thế Phu Thê, thế Tam Đa, thế Ngũ Phúc. Còn "thế hoành" thì lại phát triển theo chiều ngang. Thế "hoành" ở đây thì có: Long Giáng, Long Thăng, Phụng Vũ, Lưỡng Long Triều Nguyệt. Cách tạo dáng thì dựa theo các tán lá, để có thể uốn thành những con vật: nai ngơ ngác, chim cất cánh, thỏ ngập ngừng, voi nặng nề, hổ nhor rùng... Tuy nhiên trong những thế dáng này, dù mang nhiều thế tài khác nhau, nhưng vẫn xây dựng cảnh trí hết sức hài hòa, đầy đủ. Chủ nhân bảo: Những thế loại này, dù uốn nắn đến mức độ nào thì cũng giữ vẻ tự nhiên; sao cho người ngắm xem không thấy được bàn tay của con người tham dự vào là được!

Bên cạnh những khu vườn như thế, nhà rường Huế cũng là điều đáng nói. Bên cạnh một khuôn viên được quy hoạch, ngôi nhà rường Huế ba gian hai chái hay năm gian hai chái, bằng gỗ mít, gỗ kiền kiền vàng óng, chạm trổ vô cùng tinh tế lại càng thể hiện sự khoáng đạt của tâm hồn Huế. Huế không chỉ có thành quách, lăng tẩm, chùa chiền, mà còn có những nhà rường truyền thống. Khi làm ăn khá giả, ai cũng thích xây nhà rường. Vua chúa, quan lại đều thích nhà rường. Khi rồi hoạn lộ, quan trường, ước mơ duy nhất là trở về sống ngôi nhà rường. Ông bà, tổ tiên đều thích nhà rường. Con cháu thích trở về lại ngôi nhà rường muôn thuở. Người sống thích nhà rường đã đành, ma quỷ cũng thích nhà rường. Biến chuyển của ngôi nhà rường Huế cũng có nhiều thay đổi. Từ ngôi nhà hai cột chính đến ngôi nhà có bốn cột chính để nới rộng thêm hai chiều không gian, đã là một bước tiến về kỹ thuật liên kết các bộ phận của ngôi nhà tre trước đó. Loại nhà như thế ngoài các nút bước, người ta phải dùng một số con sỏ ở những vị trí quan trọng. Từ nhà tre tiến lên nhà gỗ, nhà rọi biến thành nhà rường, là những bước đi của kiểu thức nhà Huế. Ngày nay, dù vật liệu kiến túc thay đổi, nhưng thế dựng nhà rường vẫn còn gây hứng khởi cho người trong sáu huyện tỉnh Thừa Thiên - Huế. Ai là người tạo mực thước nhà rường? Khó biết được. Chỉ hiểu rằng: đây là những nét tài hoa của những người thợ mộc gốc Bắc, di dân vào Huế, cộng thêm tâm hồn dân bản địa. Họ đã thổi vào những khúc cây, những mảnh gỗ vô tri thành nhà rường có ý nghĩa lớn. Nhà rường đi đôi với nếp sống nhàn dật, thanh thoi của người Huế. Ở đây, có những vật dụng, những con người trong lối tiêu khiển, tiêu biểu cho niềm hoài cổ, mang tính phong kiến. Ngoài trừ ngói ở mái, gạch ở nền, tất cả cấu trúc khác đều bằng gỗ: cột, kèo, xuyên, trên, đòn tay, rui mè. Cửa bàn khoa, cửa hông, vách ngăn, liên ba, thành vọng, rầm thượng, rầm hạ cũng toàn là gỗ.

Một ngôi nhà rường hoàn chỉnh phải có đủ: cổng trong, cổng ngoài, bình phong, nhà chính, tả vu, hữu vu, nhà phụ, nhà bếp. Một ngôi nhà rường đủ tiêu chuẩn phải đầy đủ "thượng chua, hạ mít"; sang trọng thì dùng "thượng kiền kiền, hạ gỗ trắc". Mít dùng để dựng nhà rường phải là loại mít cao tuổi, trồng ở những làng ven Trường Sơn thì mới đúng nghĩa. Gỗ thì mang từ Quảng Bình Quảng Trị vào hay từ thượng nguồn Ô Lâu. Đánh giá đúng nghĩa nhà rường dựa vào đó. Kiền kiền thì lấy từ Nam Đông, Bà Nà. Gỗ làm nhà rường lấy từ những cây có tên, có tuổi. Phải lấy đúng thời vụ, mới tránh sâu mọt. Ai cũng hãnh diện được ở nhà rường đúng nghĩa. Tùy theo khả năng của chủ nhân, xây nhà rường có nhiều loại: loại một căn hai chái, loại ba căn hai chái,

loại năm căn hai chái. Phổ biến nhất là ba căn hai chái. Dựng nhà rường này, phải có mặt bằng khoảng 7,5m X 11,5m là thích hợp. Dựng lên có 8 cột cái (cột hàng nhất), 16 cột lờ (cột hàng nhì), 24 cột con (cột hàng ba), 8 cột hiên (nhà võ cua) tổng cộng một ngôi nhà rường trung bình phải có 56 cột. Nhà ba căn hai chái thường có rầm thượng và rầm hạ để chứa đồ đạc. Bốn cặp cột hàng nhất (cột cái) vừa đỡ lấy kèo thượng, vừa đỡ đuôi kèo trung được liên kết nhau bởi một đoạn để đỡ rầm thượng. Ngăn giữa ba gian với hai chái là bức vách làm bằng ván có các dải ô học, chạm trổ chữ "thọ", "bát bửu", "hoa lá". Hai cửa vòm cuốn đứng giữa cột hàng nhất và cột hàng hai là hai lối vào các chái. Hai cửa hình chữ nhật đứng giữa cột hàng hai và cột hàng ba luôn luôn mở rộng, để gây ấn tượng hành lang suốt cả căn nhà. Mặt trước hai gian chái được xây gạch có trổ hai chữ "thọ" nằm trong vòng tròn. Ba gian giữa có 18 lá cửa gỗ, thượng song, hạ bản, nằm trên một gờ ngạch cao. Bên ngoài hệ thống cửa của ba gian giữa, nền nhà được hạ thấp làm thành cấphiên, với mái đưa được đỡ bởi bốn cột xây thon nhỏ. Nhờ thế, dù tầm cao nhà không cân đối, nhưng hiên hạ thấp, cột hiên thanh tú, khiến cho nhà như được nâng cao lên hẳn. Nét đặc sắc của ngôi nhà rường Huế đọng lại trong ngôi nhà này, ngoài phong cách "kèo chống" truyền thống ở Huế, mỗi đầu kèo là một đầu cù chạm trổ tinh vi, vừa có những đường vẽ kỷ hà, vừa có những nét mềm mại hình mây bay vờn. Nhất là kèo hàng ba, tuy ngắn nhưng lại có nhiều đồ án trang trí đẹp mắt. Riêng hai dải liên ba giữa hai hàng cột nhất chạy suốt ba gian là những ô học được trang trí kỹ càng. Những tác phẩm chạm khắc ấy tương phản với bộ mái, mà những đường rui thẳng đều đỡ những viên ngói liệt được nhúng vào nước vôi trước khi lợp; như thế vừa sáng sủa, vừa tạo nên không khí trang nghiêm.

Tất cả những chi tiết gỗ trong ngôi nhà rường đều được kết nối với nhau bằng các ngàm, các miệng, các nêm, các chốt. Ở nhà rường tuyệt đối không dùng đinh ốc, dùng vít, dây néo hay bất cứ một chi tiết kim loại nào. Cũng không có sự nối kết kiên cố giữa phần gỗ và phần gạch đá. Cột nhà đặt trên các chân cột bằng đá đẽo thành hình khối vuông hay hình trái bít để chống ẩm. Mái nhà rường thường lợp bằng ngói liệt; vùng nông thôn thì lợp bằng tranh. Móng nhà rường thì xây bằng đá học, đá chè. Nền thường bằng đất nện, trán xi măng hay lát gạch đỏ. Dù kiến trúc kiểu nào đi nữa, thì các chi tiết cũng dùng đến nghệ thuật tạo hình bằng chạm, khắc, khảm trên các đầu kèo, đầu xuyên trên, các dây liên ba, thành vọng. Phải chăng chỉ có lối kiến trúc nhà rường cổ kính với những bộ vì kèo chạm trổ công phu, những bờ nóc, bờ quyết chấp những đồ án rồng bay, phượng múa là mô hình thích hợp nhất. Bên trong nhà rường, những đồ gỗ như sập gụ, tủ chè, tràng kỷ, tủ thờ, khám thờ, những khung tranh thờ, hoành phi, câu đối... thiết trí trong nội thất mà tự thân của mỗi yếu tố đều được bộ sung, hài hoà với nhau. Đây là sản phẩm của trí tuệ, là những tác phẩm mỹ thuật về kiến trúc độc đáo của miền Trung, được những thế hệ trước giữ gìn lại. Trong các điêu khắc, các hình tượng long, lân, quy, phụng, tứ thời, bát tiết, thập nhị hiên, các loại hoa văn được chạm khắc trên nhiều vật thể, nhiều đồ dùng trong ngôi nhà rường là những khái niệm bao quát tư tưởng, triết lý, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật chi phối mọi hoạt động, mọi tư duy, cũng như khát vọng của mọi thành viên trong ngôi nhà này. Người Huế thường xây nhà rường ở cái tuổi "tri thiên mệnh". Họ ít xây nhà rường vào tuổi trung niên. Có lẽ người cao niên thích những việc xây tổ ấm theo tư duy của mình hơn. Nhưng hiện nay, với thời gian, với những vật liệu kiến trúc mới, thì nhà rường đã biến chất hay không còn giữ lại nữa. Nhà rường có nguy cơ suy thoái nhiều hay mất hẳn, nhường chỗ cho loại nhà bê tông, cốt sắt.

Những người chủ đích thực của ngôi nhà rường hầu hết đều về châu tổ tiên. Ở khu vực thừa tự, ông ta không còn là nhân vật số 1 như khi còn tại thế. Những người con kế nghiệp đã không thể giữ nổi ngôi nhà rường đã hư hỏng. Hầu hết nhà rường Huế đã cũ kỹ, mục nát, xiêu vẹo. Tràng kỷ, sập gụ, tủ chè, ngựa gỗ, những đồ cổ lưu truyền từ đời nọ sang đời kia đã bị tẩu tán gần hết. Vườn tược thì tiêu điều, nhà cửa cất bừa bãi, giành dân chiếm đất ngổn ngang, con cái tứ tán khắp nơi, tha phương cầu thực. Nhà rường trở nên hoang phế, thê lương. Tất cả chỉ còn là hoài niệm. Như thành quách Huế.

KIỂM THÊM

THẦN NÔNG VÀ TỔ TIÊN VIỆT

MAI THỤC

Trong ký ức mỗi người Việt Nam, ai mà chẳng có những đêm mịn như nhung, ngửa cổ lên bầu trời nhìn Sao Thần Nông lấp lánh cạnh dải Ngân Hà. Trời đầy sao và Thần Nông nâng hồn ta bay vào vũ trụ. Ông bà ta thời cổ lỗ đã biết nhìn Sao Thần Nông để tính ngày trồng cấy lúa trên ruộng nước.

Các nhà nghiên cứu Tiền sử khẳng định từ cổ xưa tộc Việt có một Thiên sư nghề nông tìm ra cây lúa nước gọi là “cây lúa Thần” nuôi sống dân Việt. Cây lúa Thần được người Việt trồng cấy ra hạt thóc, sát vỏ trấu thành hạt gạo nuôi sự sống con người gọi là Hạt Ngọc. Con cháu đời đời tôn cụ Thần Nông là Tổ Thần Nông. Tưởng tượng cụ như một chòm sao lấp lánh trên bầu trời dẫn dắt mình trồng lúa.

Hằng năm. Vào trung tuần mùa hạ. Nhìn lên bầu trời phương Nam, thấy những vì sao chi chít trên dải sông Ngân Hà, xếp theo hai hàng dọc, trông giống hình cụ Thần Nông. Đầu cụ đội mũ cánh chuồn, khom lưng nhìn xuống hạ giới, từ bờ biển phương Nam, qua dải Ngân Hà nhìn về phương Bắc. Lúc đó, toàn dân Việt xuống đồng, cấy vụ gặt chính.

Bộ sưu tập khảo cứu **Nguồn gốc dân tộc Việt và nền Văn minh Việt** của nhiều tác giả, nghiên cứu đa ngành: Lịch sử, Tâm linh, Khảo cổ... đã chứng minh **Sự tồn tại thực tế Liệt vị Tổ tiên người Việt thời kỳ Thần Nông- Hồng Bàng- Văn Lang trên lãnh thổ Việt Nam.**

Thời kỳ Thần Nông

Đế Hòa (Đế là tôn hiệu các vị Tiên tổ Việt tộc) còn gọi là Hòa Hy, Hy Hòa, Hy Thúc đến sinh tụ miền đất này từ núi Ba Vì trải dài trên cả vùng rừng núi rộng bao la về phía Lương Sơn, Thạch Thất, Quốc Oai (Hà nội ngày nay). Nơi tụ cư ban đầu của các chủ trưởng người Việt cổ là khu vực Văn Lôi (Thạch Thất). Nơi đây Tổ Đế Hòa lấy đồi núi Tây Phương, Cực Lạc làm kinh đô.

Cạnh chùa Tây Phương, có chùa Cực Lạc thuộc thôn Yên Lạc- Thạch Thất. Theo các nhà phong thủy học và cảm xạ học thì đây là nơi tụ khí thiêng của đất nước. Cao Biền gọi là núi Câu Lâu, đã làm miếu yểm và ghi sách tấu vua Trung Quốc.

Niên đại năm sinh của Đế Hòa chưa rõ, cổ phả ghi “Đã có văn tự, biên chế lục thủ, thuyền xe cung thất, luyện vàng, nặn đất, làm đồng, chia ruộng, trồng dâu nuôi tằm, dân cư an khang thịnh vượng”.

Đế Hòa là nhà Thiên văn theo thuyết Âm Dương. Cụ là người đầu tiên sáng lập ra lịch Âm có tháng nhuận, một loại lịch có độ chính xác cao hơn các loại lịch Âm thời đó, còn giá trị đến nay.

Phục Hy còn gọi là **Đế Viêm, Đế Thiên**. Dân gọi là vua Cả hiệu là **Đế Thiên Phục Hy** con của Đế Hòa.

Phục Hy đã phát triển thuyết phong thủy Âm Dương, Kinh dịch do cha Đế Hòa sáng lập, gọi là **Kinh Dịch Phục Hy**.

Khi các cụ nghiên cứu ra thuyết trên, trong các bộ tộc Việt, đời sống đã được ổn định, phát triển nền Văn minh lúa nước, sự sống của người Việt được bảo đảm, phát triển phồn thịnh. Các bộ tộc thần phục và tôn kính thủ lĩnh, nhà nước bắt đầu manh nha.

Cụ Phục Hy được tôn làm Chủ trưởng (Vua Cả) định đô, lập nước lấy tên là Cực Lạc (thôn Yên Sơn, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây nay là Hà Nội). Di vật trong lòng đất chùa Cực Lạc cổ phát hiện mặt tượng người Việt cổ bằng đất nung, trán cao, khuôn mặt vuông, mũi tẹt, phong độ bản lĩnh, tươi sáng. Đền Nam Giao trước chùa Cực Lạc đang xây dựng lại. Cây đa và hang đá gần với mộ cổ ở chùa Cực Lạc là di tích Địa Mẫu (huyền thoại Bà Nữ Oa đội đá vá trời). Tượng thờ Đế Thiên Phục Hy trong hang đá dưới gốc đa chùa Cực Lạc.

Cụ Phục Hy theo đạo Sa môn giáo, được tôn đạo hiệu là **Vô Thượng Hư Không** giáo chủ Đế Thiên Phục Hy.

Nơi thờ cụ ở miếu Hy Sơn, giỗ cụ ngày 1 tháng Tư âm lịch. Hiện nay miếu không còn tên cũ, đã xây lại, đặt tên mới Miếu Thiên Cổ ở phía phải sân trước đình đền chùa Tây Phương.

Chùa trong khu Hang động lớn Hoàng Xá- Quốc Oai- Sơn Tây có khu điện thờ Đế Viêm và các Anh linh của Viêm Bang.

Tượng Đế Viêm- Phục Hy trong Hoàng Kim Tự (Chùa Vàng) tại Quốc Oai.

Năm cụ Phục Hy 79 tuổi, có nạn Hồng Thủy. Khảo cổ học khẳng định, lúc này là cuối thời kỳ biển tiến. Nước lùi dần. Nước biển ở nước ta dâng cao bốn mét vào năm 3900 TCN. Ba mét vào năm 2950 và hai mét vào năm 2350 TCN. Người quản gia trẻ là Hiên Viên dấy binh làm phản, giết cụ Phục Hy, giết cả mười bốn người phụ tá, thu tài liệu nghiên cứu Thuyết phong thủy, Kinh Dịch Phục Hy và chiếm tài sản.

Nhận thức của Trung Quốc và nhiều người Việt Nam về Phục Hy

Đến nay, trong các tài liệu của Trung Quốc và ngay ở Việt Nam người ta vẫn cho rằng Phục Hy là nhân vật huyền thoại Trung Quốc cổ đại. Bách khoa toàn thư (Wikipedia) gần đây vẫn viết về Phục Hy như sau:

Phục Hy theo tài liệu Trung Quốc, khoảng 2800 trước CN, là người đầu tiên trong ba vị vua huyền thoại của Trung Quốc cổ. Ông là nhân vật văn hóa được cho là người phát minh ra chữ viết, nghề đánh bắt cá và bắn thú.

Kinh Dịch Phục Hy được cho là đã phát hiện cấu trúc Bát Quái từ các dấu trên lưng một con rùa...

Hiện nay các nhà nghiên cứu Kinh Dịch đã thấu thị Đất Trời Tổ Tiên Việt tộc, khẳng định **Kinh Dịch Phục Hy** của người Việt phát minh, bị Trung Quốc cổ lấy cắp mang về biến tấu thành bói toán rất siêu.

Nhà nghiên cứu Bùi Văn Nguyên viết:

“Kinh Dịch Phục Hy cuốn triết học kỳ diệu chưa từng thấy xưa nay”.

Cái tên Kinh Dịch hoặc Hy Dịch là do người đời sau đặt. Lúc đầu cụ Phục Hy dùng thanh tre, thanh nứa để ghép các quẻ đơn từ Khôn, quay vòng đến Kiền. theo hai hướng. Hướng thứ nhất bên phải của Khôn ngược kim đồng hồ. Qua các quẻ Cấn, Khảm, Tốn, Sát quẻ Kiền thì ngừng, nhảy vọt, sát quẻ Khôn từ bên trái, theo hướng thứ hai xuôi kim đồng hồ qua các quẻ Chấn, Ly, Đoài đến Kiền, đúng một vòng gọi là tám quẻ đơn. Mỗi quẻ có ba hào, theo hào âm, một vạch

đứt, một vạch liền... Sau này nhà Chu sửa chữa **Kinh Dịch Phục Hy** làm đảo điên “râu ông nọ cắm cằm bà kia” từ tám quẻ bình thường thành tám quẻ quái quỷ.

Tổ tiên ta tự coi loài người là trung tâm vũ trụ, lấy mặt trời, mặt trăng, và trái đất làm chính xoay quanh mình. Đó là vũ trụ lớn mênh mông, trong đó có vũ trụ hẹp nơi mình ở. Vũ trụ mà **Kinh Dịch Phục Hy** và các bậc trí giả Việt cổ, từng quan sát bầu trời, mặt đất để quy ra tám quẻ đơn. Đó là địa bàn cư trú của Việt tộc, từ dưới chân dãy Hy Mã Lạp Sơn ra Biển Đông của Thái Bình Dương, theo sông Dương Tử dài nhất thế giới, tính từ phía Nam Dương Tử”.

Thế kỷ XV. Nguyễn Trãi gởi đầu giường Kinh Dịch Phục Hy: “*Song (cửa sổ) hoa mai điểm quyền Hy Kinh*”.

Nhiều học giả khẳng định **Kinh Dịch- Di sản sáng tạo của người Việt cổ**.

Nhiều học giả đã vạch những biến báo của người Tàu về Kinh Dịch Phục Hy mà chúng tôi không đủ sức nêu ra trong bài viết này.

Thần Nông- Đế Thần- Con trai Phục Hy

Thần Nông còn tên là Đế Khôi được dân suy tôn là Đế Thần. Thiếu thời Thần Nông được cha đẻ là Phục Hy dạy dỗ. Phục Hy mất. Thần Nông còn nhỏ, giúp việc hai vị phụ tá của cha là Lão Long Cát- Toại Nhân và Hữu Sào. Đế Khôi khôn lớn, trở về làng Sở, mời hội đồng các vua núi (Sơn Quân) đem quân đánh đuổi gian nô Hiên Viên, thừa kế sự nghiệp Tổ tiên, lên ngôi vua sáng, thi hành chính nhân, dân chúng kính yêu. Đất đai từ vùng Tây Phương trở xuống, lấy ngọn Phương Lĩnh, Trầm Đỉnh làm chính. Sau đến núi Linh Sơn, Tiên Lữ cùng dãy với ngọn Phong Châu làm thành một dải Viêm Đế. Đem đất chia cho dân nghèo.

Thần Nông tiếp tục sự nghiệp của cha (Đế Thiên- Phục Hy) phát triển trồng lúa nước, chọn cây thuốc, chăn nuôi, trồng dâu nuôi tằm, dệt lụa the, đào giếng nước sạch. Hiện nay vùng làng Sở thuộc Tiên Lữ, Tiên Phương, huyện Quốc Oai và Chương Mỹ- Hà Nội hiện nay, vẫn còn một số giếng nước cổ, truyền lại từ thời Thần Nông.

Thần Nông bổ sung phát triển **Kinh Dịch Phục Hy** làm rõ quan niệm về Âm Dương. Cải cách chữ viết theo hình thất gút kiêu con nòng nọc (chữ Khoa đầu). Phát triển lịch phục vụ nghề nông được Phục Hy sáng lập. Trồng rộng rãi các loại cây làm thuốc. Trước đây nước ta đã lưu truyền cuốn sách **Thần Nông Bản Thảo** sau bị giặc Tàu tiêu hủy.

Thần Nông mất, giỗ vào ngày Mồng một tháng sáu cũng là ngày dân ta coi là ngày lễ Thượng Điền vua quan, dân đều “xuống ruộng cấy lúa”. Một ngày lễ quan trọng của vụ mùa (xưa là vụ chính trong năm). Cũng có nơi giỗ Thần Nông vào vào Mồng Mười tháng Mười lễ mừng cơm mới sau thu hoạch vụ mùa.

Thần Nông được an táng tại khu vực núi Vô Vi, chùa Thổ Ngõa, phía trước cửa động của núi Trầm thuộc đất Sở Khê, Tiên Lữ, Phương Châu, thuộc Chương Mỹ- Hà Nội ngày nay, mộ vẫn còn.

Chứng tích Thần Nông ở Việt Nam

Chứng tích khảo cổ, phả cổ xác định Thần Nông là Tổ tiên năm đời của Lạc Long Quân. Thần Nông là người thật, Tổ tiên của người Việt.

Thần Nông là người đầu tiên đã dạy dân Việt nghề làm ruộng, chế ra cày, bừa. Thần Nông là người đầu tiên đặt ra Lễ Tịch Điền hằng năm. Lễ Thượng Điền tổ chức sau gặt hái. Hạ Điền tổ chức trước vụ gieo trồng.

Hằng năm dân Việt có tục tế lễ rước vua Thần Nông tại triều đình và các đền miếu làng, cầu được mùa, nghề nông phát đạt.

Trên các quyển lịch cổ hằng năm, người ta thường vẽ một mục đồng dắt một con trâu. Mục đồng biến ảo thần thánh, tức là vua Thần Nông, con trâu tượng trưng cho nghề nông.

Hình mục đồng và con trâu thay đổi hằng năm tùy theo sự ước đoán của Khâm thiên giám về mùa màng năm đó tốt hay xấu.

Năm nào được coi là được mùa, Thần Nông có giày dép chỉnh tề. Năm nào mùa thu hoạch thấp kém, Thần Nông có vẻ như vội vàng, hấp tấp, nên chỉ đi giày một chân. Con trâu được đổi màu theo hành của một năm, nó có thể có màu của một trong năm màu vàng, đen, trắng, xanh, đỏ đúng với năm hành Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

Nghi thức tế lễ Thần Nông thời nhà Nguyễn

Lễ tế Thần Nông hằng năm thời Nguyễn cử hành vào ngày Lập Xuân còn gọi là lễ Tế Xuân. Theo chỉ dụ của vua Minh Mạng, sau tiết Đông chí, Khâm thiên giám lo sửa soạn tế lễ Thần Nông. Các quan cùng nhau họp để nặn trâu và tượng Thần Nông.

Hai ngày trước ngày Lập Xuân, tại gần cửa Đông Ba (ngày nay là cửa chính Đông) các quan cho lập một cái Đài. Trâu và tượng Thần Nông được đưa tới lưu tại Phủ Thừa Thiên, để ngày hôm sau rước tới Đài. Khi đám rước đi qua cung vua, viên thái giám vào tâu để vua biết. Một viên quan đánh vào mõng trâu có ý thôi thúc trâu phải làm việc. Tế lễ Thần Nông xong, tượng trâu và Thần Nông được mang chôn.

Tại các tỉnh, các quan tỉnh cũng làm theo nghi lễ như vậy.

Các dân tộc ở Việt Nam đều tế lễ Thần Nông theo cách riêng của họ.

Tại sao người Trung Quốc ngộ nhận Thần Nông là một trong những ông vua thần thoại của họ?

Một số nhà nghiên cứu hiện nay, dựa trên các dữ liệu về sử học, thần thoại học, ngôn ngữ học đã khẳng định Thần Nông là một vị thần có nguồn gốc từ phương Nam. Từ phía Nam sông Dương Tử trở xuống, đó là vùng cư trú của cư dân Bách Việt. Thần Nông được coi là ông Tổ của Bách Việt. Sau đó, các bộ tộc Bách Việt bị mất dần đất đai khu vực sông Dương Tử, người Trung Hoa thôn tính, sáp nhập chuyển Tinh hoa văn hóa Việt cổ thành của họ. Do ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc khá mạnh, người Việt cũng lầm tưởng Phục Hy, Thần Nông, Bà Nữ Oa... Kinh Dịch, thuyết Âm Dương Ngũ Hành... do người Trung Quốc sáng tạo, chúng ta chỉ học theo họ.

Các dữ liệu khẳng định Thần Nông là ông Tổ của Bách Việt nay đã rõ ràng.

Thần Nông tức là vị Thần Nông nghiệp. Vị Thần này thường được hình dung cưỡi trâu để đi lại. Vị Thần này gần gũi thân thương với đồng lúa nước, văn hóa lúa nước của người Việt. Con trâu gắn với người Việt cày trên ruộng lúa nước từ khai thiên lập địa. Trung Quốc không có văn minh lúa nước.

Thần Nông còn có tên gọi khác là Viêm Đế (vua xứ nóng, vua phương Nam). Thần Nông được coi là vị Thần cai quản phương Nam (vùng đất Bách Việt).

Ngày nay, khoa học khảo cổ và Tâm linh Việt Nam đã tìm được chứng tích Thần Nông là Nhân Thần, là một trong những liệt Tổ tài năng, có công lớn dạy dân Việt cổ trồng lúa nước, được tôn thành Thần Nông. Tên gọi Thần Nông thân thương gắn với nghề nông nghiệp Việt Nam. Đã phát hiện khu di tích, mộ của liệt Tổ Thần Nông và gia quyến Thần Nông tại huyện Chương Mỹ- Hà Nội ngày nay.

Tại chùa Trầm huyện Chương Mỹ có tượng thờ Đế Thần tức vua Thần Nông. Điện thờ chính trong hang chùa Trầm có tượng Đế Thần, bệ thờ, bát hương bằng đá.

Ở phía Nam chùa Cực Lạc có điện thờ vua Thần Nông.

Hai con trai của Thần Nông là Đế Tiết và Đế Thừa.

Đế Tiết còn gọi là Đế Tiết Vương con cả của Thần Nông dân gian gọi là Đức Thánh Cả.

Đế Thừa còn gọi là Sở Minh Công (Đế Quý Công) con thứ của Thần Nông, thay Đế Tiết nối dõi Thần Nông. Dân gian gọi cụ là Đức Thánh Hai (Đức Thánh đệ nhị). Cụ đã thu phục được bảy mươi hai bộ lạc, sáp nhập thành chín bộ lạc gọi là Cửu Long Chân Chính. Tòa Thượng Cửu Long ở các chùa Việt Nam là biểu tượng thờ chín ông Tổ của dòng người Việt. Đế Thừa lập nước lấy tên là Xích Quỷ.

Xã Quang Lâm- Thanh Oai- Hà Nội có các khu mộ và nơi thờ Đức Thánh Cả, Đức Thánh Hai.

Ba con trai của Đế Thừa là Nguyễn Minh Khiết- Đế Minh, Nguyễn Nghi Nhân- Đế Nghi và Nguyễn Long Cảnh.

Nguyễn Nghi Nhân- Đế Nghi (con thứ) được cha Đế Thừa giao làm chủ Ô Châu, sinh ra dòng Sở Hùng Thông, cụ mất tại nước Sở. Đế Nghi làm vua phương Bắc sinh ra Đế Lai.

Cụ Nguyễn Minh Khiết- Đế Minh là Thái Khương Công- Nguyễn Minh Khiết (con cả) bài vị thờ ở chùa Kim Liên- Hồ Tây, thay cha đứng đầu nước Xích Quỷ, dời nơi cụ Tổ Phục Hy (vùng làng Sở- Thạch Thất) về Khương Thượng- Hà Nội ngày nay. Cụ kết hôn cùng công chúa Đoan Trang (Đỗ Quý Thị). Tục truyền Đỗ Quý Thị là con gái cụ Long Đỗ (Thần Long Đỗ thờ tại Đền Bạch Mã- Hà Nội). Cụ Đỗ Quý Thị tu đạo Sa bà đạo hiệu Hương Vân Cái Bồ Tát, là đạo Mẫu đầu tiên của con cháu đất Việt.

Theo **Họ Đỗ Việt Nam** hai cụ Đế Minh và Đỗ Quý Thị sinh ra Lộc Tục- Kinh Dương Vương, được tôn xưng là Vua Cha Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Lộc Tục lớn khỏe, văn võ song toàn, xin cha Đế Minh đi đánh Giặc Ma. Lộc Tục lên thuyền ra trận trên sông Trường Giang đổ về sông Dương Tử, chiến thắng trở về, Đế Minh truyền ngôi cho Lộc Tục. Phong Lộc Tục làm vua cai quản nước Xích Quỷ đất phương Nam từ bờ Nam sông Dương Tử trở xuống vùng biển Đông.

Nước Xích Quỷ được xác định phía Bắc giáp Hồ Động Đình. Phía Đông giáp Biển Đông. Phía Tây giáp đất Ba Thục. Phía Nam giáp đất Hồ Tôn (Chiêm Thành).

Kinh Dương Vương làm vua nước Xích Quỷ vào năm 2879 TCN, lập kinh đô nước Xích Quỷ tại vùng núi Ngàn Hồng, huyện Can Lộc- Nghệ Tĩnh, gọi là Kinh Đô Nghĩa Lĩnh. Dưới chân dãy Ngàn Hồng, vợ Lộc Tục sinh con trai tuần tú đặt tên là Sùng Lãm.

Lớn lên Sùng Lãm được cha Kinh Dương Vương phong Hoàng Thái Tử, sau truyền ngôi kế vị phong là Lạc Long Quân.

Kinh Dương Vương cùng dân Việt nước Xích Quỷ khai hoang mở nước. Sau đó Kinh Dương Vương chuyển kinh đô về đất Phong Châu vùng núi Nghĩa Lĩnh- Phú Thọ. Cây lúa Thần của Tổ Thần Nông được gieo cấy khắp các vùng đất Xích Quỷ, ôm trọn biển Đông.

Lạc Long Quân lấy Âu Cơ là cháu của Nguyễn Nghi Nhân con của Nguyễn Như Lai- Đế Lai ở Ô Châu. Sau này gia đình Lạc Long Quân- Âu Cơ được kể thành huyền thoại bọc trăm trứng. Lạc Long Quân phong người con trưởng thay mình, đổi tên nước Xích Quỷ thành Văn Lang xưng là Hùng Vương sinh ra mười tám đời Hùng Vương. Và Thời đại Hùng Vương đã trở nên rất gần gũi với người Việt Nam về Tổ tiên của mình.

Đại Việt sử ký toàn thư Ngô Sĩ Liên ghi Kinh Dương Vương là con cháu Thần Nông. Vua là bậc thánh trí thông minh, cai trị phương Nam gọi là nước Xích Quỷ.

Người Việt là con cháu Thần Nông

Không còn nghi ngờ gì nữa. Ngày nay chúng ta đã tìm được hồn thiêng dấu tích của Tổ tiên Việt tộc với nền Văn minh lúa nước rực rỡ của thời kỳ Thần Nông.

Thần Nông là con người thật được tôn làm Thần. Thần Nông sinh ra trong dòng máu Văn minh Việt cổ, nối dõi Tổ tiên mình, sáng tạo và phát triển **Kinh Dịch Phục Hy**, Thuyết Âm Dương Ngũ Hành, Thuần dưỡng cây lúa nước sáng tạo nghề nông nghiệp lúa nước, nuôi sống đời đời con cháu.

Cháu bốn đời của Thần Nông, con cụ Tổ Nguyễn Minh Khiết là **Lộc Tục- Kinh Dương Vương** đã lập nước **Xích Quỷ** của Việt tộc khoảng năm nghìn năm nay, với biên giới rộng dài từ Nam sông Dương Tử xuống ôm lấy biển Đông là chuyện ghi trong sử sách, không thể cãi bần.

Mẹ Việt Nam đã sáng tạo Đạo Việt với Pháp danh **Hương Vân Cái Bồ Tát** khoảng năm nghìn năm nay vẫn truyền linh thiêng huyền diệu cho con cháu.

Kẻ thù Bắc phương xâm lược lấy cắp và hủy diệt kho tàng Văn minh lúa nước vô giá, linh thiêng buổi bình minh của lịch sử. Chúng đã cướp mang về nước những sách quý, những tài sản trí tuệ của ông cha để lại. Chúng triệt phá “Đào tận gốc, trốc tận rễ” Tinh hoa trí tuệ của dân tộc Việt nhằm đồng hóa để dễ cai trị. Chúng tìm cách lung sục, vơ vét các di sản trong dân gian. Chúng đánh tráo, bôi nhọ, xuyên tạc, cố làm cho người Việt quên Tổ tiên của mình.

Thiếu tướng Nguyễn Thanh Tuấn Cục Tuyên huấn Quân đội Nhân Dân Việt Nam (PhoBolsaTV.com) nói Lịch sử bốn nghìn năm, tính từ Nhà nước Văn Lang đến nay, dân Việt phải hứng chịu mười sáu cuộc chiến tranh giữ nước, trong đó mười bốn cuộc chống Trung Quốc.

Mười bốn cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, chúng đều thua thảm hại. Nhưng đau đớn cho dân Việt là chúng đã thu mang về nước quá nhiều di sản Tinh hoa Việt. Nhà Chu, nhà Tần đã đốt sách của dân Việt không tiếc tay, ăn cắp di sản trí tuệ của Việt tộc biến thành của mình. Hơn một nghìn năm Bắc thuộc (1038 năm) chúng đã cướp sạch di sản Văn hóa mang về nước, hoặc bắt dân ta thu nộp để chúng đốt. Năm 1406 bọn xâm lược nhà Minh bắt cha con Hồ Quý Ly cùng các tướng lĩnh triều Hồ, thu hết sách quý, triệt phá những di sản Văn hóa vật thể và phi vật thể của dân tộc ta. Năm 1418, nhà Minh lại một lần nữa sai một số nhà Hán học sang nước ta chuyên trách việc truy lùng, tìm kiếm, vơ vét, tịch thu mọi sách quý của các Hiền nhân Đại Việt cùng các di sản Văn hóa khác, nhất là phả cổ, thư tịch cổ cất giấu trong dân gian, khiến dân ta phải tìm mọi cách giấu kín trong các đình, đền, miếu, mộ cổ, chôn trong lòng đất (không còn nhiều để giấu) hoặc tự hủy, không chịu để rơi vào tay giặc. Những trí thức tài năng đã biến phần lớn những di sản, dấu tích của các vị Tiên liệt Việt tộc thành Thần phả, huyền tích, huyền thoại để thờ cúng các Anh linh và truyền thông điệp của Tổ tiên cho con cháu muôn đời. Nhiều tài liệu quý, phả cổ, được biên soạn lại vào thời Hậu Lê, ngay khi Nguyễn Trãi cùng Lê Lợi và Dân ta đuổi giặc Minh rút về nước.

Điều này giải thích vì sao các huyền thoại, huyền tích Việt Nam đều là chuyện thật, còn dấu tích của người thật. Và các Vị Thần Việt Nam, các Vị Thần Thăng Long đều là Nhân Thần, khác với các nhân vật Thần thoại do tưởng tượng của con người của các dân tộc khác trên thế giới.

Dân ta coi đó là di chúc của Tổ tiên, là tài sản quý còn lại mà chúng ta cần dày công sưu tập, bảo tồn, giữ gìn, phát triển, ứng dụng trong đời sống hiện đại.

Tâm linh Việt đời đời bất diệt. Cao Biền đã yểm triệt nhiều nơi trên đất cổ của Tổ tiên Thần Nông vùng Câu Lâu (Tây Phương, chùa Cực Lạc, chùa Trầm, chùa Thầy...) để triệt Tâm linh Tổ tiên Thần Nông, phải nhục nhã ôm đầu mà kêu “**Vượng khí nước Nam không đời nào hết được**” mà chuồn về Trung Quốc.

Thế kỷ XXI. Tâm linh Tổ tiên Thần Nông rực rỡ hào quang trở về cùng con cháu Thần Nông. Chúng ta sử dụng những phương pháp nghiên cứu đa ngành theo Tâm linh và Khoa học hiện

đại, để tiếp nhận di sản tri thức của Tổ tiên qua khảo cổ, cảm xạ học, ghi chép, xác định địa danh di tích, nghiên cứu đình, chùa, miếu, mồ mả, thành quách cổ, những phả cổ, thuần phong, mỹ tục, huyền thoại, huyền tích, cổ tích, truyện dân gian, các dòng tộc, làng xã...

Những công trình khám phá mới trong vài ba chục năm gần đây của những tác giả người Việt trong, ngoài nước và các học giả phương Tây (Pháp, Mỹ, Trung Quốc...) đã nghiên cứu chuyên đề, tập trung vào các chuyên đề sâu.

Chuyên đề Kinh Dịch Phục Hy

Khẳng định Phục Hy là Tổ tiên Bách Việt. Phục Hy là con người thật, còn di tích, có địa chỉ cụ thể và sử sách cũ của tiền bối ghi lại.

Kinh Dịch Phục Hy (Hy Dịch) là sáng tạo của người Việt do Tổ Phục Hy khai sáng. Là kết tinh trí tuệ siêu việt thể hiện vũ trụ quan, thế giới quan và nhân sinh quan của người Việt. Những mật mã, nguyên lý, những tiên tri về nhiều lĩnh vực mà khoa học hiện đại đến nay mới phát hiện ra hoặc còn tiếp tục tìm hiểu sự sáng tạo khoa học của nó ứng dụng vào thực tế khoa học hiện đại và đời sống xã hội.

Chuyên đề Trống Đồng

Từ những năm 20 thế kỷ XX đã xác định rõ người Bách Việt, vùng lãnh thổ Bách Việt là nơi sản sinh ra Trống Đồng. Nhiều học giả đi sâu khám phá mới về những kết tinh trí tuệ ở Trống Đồng Việt cổ đặc biệt là ý nghĩa hoa văn trên Trống Đồng cổ ẩn giấu những tiềm tàng những thông tin khoa học, triết lý về vũ trụ, về con người, ẩn giấu những mật mã về nguyên lý khoa học, những điều tiên tri của Tổ tiên (đã tìm thấy ở Kinh dịch Phục Hy) gửi lại cho đời sau.

Chuyên đề Văn minh Nông nghiệp lúa nước

Xác định Thần Nông là thế hệ kế tiếp Phục Hy, người Bách Việt, sống ở đất Việt. Nền Văn minh lúa nước Việt Nam được coi là Trung Tâm lúa nước đầu tiên của loài người. Nền Văn minh đó khởi thủy từ Phục Hy, con trai Phục Hy là Thần Nông mở mang phát triển trong Thời kỳ Thần Nông. Đặc biệt thời Thần Nông, người Việt cổ đã phát triển vận chuyển trên sông, nước, bờ biển là cái nôi thủy sinh Việt tộc.

Chuyên đề về Chữ viết của người Việt cổ

Khẳng định người Việt cổ có chữ viết và giải mã hệ thống chữ Việt cổ.

Những khám phá mới này khẳng định rõ dân tộc Việt Nam có dòng máu Việt tử cổ xưa, nguyên thủy, không bị hoàn toàn đồng hóa bởi Trung Quốc. Bác bỏ xuyên tạc, ngụy nhận dân Việt có Tổ tiên là người Hán.

Khẳng định Tổ tiên Việt tộc đã từng sáng tạo nên một nền Văn minh kỳ diệu, không phải dân tộc nào cũng có được. Song nền Văn minh đó đã bị đánh cắp, bị lãng quên. Nay chúng ta cùng các thế hệ con cháu ngẩng cao đầu đón nhận vàng hào quang của Tổ tiên để xây dựng và bảo vệ Đất Nước Việt Nam Rồng Tiên trường tồn.

Hồ Gươm Thu 2011- 2013

MAI THỤC

CÂY TRONG VĂN CHƯƠNG

TUỆ CHƯƠNG
HOÀNG LONG HẢI

Trong bài Hoa Phượng tôi có nói rằng “cây bàng gỗ cứng, chịu đựng được sức nặng, lại có tán rộng, che nắng cho người. Có phải đó là tính chất của các võ tướng.” vì vậy mà người xưa trồng bàng ở Võ Thánh.

Nói như thế có “cương” quá chăng, chưa nói là cương ầu?

Thật sự, tôi không cương bậy. Tiếc là tôi chưa tìm ra được câu thơ nào, bài văn nào nói về cây bàng phù hợp với ý tưởng tôi trình bày ở trên.

Khác với vùng Đông Bắc Mỹ là nơi tôi đang cư ngụ, về mùa thu lá cây vùng này thay màu rất đẹp. Ở Việt Nam, miền trung cũng như miền nam, tôi chưa từng thấy cảnh lá cây thay màu nhiều và rõ, ngoại trừ một vài cây như sấu đông thì chẳng còn chiếc lá nào khi đông đã tới - nên người ta mới gọi nó là sấu đông - Cây bàng tuy không rụng hết lá nhưng khi mùa lạnh bắt đầu thì lá bàng chuyển từ màu xanh sang màu đỏ trước các cây khác. Lá bàng đã to mà lại thay màu trước, khi lá các cây khác còn xanh nên dễ gây ấn tượng cho mắt người, nhất là tại những công viên, những thành phố trồng nhiều bàng như Hà Nội. Đọc “Nhật lá bàng” của Nhật Linh hay nghe hát “Cây bàng lá đỏ” trong Nhớ Mùa Thu Hà Nội của Trịnh Công Sơn, người ta có thể đoán ra điều ấy.

“Bàng được trồng trong khu vực nhiệt đới như là một loại cây cảnh hay để lấy bóng râm nhờ tán lá lớn và rậm. Quả ăn được và có vị hơi chua. Gỗ có màu đỏ, rắn chắc và chống thấm nước, khá tốt; tại Polynesia người ta dùng nó để đóng các loại xuồng.”

Phần trên là tôi trích lại vài lời giải thích về cây trong “Việt Nam Toàn Thư”.

Trong tính chất của cây bàng như nói ở trên, nếu tôi có cương, quý độc giả cũng không cho rằng tôi cương ầu.

Thật ra, trong văn chương, ngoài hoa thường được dùng để ví với giai nhân, với người đàn bà mà hoa thì bao giờ cũng là hoa đẹp, dù hoa đồng nội, không có hoa độc bao giờ, thì cây lại

được dùng để ví với đàn ông.

Bài thơ Vịnh Cây Vông (Đồng) của Nguyễn Công Trứ có mấy câu như sau:

Biên, nam, khởi, tử chẳng vun trồng
Cao lớn làm chi những thứ vông.
Càng lớn càng già càng xốp xoáp,
Ruột gan không có, có gai chông.

Biên là một loài cây gỗ cứng, không rõ có phải là biên âm của chữ bàng hay không. Gỗ cây biên cứng nên thường dùng để làm cung. Cung bằng gỗ biên bắn mũi tên đi được xa và mạnh.

Nam là cây chò, loại gỗ tốt, dùng để đóng bàn, ghế, giường, tủ... thường dùng trong nhà.

Khởi hay khái là cây gai, tên chữ là hoàng liên, một loại gỗ tốt.

Tử là cây tử, nôm na là cây thị. Cây kiêu cao mà ngửa lên, tượng trưng cho người cha. Cây tử thấp mà tàng cúi xuống, tượng trưng cho người con. Hai cây này tượng trưng cho tình cha con. Vì vậy, trong truyện Kiều, đoạn cô Kiều ở lầu Ngưng Bích, nhớ cha mẹ, có câu:

Có khi gốc tử đã vừa người ôm.

Tất cả bốn thứ cây nói trên gỗ đều cứng cáp, mạnh khỏe, tượng trưng cho người đàn ông, con trai, có trung có hiếu, còn như cây vông là thứ cây gỗ chẳng ra gì, tượng trưng cho kẻ tiểu nhân. Kẻ tiểu nhân thì chẳng có giá trị, gỗ càng già càng xốp - như ông bình vôi trong Nhân Văn Giai Phẩm, càng già, ruột càng đặc - bụng chỉ toàn gai chông, chỉ muốn ám hại người khác.

Tôi cũng đã trình bày trong bài Hoa Phượng, cây thông tượng trưng cho người quân tử. Trong bài cây thông, Nguyễn Công Trứ viết:

Ngồi buồn mà trách ông xanh,
Khi vui muốn khóc, buồn tênh lại cười.
Kiếp sau xin chớ làm người,
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.
Giữa trời, vách đá cheo leo
Ai mà chịu rét thời trèo với thông.

Theo nhà Phật thì con người có nhiều kiếp. Kiếp sau xin làm cây thông, làm người buồn quá chăng? Nhưng làm cây thông đứng một mình cheo leo giữa trời mà ru với gió bằng một điệu nhạc u trầm thì có vui gì? Mùa đông trời lại rét, thông đứng một mình vừa cô đơn vừa rét mướt thì đời lại càng buồn hơn. Tuy vậy, dù cô đơn, dù buồn, cây thông vẫn đứng thẳng giữa đời như người quân tử. Ai muốn làm quân tử hãy chịu rét mà trèo với thông.

Có lẽ người Tàu cũng như người Việt chúng ta ngày trước - Ngày trước là vì bây giờ quan điểm có khác đi không! - đều ví cây trúc, nôm na là tre, tượng trưng cho người quân tử. Truyện cổ tích kể rằng ngày xưa ông trạng Mạc Đĩnh Chi đi sứ bên Tàu. Khi vua Tàu tiếp ông trong điện, ông thấy có một bức tranh thêu đẹp lắm, hình một con chim sẻ đậu trên cành trúc. Tưởng là con chim sẻ thật, ông vói tay định bắt. Ai nấy cười ồ vì sự ngộ nhân của ông. Nhanh trí, Mạc Đĩnh Chi liền chụp bức tranh thêu xé mất. Ai nấy ngạc nhiên trước hành vi phạm thượng của ông, dám xé bức tranh trong điện vua Tàu. Ông trạng Mạc Đĩnh Chi giải thích:

- “Muôn tâu! Chim sẻ tượng trưng cho tiểu nhân, cây trúc tượng trưng cho quân tử. Tiểu nhân đứng trên quân tử sao được. Vì vậy nên hạ thần phải xé bức tranh này đi.”

Biết ông ta chạy tội, nhưng ai nấy đều công nhận ông nói phải, là người thông minh, nhanh trí.

Dưới chế độ Ngô Đình Diệm, tất cả các khuôn dấu của cơ quan chính quyền, kể cả khuôn dấu của tổng thống đều có bình bụi trúc ở hình tròn nhỏ phía trong.

Bụi trúc, nói theo cách Tàu là “Tiết trực tâm hư”, có nghĩa là tiết tháo (hoặc đoạn, khúc giữa hai mắt tre) ngay thẳng, vì dân vì nước, không xiên xẹo; tâm có nghĩa là lòng thì trống rỗng, không có gì riêng tư cho bản thân. “Tiết trực tâm hư” tượng trưng cho tấm lòng của người quân tử. Ông Ngô Đình Diệm cai trị nhân dân theo cung cách của một người quân tử nên ông lấy cây tre, bụi trúc làm biểu tượng, làm lời nhắc nhở cho công chức, cán bộ.

Cùng với ý này, thi sĩ Đông Hồ, có mấy câu thơ khí khái như sau:

Cơn mưa vừa mới tạnh
Cành trúc ngã bên đường
Quân tử nghiêng mình xuống
Đi qua ta cúi đầu

Đông Hồ

Khi còn trẻ, Tôn Thọ Tường cùng cấp sách đi học một thầy với Phan Văn Trị. Cả hai cùng thi đỗ cử nhân, nhưng vì thời thế đổi thay, thực dân Pháp đô hộ miền Nam. Cử Trị không chịu ra làm quan với Pháp, lui về ở ẩn. Cử Tường ra hợp tác với chế độ mới, bị người đời chê là bất trung, không ai muốn giao thiệp.

Trong cảnh sống cô đơn vì bạn bè xa lánh, ông làm bài thơ vịnh cây mai để bày tỏ tấm lòng của mình.

Cây mai Tôn Thọ Tường ví von ở đây chính là cây Bạch Mai, trồng ở chùa Cây Mai, kế bên đường Hậu Giang, con đường từ Chợ Lớn đi về miền Tây.

Sau khi đánh chiếm đồn Kỳ Hòa, thực dân Pháp đóng đồn ở chùa Cây Mai, nên chùa Cây Mai có tên mới là Đồn Cây Mai. Rồi từ trại lính Pháp, nơi này trở thành căn cứ quân sự của quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Có khi nơi này là trung tâm huấn luyện tình báo của quân đội, nên nó lại biến thành Trường Cây Mai, học viên ngành tình báo theo học các khóa Cây Mai (ngụy danh).

Sau khi Pháp đóng đồn, sư sãi bị đuổi đi. Buổi chiều, thay vì tiếng kinh kệ thì lại là tiếng kèn Tây thổi báo giờ cho binh lính. Độc giả đọc bài thơ này, sẽ thấy Tôn Thọ Tường mô tả tiếng kèn lạ khi trời chiều ngã bóng:

Cây Mai

Cám cảnh Cây Mai cách dưới đèo
Mười phần trong sạch phận cheo leo
Sương in tuyết đóng cành thưa thớt
Xuân tới thu về nổi quạnh hiu
Lặng lẽ chuông quen con bóng xế
Tò le kèn lạ mặt trời chiều
Những tay rượu thánh thơ thần cũ
Trông cảnh bao nhiêu, tiếc bấy nhiêu!

(1) Bạch Mai hay Mù u

Nguyễn Công Trứ cũng có làm bài thơ vịnh cây cau, ví cau nhờ được ơn chúa vun trồng, vươn cao lên trời, chẳng kể sương gió, không ngại gió bão, vững chãi, mở rộng tàn lá xanh che nắng, cho trái cau (kèm với trầu) để mời chào khách:

Vịnh Cây Cau.

Ơn chúa vun trồng kể xiết bao,
Một ngày càng một rần lên cao.
Lưng đeo đai bạc sương nào nhuộm,
Đầu đội tàn xanh nắng chẳng vào.
Buồng chất cháu con khôn xiết kể,
Nhà nhiều quan khách dễ khuyên chào.
Kính thiên một cột giờ tay chống,
Dẫu gió lung lay cũng chẳng nao.

Nguyễn Công Trứ

Rất nhiều thi sĩ làm thơ vịnh hay mô tả một cái cây, ví nó như một cái gì đó, một hạng người, một tâm lòng. Ví dụ:

Cây hoa gạo

Cây hoa gạo đầu làng sao rồi em
Chỗ em tiến trời xanh trôi tới
Anh sẽ về, còn em mãi đợi
Bóng nắng tròn trong tay áo bà ba
Tựa như máu dễ nào phai mất
Đỏ khôn nguôi hoa ríu bàn chân
Mỗi độ đường tháng ba vẫy gọi
Gió qua làng thổi dọc đoàn quân
Hoa gạo ơi đừng vừa rơi vừa đợi
Mỗi xuân đi gom nhặt sắc lặng im
Em nghe thấu lời nhớ cây nhức nhối
Rằng anh sẽ về như em đã tin...

Lê Thị Mỹ

Phùng Quán mô tả cây dứa, (người miền trung gọi cây thơm, người nam gọi là khóm), một loại cây lá có gai, trồng ở đất nào cũng được, ngay ở các bãi cát khô, trái chín ngọt, người ta thường dùng để giải khát:

Cây dứa

Cao Bá Quát

Cả một đời chỉ cúi lạy hoa mai
(Nhất sinh đê thủ bách mai hoa)
Tôi, tôi nghiêng mình trước cây dứa.
Bao giờ tôi cũng kinh ngạc
Như đứng trước sức sáng tạo của thiên tài
Ngắm cây dứa tốt xanh trên đất cằn sỏi đá
Với những tàu lá dài màu cỏ đáng gờm.
Và lấp lánh ở giữa, một bình vàng

Ấm áp mật dịu trăm cơn nắng lửa
Dứa ơi!
Người hãy dạy tôi
Cách chắt lọc từ khô cằn sỏi đá
Chất mật mát lành dịu nắng lửa trăm cơn
Đề từ cuộc sống gian lao, bất trắc khôn lường
Tôi vẫn viết được,
Dâng tặng đời
Những trang văn đầy ắp mật

Phùng Quán

Cây vạn niên thanh là một loại cây lá lúc nào cũng xanh, sống bằng những dưỡng chất đậm bạc: nước lã, khí trời. Phùng Quán xem nó như một biểu tượng cho sức sống mãnh liệt:

Vạn-niên-thanh
Ơi cây Vạn-niên-thanh!
Cả một đời tôi chỉ khiếp phục anh!
Anh uống độc khí trời
Anh xơi độc nước lã
Anh vẫn tràn trề sức lực xanh tươi
Vẫn tặng được cho đời chất thơ của sắc lá!
Vạn-niên-thanh
Ơi cây Vạn-niên-thanh
Cả một đời tôi chỉ khiếp phục Anh

Phùng Quán

Cây xương rồng

Cây chi cây lạ lùng
Không cành cũng không lá
Toàn những thân với thân!
Mà thân thì dựng ngược
Như gậy gộc nghĩa quân
Toàn những góc với cạnh
Lại tua tủa gai chông!
Nhựa độc hơn bọ nẹt
Gai buốt nhọn hơn gươm
Người nghèo đem luộc kỹ
Ăn lại lành thay cơm!
Mọc lên từ cát lửa
Hồn vẫn xanh mát trong
Che chở người lương thiện
Trộm cướp đều ngại ngừng
Tên như một biểu tượng
Đời gọi cây xương rồng...
Xương Rồng ơi Xương Rồng!
Anh có thật xương rồng?
Hay xương người nghĩa khí
Ngã xuống rồi hoá thân?...

Sống trong chế độ Cộng Sản, lại từng là nạn nhân, bị đàn áp trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm, Phùng Quán vẫn tiếp tục nói lên tiếng nói “Chân thật! Chân thật trọn đời...” như ông xác định trong bài “Lời Mẹ Dặn”. Tuy nhiên, khôn khéo hơn, ông biểu thị chí khí đó qua hình ảnh những

loại cây thanh đậm như vạn niên thanh, không xa hoa, phung phí, sang trọng nhờ tham những, tâm hồn ông vẫn xanh tươi mãi ngàn vạn năm như Vạn niên Thanh, hay cứng cáp vững chắc như cây xương rồng.

Tuệ Sĩ, đặc biệt hơn, con người tu hành ấy, nghèo khổ ấy vừa “Vá áo chếp kinh” vừa làm thơ, mô tả ông như một loài cây khô:

Cây Khô

Em xoa tóc cho cây khô sâu mộng
Và cây khô mạch suối khóc thương nhau
Ta cúi xuống trên môi cười chín mộng
Cũng mơ màng như phố thị nhớ rừng sâu.

Tuệ Sĩ.

Hoàng Cầm, vẫn lãng mạn như trong bài “Lá diêu Bông” nhưng ở đây, cây của ông không phải là một loại thực vật mà lại chính là một cây... bài. Cây bài Tam Cúc:

Cổ bài tam cúc mép cong cong
Rút trộm rơm nhà đi trải ổ
Chị gọi đôi cây!
Trầu cay má đỏ
Kết xe hồng đưa Chị đến quê Em
Nghe cây bài tìm hơi tóc ẩm
Em đừng lớn nữa Chị đừng đi
Tướng sĩ đỏ đen chui sập ngựa
Ổ rơm thơm động tuổi đương thì
Đứa được
chinh truyền xủng xoẻng
Đứa thua
Đáo gỡ ngoài thêm
Em đi đêm tướng điều, sĩ đỏ
Đôi xe hồng đưa Chị đến quê Em
Năm sau giặc giã
Quan Đốc đồng áo đen, nẹp đỏ
Thả tịnh vàng cưới Chị
võng mây trôi
Em đứng nhìn theo, Em gọi đôi.

(1)- Khoảng sau tết Tý (năm 1960), ở Saigon xuất hiện trên báo chí, một số bài tranh luận về hoàng mai và bạch mai. Thông thường, vào dịp tết, người Bắc ưa chưng trong nhà hoàng mai hay đào, người miền Nam ưa bạch mai. Có phải vì miền nam ít có hoàng mai? Người cực đoan thì cho rằng hoàng mai mới thật là mai, còn bạch mai không phải là mai. Do cuộc tranh luận đó, bài thơ Vịnh Cây Mai được đem ra bàn. Người ta xác nhận cây mai ông Tôn Thọ Tường vịnh trong bài thơ chính là cây mai ở trên chùa Cây Mai hay Đồn Cây Mai vậy. Cũng có một nhà văn vật học, tôi gặp trung tá (cấp bậc vào lúc ấy) Phạm Văn Sơn, sử gia, đang làm chỉ huy trưởng trường Cây Mai để quan sát cây mai ấy, rồi “phán” một câu rằng, cây mai ở đồn Cây Mai không phải là cây mai thật. Đúng ra, đó là cây mù u. Tội nghiệp ông Tôn Thọ Tường, tưởng là cây mai, ai ngờ làm mà đem tâm sự gởi cho cây mù u. Ông Tôn đã làm cây mai, cũng như ông cũng đã làm khi theo phò Pháp Lang Sa, để cái tiếng xấu cho hậu thế!

TUỆ CHƯƠNG HOÀNG LONG HẢI

NỤ CƯỜI XUYỀN THỜI GIAN

TÂM NGUYỄN

Có một Nụ Cười từ bao thế kỷ qua đã ám ảnh những người Tu Phật, nhất là những người Tu Thiền! Nụ cười này tuy không bí ẩn như của nàng Mona Lisa. Không nghiêng thành đổ nước như của người đẹp Bao Tự. Không phô đôi hàm ngọc. Cũng không phải là của một phụ nữ, mà lại là... của một ông già đã đi vào lịch sử của Đạo Phật! Nụ cười nổi tiếng đó là của ai? Xin thưa, đó là Nụ cười của Ngài Ca Diếp mà cho tới thời nay nhiều người cũng còn thắc mắc không hiểu vì sao Ngài chỉ cần nở 1 nụ cười thôi, là đã được Đức Thích Ca truyền Y BÁT, giao cho thống lãnh đồ chúng! Có gì bí ẩn trong Nụ cười đó để những người Tu Thiền về sau phải dùng làm Công Án? Mọi người tha hồ đoán già, đoán non, cho là có khi do Ngài cười ngô nghê, cười đúng lúc. Hay do chỉ một mình Ngài cười trong khi mọi người đang còn ngơ ngác nên được truyền Y Bát chăng?

Bàn về Nụ Cười này, Ngài Vô Môn, trong VÔ MÔN QUAN đã viết bằng ngôn ngữ " đặc trưng" của Nhà Thiền, là hết sức cao ngạo. Coi Đức Thích Ca, và Ngài Ca Diếp như đồng hàng! Nhưng Ngài cũng chỉ nói lòng vòng, chẳng bàn giải được gì, chỉ nêu thêm những thắc mắc quanh nụ cười đó, để ai muốn hiểu sao thì hiểu. Xin trích nguyên văn lời bàn như sau:

"Lão Cồ Đàm mặt vàng không coi ai ra chi, ép tốt thành xấu, treo đầu heo bán thịt chó, coi bộ cũng tài đó ! Giả như bấy giờ cả đám đều cười cả thì nhỡ tằng chính pháp làm sao truyền? Lại giả như Ca Diếp không cười thì nhỡ tằng chính pháp làm sao truyền được? Nếu nói nhỡ tằng chính pháp có truyền thụ, thì lão mặt vàng đã lừa gạt bà con lối xóm; còn nếu bảo không truyền thụ, sao chỉ truyền cho Ca Diếp?" (Vô Môn Quan).

Trước khi đi vào đề tài chính, xin bàn qua một chút về ngôn ngữ của Nhà Thiền.

Đọc một số các Thiền Sư trong Vô Môn Quan, ta thấy các Ngài hiểu lầm Đạo Phật rất nhiều. Hình như đa phần các Ngài không nắm vững mục đích và phương tiện của Đức Thích Ca khi truyền bá Đạo Phật. Vì thế, không giống như mục đích của người tu Phật là đi tìm Con Đường Giải Thoát. Người Tu Thiền chỉ chú trọng phần "chứng ngộ", nên họ quên ăn, bỏ ngủ để "Tham Công Án", vì điều đó được xem là phương tiện tối ưu, sẽ đưa tới chứng đắc!. Mỗi người được giao cho 1 Công án để Tham Giải được, là được ấn chứng! Thậm chí như Ngài Vô Môn, sau 6 năm giải không ra, thề quyết không ngủ, cuối cùng chỉ đọc 4 câu Kệ gồm 20 chữ VÔ để giải Công Án VÔ, chẳng hiểu nghĩa lý ra sao, mà cũng được cho là chứng đắc!

Phần khác, hình như các vị Tu Thiền ít quan tâm đến Kinh điển, là những gì Đức Thích Ca trong 49 năm thuyết pháp lần lượt giảng dạy cho người tu Phật. Bởi không phải chỉ cần 1 lần giảng mà người nghe đã hiểu, nên Ngài phải dùng nhiều phương tiện, lần lượt đưa từ thấp lên cao, từ Phát Tâm cho đến rốt ráo. Tất cả đều nằm trong các Bộ Kinh. Nhưng họ không quan tâm đến, chỉ nghe được câu của Ngũ Tổ bảo Ngài Huệ Năng trong Pháp Bảo Đàn Kinh: *"Nếu chẳng biết Bỏ Tâm thì học pháp vô ích. Bằng biết Bỏ Tâm và Thấy được Bỏ Tánh mình, tức gọi là trượng phu, là Phật, thầy cõi trời và cõi người vậy"*. Thế là chẳng cần hiểu hết ý của câu này. Chẳng cần biết cõi trời, cõi người đó là ở đâu? Cũng không hiểu Tánh là gì? Thấy Tánh là thế nào? Giải được Công Án chữ VÔ hay chữ nào đó, lại tưởng lầm là Thấy Tánh rồi cho rằng mình đã là Phật, *"là thầy cõi trời, cõi người"*! Do đó, đa phần các vị Thiền Sư coi mình hơn cả Phật,

Tổ. Ngài Pháp Diễn còn ra Công Án: *"Thích Ca, Di Lặc còn là tôi đòi của kẻ ấy!"* Bao nhiêu đó đủ biết mức độ cao ngạo của các Ngài tới đâu, trong khi đó thì hành trì của họ là THIỀN ĐỊNH, chỉ là một trong Lục Độ của người tu Phật, còn phải tu tập nhiều thứ khác nữa.

Từ Tu Phật, cho tới thời của các Thiền Sư thì trở thành TU THIỀN! Họ lập ra được 5 phái, dương oai diệu võ một thời. Nói năng thì kiêu mạn. Giảng dạy thì chỉ là đánh, hét, quăng gậy, đưa phát tử hay tích trượng lên xuống... không nói một lời. Không chút nào giống bên Phật gia. Vì thế nhiều người cùng thời cũng đã chỉ trích, cho là họ đã đi quá xa so với Đạo Phật.

Những tưởng các phái Tu Thiền sẽ phát triển rầm rộ, sẽ làm bá chủ thiên hạ. Nhưng về sau, cách đây gần 50 năm, Thiền Sư Nguyệt Khê đã trích lời của thiền Sư Pháp Diễn viết về họ như sau: *"Pháp Nhãn Tông truyền sang Cao Ly. Vân Môn Tông đã thất truyền từ lâu. Chỉ còn 3 phái: Quy Ngưỡng, Lâm Tế và Tào Động. Nhưng con cháu các Tông chỉ ghi trên pháp quyền là Thiền Sư đòi thứ mấy mà thôi. Hỏi về gia phong tông chỉ thì ngơ ngác không thể trả lời"* (Cội Nguồn Truyền Thừa).

Phải chăng đó là hệ quả tất yếu của việc truyền thừa bằng cách "đưa ngón tay lên" mỗi khi có ai hỏi pháp. Hoặc đánh, hét, nói nhại, tức là lập lại câu hỏi, chẳng giải thích lời nào khi đệ tử hay có người tham hỏi? Trong khi Đức Thích Ca bắt đầu từ lúc khai sáng Đạo Phật thì giảng pháp không ngừng. Cho tới trước khi nhập diệt còn cho đệ tử thông báo để ai còn điều gì thắc mắc cứ đến, Ngài giải đáp cho. Vậy mà người nghe còn không lãnh hội hết! Lục Tổ cũng giảng dạy cho đến cuối đời. Trước khi ra đi còn họp đệ tử lại để dạy cách thuyết giảng và phổ biến Chánh Pháp cho hậu thế.

Cũng chính vì không được đào tạo căn bản theo Đạo Phật, mà chỉ cho Tham duy nhất một Công Án! Không hề được nhắc phải giữ GIỚI, lập hạnh. Chẳng dạy phải Từ, Bi, Hỷ, Xả hay trừ Tam Độc. Cũng chẳng cần Bát Chánh Đạo... nên mới có Thiền Sư chém rắn, giết mèo, không coi Giới cấm của Đạo Phật ra gì! Và cũng do không có Giới, không tư duy, quán sát nên làm sao đắc được cái VÔ NGÃ? Bởi thế nên các vị đó đâu có được Thân, Khẩu, Ý ba nghiệp thanh tịnh như các Tổ, mới có những lời phát ngôn mắng Tổ, chửi Phật. Gọi thầy bằng lão già. Cho Phật là "que cứt khô", là "ba cân mè"! Hậu quả của những kiêu mạn, ngông nghênh đó là đưa pháp môn của mình đến diệt vong. Ấu cũng là một bài học cho những ai ham tu tắt mà muốn tới cao!

Chúng ta quay về với Ngài Ca Diếp.

Khi Đức Thích Ca trước chúng hội cầm cành hoa đưa lên, đại chúng ngơ ngác không hiểu Ngài muốn nói gì thì Ngài Ca Diếp mỉm cười. Đức Thích Ca bèn tuyên bố trao Y BÁT cho Ngài. Sự kiện này làm cho nhiều người ngạc nhiên và về sau các phái Tu Thiền dùng để làm Công Án, cho nụ cười đó là "Đốn Giáo", là "Giáo ngoại biệt truyền"!

Rõ ràng họ chỉ nhìn sự việc tại chỗ để kết luận mà không nhìn lại quá khứ để biết rằng Đức Ca Diếp là một trong những đệ tử đã theo học với Đức Thích Ca từ khi Ngài bắt đầu giảng dạy. Với từng ấy năm theo hầu Phật đương nhiên là Ngài đã thấm nhuần giáo lý, nắm vững đường lối tu hành, thực hành đầy đủ những gì được hướng dẫn. Trong Kinh, Diệu Pháp Liên Hoa, khi họp đại chúng để giảng dạy, ta thấy viết: *"Một thuở nọ Đức Phật ở trong núi Kỳ Xà Quật, nơi thành Vương Xá, chúng đại Tỳ Kheo một muôn hai nghìn người câu hội. Các vị đó đều là bậc A La Hán, các lậu đã hết, không còn phiền não, việc lợi mình đã xong, dứt sự ràng rịt trong các cõi, tâm được tự tại. Tên của các vị đó là A Nhã Kiều Trần Như, Ma Ha Ca Diếp, Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên vv... Đó là những vị Đại A La Hán hàng tri thức của chúng"*.

Thời điểm đó mà Ngài Ca Diếp đã: *"Các lậu đã hết, không còn phiền não, việc lợi mình đã xong, dứt sự ràng rịt trong các cõi, tâm được tự tại..."* Như vậy, phải đâu vừa mới gặp Phật vài hôm hoặc vài tháng rồi cười mà Ngài được truyền Y Bát? Ngay trước khi Phật giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa thì Ngài đã là một trong những vị A La Hán. Đến Phẩm Thọ Ký thì người đầu tiên

được Phật thọ ký là Ngài. Kinh viết: "Ông Ma Ha Ca Diếp, đệ tử của ta, ở đời vị lai sẽ phụng thờ ba trăm muôn ức các đức Thế Tôn, cúng dường, tôn trọng ngợi khen, rộng nói vô lượng đại pháp của các đức Phật, ở nơi thân rốt sau đặng thành Phật hiệu là Quang Minh Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô Thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật Thế Tôn".

Rồi từ lúc được Thọ Ký cho đến lúc được truyền Y Bát còn phải qua bao nhiêu thời gian tu hành nữa ? Bao nhiêu đó đủ thấy các Nhà Thiền do không tham khảo lịch sử của Đạo Phật nên đã kết luận sai, khi cho cái cười đó là "Giáo ngoại biệt truyền" tức là chỉ truyền riêng cho Ngài Ca Diếp!

Để hiểu vì sao có Nụ Cười đó, ta sẽ đối chiếu với mục đích và con đường tu hành của Đạo Phật ta để thấy như sau:

Trước thời Đức Thích Ca đi tu thì ở Ấn Độ đã có đa thần giáo. Họ thờ đủ thứ thần. Vị nào cũng được tô vẽ bằng quyền phép, thần lực vô song. Chính Đức Thích Ca buổi đầu cũng bị nhầm lẫn đi theo học với họ. Cho đến khi Ngài thấy các giáo phái đó, những cách hành trì đó không cho Ngài lời giải đáp về SINH, LÃO, BỊNH, TỬ của kiếp người một cách thỏa đáng, nên đã chọn phương pháp Tĩnh Tự, hay còn gọi là Tư Duy Tu, sau này gọi là Thiền Định để hành trì thì mới tìm ra.

Mục đích tu hành của Đức Thích Ca là làm sao cho kiếp người không còn KHỔ vì SINH, LÃO, BỊNH, TỬ, mà theo Ngài, cảnh này diễn ra triền miên không dứt, từ kiếp này, sang kiếp khác, như bánh xe, cứ quay hết vòng là trở lại vòng đầu, mà Ngài gọi là LUÂN HỒI. Điều Ngài tìm được trong quá trình THIỀN ĐỊNH là Cái VỌNG TÂM. Chính nó là thủ phạm đã gây ra mọi chuyện. Vì thế, Ngài đưa ra phương pháp Điều Phục hay là chuyển hóa cái TÂM, để con người, từ sinh ra, lớn lên, cả đời sống với Phiền Nã mà được Thoát Phiền Nã, giống như loài HOA SEN, sinh ra, lớn lên trong bùn mà vẫn nở hoa thanh khiết, không vương mùi bùn. Chính vì ý nghĩa đó mà HOA SEN, Vàng hay Trắng được dùng làm biểu tượng cho Đạo Phật, và hình tượng Phật được mô tả ngồi trên đài Sen, nói lên đó là vị đã Giải Thoát khỏi phiền não.

Nhưng phải nói thế nào để con người có thể chấp nhận được, vì họ quá quen với sự Tham Lam, tìm cầu vật chất. Tinh thần thì nương tựa vào tha lực với những vị Thần Thánh toàn quyền thưởng phạt, sinh sát? Do vậy mà Đức Thích Ca phải bày ra phương tiện. Để gỡ những sự tin tưởng tuyệt đối vào Thần Linh thì có Phật, Bồ Tát linh thiêng sẵn sàng cứu độ. Để làm cho con người bớt đắm vào những báu vật của trần gian là vàng, bạc, ngọc ngà, châu báu... rồi tìm cách giết hại nhau để tranh đoạt để rồi tạo nghiệp, thì có Tây Phương Cực Lạc với Bảy Báu, dây vàng giảng khắp, nhìn đâu cũng thấy thỏa mắt, vừa tai. Để dụ con người hạn chế bớt lục dục, thất tình thì có những Quả Thánh. Để con người bớt tham lam, ích kỷ lại đối tốt với cha mẹ, sư trưởng, bằng hữu và những người chung quanh... thì có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp của Phật, để ai muốn được như thế thì thực hành theo. Nhưng chung cuộc vẫn là dùng phương tiện, đưa ra những thứ tốt đẹp hơn cái mà mọi người đang ham thích, để họ thấy cái kia mới quý giá hơn, mà bớt đắm đuối vào cái giả tạm, phù du đang ôm giữ, tìm cầu.

Phải chăng cuộc đời sờn dĩ rồi loạn vì nước này xâm lăng, nước khác. Kẻ nọ muốn tiêu diệt người kia vì muốn có thêm nhiều tài nguyên, vật chất để hưởng thụ? Gia đình lục đục, anh em nôi da nấu thịt cũng chỉ vì dành nhau chút lợi danh cho cái Thân được hưởng? Trong khi đó, mọi thứ dành được đều sẽ kết thúc theo cái cái Thân, vì cuộc sống đâu có kéo dài quá trăm năm? Đôi khi mãi đấu tranh, chưa kịp hưởng gì thì thân chết đã lù lù tới! Lẽ ra cảnh trần sẽ được an lành hơn, cuộc sống sẽ tốt đẹp biết bao nhiêu nếu con người biết yêu thương nhau và chung tay lo xây dựng cho nó. Do đó, Đạo Phật xuất hiện nhằm đưa ra những cái nhìn thực tế về kiếp sống để người nào tin theo, thì quán sát, tư duy, sau đó xả bớt những ham mê, tìm cầu để đạt được: Là một cuộc sống an, chết lành, kiếp sau nếu có thì càng tốt đẹp hơn do kiếp này không tạo ác nghiệp.

Một hành tinh xanh được mọi người cư ngụ trên đó không phân biệt chủng tộc, màu da cùng nhau vun đắp. Những quốc gia thái bình, thịnh trị, không còn cảnh chiến tranh, tàn sát, tranh dành với nhau. Những xã hội yên bình với mọi công dân trên dưới đồng lòng, tùy phận mình mà đóng góp cho giàu đẹp thêm. Người giàu giúp người nghèo. Người khỏe đỡ đần cho người yếu. Cộng đồng quan tâm tới những người neo đơn, không nơi nương tựa. Những mái nhà ấm áp, đầy yêu thương, luôn vang lên tiếng cười trẻ thơ. Trong đó nhiều thế hệ chung sống, quây quần, cùng chia sẻ buồn vui của kiếp sống. Nếu thế giới, xã hội, gia đình bình an như thế, và mọi người cứ sống an vui cho đến hết kiếp của mình chẳng phải là Niết Bàn hay Thiên đàng đó sao? Đó chẳng phải là những gì mà Đức Thích Ca mong mỏi, mà cũng là ước mơ của mọi tôn giáo và những nhà chính trị và xã hội sao? Điều đó không khó thực hiện, chỉ cần mỗi người tự chỉnh sửa cái tâm của mình, bởi đến nay mọi người đều đồng ý: *"Tâm bình, thế giới bình"*.

Đạo Phật đưa ra bao nhiêu lý thuyết cao siêu với những cảnh giới, quả vị, để người muốn đạt được thì phải GIỮ GIỚI, phải XẢ bớt những vướng mắc vào các pháp. Cuối cùng cái đạt được là một sự an lạc trong Tâm giữa dòng đời đầy biến động. Chẳng phải là để thành Thánh, thành Phật, ngồi trên tòa sen cứu nhân độ thế. Vì thế, khi Đức Thích Ca đưa cảnh SEN lên, Ngài Ca Diếp hiểu ngay ý Ngài. Trong khi đại chúng còn đang mơ màng những cõi Phật, với những Bồ Tát linh thiêng, thánh chúng... đâu đâu xa vời, thì Ngài Ca Diếp mỉm cười để tỏ ý là Ngài đã hiểu hết ý nghĩa của Đạo Phật qua cảnh Sen kia. Chính vì vậy mà Đức Thích Ca mới truyền Y BÁT, giao lại chánh pháp cho Ngài Ca Diếp tiếp tục đảm đương, vì Phật biết thời kỳ hóa độ của Ngài sắp kết thúc.

Thời gian đầu, khi Đạo Phật chưa phổ biến rộng thì Y Bát chỉ là tín hiệu để người muốn tu học nhìn vào đó mà nhận ra người đang thay thế cho vị Tổ trước. Nhưng càng về sau, khi Đạo Phật được nhiều người tin, nghe thì Y BÁT lại được những người tham quyền, tham lợi nhắm vào. Họ sẵn sàng giết người giữ nó để chiếm đoạt. Lục Tổ mấy lần suýt chết vì giữ Y BÁT. Lần đầu, nhờ Huệ Minh đỡ không lên, nên biết đó không phải là vật để tranh chấp, mới quay lại xin nghe pháp! Lần thứ nhì họ xúm lại đốt cả chùa nơi Ngài trú ngụ. Nhờ may mắn trốn vào kẹt núi mà Ngài mới thoát! Lần cuối, họ phái thầy Tăng Chí Triệt đến ám sát. Tổ phải ngửa cổ cho chém 3 đao mà không đứt mới chịu quăng đao sám hối! Chính vì vậy mà Ngũ Tổ dặn Lục Tổ phải dấu Y Bát đi, không được truyền nữa. Y Bát mất dấu, người tu Phật cũng mất tín hướng từ đó.

Y Bát thì mất dấu, nhưng những cái tâm tham địa vị tu hành, muốn thống lãnh đồ chúng cũng không vì thế mà mất. Họ tìm mọi cách để được làm Tổ, làm thầy. Họ bỏ ăn, mất ngủ để tham Công Án, hy vọng được chứng đắc! Họ vò đầu bứt tai xem tại sao Cười? Cười như thế nào để được truyền Y Bát? Không chút gì để tâm đến việc tu sửa. Cứ tưởng đạt được Y bát là nghiêm nhiên được làm Tổ! Giả sử là ta, nếu có dành được Y Bát, thì khi phải giảng pháp liệu có gì để nói? Chắc cũng phải bắt chước Hòa Thượng Câu Chi: " đưa ngón tay lên" khi có ai hỏi pháp, hoặc hét, đánh, nhại lại câu hỏi để dấu dốt thôi!

Tại sao cứ đòi làm thầy mọi người, trong khi làm thầy bản thân chưa xong? Không biết là Thành Phật chỉ là đạt được cái tâm thanh tịnh, an lạc, mà Tâm thanh tịnh chính là Tịnh Độ, là Phật Quốc. Người tu cứ kiên nhẫn hành trì. Đến lúc nào đó, khi điều phục xong cái Vọng Tâm thì Nụ Cười cũng sẽ đến. Nhưng đây không phải là nụ cười của Ngài Ca Diếp, mà hơn thế nữa, là nụ cười của Đức Di Lặc, vì sáu tên giặc: Mất, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý, giờ đây đã trở thành 6 đứa trẻ nô đùa chung quanh người tu, không còn hung hãn, phá phách như trước. Nụ Cười nói lên cái nội tâm an lạc vĩnh viễn đó mới chính là cái mà người tu cần tìm, là sự đánh đổi xứng đáng cho những tháng ngày hành trì gian khổ vậy.

(12/2010)

TÂM NGUYỆN

tiểu luận

TRUYỆN KIM DUNG

PHẠM VŨ

Trước năm 1975, sách của Kim Dung đã được in gồm:

1. Thư kiếm ân cừ lục
2. Bích huyết kiếm
3. Xạ điêu anh hùng truyện
4. Thần điêu hiệp lữ
5. Tuyết sơn phi hồ
6. Phi hồ ngoại truyện (Lãnh nguyệt bảo đao)
7. Ý thiên Đồ long ký
8. Liên thành quyết (Tổ tâm kiếm)
9. Thiên Long bát bộ (Lục mạch thần kiếm truyện)
10. Hiệp khách hành
11. Tiểu ngạo giang hồ
12. Lộc Đỉnh ký

Với 12 Bộ trường thiên tiểu thuyết võ hiệp, ông đã được "Kho văn về các đại sư văn học Trung quốc thế kỷ 20 xếp vào hàng thứ 4 trong số những văn sĩ tầm cỡ của Trung hoa" - và tiểu thuyết của ông trong làn sóng đam mê cuồng nhiệt ở Châu Á với lượng độc giả *con số thiên văn*, hầu

hết đều đã được dựng thành phim ảnh tại Hồng Kông và Lục địa, đã làm say mê khán giả ở các lãnh thổ có dân gốc Châu Á sinh sống trên khắp thế giới, kể cả người Việt chúng ta.

"Tính cách hiện đại của chương" và mỹ cảm đương đại mang màu bảng lảng phôi pha, với bao "tai bay vạ gió" của địa cầu thiếu bình yên. Ý tưởng xuyên suốt các bộ chương của Kim Dung là "Ngoài trời lại có trời" và càng ngày nó càng được nhiều người cho là có lý. Đọc tiểu thuyết võ hiệp của ông, độc giả chấp nhận tham dự cuộc chơi của trí tưởng tượng, thỏa thích bay lượn khỏi cuộc sống đời thường. Văn sĩ tạo ra những thế giới phi phàm mà người thường không thể nhận biết, đó là Thế giới giang hồ - Nó thoát ra khỏi cuộc đời quen thuộc đến nhàm chán, bị trói buộc bởi lễ thói, luật pháp.

Thế giới kỳ diệu được tác giả khổ công dựng nên gắn với khát vọng giải thoát, phát huy tối đa tiềm năng của con người. Trong tiểu thuyết kiếm hiệp, hiệp khách có 2 mục tiêu lớn: đạt đến tuyệt đỉnh võ học và tuyệt đỉnh nhân sinh. Đã mang tiếng hiệp khách, ít nhiều phải có khả năng, có bản lĩnh phi thường về võ thuật, suốt đời của hiệp khách theo đuổi mục đích đạt tới cảnh giới tối thượng của võ. Với Kim Dung, cảnh giới tuyệt đỉnh chỉ có thể đạt được khi con người bị đẩy đến cảnh khốn cùng bên bờ vực thẳm. Đúng với binh pháp Tôn Tử: "Đặt vào chỗ mất rồi mới còn, hãm vào đất chết mới tìm ra con đường sống". Thạch Phá Thiên (trong bộ Hiệp khách hành), Dương Quá (Thần điêu hiệp lữ)... đều lãnh hội được yếu quyết của võ học khi bị lâm vào cảnh khốn cùng.

Trong thế giới kỳ diệu ấy, năng lực của con người được thể hiện qua những chiêu thức võ thuật siêu quần, bạt chúng. Con đường đến với đỉnh cao, ngoài năng khiếu bẩm sinh và sự gian nan khổ luyện, còn có một yếu tố không thể thiếu: cái Tâm. Kim Dung đề cao cái tâm của kẻ đi học. Thư và kiếm - sức mạnh để thực hiện ân cừu - là 2 tuyến chính trong tiểu thuyết võ hiệp. Nhưng *thư* là sự suy nghĩ vượt lên trên *kiếm* và trong *kiếm* bao hàm *thư* (trong bộ Thư kiếm ân cừu lục). *Tâm* còn quan trọng hơn cả *chiêu*. Tham vọng trói buộc làm mờ tâm, "loanh quanh mỗi một" bên lú, bên mê. Thiếu nội lực mà ham muốn vượt quá sức mình vốn có, luyện công tinh xảo thì dễ "tẩu hỏa nhập ma". Căn bản võ học của Kim Dung là ở lòng người. Nhờ tâm sáng, Thạch phá Thiên đọc được bí kíp ẩn sau bài thơ "Hiệp Khách Hành" - khắc trên vách đá. Một Châu Bá Thông hiệu Lão Ngoan Đồng ngây thơ, một Hồng Thất Công ngay thẳng, một Quách Tĩnh thật thà... đều hướng về cái *tĩnh*, chân nguyên tự nhiên - lòng người - Đạo học.

Thế giới tưởng tượng kỳ ảo và quyến rũ, thực chất là sự phản ánh một cách nghệ thuật hiện thực cuộc sống con người. Đúng như Freud, giấc mơ là sự giải tỏa những ẩn ức, mà nghệ thuật là giấc mơ kỳ diệu nhất. Giấc mộng văn chương sẽ trang trải cho món nợ nhân sinh.

Ước mơ dai dẳng nhất của con người gửi vào văn chương chính là công lý. Dai dẳng, chừng nào đời sống còn những ngang trái, bất công, cái ác lên ngôi, người hiền lương còn phải chịu lắm thiệt thòi. Thế giới giang hồ rộng lớn là vậy nhưng chung quy vào 2 mặt trận thiện- ác, chính- tà. Với Kim Dung, sự phân biệt thiện- ác, chính- tà không hề đơn giản mà phức tạp như chính cuộc đời vậy. Có người cho rằng, tiểu thuyết võ hiệp của ông "viết về giang hồ mà ý ở giang sơn, vừa biểu hiện tình cừu vừa liên quan đến thời vận". Không ai nghĩ những cuộc đấu tranh giành ngôi bá chủ chỉ là chuyện của giới võ lâm, hay khuôn mặt ngục quân tử như Nhạc Bất Quần chỉ là nhân vật của truyện kiếm hiệp. Sức hấp dẫn của tiểu thuyết Kim Dung còn ở chỗ truyện đầy những yếu tố bất ngờ như chính cuộc đời. Đọc Kim Dung, người ta hiểu hơn cuộc sống. Nói đến sức hấp dẫn của tiểu thuyết võ hiệp, không thể bỏ qua giai điệu ngọt ngào, cảm động do "Tình bạn" mang lại. Tình bạn không phân biệt chính- tà là một giai điệu đẹp trong bản hòa âm "Tiểu ngạo giang hồ". Đọc "Thiên long bát bộ", độc giả không thể quên tình bạn hào sảng giữa Kiều Phong, Đoàn Dự và Hư Trúc. Trong tiểu thuyết kiếm hiệp, sự nồng hậu của tình bạn có khi còn hơn cả tình yêu.

Các bộ phim chuyển thể từ 12 bộ truyện Kim Dung đang làm mưa làm gió tại Châu Á. Với tiểu thuyết của ông, những điều gọi là "phi lý, không khoa học" lại được nữ văn sĩ đại lục Trần Tô Phán cho là đã góp phần tạo nên "Đồng thoại cho người lớn" trong thời đại ngày nay trí tưởng tượng cạn dần. Trộn lẫn thực- hư, giả tưởng- hiện thực đan xen, kết hợp hài hòa, cao nhã đại

chúng, cái vô hạn trong lòng bàn tay với những kiếm súng - bánh mì - hoa hồng... Đó là ranh giới nghệ thuật và ý tưởng thẩm mỹ tạo nên sức hấp dẫn nghệ thuật bao đời, bao người đeo đuổi. Nhưng hồ để mấy ai...

XÂY DỰNG NHÂN VẬT

Theo Vũ Đức Sao Biển, khuynh hướng của Kim Dung là thường đặt những cuốn tiểu thuyết của mình vào hoàn cảnh cụ thể của Trung quốc. Bộ Thiên Long Bát Bộ được đặt vào khung cảnh lịch sử triều nhà Tống với sự tương tranh, tương giao của 6 thế lực phong kiến: Tống, Đại Lý, Khất Đan (Liêu), Tây Hạ, Thổ Phồn và Yên. Bộ Lộc Đỉnh Ký được đặt vào khung cảnh lịch sử triều Khang Hy nhà Thanh, khi mà các thế lực chống nhà Thanh như hậu duệ của nhà Minh gồm Đường vương, Quế vương, Lỗ vương và Thiên Địa Hội hoạt động mạnh...

Nhân vật của Kim Dung được chia làm 2 tuyến: chính phái (hay bạch đạo) và tà phái (hắc đạo). Tuy nhiên, trong tất cả các tác phẩm, ông không hề rơi vào chủ nghĩa công thức: những kẻ mà ông xếp vào tà thường là chính nhân quân tử, những kẻ mà ông giới thiệu như chính nhân quân tử lại là kẻ chẳng ra gì. Bất kỳ người Trung quốc nào cũng gọi Minh giáo từ Ba tư truyền sang là tà đạo. Trong Ý Thiên Đồ Long Ký, Kim Dung đã chứng minh ngược lại: Minh giáo là một chính giáo, nồng nàn tình yêu nước, xả thân để cứu trăm họ khỏi ách thống trị của Mông cổ. Những Trương Vô Kỵ, Dương Tiêu... là những con người quang minh lỗi lạc, hành sự trong sáng, sống rất người. Và chính nghĩa thuộc về họ chứ không thuộc về nhân vật Chu Nguyên Chương, vốn đầy thủ đoạn chính trị, đã cướp công Minh giáo để lên ngôi mở ra nhà Minh. Có ai đẹp hơn Quân tử kiếm Nhạc Bất Quần, chưởng môn phái Hoa Sơn trong bộ Tiểu Ngạo Giang Hồ? Thế nhưng từ cuốn 9 trở đi, Nhạc Bất Quần dần dần hiện hình là 1 kẻ độc ác; dùng con gái làm bậc thang để leo lên, giết cả rể, lừa vợ, giết học trò, quyết chiếm cho được ngôi minh chủ Ngũ Nhạc phái, tự thiên bộ sinh dục để trở thành kẻ lại cái. Ngụy quân tử vẫn nguy hiểm hơn chân quân tử!

Nhân vật chính của Kim Dung là những con người bao dung, đôn hậu, không hủ nho. câu nệ, không làm bộ làm tịch. Đó là Kiều Phong tự tử ngoài Nhạn Môn Quan để mưu cầu hòa bình cho trăm họ Tống - Liêu. Đó là tiểu anh hùng Hồ Phỉ (Phi hồ ngoại truyện) tìm ra kẻ thù giết cha mà vẫn không xuống tay hạ sát. Đó là Quách Tĩnh (Xạ điêu anh hùng truyện) liều chết để giữ thành Tương Dương, là Thạch phá Thiên (Hiệp Khách Hành) chỉ biết sống thuần phác không hề hại ai... Họ chính là mẫu "người hùng" lý tưởng theo nhận thức đạo đức Trung Quốc.

Kim Dung thường dành tình cảm cho những con người xuất thân rất tầm thường, những đứa bé mồ côi không cha mẹ hoặc không biết ai là cha mẹ. Lệnh hồ Xung, Hồ Phỉ, Thạch Phá Thiên, Trương Vô Kỵ, Dương Quá là những chàng trai, những cậu bé như vậy, Đòi dạy họ cách sống và vốn sống. Và họ đã thành người, những con người rất trung thực, đạo đức.

Về những nhân vật nữ trong tác phẩm Kim Dung, tuy mang danh là truyện võ hiệp nhưng tác phẩm Kim Dung thực chất là những tiểu thuyết về Tình yêu đôi lứa. Họ xuất thân trong xã hội phong kiến nhưng sống và yêu rất lãng mạn - tất nhiên trong sự cho phép của lễ giáo Trung Quốc. Đó là những con người biết yêu say đắm và biết xả thân vì người yêu: Nhậm Doanh Doanh đối với Lệnh Hồ Xung (Tiểu ngạo giang hồ), Triệu Mẫn đối với Trương Vô Kỵ (Ý thiên Đồ long ký), Viên Tử Y đối với Hồ Phỉ (Lãnh nguyệt bảo đao), A Châu đối với Kiều Phong (Thiên Long Bát Bộ). Tuy nhiên trong mọi tình huống, họ vẫn giữ được tiết sạch giá trong của người phụ nữ phương Đông.

Cũng có thể nói Kim Dung là văn sĩ lớn phương Đông của thế kỷ 20. Về mặt trước tác, tác phẩm của ông đồ sộ hơn bất kỳ một văn sĩ nào. Bút pháp của ông lôi cuốn, hấp dẫn độc giả một cách lạ lùng. Và hệ thống kiến thức của ông từ y học đến địa lý, sử học, võ thuật, tâm lý học, bệnh lý học, tôn giáo học... hoàn chỉnh một cách vô song. Ông xứng danh là văn sĩ bậc thầy trong thế kỷ chúng ta sống.

VÕ CÔNG TRONG TIỂU THUYẾT CỦA KIM DUNG

Những nhân vật trong tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung hợp lại thành một giới - giới võ lâm - và đương nhiên, sinh hoạt của họ là sự thể hiện võ công để giết người, mưu đồ địa vị quyền lực; võ công để cứu người, trừ gian diệt bạo. Kim Dung đã cho những nhân vật của mình đặc thủ những loại võ công mà họ cần phải có. Các loại hình võ công bao gồm chưởng pháp (phép đánh bằng tay), quyền pháp (phép đánh bằng nắm tay), chỉ pháp (phép đánh bằng ngón tay), cầm nã thủ pháp (phép đánh bằng câu, bắt, móc, giật), trảo pháp (phép chụp bằng cả 5 ngón tay), cước pháp (phép đá), bộ pháp (phép đi, chạy), khinh công (phép đi nhanh). Nếu các nhân vật của ông chuyên sử dụng vũ khí thì mỗi loại vũ khí được kết hợp với một *pháp* để hình thành võ công riêng của họ: đao pháp, thương pháp, kiếm pháp, bồng pháp, trượng pháp, côn pháp ...

Kim Dung tạo ra cho nhân vật của mình những hoàn cảnh, tình huống để họ đặc thủ võ công, Có những nhân vật không chịu học võ, suốt ngày chỉ lo học sách thánh hiền, học kinh Phật như vương tử Đại Lý Đoàn Dự hay như nhà sư trẻ Hư Trúc cũng bị đẩy đưa vào hoàn cảnh, phải học võ công để tự cứu lấy mình và cứu người, trở thành bậc thượng thừa. Có kẻ say mê võ công, đi tìm suốt đời mà chẳng thấy. Con đường mà Kim Dung dẫn dắt những nhân vật trung tâm của mình đến với các thứ võ công không khỏi khiến cho độc giả cười thầm.

Nhân vật của Kim Dung thể hiện võ công qua kinh lực, ông chia kinh lực làm 2 loại: dương cương và âm nhu. Dương cương là loại kinh lực mãnh liệt, khi xuất chiêu phát ra tiếng động. Âm nhu là kinh lực mềm mại, khi xuất chiêu không phát ra tiếng động. Hai loại kinh lực đó loại nào cũng có thể giết người, làm tan bìa vỡ đá! Ông lấy nhu chế cương, lấy cương chế nhu. Kẻ thắng cuộc là kẻ có công lực cao hơn...

Kim Dung có 1 bề dày kiến thức về y học cổ Trung quốc. Một số nhân vật của ông thường vừa giỏi võ công, vừa tinh thâm y thuật, phối hợp y thuật với võ công hoặc để cứu người, hoặc để chế ngự người. Trong "Tiểu ngạo giang hồ", ta bắt gặp nhân vật Sát nhân danh y Bình Nhứt Chỉ, cứu người chỉ cần 1 ngón tay và giết người cũng chỉ cần 1 ngón tay. Trong "Ỗ thiên Đồ long ký", ta gặp Điệp cốc y tiên Hồ Thanh Ngưu và sau đó, là Trương Vô Kỵ, giỏi về chữa thương, phục hồi kỳ kinh bát mạch. Thuốc độc và phóng độc cũng là 1 loại võ công. Trong "Tiểu ngạo giang hồ", ta gặp Lam Phụng Hoàng, giáo chủ Ngũ độc giáo Vân Nam. Trong "Phi hồ ngoại truyện", ta gặp Độc thủ dược vương chuyên đánh thuốc độc.

Cũng theo Kim Dung, âm nhạc là 1 dạng võ công có thể chế ngự được địch thủ. Một số nhân vật của ông như Côn Luân tam thánh Hà Thúc Đạo (Ỗ thiên Đồ long ký), Cầm tiên Khang Quảng Lăng (Thiên Long bát bộ), Nhậm Doanh Doanh và Lưu Chính Phong (Tiểu ngạo giang hồ) đã dùng tiếng đàn, tiếng sáo, hoặc để chữa thương, hoặc để khắc chế địch thủ. Đoạn cảm động nhất là đoạn Doanh Doanh đàn khúc *Thanh tâm phổ thiện trú* để xoa dịu thần kinh cho Lệnh Hồ Xung khi chàng trai này bị trọng thương.

Kim Dung không lạm dụng khuynh hướng đa sát trong tiểu thuyết võ hiệp. Tất cả nỗ lực của ông nhằm minh họa 1 nguyên tắc lớn: Chữ Võ không bằng chữ Hiệp. Các nhân vật chính phái của ông hành hiệp cứu đời, xả thân vì cuộc sống, cứu vớt kẻ trầm luân, đánh đuổi giặc ngoại xâm, bảo vệ hòa bình hạnh phúc cho trăm họ. Họ không mưu cầu lợi danh, địa vị cho riêng mình. Đoạn tiêu biểu nhất cho cái Hiệp trong tác phẩm Kim Dung là đoạn Trương Vô Kỵ, giáo chủ Minh giáo Trung quốc, chỉ huy các lực lượng kháng Nguyên, bị 1 thuộc tướng của mình là Chu Nguyên Chương đánh thuốc độc và bắt giam. Chu Nguyên Chương có tham vọng lên ngôi thống lĩnh. Trương Vô Kỵ có thể giết Chu Nguyên Chương chỉ với 1 ngón tay, nhưng đã không làm điều đó. Anh đã lặng lẽ ra đi để được suốt đời ngồi vẽ lông mày cho người yêu Triệu Mẫn. Chu Nguyên Chương kháng chiến chống quân Nguyên thành công lên ngôi cửu ngũ, mở ra nhà Minh, truyền được 263 năm (1380- 1643).

Đó chính là lòng Nhân ái. Lòng Nhân ái đó đặt trên cơ sở của tư tưởng Khổng giáo, Phật giáo, Đạo giáo phương Đông. Trong khi các nhân vật của ông sử dụng võ công để đánh nhau, họ vẫn tôn trọng lòng Nhân ái mà "Hạ thủ lưu tình" (xuống tay vẫn giữ được tình người). Hai kẻ thù đánh nhau, đến khi chia tay vẫn có thể nói được lời từ biệt: "Non xanh trơ đó, nước biếc còn đây, còn

ngày gặp gỡ". Võ công làm nên tiểu thuyết võ hiệp nhưng không quyết định nội dung tiểu thuyết võ hiệp. Cái quyết định chính là chữ Hiệp, đứng sau chữ Võ.

TÌNH YÊU TRONG TIỂU THUYẾT VÕ HIỆP

Tuy tên gọi là tiểu thuyết võ hiệp nhưng bản chất những tác phẩm của Kim Dung là tình yêu đôi lứa nồng thắm. Chính tình yêu đã làm nên tính cách nhân bản và khiến cho hàng tỉ người say mê tác phẩm của Kim Dung.

Một cách khái quát, Kim Dung đã xây dựng những cặp nhân vật hoặc cụm nhân vật rồi tạo điều kiện cho họ gặp gỡ, hiểu biết và yêu nhau. Ông đã để cho nhân vật chính phái yêu tà phái, bạch đạo yêu hắc đạo để tạo nên những mâu thuẫn chiều sâu trong tâm hồn của nhân vật. Đặc biệt, những nữ nhân vật của ông thường rất đẹp, rất thông minh, xuất thân từ Ma giáo hoặc ít nhất cũng mang "một chút tà khí trong người". Đó là những cặp và cụm nhân vật Lệnh hồ Xung-Nhậm Doanh Doanh (Tiểu ngạo giang hồ); Trương Thúy Sơn- Ân Tố Tố, Trương Vô Kỵ- Triệu Mẫn- Chu Chỉ Nhược- Ân Ly- Tiểu Chiêu (Ỗ thiên Đồ long đao ký); Kiều Phong- A Châu; Đoàn Dự- Vương Ngữ Yên (Thiên Long bát bộ)...

Những mối tình được Kim Dung dựng lên là những mối tình thật trong sáng và do vậy, thật đẹp. Tác phẩm lấy bối cảnh lịch sử từ thời nhà Thanh trở về trước, khi mà tư duy phong kiến và nguyên tắc lễ giáo của đạo Nho đang giữ vai trò độc tôn chi phối toàn bộ sinh hoạt xã hội Trung quốc. Cho nên, những nhân vật của Kim Dung yêu trong sự cho phép của những tư duy và nguyên tắc ấy. Thế nhưng, tính chất lãng mạn thì rất phong phú.

Những nhân vật của Kim Dung đã yêu theo phong cách của hào sĩ giang hồ võ lâm. Trước hết, họ đánh nhau, sau đó mới hiểu nhau rồi mới yêu nhau. Tình yêu mang tính phấn đấu rất cao, các nhân vật vượt lên trên hoàn cảnh, vượt qua những sự chống đối để bảo vệ tình yêu của mình... Tình yêu luôn luôn kinh qua 1 quá trình hy sinh vô tận. Người ta còn tìm thấy những tình yêu ngang trái, rất người, thoát ra khỏi khuôn mẫu cho phép của lễ giáo phong kiến Trung quốc. Đó là Tiểu Long Nữ sư phụ, 1 cô gái trong sáng bị kẻ tà tâm cưỡng bức, yêu say mê đồ đệ Dương Quá... Cũng đặt ra những trường hợp sa đọa tình dục hết sức quái dị. Đó là Kiến Ninh công chúa, em gái vua Khang Hy, đã sa ngã với Vi tiểu Bảo, 1 gã thái giám giả mạo... Khi xây dựng những loại tình yêu này, ông đã nghiên cứu rất kỹ những biểu hiện của tính cuồng dâm và đồng tính luyến ái.

Tác phẩm của Kim Dung có những đoạn nói đến tình yêu thật đẹp. Nhân vật của ông không bao giờ thốt ra miệng chữ yêu nhưng tình yêu của họ nồng nàn và trong ánh mắt, trong hành động và trong tái tim. Đó là A Châu trở về Nhậm Môn Quan chờ Kiều Phong để được suốt đời "theo đại gia cùng đi săn chồn, đuổi thỏ". Đó là Doanh Doanh bán tin cho giới ma đầu trên giang hồ phải giết ngay Hồ Xung vì "Ta muốn người ở mãi bên ta để ta chở che, bảo vệ". Đó là Triệu Mẫn nói với Vô Kỵ: "Lông mày thiếp đã nhạt màu rồi. Công tử kẻ lại giùm cho thiếp đi". Những lời tỏ tình mang đầy tính chất ẩn dụ và biểu tượng như thế khiến tác phẩm vừa sâu, vừa không dung tục. Vẫn có những tình yêu trá ngụy. Nhạc Linh San bỏ Hồ Xung để làm vợ gã ái nam ái nữ Lâm Bình Chi dạng kiếm cho được pho "Tịch tà kiếm phổ" cho cha là Nhạc Bất Quần. Chu Chỉ Nhược đánh lừa hứa hôn với Vô Kỵ để đánh cắp bộ "Cửu âm chân kinh" theo di huấn của sư phụ là Diệt Tuyệt sư thái. Nhưng tuổi trẻ của Linh San, Chỉ Nhược không nghĩ ra được sự trá ngụy ấy. Phần trá ngụy, âm mưu thuộc về sự xếp đặt của những người lớn, của thầy, của cha.

Đọc tác phẩm Kim Dung, người ta khám phá ra cái đẹp của tình yêu. Thông qua tình yêu, ông giáo dục cho con người mỹ cảm về đạo đức. Nói rằng tác phẩm võ hiệp, thật ra chỉ là 1 cách nói. Chính tình yêu đã làm nên cái hồn, sự sống cho tiểu thuyết võ hiệp. Mỗi tác phẩm của ông ra đời trở thành 1 bức thông điệp ngọt ngào cho tình yêu lứa đôi.

BỘ THIÊN LONG BÁT BỘ

1/- Kiều Phong

Là người anh hùng của bi kịch, hoàn toàn không giống bất kỳ người anh hùng nào trong suốt chiều dài lịch sử Trung Hoa. Ông không thuộc giống nòi Đại Hán, lại là người Liêu, bị kết tội khai man lý lịch nhằm leo cao thọc sâu, lên làm bang chúa Cái bang Trung Quốc, rồi sau đó sẽ bán đứng Trung Quốc cho rợ Khiết Đan. Ông không hề biết say mê nhan sắc, không thèm nhìn cô hoa khôi vợ của bạn 1 cái đến nỗi cô căm thù, tìm mọi cách để cô công bố cái lý lịch Khiết Đan của ông.

Kiều Phong bỏ ngôi vị ra đi, cứu A Châu rồi yêu thương nàng. Tình yêu đau đớn ấy đẩy lên đến tột đỉnh khi ông ngộ sát A Châu. Ông bỏ Trung Quốc về Khiết Đan, trở thành Nam Viện đại vương, nắm hết binh quyền đất nước này. Hoàng đế ra lệnh cho ông tấn công đánh xuống triều Tống vừa để trả thù nhà, vừa để đền ơn nước. Nhưng ông yêu hòa bình nên không thể để cho trăm họ lâm than vì chiến tranh. Ông đã tự xử lấy mình để giải quyết toàn bộ nghịch lý, mâu thuẫn mà cuộc sống và lịch sử nghiệt ngã đã dành cho ông. Mũi tên chó sói, biểu tượng nguồn sống của người Khiết Đan, trở thành phương tiện giải thoát cho ông. Kiều Phong chọn giải pháp cuối cùng – tự tử - để hoàn thành khát vọng tự do của mình.

2/- A Châu

Có số phận đau thương, bi kịch nhất trong hàng trăm nhân vật nữ của tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung. Nàng là con của Đoàn Chính Thuần - 1 người cha cực kỳ vô trách nhiệm...

Kiều Phong đã cứu A Châu trên núi Thiệu Lâm. Gặp lại nhau tại Nhạn Môn Quan, A Châu nhào vào lòng Kiều Phong và khóc lên vì hạnh phúc.

Do một lời vu cáo, Kiều Phong nhận lầm rằng Chính Thuần là người chỉ huy đánh giết cha của mình, nên ông quyết đi trả thù. Để cứu cha ruột, A Châu hóa trang làm Chính Thuần, đến bên cầu giữa đêm mưa gió, chấp nhận cuộc chiến đấu rửa hờn của Kiều Phong. Ông chỉ đánh 1 chưởng và khám phá ra đó là A Châu đã bị tử thương. Ông tiêu diệt chính tình yêu của ông, cứu cánh hạnh phúc của đời ông.

Bi kịch tình-hiếu đã khiến A Châu tử thương, Kiều Phong đánh lầm làm người yêu ra đi khỏi cuộc đời mình, mang mối ân hận ngàn thu. A Châu trở thành nhân vật mẫu mực, tượng trưng cho lòng hy sinh cao cả của người phụ nữ phương Đông.

BỘ LỘC ĐÌNH KÝ

1/- Vi tiểu Bảo

Xuất thân từ kỹ viện Lệ Xuân ở thành Dương Châu. Mẹ của hắn bang giao rộng rãi với các anh em Hán, Mông, Tạng, Hồi, Mãn; nên không khẳng định được cha của hắn là ai. Chính Tiểu Bảo đã từng mơ ước một ngày nào có số tiền lớn đến một kỹ viện để ăn xài phung phí cho sướng tay 3 ngày 3 đêm. Nhưng thật ra, kỹ viện không phải chỉ là nơi mại dâm, bọn giang hồ hào sĩ bị bọn quan binh truy nã; người bị thương đều lánh vào kỹ viện dưỡng thương.

Tiểu Bảo, học trò của Trần Cận Nam, là hương chủ Thanh Mộc Đường của Thiên Địa Hội, nằm vùng trong cung triều Thanh, được vua Khang Hy sủng ái. Khi lên ngôi, ông vua nhỏ tuổi này muốn trừ khử Ngao Bái, Tiểu Bảo có công đâm chết Ngao Bái nên được tặng tiểu tì Song Nhi đi theo hầu. Lúc bấy giờ, ở Vân nam, Ngô Tam Quế đang chuẩn bị binh mã khởi loạn chống lại vua Khang Hy. Dùng thủ đoạn, Tiểu Bảo vu cáo để Ngô Chi Vinh bị bắt – để trả thù cho gia đình Song Nhi - sau đó Ngô Tam Quế cũng bị tiêu diệt.

Độc “AQ chính truyện” của Lỗ Tấn, người ta cười buồn, xót thương cho số phận con người Trung Quốc, AQ chết trên pháp trường một cách hồ đồ. Độc “Lộc Đỉnh ký”, người ta cười ha hả: Tiểu Bảo sống nhăn răng với 7 vợ xinh đẹp và một gia tài kếch xù, thế nhưng, người ta không tìm ra được hành tung của hắn dù nơi đâu hắn cũng có mặt.

2/- Song Nhi

Có võ công cao cường, nhân phẩm đoan chính, có học vấn và có tấm lòng trung thành vô hạn đối với chủ. Cô đi theo Tiểu Bảo ăn tuyết nằm sương, nhưng không bán mình cho họ Vi, cô bỏ công ra cả tháng, thức thâu đêm để khâu lại những mảnh vải nhỏ lấy được trong 8 bộ “Tứ thập nhị chương kinh” thành tấm bản đồ lớn mô tả kho châu báu ở Lộc Đỉnh Sơn mà không hé miệng than thở một lời. Tiểu Bảo hay chột nhả, nhưng cô chẳng bao giờ dễ dãi để hắn ôm hôn. Trong khi đó, với Kiến Ninh công chúa, em vua Khang Hy; với A Kha, con gái Trần Viên Viên; với công chúa Sophia của nước Nga, Tiểu Bảo muốn hôn là hôn, muốn chăn gối là chăn gối...

Điều gì đã khiến nhà văn Kim Dung tôn trọng nhân phẩm của một con hầu, nâng cô lên trên cả các vị công chúa và tiểu thư thiên kim? Đó chính là cái nhìn của ông về bản chất của cái gọi là tầng lớp quý tộc trong chế độ quân chủ Trung Hoa... Song Nhi trở thành 1 trong 7 người vợ của Tiểu Bảo, nhưng cô vẫn giữ được phẩm giá chân chính của người phụ nữ.

BỘ Y THIÊN ĐỒ LONG KÝ

1/- Trương vô Kỵ

Là con trai của Trương Thúy Sơn và Ân Tố Tố, có tấm lòng rất nhân hậu, 15 tuổi đã dám dắt em bé Bất Hối sáu bảy tuổi vượt hàng chục ngàn dặm lên Thiên Sơn tìm cha. Con người trai trẻ ấy may mắn học được Cửu Dương Công, Võ Đang quyền pháp... Mới 20 tuổi đã xả thân cứu quần hào Minh giáo, chịu đem tấm thân cho người ta đánh đập để hóa giải tất cả mọi hận thù. Và cũng con người ấy mới 20 tuổi đã làm giáo chủ một giáo phái yêu nước, lãnh đạo người Trung Quốc đứng lên khởi nghĩa chống quân Nguyên xâm lược. Dù Chu Nguyên Chương phản mình, đem Vô Kỵ và Triệu Mẫn giam vào đại lao, nhưng vì cuộc khởi nghĩa ở Hoài Tứ Chỉ lại cần có Nguyên Chương làm thủ lĩnh, nên Vô Kỵ lặng lẽ mở xiềng khóa, dẫn người tình ra đi để Nguyên Chương tiếp tục lãnh đạo thành công và lập ra triều Minh.

2/- Triệu Mẫn

Là quận chúa Mông Cổ, một cô gái tươi đẹp như hoa nở, không cô gái Trung Hoa nào có thể sánh kịp. Tham vọng của Triệu Mẫn rất lớn là triệt hạ 6 đại môn phái Trung Hoa đang nuôi mộng chống đối nhà Nguyên. Cô đã bao vây được các thủ lĩnh của Minh giáo và đã nhốt được Vô Kỵ dưới hầm sâu. Nhưng Vô Kỵ vốn là thầy thuốc, võ công lai cao cường, đã không chế cô bằng cách dồn Cửu Dương Công vào gan bàn chân khiến cô ngứa ngáy và phải thả chàng ra. Chính việc cù chân đó đã làm nảy sinh trong lòng cô mối tình tha thiết với Vô Kỵ.

Lòng hy sinh của Triệu Mẫn thật bao la: bỏ lại tất cả vương tước, cuộc sống cao quý, xa cha, xa anh để được sống bên Vô Kỵ. Tình yêu bao la đó đã được Vô Kỵ đền đáp một cách xứng đáng: chàng nhường ngôi giáo chủ Minh giáo Trung Hoa lại cho Dương Tiêu, cùng Triệu Mẫn dắt tay nhau rong chơi bốn biển năm hồ.

BỘ TIỂU NGẠO GIANG HỒ

1/- Lệnh Hồ Xung

Làm môn đệ phái Hoa Sơn từ lúc 12 tuổi, tôn sư phụ Nhạc Bất Quần như cha, coi tiểu sư muội Nhạc Linh San như em gái. Bản tính hần ngay thẳng, chân thực, không nịnh bợ ai, sẵn sàng ra tay viện trợ người khác. Bị Linh San phụ rầy mỗi tình đầu để đi theo Lâm Bình Chi, hần còn mang tiếng xấu là đã ăn trộm Tịch Tà Kiếm Phổ, Nhưng hần lọt vào mắt xanh thánh nữ- Nhậm

Doanh Doanh, tiểu thư của Nhật Nguyệt thần giáo và từ đó, bọn bang môn tả đạo coi hắn là đại anh hùng đại hào kiệt trên đời. Nhưng cuộc sống oái oăm, con người thanh danh tàn tạ như hắn lại trở thành chưởng môn phái Hằng Sơn, cai trị một bầy ni cô và phụ nữ tục gia.

Với đường Độc Cô Cửu Kiếm, hắn nhìn ra toàn bộ sơ hở trong kiếm pháp của thiên hạ, hắn có thể giết được tất cả kẻ thù địch nhưng luôn luôn hắn hạ thủ lưu tình. Hồ Xung là chính nhân quân tử thứ thiệt, miệng hắn béo lẻo trơn như mỡ nhưng hành vi rất đoan chính, quang minh, ai cũng yêu mến hắn và căm giận sư phụ hắn là Nhạc Bất Quần tức Quân Tử Kiếm.

2/- Nhậm Doanh Doanh

Là một nữ nhân vật tươi đẹp trong sáng, giỏi âm nhạc, võ công cao cường, mưu trí sâu sắc, cai trị bọn bang môn tả đạo bằng trái tim thép nhưng rất mềm cảm với tình yêu và sống với tình yêu bằng trái tim dịu dàng vô kể. Cô gặp Hồ Xung trong khi chàng trai lãng mạn này đã mất hết công lực, bị sư phụ và các đồng môn đập xuống hố sâu của sự nghi ngờ khinh bỉ... Cô gặp Hồ Xung qua tấm rèm không cho chàng trai thấy mặt, nhận tặng vật của chàng là một bộ nhạc phổ "Tiểu Ngạo Giang Hồ" và lắng nghe chàng kể lại nỗi đau tình khi bị Linh San phụ bạc để đi theo Bình Chi. Doanh Doanh có nhận định khá lạ lùng về tình yêu: Hễ ai không chung tình với quá khứ thì sẽ không chung tình với hiện tại và tương lai. Cho nên, cô ra đi để bảo vệ Hồ Xung, xoa dịu vết thương thể xác và tâm hồn. Khi chàng kiệt sức, cô đành cõng chàng lên chùa Thiếu Lâm nhờ chữa trị và tự đem thân mình cho phái Thiếu Lâm cầm tù để đổi lấy sinh mạng của người yêu.

Khi lành bệnh, hiểu ra được lòng thương yêu và đức hy sinh vô hạn ấy của Doanh Doanh, Hồ Xung đã thống lĩnh toàn bộ bọn hào sĩ lên chùa Thiếu Lâm đòi thả cô ra. Chính hành động mạnh mẽ ấy của chàng khiến Doanh Doanh biết chàng đã yêu mình. Cuối cùng, cô nhường ngôi giáo chủ lại cho Hưong Vãn Thiên, làm đám cưới với chàng và vợ chồng cùng song tấu khúc "Tiểu Ngạo Giang Hồ".

BỘ THẦN ĐIỀU HIỆP LỮ

1/- Dương Quá

Thông minh vô hạn, can đảm tuyệt vời, trung thực mười phần, chàng học được Đả Cầu Bổng pháp của Cái bang, lại đắc thủ toàn bộ võ công của phái Cổ Mộ do Tiểu Long Nữ sư phụ truyền cho... Cái hơn đời nhất của Dương Quá so với các người anh hùng khác là chàng đã dám yêu sư phụ của mình trong một xã hội phong kiến mà người thầy được xếp cao hơn cả cha mẹ. Dù bị mọi người nguyên rủa, chàng vẫn thừa nhận tình yêu ấy, thừa nhận chỉ yêu Long Nữ và khi nàng ra đi thì chàng cũng đi khắp góc biển chân trời tìm nàng.

Cuộc kháng chiến chống quân Mông cổ có sự góp mặt tích cực của Dương Quá- chàng trai yêu nước.

2/- Tiểu Long Nữ

Ngay từ thuở nhỏ, nàng đã được nuôi nấng, học võ công và trưởng thành trong ngôi mộ của phái Cổ Mộ sau núi Chung Nam, kế tục sự nghiệp của sư tổ Lâm Triều Anh. Nàng là một cô gái trong sáng, đắc thủ toàn bộ võ công của phái Cổ Mộ, Long Nữ trưởng thành hồn nhiên như viên ngọc không gợn tí vết, nàng thương yêu người đồ đệ kém mình 2 tuổi và trong đời nàng, chỉ có mối tình ấy, không còn mối tình nào khác.

Nhưng Long Nữ đã bị gã đồ đệ phái Toàn Chân làm thất trinh, chỉ tội nghiệp cho nàng: nàng cứ nghĩ người đó là Dương Quá, nên trong sự bế bång đau đớn còn có niềm hạnh phúc được dâng hiến. Cũng tội nghiệp cho chàng phải chịu cái án oan. Cho đến khi Long Nữ biết ra được rằng Dương Quá đồ đệ của mình vẫn trước sau là một người trong sáng, thì nàng thật sự tuyệt vọng.

Nàng lẳng lạng từ bỏ mối tình lớn trong đời để ra đi. Dương Quá cũng từ bỏ tất cả ra đi để tìm sự phụ. Cuộc rượt đuổi đi tìm hạnh phúc, tình yêu đó thật náo nức.

BÀI HÁT VỀ CÁC NHÂN VẬT CỦA KIM DUNG

Theo nhạc của Bài hát “ London Bridge ” (xin đón đọc trong những ngày sắp tới) , người viết soạn Bài hát về các Nhân vật của nhà văn Kim Dung sau đây:

Các bộ truyện của Kim Dung :

- 1) Thiên Long Bát Bộ với Kiều Phong
 - 2) Phi Hồ Ngoại (truyện),
 - 3) Lộc Đỉnh Ký
 - 4) Liên Thành Quyết,
 - 5) Ý Thiên Đồ Long (ký)
 - 6) Tiểu Ngạo Giang Hồ!
 - 7) Anh Hùng Xạ Điêu,
 - 8) Bích Huyết Kiếm
 - 9) Thử Kiếm Ân Cừu Lục
 - 10) Thần Điêu Hiệp Lữ,
 - 11) Hiệp Khách Hành
 - 12) Tuyết Sơn Phi Hồ.
- Thiên Long Bát Bộ (tức Lục Mạch Thần Kiếm)
(Thời) Tống - Liêu Kiều Phong yêu A Châu
A Tử, Hư Trúc, Ngân Xuyên (Công chúa Tây Hạ)
(Vương) Ngũ Yển, Uyển Thanh, Đoàn Dự có
Lục Mạch Thần Kiếm!
- Lộc Đỉnh Ký
Lộc Đỉnh Sơn (Vi) Tiểu Bảo thắng Nga (La Sát)
Theo Khang Hy (và) Thiên Địa Hội
Yêu Kiến Ninh, Song Nhi, A Kha
AQ đến Tiểu Bảo!
- Ý Thiên Đồ Long Ký
(Trương) Vô Kỵ giúp (Chu) Nguyên Chương lập (triều) Minh
Yêu Triệu Mẫn, (Chu) Chí Nhượng, Tiểu Chiêu
Ân Tố (Tố), (Trương) Thúy Sơn, Tạ Tốn giữ
Ý Thiên Đồ Long (đao)!
- Tiểu Ngạo Giang Hồ
Quân Tử Kiếm, (Lâm) Bình Chi, (Nhạc) Linh San
Đào Cốc Lục Tiên, Tổ Thiên Thu
Lệnh Hồ Xung, (Nhậm) Doanh Doanh song tấu
Tiểu Ngạo Giang Hồ!
- Thần Điêu Hiệp Lữ
Hoàng Dung, Quách Tĩnh, Quách Tương chống
(Tiểu) Long Nữ sự phụ Cổ Mộ
Yêu đệ tử Dương Quá nổi danh
Thần Điêu Hiệp Lữ!

PHẠM VŨ

tiểu luận

TRIẾT LÝ TRUYỆN KIỀU

VÕ CÔNG LIÊM

Thi bá Nguyễn Du là bá chúng nhân gian, không còn ai để sánh. Tiên Điền là nhà thơ như muôn triệu nhà thơ khác. Nhưng thi ca của người nói lên cái tài, cái mệnh, cái đức, một ứng dụng thâm hậu không còn là biên giới thời gian. Nguyễn Du một tư tưởng gia, lấy thơ để biến thành triết thuyết. Là một tổng thể nhân sinh qua mọi thời đại, một triết lý tồn lưu muôn đời, sống thực với đời để đi vào đời một cách hiện thực. Đó là cái lý sống hiện sinh vĩ đại và đa dạng trong một nội thức siêu lý; đó là tác phẩm Đoạn Trường Tân Thanh tuyệt xuất của ông. Nguyễn Du có mặt giữa cõi đời này, bất diệt. Ngày nay thi hào Nguyễn Du là thi bá thế giới như Dante, Homer, Goethe, Shakespeare. Kể cả phương Đông như Lý Bạch, Đỗ Phủ, Vương Duy. Nhưng chúng ta có một cái nhìn chủ quan về Nguyễn Du; vì người là đỉnh cao trí tuệ của dân tộc, có một tính chất 'toàn năng' trong ngôn ngữ, một ngữ thuật uyên thâm mới sáng tạo ra như vậy. Thời gian «ba trăm năm sau» của Nguyễn Du được đánh giá cái lý siêu nhiên không những cho dân tộc ta mà ngày nay Nguyễn Du đã trở thành thi bá thế giới. Để hiểu chiều sâu triết lý của Nguyễn Du không phải dễ và chưa có ai dám nhận rằng mình hiểu Nguyễn Du trọn vẹn ý nghĩa của người, không ít thi nhân, người ta chỉ cảm thức được cái hồn thơ của Nguyễn Du là đủ lắm rồi, ngay cả người nước ngoài chỉ nhìn Nguyễn Du như một nhận thức siêu nhiên của một nhà thơ. Nguyễn Du đã đưa ngôn ngữ đi vào cái 'tĩnh'; đó là Việt tính siêu việt một liễu quán bao la diệu vợi, một triết lý đạo đức và hiện sinh. Nội hai chữ «Tài Mệnh» là cả tính triết lý trong đó; gồm dân tộc tính và thế giới tính. Đó là cái nhìn từ bản thể mà ra. Một cái nhìn hiện hữu, một hiện tượng của con người,

một cái nhìn nhị nguyên: đó là thảm trạng cuộc đời hạn hữu và thảm trạng khước từ cuộc đời hạn hữu. Chỉ 6 chữ mở đầu là đối tượng của sự hiện sinh cho con người trong vũ trụ ngày nay, nó biến hình thành văn chương bình dân cũng như văn chương bác học thể hiện trên đầu môi, chót lưỡi, như câu nói bình thường và thực tế. Không có gì rườm rà cả. Một thứ triết lý đơn thuần:

Trăm năm trong cõi người ta

Trăm năm là một đời người. «Trăm năm trong cõi người ta» là một mệnh đề ta thán, một nhấn mạnh của con người tại thế, một cái gì mang nặng tính nhân bản vừa ẩn dụ vừa hiện hình được thể hiện qua từng câu thơ, sống thực, vượt thời gian qua mọi giới trong kiếp người của cuộc đời này. Lời và ý như nhắc nhở sự hứng chịu của định mệnh an bài, từ khi sinh ra cho tới trăm tuổi đều nằm trong qui trình của 'tương đối'. Ý nghĩa chính yếu của thời gian trung thực là giới hạn, một thời gian tính; đó là thể tính thời gian hiện sinh. Nguyễn tiên sinh một thi bá lỗi lạc mới ý thức và bắt gặp thảm trạng ấy của thân phận làm người trong một ý thức chiêm cứ và trong một ý muốn hoài vọng; đó là lối mơ về cũng như lối thoát cuộc đời để đi tới nếp sống hiện sinh, mà trong mỗi chúng ta đều mang nặng tâm tư ấy. Hiện sinh là gì? Là để vượt thoát ra khỏi tàn tích, ra khỏi mọi tình huống bí tỉ để tìm thấy con đường giải thoát của hiện sinh, có nghĩa là trung thực trong con người đầy sáng tạo của bản thể hiện sinh. Chiếm cứ đó không ai có thể làm ra, không ai có thể có được; nó chỉ đòi hỏi một ý thức tuyệt đối trong cuộc đời và trong ta, nó chỉ đến một lần như mỗi chiêm cứ của bản chất tinh người trong lẽ sống hiện sinh. Bản thể và hiện tượng dung thông trong mọi kiếp của trần gian này. Cho nên chi hiện sinh trong thơ Nguyễn Du là NGỘ như một nhận thức sâu sắc. Tổ Đạt-ma và thi sĩ Vũ Hoàng Chương có cái nhìn tương tự và gần như hồ tương từ tương đối đi đến tuyệt đối. Tổ nói: «Khi mê thì thấy có thể gian để thoát, khi ngộ thì không thấy thể gian để mà thoát » (Ngộ tánh luận) Thi sĩ nói: «Khi chưa thấy ta hề thì đường đi thênh thang. Đến khi thấy ta hề thì đường đi chông gai.» Trở lại với câu đầu 'Trăm năm trong cõi người ta'. Tiên sinh đã nói đi nói lại nhiều lần, từ cái bình thường đến cái siêu lý, đó là sự nhận thức thông thường của đời sống giữa không gian và thời gian hiện sinh. Do đó không gian và thời gian có hai bề mặt hữu thể: một là thời gian trăm năm và một là không gian cõi người. Chẳng thế; quan niệm này đưa chúng ta vào ý niệm của thuyết nhị nguyên đối với tính thể hiện hữu và tính thể hiện sinh trong văn chương của thi bá Nguyễn Du. 'Trăm năm trong cõi người ta' là một mệnh đề có tính siêu thể vừa siêu nhiên hay có tính siêu-hình-học; nghĩa là cấu kết trong sự vận hành của triết học để đi tới triết thuyết; đồng thời giải thoát toàn thể để đi tới thể tính hiện sinh của con người.

Trăm năm trong cõi người ta

Và

Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi

Cuộc đời trôi chảy không thể vượt được thời gian, hay chính thời gian lôi cuốn cuộc đời trôi chảy. Thời gian là yếu tố phát sinh và hủy diệt. Cho nên không có thi ca hiện hữu vì hiện hữu chỉ là đối tượng; mà thơ là hình ảnh, có thể là hình ảnh tượng trưng hay siêu thực mà ở đây thơ của Nguyễn tiên sinh là thể tính nhân sinh tức nhân bản chủ nghĩa. Thi ca trong biến dịch thời gian có thể xem là một lối quay về quá khứ để có một dự phóng tương lai 'cõi người ta'; chính là cõi mơ về rêver / dreaming-day trước một hiện hữu truân chuyên, chính cái đó là vai trò của hiện sinh là thời gian của thân phận. Thử đưa 4 câu thơ mở đầu cho một dòng đời mà Nguyễn Du đã nhận ra thể nào là con người và thời gian, một vận hành như dẫn thân của định mệnh đã trút xuống cho con người:

*Trăm năm trong cõi người ta
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau
Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.*

Đó là một liên trình biến chứng, thể hiện được tất cả kinh nghiệm của con người, của cuộc đời qua con người hiện hữu, bao hàm cả một thời gian hiện sinh. Sở dĩ như vậy vì sống có nghĩa là chuyển vận, theo sau nhịp thở của vũ trụ ngoại giới, đó là niềm đau của con người cũng như nỗi bi đát của thân phận vì con người là vật thể mang nặng tính thời gian. Kéo dài và không dứt của vũ trụ giới mà con người nằm trong quỹ đạo ấy:

*Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng*

Đoạn trường tân thanh mở đầu như thế đó. Nguyễn Du báo trước cái hiện-hữu-tính-không của thời gian biến dịch vào cái 'Không' của vũ trụ bao la; bởi sự xê dịch thời gian vô hình nhưng hữu hình và vô phương để chặn đứng sự hiện hữu của thời gian. Đời thường nói 'thời gian thật là tàn nhẫn' khi nói như thế tức thời gian hiện hữu mà thời gian hiện hữu là mơ hồ chỉ còn lại con người hiện hữu với thời gian và ở trong chúng ta, cũng như trong mọi thực thể khác. Ý thức hay vô thức đều có một biến trình động tác đổi thay. Thời gian là bản chất của đời người, thân phận làm người đồng hóa với thời gian. Thời gian chuyển vận trong Đoạn trường tân thanh được hiện hữu qua ba nhân vật chính (Thúy Kiều, Thúy Vân và Kim Trọng) là chức năng hiện sinh mà Tố Như diễn đạt một cách sống thực tài tình cái bản ngã như nhiên của con người. Mỗi nhân vật đại diện cho thời gian, kể cả nếp sống hiện sinh đi qua từng giai đoạn cuộc đời, một gấn bó dài lâu, một thôi thúc, một đoạn trường; đó là trọng điểm để được giải phóng cho sự mơ về. Trở lại với ý thức siêu lý của Nguyễn Du để thấy cái dân tộc tính đầy sáng tạo của thi ca mà ít ai nhận ra từ những chất liệu đơn sơ; một khả tính thời gian và tâm lý trong thi tứ của Tố Như, nó chứa đựng hai bề mặt; thời gian hiện sinh và thời gian của hố thẳm, quán vào những câu thơ đượm màu triết lý thi ca tư tưởng:

*Tưởng bây giờ là bao giờ
Rõ ràng mờ mắt còn ngờ chiêm bao.*

Rồi:

*Mai sau đâu có bao giờ
Đốt lò hương ấy so tơ phím này.*

Cả hai câu lục bát trên Nguyễn Du đã đưa chúng ta vào mê hồn trận của thời gian; 'bây giờ là bao giờ' và 'mai sau đâu có bao giờ' đó là một quần thể của thời gian, Nguyễn Du nhắc đi nhắc lại cái hiện hữu của thời gian, tuy vô hình nhưng một đụng chạm trực tiếp với con người. Kiều đụng độ chính là đụng độ với thời gian hiện sinh, vì rằng; lẽ sống của Kiều là đại diện một tâm thể bức xúc, một trầm thống mà tiên sinh muốn đặt nó như 'cái mệnh' mà con người phải gánh chịu không ta thán. Cho nên ngân nga từng thơ-khúc của Nguyễn Du để thấy được thể tính hiện sinh 'bây giờ là bao giờ' một câu hỏi tự tại, đó là cái gì thâm hậu của thời gian, mà cứ ngỡ 'còn là chiêm bao' cái thực thể dân tộc tính có cái gì sâu hoáy trong những vần thơ vi diệu của Nguyễn Du. Ấn dụ hay trùu tượng? Không! Tất cả là sự thật của đời người trong những biến trình va chạm thực tế. Có lẽ những tương quan này về sau như: Jaspers, Hoederlin, Heidegger, Kierkegaard hay Nietzsche nhận ra giá trị thời gian và thân phận con người trước vũ trụ biến dịch; cái sự ấy dấu sao cũng đi sau thi bá Nguyễn Du cả ngàn dặm... Cái ý thức vô biên đó chính là cái 'ba trăm năm sau' của Nguyễn Du. Một hiện diện thường hằng của thời gian tính. Cứ cho như là 'rapprochement des extrêmes. Participation total et solitude' để rồi giữa chúng ta đồng cảm với Thúy Kiều như một tha nhân hiện hữu, thời gian sống của Kiều giữa ba thì của cuộc đời là thời gian của Nguyễn tiên sinh gấn bó với đời; đó là ý thức sâu xa sự chuyển vận phi lý của thời gian. Cho nên nhận thức đó của Kiều là tri giác tình cảm, một thứ tình cảm lo lắng đưa tới bóng thời gian, bóng chiều của buổi Thanh minh, Kiều bừng dậy trong ý thức rằng cái sự lý đó là chuỗi thời gian tàn tạ trước mắt cũng như về sau:

Bóng chiều đã ngã, dặm về còn xa

'Dặm về' một hoài cổ của Kiều về với Kim Trọng chính là hoài Lê của Nguyễn Du. 'dặm về' là cú điểm của thời gian, Kiều cũng như tiên sinh sống trong nỗi nhớ của thời gian. Đó là sự vận

dụng tài tình trong phút giây siêu hình để cưỡng lại tiền đề của thời gian hiện sinh là sự chuyển vắn giữa hiện tại và tương lai. Cuối cùng lời thơ như an ủi thân phận, chấp nhận truan chuyên và giữ một lòng trung quân để được sống hiện thực và coi đó như thử thách của 'tài mệnh':

*Bắt phong trần, phải phong trần
Cho thanh cao, mới được phần thanh cao*

Đó là một nhận thức xúc cảm và một ý thức bản năng của nhà Nho, bởi vì Nguyễn Du là con người có cái nhìn tiếp giáp vào hiện sinh, không nhìn liên trình của thời gian ngoại tại như hình thái của sức mạnh siêu hình mà thời gian siêu hình chỉ thoáng hiện rồi vụt đi mà chỉ để lại cho con người một giòng thời gian liên tục qua ý thức về cuộc sống. Cho nên thời gian siêu hình không tương hợp với nhịp sống hiện sinh. Căn bản sâu xa của hiện hữu có lẽ là tri giác không gian, tri giác nội tại, tri giác đối tượng, tri giác bản ngã; tất cả được qui định như tính cách hiện hữu thời gian tính và hiện sinh tính. Suốt một 'hành trình' 15 năm của Kiều, bất cứ ở đâu Kiều cũng minh định được hiện hữu của mình; vào ra cửa Khổng sân Trình cũng là sinh mệnh, tức định mệnh theo đuổi thời gian của Nguyễn Du. Đó là tất cả biến dịch của hiện hữu và thời gian. Kiều tài sắc vẹn toàn nhưng phải nhận những bi thương của cuộc đời, đó là 'tài mệnh' đó là 'bỉ sắc':

*Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi
Hết nạn nọ đến nạn kia
Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần
Trong vòng giáo dục, gươm trần
Kẻ lưng hùm sói gửi thân tôi đòi.*

Đây là ý thức sâu xa của Kiều về cuộc đời và chính là ý thức sâu xa của người hiện sinh trước sự biến dịch của thời gian, một cuộc đời mang nặng hai tâm tư. Một hiện hữu dân tộc tính và một hiện hữu thế giới tính. Trạng thái của tài mệnh và bỉ sắc là thế, vì hai thứ đó thuộc về mệnh lệnh, có tài thì mệnh yếu, bỉ sắc tư phong thì coi như thua kém cái gì thì được bù lại cái khác. Nhưng tất cả là mệnh lệnh của thiên ý. Kiều là hiện hữu thực thể cho nên bị đất và trầm trọng hơn bao giờ:

Sự muôn năm cũ kể chi bây giờ

Thành thử qua sự chuyển vắn ngoại tại và qua ý thức hiện hữu của con người, thời gian hiện sinh đã qui về trong hai đặc tính: thời gian và ý thức.

- Thời gian tâm lý của hiện sinh vẫn luôn luôn là thời gian hướng đến bao nhiêu hiện hữu mới mẻ giữa đời, nhưng đồng thời cũng hướng đến những biến trình thời gian. Đây là sự bất gặp giữa hiện hữu qua thời gian mơ về của Thúy Kiều.

- Ý thức của con người vừa chấp nhận đổi thay, vừa quan sát đổi thay, cho nên ý thức khách thể là một hiện tượng biến dịch, thì ý thức chủ thể là ý thức duy nhất để nhận ra mình giữa cuộc sống đó là ý thức hiện sinh của Nguyễn Du:

Giật mình, mình lại thương mình xót xa

Đây là ý thức chủ thể (mình lại) và ý thức khách thể (thương mình) vì khách thể đang chịu tác động của cuộc đời như một hiện tượng, trong khi đó ý thức chủ thể lại đứng ngoài. Cho nên chi, ngoài thời gian hiện sinh bao hàm hiện hữu tính của con người nằm trong lãnh vực đó.

Trong Đoạn trường tân thanh, Nguyễn Du đã nêu cao giá trị vô-tri-tính và vô-vi-tính trong hiện-hữu-tính về thời gian hiện hữu và thời gian hiện sinh, xem hiện hữu như một hình thái quyết định vô tri vì đã đồng nhất hoá thời gian khi qui về cùng một bản thể. Cũng từ giòng tâm lý của con người, chúng ta thấy xuất hiện thêm một trạng thái khác không kém phần quan trọng: ấy là sự chán chường, lao lý đẩy con người vào một tâm trạng khó khăn để rồi biến mình vào con đường

tu thân như cái đạo tự nhiên để giữ tính-tâm-hư tức một tâm hồn thanh cao không bị vướng đục. Nguyễn tiên sinh đưa đạo vào đời, thừa nhận sự hiệp nhất Thiên-Địa-Nhân, đó là quan niệm nhân sinh quan mà con người phải tuân phục như Đạo lý. Đạo ấy đạt được do từ Tâm thì gọi là Đức, những thứ đó hoà nhập vào nhau như hiện hữu tính và thời gian tính thì gọi là cái thể của Đạo; là Hư-vô và là cái dụng Vô-vi. Cuối cùng Nguyễn Du nhận ra cái cỗi Hư và Vô, Nguyễn tiên sinh âm thầm đi vào cỗi lặng, giã từ mọi thứ phồn vinh, giã từ chốn lầu son gác tía, giã từ hết thảy để được trở về trong cái tự tại an nhiên, nhập tâm để lắng đọng trong lẽ tự nhiên. Tĩnh làm chủ cái Động, không là chủ cái Có “Hữu sinh ư vô” để rồi Thúy Kiều thôi thác, trả lại cho đời những gì Kiều đã đi qua, để trở về với hiện thể sống động của VÔ-VI, vô vi ở đây không có nghĩa là ‘không làm’ mà có nghĩa là huyền nhiệm; Nguyễn Du cho đây là một siêu lý giữa hiện hữu và thời gian được ghi dấu: “Đạo thường vô vi, nhi vô bất vi” (Đạo dường như bất động, không làm gì cả nhưng thật sự không việc gì là không làm) (Đạo đức kinh). Nhưng đôi khi hiện hữu thời gian trở nên một hiện hữu phi lý. Pascal cho rằng: Sở dĩ như vậy vì con người ở trong một trạng thái TĨNH, không còn hoạt động, rồi từ đó trở nên cô đơn, thấy lạc lõng và trống trải mà cứ thấy hiện hữu và thời gian kéo dài thêm ra. Đó là trạng thái mơ về của Thúy Kiều cái sự cố đó là hiện hữu thời gian vây phủ quanh cuộc sống hiện sinh của Kim Trọng và Thúy Kiều mà cả hai mong cất bước ra đi để xa cái hiện hữu thời gian dày xéo, đó là mộng trở về sum họp không đạt, mộng hoài Lê không đạt, chỉ còn lại thương mong:

*Bâng khuâng nhớ cảnh nhớ người
Nhớ nơi kỳ ngộ vội dời chân đi”*

‘Dời chân đi’ là một động từ của dời và đi, nhưng hoàn toàn bất động trước một tình huống trống không, vô vị đó. Vì bản thân bất động sẽ làm cho con người của mình trở thành một hiện hữu bi thảm, để bung mình ra khỏi chạm trán của đời thường, để sống thực với hiện sinh, vượt ra khỏi những va chạm nghiệt ngã với chính thân phận vô nghĩa trên đời. Cho nên chỉ những nhân vật thường trực quanh đời Thúy Kiều từ Kim Trọng, Đạm Tiên, sông Tiền Đường, Bạc Bà, Bạc Hạnh, Mã Giám Sinh, Từ Hải, Thúc Sinh, Sở Khanh, Tú Bà lầu xanh... tất cả không có thực chất, tất cả giả dối và vô nghĩa, tất cả là hiện hữu vô lý và hành động lừa bịp để che đậy bản ngã của mình.

Pascal và Vladimir Jankélévitch phân tích luận cứ đó là biện chứng siêu hình về con người hiện hữu qua mọi thời gian hiện sinh, đó là niềm xao xuyến phức tạp, vô vọng trước một hiện tại phi lý. Dự phóng như thế, con người tự nhiên biểu lộ nỗi sợ hãi thảm thương về đời người và cuộc sống, về thời gian hiện sinh trong trạng thái tâm lý mà mình phải chịu nhận. Dự phóng này của Kiều do từ bất mãn, chán chường của hiện hữu phi lý mà ra, chỉ còn lại tiếng vang nội tại, một thoáng mơ về đồng vọng tương lai qua nhận thức của tri giác để rồi cảm xúc hóa mà ngậm ngùi:

*Buông riêng, riêng những sứt sùi
Nghĩ thân mà lại ngậm ngùi cho thân*

Cho nên chỉ Kiều đang sống với thời gian hiện hữu, đối đầu với chán chường, cô đơn, lẻ bóng, vô lý, vô nghĩa đó là ý thức bất mãn nội tại của Kiều mà nàng không chịu được những giới hạn của phút giây đang hiện có và phút sống bấy giờ. Elle n'accepte pas les limites du ici et du maintenant. Thời gian ngoại tại cứ tuần tự theo sự chuyển vần tạo nên mối tương khắc sâu xa với thời gian tâm lý. Kiều cũng vọng lại, nhưng vọng lại cái chết; phải chăng cái nợ tiền kiếp mà Kiều phải nhận trả, đó có phải là cái nhận lãnh với nhà Nguyễn của Nguyễn tiên sinh? Thành ra vọng lại cái chết trên cái trục vô cực thời gian, một sự chờ đợi bao la vô vọng mà Kiều đã bằng lòng chấp nhận như hai chữ tài mệnh chuôt vào thân và mong sao trả hết nợ cho xong cuộc đời này:

Lấy thân mà trả nợ đời cho xong

Từ cái ngày trầm mình ở Tiền Đường được cứu sống hai lần chết là một ý thức đưa lại tuyệt vọng cho Kiều. Cái chọn lựa đó cũng do từ sức ép của nội tại và ngoại tại mở ra, rồi liệng vào trong tuyệt vọng để ngậm đắng với đời. Con người Chánh Huệ đã bị Tà Huệ vui dập và đẩy vào không biết bao nhiêu khổ lụy, phiền não mà đời dành cho Kiều. Cuối cùng chỉ còn than thân, trách phận, bèo giạt hoa trôi:

*Thân sao thân đến thế này
Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi*

Những giòng thơ trong Đoạn trường tân thanh là một luận chứng luân lý, một triết thuyết nhân bản chứa đựng cái thể tính hiện sinh và thời gian vây quanh giữa hai hoàn cảnh nội tại và vũ trụ ngoại giới. Do đấy chúng ta chỉ nên xem con người hiện sinh như là con người đứng ra chấp nhận lẽ sống, dù lẽ sống đó đi ngược với hiện hữu thời gian; nói đến đây cho ta liên tưởng cái qui trình thời gian hiện sinh của thi sĩ Bùi Giáng năm xưa, người đã biến mình thành tha nhân của con người hiện sinh, có nghĩa rằng chấp nhận bị thương để hoàn thành chức năng nhiệm vụ của thiên mệnh trao trút, một trao trút hăm hiu như Kiều:

Đoạn trường cho hết kiếp này mới thôi

Vũ trụ con người ở đây không phải chỉ dành cho trăng sao, đêm ngày, mưa nắng bốn mùa. Vũ trụ người chính là thời gian nội giới với sự chuyển vận của dòng tâm thức đang hướng đến một bản thể tự tại của thể tính hiện sinh mà mình đang dung thân. Dòng đời cho dù dòng đời trôi chảy mà hiện hữu thời gian không trôi chảy. Khi viết lên Đoạn trường tân thanh, Nguyễn Du đặt trọng tâm vào Tài Mệnh vừa luân lý vừa triết lý một định lý muôn đời đã nói đến. Kinh thi cũng nói đến cái sinh mệnh bất biến đó; “Cổ lai tài mệnh lưỡng tương phương” (Xưa nay Tài, Mệnh chẳng hoà nhau). Đó là biện chứng vận dụng con người mang một thời gian tính. Nguyễn Tiên Điền đã vận dụng tài tình hai chữ tài mệnh qua mối liên hệ giữa thời gian nội tại và thời gian ngoại giới liên kết trong một thể tính hiện sinh. Đi từ một nhận định khái quát, để phối hợp giữa hai vũ trụ nội giới và ngoại giới tạo nên một thời gian tính của đời và thời gian tính xã hội. Kiều sống trong hai trạng thái thời gian đó, một vũ trụ riêng biệt dưới mọi hình thái khác nhau của Thực và Ảo, đồng thời xâm nhập cả giáo lý để lý giải cái chân như tối thượng của triết thuyết nhân bản, một sự vượt thoát, một cuộc cách mạng toàn diện từ vô thể đến hữu thể, biến đổi con người đi đến vô nhiễm, nâng cao tấm lòng ‘thanh cao’ đó là thực tướng trong tác phẩm vĩ đại của nhân loại ngày nay. Nguyễn Du đã dành cho chúng sanh một học thuyết đạo đức luân lý làm người. ‘Trăm năm trong cõi người ta’ là thế đó!

Thúy Kiều tài sắc vẹn toàn. Đó là bản thể hiện ra dưới hình thái của sắc nước khuynh thành nhưng không phải đó là thăng hoa; Nguyễn Du cho rằng đó là tài mệnh tương đố. Thời gian hiện hữu là nhân chứng. Thể tính hiện sinh là chấp nhận thương đau. Để rồi dần thân, để rồi mơ về, để rồi lụy rồi khổ. Bản thể trở nên ngây ngô, vô tư trước cuộc đời, không còn biết mình là hiện hữu thời gian đang ngự trị, biến mình như kẻ vô tội phải đương đầu, đó là nỗi lòng ai oán. Không còn nhận ra mình thuộc về hình thái nào người hay vật.” Dans l’innocence, l’homme n’était pas animal et n’était pas davantage homme” (S. Kierkegaard). Nỗi lòng đó là thời gian hiện hữu trong chúng ta. Ngay trong thời đại mà chúng ta đang sống của một thời hiện sinh.

Nguyễn Du đang lắng nghe tiếng khóc của đời cho mãi đến bây giờ...

(ca.ab. yyc.tròntrắng. 15/1/2014)

VÕ CÔNG LIÊM



tìm hiểu

**XÃ YÊN ĐỨC
VÀ
NHÂN VẬT LỊCH SỬ TRẦN KHẮC CHUNG**

TRẦN NHUẬN MINH

I- XÃ YÊN ĐỨC

Yên Đức bây giờ là vùng du lịch văn hóa và sinh thái - du lịch làng quê - của huyện Đông Triều. Khi ông Nguyễn Văn Tuấn, người Đông Triều, làm giám đốc Sở Du lịch Quảng Ninh, tôi đã nói với ông: nên chọn một điểm dừng chân cho khách thăm vịnh Hạ Long khi đi từ Hà Nội hay sân bay Nội Bài về. Ông Tuấn bảo: em cũng đang nghĩ đến điều đó và đã bàn với các anh huyện ủy Đông Triều, có thể chọn khu vực sứ Đông Thành. Tôi nói: Yên Đức hay hơn. Anh vừa về xã nói chuyện thơ và giúp xã biên soạn tập thơ *Núi Canh*, thấy xã rất đẹp, có nhiều tầng văn hóa và vóc dáng như một thị tứ. Đông Thành khách có thể dừng mua đồ sứ, chứ nghỉ chân thăm thú thì không nơi đâu hơn Yên Đức.

Sau đó, tôi đã thông báo điều đó cho lãnh đạo xã biết.

Tôi đã ở hẵn Yên Đức, dạy học cấp 2 môn văn sử đến 3 năm liền, còn đi về thì 4 năm nữa, từ năm 1962 đến năm 1969 của thế kỉ trước, nên rất thân thuộc, có thể nói là từng đường ngang ngõ dọc của các xóm làng trong xã. Vốn ham học hỏi và tìm kiếm để phục vụ cho việc giảng dạy

và để viết báo làm thơ, tôi đã gặp và hỏi đủ các lớp người. Tôi đã chui vào các hang: hang Ang Tái, căn cứ du kích ở thôn Dương Đề, hang 73 ở Đồn Sơn, hang Đốc Tít ở Đức Sơn, tương truyền Đốc Tít đánh Pháp có đóng quân ít lâu ở hang này. Năm đó có một người dân tìm thấy trong hang cái mâm đồng cổ, cho rằng của nghĩa quân còn bỏ lại. Tôi cũng nhiều lần trèo lên núi Đồng Thóc, núi Canh, hiện vẫn còn ảnh chụp, lội qua sông ra núi Con Mèo, ngắm rất kĩ bài thơ của một viên quan nhà Nguyễn nào đó, viết rất hay, nhưng lại ghi tên gán cho vua Trần Nhân Tông, để dễ được truyền tụng. Lúc ấy, đi lại còn khó khăn. Tôi nhớ khi sang Đức Sơn, phải lội qua một cái đầm lầy, rất hôi thối, do cây lá rừng lót dưới đáy bùn lâu ngày và cả xác súc vật chết. Đức Sơn thuở ấy, rừng rậm âm u, cây cao, quanh năm ẩm ướt, nhím chạy ra ngo ngoe nhìn người, và sóc trông thấy tôi thì nhảy veo veo qua các cành cây. Tôi thấy có cả báo và rắn.

Chinh phục tôi hơn cả là núi Thung, phong cảnh đẹp một cách cao sang, cây lá thoáng đặng nên thơ, rất có phong độ nho nhã quý phái, núi dịu và lành, còn ghi nhiều bài thơ ngâm vịnh của các nhà thơ địa phương ở thời Nguyễn, dù lúc đó, núi Thung còn là thung lũng hoang, gai góc mọc đầy.

Nhà văn Lê Lưu có truyện vừa **Trận đánh núi Con Chuột**, kể chuyện du kích xã Yên Đức cùng bộ đội địa phương đánh chìm tàu chiến Pháp. Nhà thơ Trình Đường có trường ca **Núi Canh**, nhà văn Hoàng Quốc Hải có tiểu thuyết **Chiến lũy đá** viết về tấm gương quả cảm của 73 người, thà chết trong hang núi Canh do giặc Pháp hun khói, chứ quyết không ra hàng. Tôi có sưu tầm được bản chữ chép tay in đá bản diễn ca **Yên Đức cầm thù**, khoảng 1000 câu thơ song thất lục bát của Ngọc Hải, dưới đề Ty tuyên truyền Quảng Yên, viết ngay sau chiến trận, 1950.

Đến tôi, tôi cũng có thơ, nay đọc lại vẫn còn xúc động:

*Ta đứng lặng trước chợ Đồn bình dị
73 người - một nắm mộ chôn chung
Hồn liệt sĩ đã lặn vào mây trắng
Bay ngàn năm trên xóm mạc anh hùng...*

Lúc bấy giờ chợ Đồn bên núi Canh vẫn họp. Cạnh đó là nắm mộ, gọi là “mộ 73” đắp đất. Nhiều đêm, tôi đi qua đây, không sao quên được cái tiếng gió khuya xao xác đến lạ lùng trong các đám lá mía lợp sài trên nóc quán chợ.

Đây là một vùng quần thể văn hóa phồn thực nông nghiệp, mà tôi không thấy có ở đâu: với núi Canh (núi Cà, trong xa như cái cà) núi Thung (Cối giã gạo) núi Đồng Thóc, núi Con Chuột (chuẩn bị ăn vụng thóc) và núi Con Mèo (canh cho thóc không bị chuột quấy phá)...

Cũng như Vĩnh Khê, Yên Đức đã để lại trong tâm hồn tôi, những kỉ niệm rất khó phai mờ. Bài thơ viết tại làng Yên Khánh, tháng 10/1964, khi tôi vừa tròn 20 tuổi, có đoạn:

*Chào Yên Đức, ta đi, lòng ở lại
Cùng sớm thu, thoang thoang gió heo may
Cùng hoa xoan rơi tím chiều ngổ vãng
Cùng vầng trăng muôn thuở vẫn tròn đầy...*

II.- VÀ NHÂN VẬT LỊCH SỬ TRẦN KHẮC CHUNG

Báo *Quảng Ninh cuối tuần* số 556 ra ngày 16/9/2012, có đăng bài *Về nhân vật lịch sử Đỗ Khắc Chung được ban quốc tính họ Trần* của Nguyễn Trung Dũng. Bài viết chặt chẽ và nghiêm túc, hầu hết các ý đều trích nguyên văn từ *Đại Việt sử ký toàn thư* (ĐVSKTT). Tuy nhiên cũng có một số điều, tôi thấy cần nói rõ thêm, để bạn đọc có thông tin đầy đủ hơn.

1 - Cái quý của tấm bia *Bia đất Tam Bảo núi Thiên Liêu* mà ta đào được ở chân núi Phụng Hoàng thôn Đức Sơn, xã Yên Đức, huyện Đông Triều ngày nay, cho biết: đây chính là trang Ma Liêu ở thời Trần, được vua Trần phong cho bố mẹ Bảo Hoàn. Về điều này, ĐVSKTT ghi rõ ràng như sau: “*Khắc Chung lấy nàng Bảo Hoàn, khoảng đời Trung Hưng, người Nguyên xâm lấn, cha mẹ Bảo Hoàn hàng giặc, diên sản đều bị sung công*” (Tập II, Nxb KHXH 1967, trang 126 - 127). Do vậy, cha mẹ Bảo Hoàn đã bị xóa tên trong dòng tộc, nên ĐVSKTT chỉ ghi “cha mẹ Bảo Hoàn” mà không ghi tên. Như vậy, đất này *không phong cho Trần Khắc Chung*, như bài báo đã nêu, vì nếu phong cho Khắc Chung thì đã không thể bị “xung công” (tịch thu). Có một trường hợp tương tự: Trần Khánh Dư có tội, bị tịch thu toàn bộ gia sản “*không để lại cho một tí gì*” (ĐVSKTT, sách đã dẫn, trang 48), nhưng đất phong của cha ông ở châu Chí Linh thì vẫn nguyên vẹn.

Chung quê ở Giáp Sơn, Kinh Môn, cách Yên Đức hơn một ngày đường.

Khoảng năm 1294 - 1313, vua Trần Anh Tông xuống chiếu trả trang Ma Liêu cho con trai trưởng của Khắc Chung và Bảo Hoàn là Trần Nguyên Trưng, vì thế, các vị cao niên ở địa phương mới dựa vào đó, để nói đất này vua Trần phong cho Khắc Chung, nói thế cũng có cơ sở, nhưng về mặt khoa học thì chưa được chuẩn xác. Sau đó, Trưng lại cúng vào chùa làm đất Tam Bảo và giao cho chú nuôi (nghĩa đệ của Khắc Chung) là nhà sư Hương Lâm, dựng chùa ở đây, vừa tu vừa trông coi.

2 - Có tài liệu ghi “công chúa Bảo Hoàn”. Có lẽ vì vậy mà Nguyễn Trung Dũng viết là “Khắc Chung được vua Trần gả cho công chúa Bảo Hoàn”, theo tôi là không có căn cứ. Bảo Hoàn là con gái một vương hầu nào đó trong dòng tộc, nhưng không phải con vua, nên vua không thể gả.

3 - Vì Khắc Chung là thầy dạy vua Minh Tông học, khi vua còn là thái tử, nên về sau, vua Minh Tông rất trọng dụng thầy, đã ban cho thầy *tước* Thái Bảo (ở hàng tam công) và *chức* hành

khiến, làm việc ở sảnh, trong hàng quan đầu triều, Chung chỉ đứng dưới có một người là tể tướng Trần Quốc Chấn.

4 - Khắc Chung có một tội lớn: đồng mưu với Văn Hiến hầu, xui vua hãm hại Quốc Phụ (bố vợ vua) là tể tướng, Huệ Võ vương Trần Quốc Chấn. ĐVSKTT (sách và trang đã dẫn) ghi việc đó như sau: Mậu Thìn năm thứ 5 (1328), tháng 3, giết Trần Quốc Chấn. Văn Hiến hầu muốn lập hoàng tử Vượng lên ngôi, nên dút cho gia thần của Quốc Chấn là Trần Phẫu 100 lạng vàng, bảo Phẫu vu cáo Chấn làm phản, vì Chấn can ngăn việc này. Vua hỏi Khắc Chung, Chung xui vua giết Chấn. Chung nói: “Bắt hổ thì dễ, thả hổ thì khó”. Hiểu ý, vua giam Quốc Chấn trong ngục, bắt nhịn ăn nhịn uống mà chết và bắt hơn 100 người khác, trong số đó, nhiều người bị giết theo. Vì Chung cùng phe với Văn Hiến hầu và với mẹ hoàng tử Vượng, lúc đó là Thứ phi, sau đó là Ninh từ Hoàng Thái phi, họ Lê, người cùng làng. Về sau, do vợ lẽ của Phẫu ghen với vợ cả, mới nói lộ ra. Quan Hình bộ là Lê Duy xét hỏi, Phẫu nhận tội và bị xử lăng trì (tùng xẻo). Gia nô của Thiệu Võ, em ruột Chấn đã ăn sống hết toàn bộ thịt của Phẫu. Văn Hiến hầu, vì là con (hay em ruột) của Chiêu Văn đại vương Trần Nhật Duật (Nhật Duật nuôi Minh Tông là chất làm con nuôi, từ lúc còn ẵm ngửa cho đến khi lên ngai vàng) nên vua tha tội chết cho Văn Hiến hầu, nhưng bị xóa tên trong dòng tộc, đuổi đi. Vì thế ĐVSKTT chỉ ghi tên tước, không ghi tên húy.

Chung vì là thầy học của vua, nên vua không nói gì. Chung xin hưu rồi lâm bệnh chết, gia nhân đem xác về quê (Kinh Môn, Hải Dương hiện nay) chôn, thì bị gia nô của Thiệu Võ đón đường, cướp xác, vằm xác nát ra như cám...

Trong triều, Hưng Nhượng đại vương Trần Quốc Tảng rất ghét Chung, thường bảo: “Nhà Trần sẽ mất vì tên này!” (chữ *Trần Khắc Chung* nghĩa là nhà Trần tất sẽ mất), nên Chung thường tránh, không dám gặp Quốc Tảng. ĐVSKTT đánh giá: “***Khắc Chung là người giả dối để cầu tiếng khen***”. “***Chỉ duy có việc đi cầu hòa với giặc Nguyên là khả quan thôi, cho nên người ta khen là người giỏi***” (sách và trang đã dẫn). Việc cầu hòa như thế nào, dựa vào ĐVSKTT, Nguyễn Trung Dũng đã thuật lại rất chuẩn xác trong bài báo mà tôi đã nêu trên.

Suốt đời vua Minh Tông ân hận vì đã giết oan bố vợ, đồng thời là một đại thần tài ba trung dũng, có công rất lớn với quốc gia. Thơ ông có câu: “*Tự tri tam thập niên tiền thắc*” (Tự biết lỗi lầm từ 30 năm trước - bài ***Dạ vũ - Mưa đêm***). Ông cho lập đền thờ Quốc Phụ ở đất được phong là làng Kiệt Đặc, huyện Chí Linh, nay thuộc tỉnh Hải Dương. Khi đã là thượng hoàng, Minh Tông đến đền làm lễ và khi xong, vừa bước xuống thuyền, thì bị một con ong vàng đốt vào má trái, xưng tấy, ông tự cho là trời bắt đền tội, bèn sai người đóng quan tài ngay. Ít lâu sau, ông chết, thọ 58 tuổi.

Hiện nay đền thờ Quốc Phụ vẫn còn, ở phía tay trái đường 18 từ Sao Đỏ đi Phả Lại.

TRẦN NHUẬN MINH

VĂN MIẾU

BÙI ĐỆP

- Trong khu di tích quốc gia đặc biệt Văn Miếu - Quốc Tử Giám Hà Nội, di sản của thời Lê là Bia Tiến sĩ

- 82 bia đá Tiến sĩ ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám được UNESCO công nhận là "Di sản tư liệu thế giới"

- Tại Macau (TQ), ngày 9-3-2010, UNESCO đã công nhận Bia đá Tiến sĩ là "Di sản tư liệu thế giới".

Nằm giữa Thủ đô Hà Nội, Văn Miếu - Quốc Tử Giám là khu di tích lịch sử văn hóa quan trọng bậc nhất của nước ta, biểu tượng của nền văn hiến và trí tuệ Việt. Với bề dày gần 1000 năm, nơi đây đã đào tạo ra hàng ngàn bậc đại khoa và hiền tài cho đất nước. Khu vườn bia Tiến sĩ gồm 82 tấm bia nằm đối xứng ở hai bên giếng Thiên Quang (ánh sáng trời). Bia Tiến sĩ bắt đầu được khởi dựng năm 1484 dưới triều vua Lê Thánh Tông kéo dài đến năm 1779, tổng cộng có tất cả 81 bia Tiến sĩ triều Lê và 1 bia Tiến sĩ triều Mạc. Sang đời Nguyễn (1842-1945), vì kinh đô ở Huế nên bia Tiến sĩ dựng ở Văn Miếu Huế. Hiện nay, Văn Miếu Hà Nội còn nguyên vẹn 82 tấm bia và Huế còn 32 tấm. Theo nghiên cứu của nhà Hà Nội học Nguyễn Vinh Phúc, đặc điểm giống nhau của hai loại bia đều ghi danh tính, quê quán của từng vị đỗ Tiến sĩ của từng khoa. Chỗ khác nhau là bia Văn Miếu Huế chỉ ghi có quê quán, danh tính các Tiến sĩ, còn bia Văn Miếu Hà Nội thì đa số có thêm một bài ký do chính bậc đại thần, đồng thời là bậc đại Nho đương thời soạn thảo. Tại Văn Miếu Bắc Kinh, trung tâm của Nho giáo, hiện có 198 bia Tiến sĩ, bia đầu tiên lập năm 1313, bia cuối cùng năm 1904. Đa số cũng không có bài ký. Phải chăng, chính nhờ những bài ký mà bia Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội) trở nên độc đáo, hấp dẫn lạ thường.

Bia Tiến sĩ được tạo dựng trong thời gian gần 300 năm (1484-1780), kích thước không đều nhau, cùng đặt trên lưng rùa. Mỗi tấm bia đều có 3 phần:

- Trán bia có hình khung vòm.

- Thân bia hình chữ nhật, đây là phần chính của bia. Phần trên cùng sát với trán bia khắc niên đại tổ chức khoa thi theo lối chữ Triện. Bên dưới là bài ký khắc theo chiều dọc của bia, đọc từ trên xuống dưới, từ phải sang trái có nội dung khá phong phú. Tiếp theo là năm tổ chức khoa thi,

tên và chức tước của các vị được vua sai tổ chức kỳ thi với nhiệm vụ cụ thể, số lượng thí sinh, người soạn văn bia, người nhuận sắc (thường là bậc đại thần có cấp bậc cao hơn người soạn) và cả người viết chữ để khắc vào đá cũng có tên trên bia.

- Phần cuối là họ tên, quê quán của các vị đỗ kỳ thi đó theo thứ tự từ cao xuống thấp: Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ đến Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân và Đệ tam giáp Tiến sĩ đồng Tiến sĩ xuất thân.

Về bài ký, thì không phải bia nào cũng có, tính ra có tới 10 bia không có. Trên 72 bia còn lại, mỗi bia có một cách diễn đạt riêng, song tất cả đều thể hiện ba nội dung sau:

1. Biểu dương và khẳng định nhiệm vụ của các Nho sĩ hiền đạt: Ngay ở tấm bia được dựng đầu tiên (khoa 1442), mục đích việc dựng bia được nói rõ ràng: "... Cho nên lại ghi tên khắc đá bày nơi cửa hiền tài, khiến kẻ sĩ trông vào mà sinh lòng hâm mộ phấn chấn, tự rèn luyện lấy danh tiết".

Ở các bia khác cũng có ý tương tự như vậy. 300 năm sau, ở bia 1739 cũng có ghi ý đó: "Tuy đã nêu tên trên bảng vàng, yết tên ở cửa nhà học, thỏa mãn tai mắt mọi người, song vẫn chưa đủ để lưu truyền hậu thế. Vì thế sai khắc vào bia đá dựng ở nhà Thái học khiến cho khoa danh và tên họ còn tiếng thơm mãi đến muôn đời".

Như vậy là đã rõ, suốt ba thế kỷ dựng bia là nhằm biểu dương các Nho sĩ hiền đạt và khích lệ việc học hành thi cử. Nhưng văn bia cũng khẳng định nhiệm vụ của các sĩ phu này. Chẳng hạn bia năm 1643 viết rất rõ: "Kẻ sĩ phải cảm phục ơn lớn, mài rũa lòng trung, coi việc giúp ích cho vua là nhiệm vụ...". Có bia thì nói một cách hoa mỹ hơn: "Lấy việc thi đậu mà tự hèn, lấy việc giúp nước mà tự gánh, cùng nổi gót ra đời làm cho quốc gia mãi mãi thái bình thịnh trị, xã tắc muôn thuở bền vững" (bia 1529).

2. Khẳng định vai trò và giá trị nhân tài: Có lẽ hầu như không tấm bia nào là không nói tới vấn đề này. Ngay tấm bia đầu tiên (khoa 1442) đã nêu vai trò và vị trí kẻ sĩ bằng những luận cứ mà ngày nay đã khá quen thuộc với mọi người: "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí vững thì thế nước mạnh và thịnh, nguyên khí kém thì thế nước yếu và suy, cho nên các đấng thánh đế minh vương không ai không chăm lo xây dựng nhân tài".

Tấm bia 1448 cũng nhắc lại ý trên: "Nhân tài đối với quốc gia có quan hệ rất lớn", nhưng cũng chú trọng thêm ý là: "Phải có đào tạo sau mới có nhân tài".

Như vậy có thể thấy một quy trình: Thi cử chọn ra hiền tài, nhân tài hiền tài là nguyên khí quốc gia, và nguyên khí bền hay suy ảnh hưởng tới vận mệnh mạnh yếu của quốc gia.

3. Răn dạy kẻ sĩ về trách nhiệm đạo lý: Hãy đọc đoạn văn bia đầu tiên (1442) nói về việc này: "Thử đem tên họ những người đỗ trong một khoa này mà điểm lại, hạng người đã đem văn học chính sự ra mà tô điểm cho cảnh trị bình, hiến mình cho nước nhà trong mấy chục năm nay kẻ cũng khá nhiều, nhưng cũng có kẻ vì hối lộ mà mắc tiếng xấu, hoặc sa ngã vào lũ gian tham, hạng người này không phải không có. Có lẽ vì đời họ chưa được trông thấy tấm bia này, ví thể được kịp thời trông thấy thì lòng thiện tất phải nảy nở mà lòng ác phải tắt ngấm...".

Đa số các bia đã cụ thể vấn đề này, nói thẳng ý đồ khuyến khích điều lành, ngăn ngừa điều ác.

Ngay ở tấm bia đầu tiên (1442) có thấy ghi: "Ghi tên khắc đá bày nơi cửa nhà Thái học khiến kẻ sĩ phu trông vào mà sinh lòng hâm mộ phấn chấn tự rèn luyện lấy danh tiết, gắng sức giúp vua, há chỉ là trong văn suông, ham tiếng hão mà thôi ầu".

Như vậy là chỉ mới nêu công dụng cổ vũ, khuyến khích. Đến tấm bia năm 1478 đã nêu thêm ý

giáo dục, tác dụng giáo dục của các tấm bia: "Nếu kẻ nào nhờ việc thi đỗ để làm cái cầu ấm no..., chỉ mưu cho tham không nghĩ đến nước thì người ta sẽ chỉ tận tên (trên bia) mà nói: Kẻ này gian, kẻ này nịnh, kẻ này đặt việc nhà lên trên việc nước, làm gầy người béo ta, kẻ này làm hại người lành, kết bạn cũng lũ gian tham. Như thế thì bia càng lâu càng bị cao nhỏ. Đó là việc lập bia có ý nghĩa sâu xa như thế, có phải chỉ cốt để lại lâu dài cho vẻ vang thôi đâu!".

Sang thế kỷ 17, bia năm 1664 vẫn viết: "...Thế mới biết tấm bia này dựng lên sẽ là để phân biệt ngọc với đá, để người thiện lấy đó mà tự gắng, kẻ ác thấy đó mà e dè, đâu phải chỉ để nhìn cho đẹp mắt!".

Sang thế kỷ 18, văn luông tư duy đó: "Cho nên tấm bia này dựng lên không những là sự vẻ vang của khoa cử mà còn là lời răn bảo kẻ sĩ phu, công tại thành là ở đó, mà sự quan hệ tới giáo hóa cũng là ở đó...".

Như vậy, bia đá còn có tác dụng về mặt đạo lý, răn đe khuyến khích điều thiện, điều lành và ngăn ngừa điều xấu, điều ác.

Bia loại 1 kích thước nhỏ, trung bình cao từ 1,50m đến 1,55m, rộng từ 1m đến 1,10m, dày từ 0,15m đến 0,18m, trán bia hẹp và dẹt. Rùa đế bia sinh động, đầu cao, mõm có dáng mỏ chim, miệng rộng có 2 răng nanh, một số có lông mày và mép có nhiều tua. Thân rùa mang tính tượng trưng, mai nhẵn trơn, sống lưng có gờ nhỏ, đuôi nhỏ vắt ngược. Chân rùa cũng chỉ có dáng tượng trưng, có năm ngón bám vào thân.

Về trang trí ở bia loại 1, những nét chạm khắc giản đơn. Thường là những hình hoa lá, mây lửa và mặt nguyệt. Đặc biệt trán bia ở đây không hề thấy chạm rồng. Hoa lá quanh diềm bia gồm hoa cúc, hoa sen (là đề tài trang trí của nghệ thuật Phật giáo). Cả hình bánh xe luân hồi, đồng tiền, sừng tê là hình tượng Đạo giáo cũng có mặt trên bia loại 1.

Bia loại 2 hiện nay còn 25 tấm, đều được dựng năm 1653. Nhìn chung bia loại 2 cao to, thường cao từ 1,55m tới 1,70m, rộng từ 1m tới 1,25m và dày từ 0,20m tới 0,30m. Trán bia cong vồng lên gần thành hình bán nguyệt. Đề tài trang trí trên trán và diềm bia phong phú và tinh tế.

Trán bia đều chạm 2 rồng châu mặt nguyệt. Rồng được chạm ở nhiều dạng khác nhau: có loại chỉ là nửa thân rồng hiện lên ở góc bia, có loại hình rồng đầy đủ. Nói chung được chạm tỉ mỉ công phu từ đuôi, vẩy, vây, chân, mắt, mũi, râu, bờm với phong cách tả thực. Mây lửa (hình vút nhọn như ngọn lửa) là đặc điểm chung và có mặt trong tất cả mọi tấm bia. Cũng có bia thay rồng bằng đôi chim phượng hoặc đôi long mã. Đề tài hoa lá chiếm tỉ lệ lớn, nhiều hình, nhiều loại, phong cách tả thực: sen, mẫu đơn, cúc, mai, hồng, lựu...

Hình động vật được chạm khắc rất sinh động ở diềm bia. Có chim các loại, thú các giống. Ở đây còn gặp cả hình người: Hai cảnh sinh hoạt của con người được chạm ở diềm bia khoa 1643. Bên trái là cảnh 2 người đội mũ, mặc áo thụng, tay vòng chấp trước ngực. Phía trước là một con trâu, phía sau là một cái cày. Bên phải cũng có 2 người, một người ngồi cao hơn, áo chên, tay cầm dao; một người đứng dưới thấp, đội mũ, mặc áo thụng, tay chấp trước ngực. Rùa đế của bia loại 2 được tạc đơn sơ mang cái đẹp của những phác thảo.

Đầu rùa bẹt, sống mũi cao, mắt tròn lồi, cổ rụt, miệng rộng không răng và chỉ là một đường vòng cung đơn giản. Mai rùa trơn, chân rùa cũng chỉ là một khớp đá nhô ra không ngón, không móng, hoàn toàn tượng trưng.

Tất cả những tấm bia loại 2 cũng được khắc trong 1 năm (1653) có thể đại diện cho đặc điểm nghệ thuật điêu khắc đá của thế kỷ 17.

Bia loại 3 gồm 43 tấm, dựng từ năm 1713-1780. Về mặt hình khối, bia loại 3 rất lớn, thường cao

từ 1,70m - 1,90m, rộng từ 1,20m - 1,30m, dày từ 0,20m - 0,25m. Tới cuối triều Cảnh Hưng, có bia cao tới 2,14m, rộng 1,37m và dày 0,30m. Về mặt trang trí, bia loại 3 mang nặng tính chất khuôn mẫu.

Trán bia vẫn giữ đề tài 2 rồng châu mặt nguyệt. Con rồng được cách điệu khá cao, có khi cả thân rồng mang hình dáng của những khối mây, chỉ có đầu rồng là rõ rệt. Diềm bia lấy đề tài hoa lá nhưng được cách điệu hóa tới mức không còn nhận ra được là loại gì.

Rùa của bia loại 3 dễ nhận nhất ở chỗ mai rùa có chạm những hình sáu cạnh bắt chước những hình có thật trên mai rùa. Đầu rùa cũng được bắt chước như rùa thật, mõm nhọn, mắt nhỏ, cổ nhiều gấn nhả. Chân rùa tạo đủ 5 ngón, có con chân thò hẳn ra ngoài như ở tư thế khi bò.

Tóm lại 82 tấm bia Tiến sĩ Hà Nội được tạo rải rác trong suốt một thời gian từ 1484-1780 đã phản ánh những giai đoạn phát triển của ngành điêu khắc đá suốt ba thế kỷ của lịch sử nghệ thuật Việt Nam. Giá trị nghệ thuật của từng tấm bia có cao, có thấp, song toàn bộ hợp thành bộ sưu tập quý giá của kho tàng mỹ thuật Việt Nam (bên cạnh các giá trị về lịch sử, tư tưởng...).

Văn Miếu ở Huế thường được dân chúng địa phương gọi là Văn Thánh.

Đây là miếu thờ mà triều đình nhà Nguyễn đã lập ra tại Kinh đô Huế để tôn vinh các thánh hiền của đạo Nho, như Khổng tử, Mạnh tử v.v... Ngày xưa, ở đó có trường Quốc Tử Giám dùng để đào tạo ra các nhân tài phục vụ cho chế độ. Cũng như ở Hà nội có Văn Miếu và trường Quốc Tử Giám được lập ra từ thời nhà Lý (1070).

Dưới thời các chúa Nguyễn (1558-1775), Văn Miếu của thủ phủ Đàng trong đã được xây dựng và thay đổi vị trí qua 3 địa điểm khác nhau: làng Triều Sơn, làng Lương Quán và làng Long Hồ.

Đến đầu thời các vua nhà Nguyễn (1802-1945), Văn Miếu của triều đại này mới chính thức được xây dựng tại địa điểm hiện nay.

(Bấy giờ trường Quốc Tử Giám cũng đã được lập ra ở đó và hoạt động mãi cho đến năm 1908 mới dời về trong Thành Nội.)

Vào năm 1808, thấy chỗ đất xây Văn Miếu cũ ở làng Long Hồ không được rộng rãi mỹ quan, Vua Gia Long bàn với các đình thần nên chọn một nơi thích đáng để xây dựng một Văn Miếu mới uy nghi đồ sộ hơn, cho tương xứng với địa vị của đức Khổng Tử và tư tưởng Nho giáo của Ngài mà triều đình Nguyễn sùng thượng đến mức tuyệt đối. Triều đình quyết định chọn chỗ ở một ngọn đồi thấp nằm giữa chùa Thiên Mụ và Văn Miếu cũ, cũng ở sát bờ tả ngạn sông Hương, tức là vị trí hiện tại. Đất đó thuộc thôn An Bình, một đơn vị hành chính vừa mới thành lập, nằm trong làng An Ninh.

Công tác kiến trúc bắt đầu từ ngày 17-4-1808 và hoàn tất vào ngày 12 tháng 9 cùng năm. Đồng thời, nhà vua cũng ra lệnh làm các đồ tự khí mới để thờ, thay thế tất cả đồ thờ cũ. Tượng thánh hiền được thay bằng bài vị cho trang nghiêm.

Bấy giờ sở miếu cũ ở làng Long Hồ được giữ lại để làm Khải Thánh Từ, tức là đền thờ cha mẹ của đức Khổng Tử (nay vẫn còn di tích ở gần chợ Văn Thánh).

Khi làm lễ khánh thành Văn Miếu mới, Vua Gia Long sai một vị quan ở Bộ Lễ tên là Nguyễn Gia Cát soạn một bài văn bia ghi lại lịch sử xây dựng các Văn Miếu ở Huế từ trước đến bấy giờ với những thay đổi kiến trúc cũng như trong nghi thức thờ cúng. Bài văn được khắc vào bia đá dựng tại Văn Miếu, nhưng tấm bia có kích thước tương đối nhỏ ấy đã bị thất lạc cách đây sáu bảy chục năm. Nguyên văn trước đây được tàng trữ tại thư viện trường Quốc Tử Giám trong Thành Nội, nay cũng đã mất. Hiện chỉ có được bản dịch ra Pháp văn đăng trong Bulletin des Amis du

Vieux Hué, năm 1917.

Trong suốt thời Gia Long (1802-1819), triều đình nhà Nguyễn chỉ mở các khoa thi Hương nên chưa dựng tấm bia tiến sĩ nào ở Văn Miếu. Từ thời Minh mạng (1820-1840) trở đi mới mở các khoa thi Hội nên bia tiến sĩ ở đây bắt đầu có. Các "Tiến sĩ đề danh bi" bằng đá lần lượt được dựng lên ở sân Văn Miếu từ năm 1831, đến năm 1919, năm có khoa thi Hội cuối cùng dưới thời Vua Khải Định (1916-1925).

Văn Miếu đã được tu sửa, làm mới một số đồ thờ và xây dựng thêm một số các công trình kiến trúc phụ vào các năm 1818 (thời Gia Long), 1820, 1822, 1829, 1830, 1840 (thời Minh mạng), 1843, 1845 (thời Thiệu Trị), 1848 (thời Tự Đức), 1895, 1903 (thời Thành Thái).

Đến năm 1947, khi quân Pháp tái chiếm Huế, một bộ phận của lực lượng thực dân đã đến đồn trú tại Văn Thánh và gây thiệt hại cho di tích này. Bấy giờ, các bài vị thờ ở Văn Miếu được đưa về bảo quản ở Chùa Thiên Mụ. Vừa qua, một số bài vị chùa còn giữ được đã chuyển về Bảo tàng Huế.

Trong hơn nửa thế kỷ nay, Văn Thánh chẳng những không được tu sửa mà còn bị thiên nhiên và nhất là con người phá hoại mỗi thời mỗi ít, càng lúc càng nặng, ngày nay cơ hồ chỉ còn lại 32 tấm bia tiến sĩ đang mòn dần theo thời gian.

Văn Miếu ở vào vị trí trung tâm của một cụm di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh nằm dọc theo bờ tả ngạn thượng lưu sông Hương: chùa Thiên Mụ, Võ Miếu, Văn Miếu, Công Thần Miếu, Khải Thánh Từ.

Văn Miếu quay mặt về hướng Nam. Các công trình kiến trúc chính đều xây trên mặt một ngọn đồi được san xẻ cao gần 3m so với mặt đất thường, cho nên nhìn ra chung quanh thấy rất thoáng. Trước mặt là dòng sông trong xanh phẳng lặng, nối tiếp bởi làng mạc và núi đồi lan ra từ rừng Trường Sơn. Cũng từ đó một dãy núi hình vòng cung đâm ra ở phía tây để bọc lấy đằng sau Văn Miếu. Cho nên, trong bài văn bia soạn năm 1808, Nguyễn Gia Cát đã viết rằng: "Đây là một vị trí rất tốt, vừa dựa lưng vào núi, vừa nằm sát bờ sông rộng, ở trong một cảnh trí đẹp đẽ".

Nếu Văn Miếu Hà Nội được phân bố trên mặt bằng hình chữ nhật, thì Văn Miếu Huế được xây dựng trên mặt bằng hình vuông, mỗi bề khoảng 160m, chung quanh có la thành cao gần 2m bao bọc. Tính ra đến bên vua ngự ở bờ sông, diện tích đất Văn Miếu chiếm trên 3 ha, bao gồm hơn 50 công trình kiến trúc lớn nhỏ, trong đó có 32 tấm bia tiến sĩ và 4 bia đá khác. Trong thịnh thời của nó, tại đây có gần 20 công trình kiến trúc lớn: Văn Miếu (điện thờ chính, thờ đức Khổng Tử, Tứ phối và Thập nhị triết), hai nhà Đông vu và Tây vu (thờ Thất thập nhị hiền và các Tiên nho), Thần trù (nhà bếp), Thần khố (nhà kho), Hữu Văn Đường, Duy Lễ Đường, nhà Thổ Công, Đại Thành Môn, Văn Miếu Môn, Kim Thanh Môn, Ngọc Chấn Môn, Chấn Đức Môn; Quan Đức Môn, Linh Tinh Môn, thành trong, thành ngoài (la thành), bên vua ngự.

Các tòa nhà ở Văn Miếu đều làm bằng gỗ lim và các vật liệu đắt giá khác. Bộ cục kiến trúc, trang hoàng và trang trí nội ngoại thất tại đây đều mang nặng tính đăng đối cổ điển của đạo Nho, nhưng rất uy nghi, văn vẻ, phù hợp với ý nghĩa của công trình xây dựng.

Ngày nay, những di tích có giá trị cao nhất về nghệ thuật, văn hóa và lịch sử còn lại ở đây là 34 tấm bia đá.

Về hai tấm bia trong hai bi đình trên sân Văn Miếu, thì chỉ cần biết qua nội dung đại lược như sau: Bia bên trái khắc bài dụ của Vua Minh Mạng đề ngày 17-3-1836 nói rằng các thái giám trong nội cung không được liệt vào hạng người có thể tiến thân. Tấm bia bên phải khắc bài dụ của Vua Thiệu Trị đề ngày 2-12-1844 nói rằng bà con bên ngoại của vua không được nắm chính quyền.

Về 32 tấm bia tiến sĩ dựng thành hai dãy ở hai bên sân đối diện nhau, cần nói qua đôi điều về hình thức và nội dung để thấy giá trị đặc biệt của chúng.

Xét về mặt hình thức, tất cả 32 tấm đều có rùa đội bia và làm bằng đá thanh hoặc đá cẩm thạch. Về kích thước, tấm cao nhất đo được 1,15m, và rộng nhất là 0,85m. Riêng rùa đá, con lớn nhất dài 1,35m, rộng 0,77m, cao 0,60m. Bia ở đây không cao lớn bằng bia tiến sĩ ở Hà Nội, nhưng trông đều đặn hơn.

Về dạng thức, trong khi bia ở Văn Miếu Hà Nội đều có đầu tròn và chuốt thẳng từ trên xuống lưng con rùa đá, thì bia Văn Miếu Huế có nét tạo hình giàu tính nghệ thuật hơn: bên trên có trán bia mở rộng, thân bia có tai ở hai bên, tai trên nối liền với trán và tai dưới tiếp cận với lưng rùa. Bia thuộc dạng này mãi tới thời Lê trung hưng ở miền Bắc vẫn chưa có. Dạng bia ấy xuất hiện sớm nhất ở Huế là tấm bia thời chúa Nguyễn Phúc Chu dựng năm 1715 tại chùa Thiên Mụ. Đến thế kỷ XIX, Dạng bia đó trở thành phổ biến tại Kinh đô nhà Nguyễn, rồi sau đó tỏa ra một số địa phương khác trong nước. Đây là một trong những nét đặc trưng của nền nghệ thuật Nguyễn ở Huế, khác với mỹ thuật Lý, Trần, Lê ở Thăng Long.

Mặt khác, chính trên 32 tấm bia này, ngày nay chúng ta còn đọc được tên họ, tuổi tác và quê quán của 293 vị tiến sĩ đậu chánh bảng đã từng đóng góp trí tuệ và công sức để làm nên lịch sử văn hóa Việt Nam một thời, như Phan Thanh Giản, Phan Đình Phùng, Tống Duy Tân, Nguyễn Xuân Ôn, Đinh Văn Chắt, Phạm Văn Nghị, Dương Khuê, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Khuyến, Chu Mạnh Trinh, Đào Nguyên Phổ, Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng...

Cũng như bia tiến sĩ ở Hà Nội, 32 tấm bia tiến sĩ ở Văn Miếu Huế là những "tư liệu đá" có giá trị cao về lịch sử và nghệ thuật. "Không thể không tìm đến những tư liệu gốc trên đá này, nếu muốn tìm hiểu nghệ thuật chạm khắc, nghệ thuật viết chữ và lịch sử khoa cử" trong gần một thế kỷ dưới triều Nguyễn.

Trải qua cả ngàn năm lịch sử, ông cha ta vốn có truyền thống khuyến khích người hiếu học, ưa chuộng kẻ văn tài, coi trọng chất xám rất cần cho tổ quốc. 82 tấm bia tiến sĩ ở Hà Nội và 32 tấm bia tiến sĩ ở Huế là những chứng tích hùng hồn nhất, những tư liệu cụ thể nhất về truyền thống văn hóa tốt đẹp đó.

BÙI ĐẸP



tìm hiểu

CUỐN “THỒ PHỈ VÀ PHIẾN LOẠN Ở BẮC KỲ”

(PIRATES ET REBELLES AU TONKIN)

Binh sĩ của chúng ta ở Yên-Thế

(Nos Soldats au Yên-Thế)

VŨ ANH TUẤN

Cuốn này tôi có được cũng là do ông bạn trung thương gia mang từ Pháp về, thoát đầu ông ta cũng đòi giá trên trời dưới biển, nên tôi đã để ông chào khắp nơi, và đúng như tôi dự đoán, sau khi không thấy ai dám ôm, ông trở lại và để cho tôi có 100 đô mềo. Tôi tuy không thích lắm vì sách chỉ có vài minh họa và vài tấm bản đồ tổng cộng có 11 thứ, nhưng tôi vẫn mua vì dù sao thì cũng là một “cụ sách” 122 tuổi (1892), và hai triệu đô mềo thì lúc này cũng chẳng ghê gớm gì, ai cũng có thể có, nhưng *một cuốn sách 122 năm tuổi thì không phải lúc nào cũng có được.*

Có cuốn sách trong tay, tôi dành ngay cho nó 3 giờ đồng hồ để du hành qua sách và thấy nó cũng không dở và là cả một kho tài liệu cho những nhà nghiên cứu lịch sử nghiên cứu cuộc khởi nghĩa của Đề Thám. Tác giả là một Đại Tá Pháp tên là Frey(*). Vì là một quân nhân và sĩ quan cao cấp, ông ta viết một cách rất là nhà binh và mô tả rất chi tiết địa hình, địa thế vùng Yên Thế và nghĩa quân của Đề Thám, và vì lý do này, sách rất tốt cho những ai nghiên cứu về cuộc nổi dậy của Đề Thám. Vài chục năm trước tôi cũng đã có lần đọc mấy cuốn sách về cuộc đời ly kỳ

hấp dẫn của Đề Thám – Hoàng Hoa Thám (1862-1913) và còn nhớ mãi mấy câu thơ trường phái Thiên Cầm dưới đây:

*Ở đây là đất ông Đề,
Tây lên thì có, Tây về thì không.
Thăm ông chỉ có câu này:
Thề cùng giặc Pháp có mày không tao.*

Cuốn sách này khổ 12x18 và dày 351 trang, chủ yếu là nói về cuộc chiến giữa Gallieni và Đề Thám và gồm 1 phần Dẫn nhập và 4 chương như dưới đây:

Chương 1.- Nói về Yên Thế từ trang 1 tới trang 38

Chương 2.- Nói về Thổ Phỉ ở Bắc Kỳ từ trang 39 tới trang 106

Chương 3.- Nói về các chiến dịch ở Yên Thế trong những năm 1890 và 1891 từ trang 107 tới trang 290

Chương 4.- Kết luận từ trang 291 tới trang 304

Ngoài ra còn có 3 phần Phụ trương:

Phần 1.- Nói về chi tiết cuộc hành quân ngày 6 tháng 1, 1890 chống lại các toán quân của Cao Thương và Lược Hà từ trang 305 tới trang 315

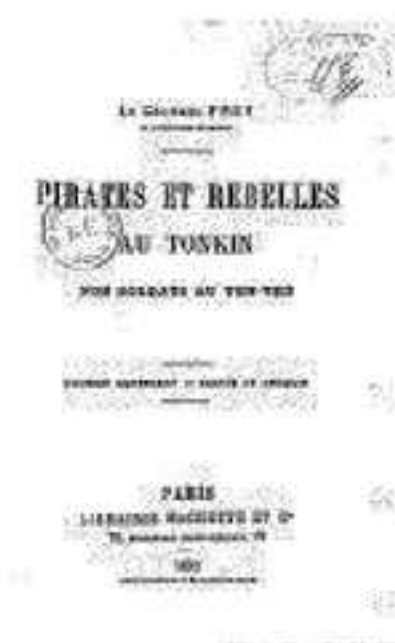
Phần 2.- Nói về các chi tiết về ba đạo quân và những chỉ thị đặc biệt của Đại Tá chỉ huy trưởng từ trang 316 tới trang 320

Phần 3.- Nói về diễn tiến các cuộc hành quân từ trang 321 tới trang 350.

Cuốn sách này chỉ có duy nhất một yếu điểm là không có nhiều minh họa như phần lớn các sách về Đông Dương khác, tuy nhiên nó vẫn cung cấp rất nhiều tài liệu cho những ai quan tâm nghiên cứu về cuộc đời cực kỳ ly kỳ và ba chìm bảy nổi, nhưng cũng cực kỳ hùng tráng và ái quốc của Hùm Thiêng Yên Thế cho tới năm 1913 khi ông bị ba tên ba tàu ám sát chết...

(*) **FREY** (Henri-Nicolas) sinh năm 1847, có sang Bắc Kỳ và có tham gia những trận đánh ở Yên Thế hồi năm 1890, năm 1893 được thăng Thiếu Tướng và năm 1900 được thăng Trung Tướng. Đã viết tất cả 7 cuốn sách về Việt Nam.

VŨ ANH TUẤN



PICASSO

(1881-1973)

TỪ VŨ

CHÍNH ĐỜI ÔNG LÀ MỘT TÁC PHẨM

Cái nhìn nóng bỏng của ông vẫn luôn hiện hữu trong trí nhớ của rất nhiều người và tên tuổi của ông tiếp tục chói rạng trên vòm trời.

Huyền thoại ngay khi còn sinh tiền, Picasso vẫn là huyền thoại sau hơn 30 năm từ giã cõi đời. Hàng ngàn bản viết về tiểu sử và hàng chục ngàn bài viết trên báo chí khắp thế giới đã đề cập về ông. Và, những cuộc triển lãm các tác phẩm của ông tiếp tục khắp nơi trên thế giới - 71 cuộc triển lãm chỉ nội trong năm 2007 - ngay cả tại Hàn quốc và Ukraine. Một bức tranh nhỏ của ông cũng đã đáng giá cả chục triệu dollars. Không một tác giả của trường phái mới vĩ đại nào, Matisse, Cézanne hay Braque, lại có thể đạt đến mức thần kỳ như ông được.

Cũng phải nói rằng tất cả hiện hữu của Picasso đều được đặt dưới dấu hiệu của một sự "ngoại lệ" và "ngoài tầm mức". Ông là một vị anh hùng trong một huyền thoại trong đó nghệ thuật và cuộc sống trộn lẫn với nhau, sự nghèo khó và danh vọng, chuyện lớn và chuyện nhỏ. Một thiên tài sớm nảy nở được sự huấn luyện của người cha, một vị giáo sư vẽ, chỉ một thời gian sau đã được mệnh danh là "Goya Nhỏ".

Tài nghệ của ông đã có thể cho phép ông trở thành một họa sĩ lớn của trường phái cổ điển nếu như ông đã không tự tách rời, một cách thật nhanh, ra khỏi đường lối kinh điển để tự tạo cho mình một định số riêng.

Picasso như một con "quỷ sống". Từ Bateau-Lavoir cho tới lâu đài Vauvenargues, ông đã trải suốt những đảo lộn của thế kỷ, chia xẻ những lý lẽ và những nhảm lẫn của mình. Ông đã chăm sóc, gìn giữ tình bằng hữu với những nghệ sĩ tên tuổi nhất, những nhà thơ, nhà văn, thu hút về cho ông rất nhiều khách hàng mua tranh quan trọng.

Người đàn ông quyền rũ vĩnh hằng, người chồng hay thay đổi, người tình phản bội, Picasso là một người tôn sùng nữ phái một cách quá đáng, những người mẫu nữ, những tình nhân, những bà vợ, để tất cả đều là nguyên liệu cho những sáng tạo của ông. " Mỗi bức tranh là một lọ nước hoa thủy tinh nhỏ nhỏ chứa đầy máu của tôi ", Picasso nói.

Picasso đã cống hiến toàn bộ sự hiện hữu của đời ông cho hội họa và, nuôi dưỡng những ảo ảnh của mình, làm việc miệt mài cho đến khi bệnh hoạn quật ngã ông lúc ông được 91 tuổi. Tuổi thọ đặc biệt này đã cho phép ông tạo lập một công trình nghệ thuật đồ sộ với khoảng 60.000 tác phẩm. Ngoài lãnh vực hội họa mà mọi người biết đến, Picasso còn nhúng tay vào

những lãnh vực nghệ thuật khác nữa như điêu khắc, chạm, gốm, dán giấy, gấp, thời trang và phối cảnh sân khấu. Nếu như ông đã được mọi người công nhận như một người làm cách mạng trong nghệ thuật của thế kỷ thứ 20 và nhà sáng tạo trường phái lập thể thì ông vẫn không ngừng đổi mới, khai phá siêu thực chủ nghĩa hoặc xu hướng nguyên thủy. Là ngôi sao trước khi có thời đại "hệ thống-sao" như hiện nay, được người ta chiêm ngưỡng nhưng cũng bị người ta chế riếu, Picasso không chỉ là thiên tài của thế kỷ mà Picasso đã đi vào lịch sử nhân loại.

CHÀO ĐỜI

Picasso sinh tại Malaga, Tây Ban Nha, ngày 25 tháng 10 năm 1881. Là con trưởng của Don José Ruiz và Maria Picasso Lopez. Tiếp sau bé trai là hai người em gái, Lola và Conchita. Tên đầy đủ của cậu bé là Pablo Diego José Francisco de Paula Juan Nepomuceno Crispin Crispiniano de la Santísima Trinidad Ruiz Blasco Picasso y Lopez.

ĐỒNG HÀNH

Picasso là một bộ trí nhớ thực sự của thế kỷ vì ông đã gặp rất nhiều khuôn mặt lớn trên lộ trình sống của ông. Braque đã là một người đồng hành tri kỷ mà ông phiêu lưu vào trường phái lập thể kể từ năm 1907. Matisse, người đàn anh, sau này cũng là một đối thủ để đo lường nghệ thuật trong suốt cuộc sống của ông. Apollinaire, Cocteau, Eluard, Breton, Aragon, nhiều nhà thơ viết tặng ông những trang viết của họ và tháp tùng Picasso trong sự tự nguyện của ông. Bị quyến rũ bởi con người Picasso, Man Ray, Brassai, Henri Cartier-Bresson, Lee Miller hoặc Doisneau thường luôn đẩy cửa để chụp những bức ảnh intimate của ông. Năm 1955, Henri-Georges Clouzot quay phim tại Nice, trong những phòng vẽ tại Victorine, *Le Mystère Picasso* - sự bí ẩn Picasso. Máy quay phim đã ghi lại trực tiếp việc làm của người họa sĩ lừng danh làm chứng cho sự kỳ tài của Picasso. Phim này đã đoạt giải đặc biệt trong đại hội phim ảnh Cannes năm 1956. Trong loại phim quay về hình ảnh một nghệ sĩ đang sáng tạo không một phim nào có thể thực hiện hay hơn được.

DẪN THÂN

Biến cố Franco lên cầm quyền tại Tây Ban Nha đã làm thức tỉnh ý thức chính trị của Picasso. Ngay lúc cuộc nội chiến vừa bùng nổ, năm 1936, Picasso ủng hộ những người phe Cộng Hoà, ông trợ giúp tiền bạc cho họ. Chính phủ Cộng Hoà phong cho ông, một cách tượng trưng, chức vụ giám đốc Prado, viện bảo tàng ở thủ đô Madrid. Ngày 05 tháng 10 năm 1944, Picasso tới định cư tại Paris, thủ đô nước Pháp, gia nhập đảng Cộng Sản Pháp. Người họa sĩ này đã tham dự rất nhiều kỳ đại hội của đảng Cộng Sản Pháp, tham gia phong trào Hoà Bình và thực hiện một số bản vẽ theo sự đặt hàng của đảng tuy nhiên những bức vẽ này không phù hợp với tiêu chuẩn nghệ thuật đặt ra bởi Moscou. Sự khủng hoảng trầm trọng đã bùng ra vào năm 1953, khi Picasso vẽ, cho tờ *Les Lettres Françaises*, chân dung của Staline vừa từ trần. Kết quả, bị coi như là bất kính bởi những bậc lãnh đạo cao cấp của đảng Cộng Sản và cuộc ly dị giữa Picasso và đảng Cộng Sản bắt đầu. Năm 1956, Picasso ký tên vào bản kiến nghị phản đối sự xâm lăng của Nga xô vào lãnh thổ Hung Gia Lợi. Kể từ đó, triệu phú đồ Picasso xa lánh đảng nhưng vẫn giữ thẻ đảng viên Cộng sản Pháp cho đến ngày ông qua đời.

ĐÀN BÀ , ĐÀN BÀ...

Những nữ thần cổ đại hay những nữ tu, những người đàn bà ám ảnh đầy trong tác phẩm của Picasso. Những gương phản chiếu cảm xúc và sự xung năng của ông được thể hiện trong các họa phẩm lời theo sự thay đổi màu sắc và hình thể tùy theo thời kỳ. Tính chất tuyền một màu xanh của những bức vẽ đầu tiên, phản ánh sự cùng khốn tan mòng, đã nhuộm màu hồng với Madeleine, một người mẫu nữ mà Picasso gặp vào năm 1904 ở quán rượu Lapin Agile, sau đó là Fernande, nữ đồng hành tại Bateau-Lavoir. Với Olga, người nữ diễn viên ba lê Nga với khuôn mặt như gương mặt thánh thiện của Đức Mẹ Maria, người vợ của Picasso vào năm 1918, ông

đã bỏ nét lập thể để xử dụng đường nét cổ điển áp dụng đối với vị trí đáng kính của người vợ . Người đàn bà trẻ, dịu dàng Marie-Thérèse đánh thức giác quan và nghị lực của họa sĩ. Trong những năm 1930, cô gái này là nguồn cảm hứng cho những tác phẩm tình ái đẹp nhất của Picasso, tất cả đều với những đường nét cong đầy khiêu gợi, cũng như thế trong những cảnh trí trong đó Minotaure - biệt danh được Picasso đặt - ăn ngấu nghiến con mồi. Nhưng , chính Dora Maar, trí thức, tiếp bước ngay sau đó để thể hiện vai , dưới những đường nét như đang bị tra tấn, trong thảm kịch Guernica và sự đau khổ vì chiến tranh. Rồi Françoise, đột nhập vào đời Picasso năm 1954, thân hình mảnh mai, mái tóc huyền, tượng trưng của một thời gian, dưới dáng một người đàn bà thơ mộng, hạnh phúc của sự tái ngộ. Rồi Jacqueline, nữ cố vấn của hai mươi năm cuối đời người họa sĩ , mà ông đã cưới vào năm 1961, lúc 80 tuổi, nhắc lại cho Picasso những cung tần của Delacroix (1). Kinh hoàng vì cái chết, ám ảnh bởi khả năng đàn ông đã mất, Picasso vẽ và vẽ không ngừng. Người ta thống kê lại được hơn 200 bức chân dung của Jacqueline, người vợ cuối đời.



GUERNICA

Chỉ tay vào tấm ảnh chụp họa phẩm Guernica, Otto Abetz, đại sứ Đức quốc xã tại Paris, chắc chắn đã rất phẫn nộ, hỏi Picasso : " Ông là người vẽ như vậy hả ? ". Người họa sĩ đáp : "Không. Chính là ông! ".

SỰ TÔN KÍNH

Picasso đã được tôn phong là một nghệ sĩ vĩ đại nhất của thế kỷ thứ 20 từ năm...1939 tại Hoa Kỳ tại New York nhân dịp khánh thành buổi lễ lớn đầu tiên được tổ chức bởi The Museum of Modern Art tại Midtown Manhattan dưới chủ đề "nhìn lại quá trình" người họa sĩ Tây Ban Nha . Tên tuổi của ông bắt đầu vang dội khắp thế giới kể từ những năm 1950, những cuộc triển lãm lần lượt nối tiếp nhau, từ Luân Đôn hay Milan. Nhưng tại Pháp, dù rằng một buổi lễ tôn phong được tổ chức vào năm 1955 tại viện bảo tàng Arts Décoratifs , nhưng vẫn thật giới hạn. André Malraux trở thành Bộ trưởng Văn Hóa đã chữa lại sự chậm trễ này qua việc tổ chức một cuộc "nhìn lại quá trình" vĩ đại vào năm 1966, nhân kỷ niệm sinh nhật lần thứ 85 của Picasso. Sự kiện này được diễn ra cùng lúc tại 3 địa điểm : Grand Palais, Petit Palais và Thư Viện quốc gia với tổng cộng hơn 1 triệu khán giả song đối với quần chúng thì không ai hiểu gì cả . Vào năm Picasso được 90 tuổi, 1971, chính quyền Pháp lại thử thêm một lần nữa để vinh danh ông. Goerge Pompidou, Tổng Thống Pháp, cho trang hoàng 8 họa phẩm của người họa sĩ này tại Grande Galerie của viện bảo tàng Louvre. Đây là lần đầu tiên tác phẩm của một họa sĩ còn sinh tiền được triển lãm tại nơi đây. Nhưng, cuộc triển lãm mở cửa vào năm 1973, sáu tuần lễ sau ngày Picasso từ trần. Năm 1985, từ lúc viện bảo tàng Picasso mở cửa, người Pháp mới có dịp hiểu biết hơn về tác phẩm của người họa sĩ lừng danh này.

HAI BỨC ICÔNES (2)

Hai trong số những tác phẩm lừng danh của Picasso đã trở thành những hình thánh. Khi ông vén màn phủ bức tranh Les Demoiselles d'Avignon, năm 1907, tại xưởng vẽ Bateau-Lavoir của ông, dù rằng rụng rời cả tay chân. Những người bạn thân của ông như Apollinaire, Braque, Matisse không hiểu tại sao ông lại quay về với xu hướng nguyên thủy và suốt nhiều năm, duy nhất chỉ những am hiểu thân thiết mới biết được sự hiện hữu của bức tranh. Jacques Doucet, một người trung gian buôn bán tranh đã mua bức tranh này năm 1924. Sau khi Jacques Doucet qua đời, bức tranh được bán lại, năm 1937, cho phòng tranh Seligmann - New York, tại đây, cũng trong năm, Museum of Modern Art của New York đã mua lại để kể từ đó, bức Les Demoiselles d'Avignon bắt đầu được người thưởng ngoạn biết tới để được đánh giá là "bức tranh đứng đầu của nghệ thuật hiện đại".

Guernica, bức hình thánh thứ hai, cũng được ra đời vào cùng thời kỳ. Trận ném bom xảy ra vào ngày 26 tháng 4 năm 1937, một thị trấn nhỏ tại vùng Basque của không quân Đức, đồng minh của chế độ độc tài Franco đã là nguồn cảm hứng cho Picasso sáng tác họa phẩm bi thương này. Trước tiên, được triển lãm ở Paris, trong hội chợ quốc tế, tại gian hàng Tây Ban Nha - và đã làm nhiều người không thể hiểu được - sau đó, bức họa đã được đem triển lãm tại nhiều nơi để lấy quỹ giúp những người Công hòa Tây Ban Nha. Guernica dừng lại tại New York thể theo nguyện vọng của Picasso, bức tranh đã bị đưa vào kho của Museum of Modern Art vì "Tự Do chưa được tái lập tại Tây Ban Nha".

Sau khi Franco chết, Guernica trở về Viện Bảo Tàng Quốc Gia Prado ở Madrid vào năm 1981, và năm 1992 được chuyển về Viện Bảo Tàng Quốc Gia Reina Sofia.

BẢO TÀNG VIỆN PICASSO

Năm 1973, sau khi Picasso qua đời và để lại 1800 họa phẩm, 1300 bức tượng tạc, 7000 bản vẽ, 800 món đồ làm bằng gốm. Một tài sản ước lượng khoảng hơn 1 tỷ quan Pháp (150 triệu Euros). Nhờ vào thủ tục xác định nhày tháng ấn định theo luật Malraux năm 1968, cho phép những người thừa kế quyền trả thuế bằng những tác phẩm nghệ thuật, một viện bảo tàng được ra đời. Đặt cơ sở tại toà nhà Salé, trong vùng Marais, Paris, Viện Bảo Tàng Quốc Gia Picasso được mở cửa cho người thưởng ngoạn vào năm 1985. Đây là một cơ hội tốt đẹp để nước Pháp bắt kịp được sự chậm trễ của mình, vì lúc chưa có được những tác phẩm "trả thuế", trong bộ sưu tập quốc gia của Pháp chỉ có khoảng 12 tác phẩm của Picasso mà thôi. Với 203 họa phẩm, 158 tác phẩm điêu khắc, 29 bản khắc nổi, 88 tác phẩm gốm, 1500 bức vẽ, những bản giấy dán, 1600 bản khắc, những bản viết tay của Picasso lần này và vào năm 1980, sau khi Jacqueline, người vợ sau cùng của Picasso, viện bảo tàng lại có được thêm lần "trả thuế" nửa bằng 47 họa phẩm, 2 tác phẩm điêu khắc, hơn 40 bản vẽ, những tác phẩm gốm, những bản khắc.

Cuối cùng vào năm 1992, toàn bộ tài liệu lưu trữ cá nhân của Picasso được tặng cho quốc gia Pháp với hàng ngàn bản tài liệu hình ảnh, trải dài suốt cuộc đời của họa gia này. Những sự kiện này đã đưa viện Bảo tàng Picasso - Paris - Pháp lên hàng đầu trong số những viện bảo tàng công cộng trên thế giới.

NHÃN HIỆU PICASSO

Picasso được hưởng một chỉ số danh tiếng sắp xỉ 90% nên người ta cũng chẳng lấy làm lạ khi từ Hoa kỳ sang tới Trung Hoa, những cơ sở sản xuất hàng tiêu dùng đã thử đóng con dấu "Picasso" trên các món hàng hỗn tạp đủ loại từ những tấm màn che nhà tắm, tới bàn cầu, giấy vệ sinh, dép, máy cắt cỏ hoặc kem lạnh... Để ngăn chặn sự khai thác một cách "man rợ" tác phẩm của bậc thầy này, 5 người thừa kế trực tiếp, Claude Picasso dẫn đầu, đã thành lập vào năm 1995 Cơ quan Hành Chánh Picasso. Mỗi năm, Christine Pinault đã phải xem xét khoảng hơn 2000 đơn thỉnh nguyện sử dụng tên Picasso, trong số này có hơn 2/3 đến từ các quốc gia khắp nơi trên thế giới. "Hầu hết liên quan đến những catalogue triển lãm, sách, tạp chí. Phần còn lại cho các áo thun hoặc bộ tách chén uống cà phê....". Điều kiện quan trọng nhất để cơ quan Hành Chánh Picasso chấp thuận cho sử dụng nhãn hiệu là: tác phẩm phải được đăng lại

toàn bộ và nguyên vẹn. Có khoảng 15% đơn thỉnh nguyện đã bị bác bỏ như trường hợp từ chối không cho phép James Ivory biểu thị các tác phẩm của Picasso trong phim *Surviving Picasso* và Robert Hossein trong các cuộc trình diễn của ông này.

LƯU DANH HẬU THẾ

Picasso chưa bao giờ là người cầm đầu một trường phái nhưng những bức tranh của ông đã quyến rũ những họa sĩ của Action Painting, một trào lưu nghệ thuật xuất hiện trong những năm 1950 tại Hoa Kỳ. Xử dụng khổ vẽ lớn, sự tương phản về màu sắc, sự bùng vỡ của những hình thái đã gây cảm xúc cho Frank Kline, Mark Rothko, Willem De Kooning, Robert Motherwell hay Jackson Pollock. Những họa sĩ này đã có nhiều dịp chiêm ngưỡng, nghiên cứu tác phẩm của Picasso tại viện Bảo tàng MoMA tại New York, đặc biệt là bức *Guernica* từ năm 1939 cho đến năm 1981, khi bức tranh trứ danh này được đưa về Madrid - Tây Ban Nha. Jackson Pollock đã thực hiện hàng trăm bản vẽ biến thái còn đầy "ác mộng" hơn cả nguyên bản *Guernica*. Tại Pháp, ảnh hưởng Picasso ít hơn. Sự công phần khi Picasso còn sống, và cũng vẫn chịu sự "ngược đãi" ngay cả một vài năm sau khi Picasso đã qua đời, năm 1973. Chỉ từ những năm 1980 Picasso mới được tất cả giới nghệ sĩ Pháp tôn sùng.

KỶ LỤC

Giá cả về tác phẩm của Picasso làm người ta phải chóng mặt. Năm 2004, *Le Garçon à la pipe*, tác phẩm lớn của thời kỳ hồng (1904) đã được bán với giá 93 triệu dollars, *Dora Maar au Chat* (1941) cũng với giá 83 triệu dollars. Năm 2007, cuộc bán đấu giá cao nhất đã đạt được với tác phẩm *Femme Accroupie au costume turc (Jacqueline)* (1955) với giá 27,5 triệu dollars, kế tiếp là một tác phẩm điêu khắc bằng đồng, *Tête de femme (Dora Maar)* với giá 26 triệu. Tổng kết giá bán năm 2007 đã lên tới 319 triệu dollars.

VAUVENARGUES

Pablo Picasso trút hơi thở cuối cùng ngày 08 tháng 4 năm 1973 tại Mougins (Alpes-Maritimes). Thi hài ông được an táng tại khu vườn của lâu đài Vauvenargues (Bouches-du-Rhône).

(1) *Delacroix* : họa sĩ lừng danh Pháp (1798-1893) với họa phẩm *La Liberté guidant le peuple*.
(2) *Icône* : hình thánh (vẽ trên gỗ)

La Sérénité-Troyes, 16 giờ 38 - 20.01.2009
(Phóng theo *Express* – N°2987)

TỪ VỮ

MỤC LỤC

- . gốc mặn trước sân nhà – truyện ngắn - nguyễn ngọc tuyết – trang 5.
- . đắng ngọt - truyện ngắn - lý thị minh châu – trang 8.
- . một chiều xuân – thơ – nguyễn đoan tuyết - trang 10.
- . cảnh hồng không gai - truyện ngắn - hồ thủy – trang 11.
- . ông đà toác - truyện ngắn - trần tâm – trang 14.
- . thơ bốn câu cho em – thơ – bảo lễ – trang 16.
- . tia nắng hắt lên vòm trời – truyện ngắn - dương phương toại – trang 17.
- . kỷ niệm vui đầy – thơ – hoàng song liêm – trang 23.
- . hương thầm – truyện ngắn - đàm lan - trang 24.
- . hồng trắng – thơ – nguyễn cần tử – trang 27.
- . những tấm giấy số – truyện ngắn - nguyễn văn sâm – trang 28.
- . chim rừng về tổ – truyện ngắn - đào hữu thức – 31.
- . yêu người đẹp – truyện ngắn - nguyễn khắc phước – trang 35.
- . màu thời gian – thơ – trần văn lệ – trang 37.
- . chuông chiều thiên đức – truyện ngắn - mang viên long – trang 38.
- . nói trong đêm – truyện ngắn - lê văn thiện – trang 42.
- . ngày và nỗi phiền muộn – truyện ngắn - niê thanh mai – trang 45.
- . ao làng trong vắt – truyện ngắn - vũ đảm – trang 48.
- . trắng hà thành – thơ – thiên hà – trang 53.
- . phía trước là gì – truyện ngắn - hòa văn – trang 54.
- . xuân nhật – truyện ngắn - phan – 61.
- . bến sông chiều – thơ – đào thị diễm thuyên – trang 63.
- . tiếng nổ – truyện ngắn – trầm miên vương – trang 64.
- . bên đời còn sợi tóc bay – thơ – vô biên – trang 68.
- . đêm khải huyền – truyện ngắn - quý thể – trang 69.
- . người mặc áo kính vạn hoa – thơ – kiem thêm – trang 76.
- . trong chén trà – truyện chuyển ngữ - quỳnh chi – trang 77.
- . hy vọng – truyện ngắn – hoàng tháp - trang 79.
- . tình thù – truyện ngắn - vũ anh tuần & đặng lệ quỳên – trang 82.
- . mùa trăng cũ – thơ – vương hoài uyên – trang 87.
- . của người phúc ta – truyện ngắn - trần chiếu – trang 88.
- . ảo ảnh thực – thơ – triệu từ truyền – trang 92.
- . người đàn bà đánh giầy – truyện ngắn - vũ thể long – trang 93.
- . những chiều của người cô độc – thơ – hạc thành hoa – trang 95.
- . đi qua miền nhớ – truyện ngắn - bùi thị thủy – trang 96.
- . tìm em gọi giấc mơ vàng – thơ – dung vị vân – trang 98.
- . chúng nó ba thằng – truyện ngắn - bút xuân trần đình ngọc – trang 99.
- . khách lạ – truyện ngắn - chiêu hoàng – trang 106.
- . thu rừng sơn la – thơ – nguyễn khôi – trang 110.
- . rồi cũng qua đi – bút ký - thuần ngọc – trang 111.
- . niềm vui nhận được – truyện ngắn - lương việt thái – trang 122.
- . mây trắng – thơ – trần nhuận minh – trang 125.
- . cơn mê – truyện ngắn – chu trầm nguyên minh – trang 126.
- . nhà vườn ở huế – tìm hiểu – kiem thêm – trang 128
- . thần nông và tổ tiên việt – tiểu luận – mai thực – trang 135.
- . cây trong văn chương – tiểu luận – tuệ chương hoàng long hải – trang 142.
- . nụ cười xuyên thời gian – tiểu luận – tâm nguyện – trang 148.
- . truyện kim dung – tiểu luận – phạm vũ – trang 152.
- . triết lý truyện kiều – tiểu luận – võ công liêm - trang 161.
- . xã yên đức và nhân vật lịch sử trần khắc chung – tìm hiểu – trần nhuận minh – trang 167.
- . văn miếu – tìm hiểu – bùi đẹp – trang 171.
- . pirates et rebelles au tonkin – tìm hiểu – vũ anh tuần – trang 177.
- . picasso – tìm hiểu – từ vũ – trang 179.

nguyệt san việt văn mới số 9

phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2014

tủ sách việt văn mới newvietart xuất bản

biên tập : từ vũ & nguyên thị di

bìa và trình bày : emily carlier

trong chủ trương bảo vệ – củng cố và phát triển văn hoá truyền thống việt nam tuyển tập việt văn mới được phổ biến miễn phí – người đọc có thể ghi thu về máy vi tính hoặc ebook cá nhân của mình hay tự in ấn để lưu trữ .

Tuyển đối không được phổ biến với tính cách thương mại.



tủ sách việt văn mới

. văn học . nghệ thuật . 

VIỆT VĂN MỚI

SỐ 9

15 tháng 3 năm 2014

. nguyên ngọc tuyết . lý thị minh châu . nguyên đoan tuyết . hồ thủy . trần tâm . bảo lễ . dương phương toại . hoàng song liêm . đàm lan . nguyên càn tử . nguyên văn sâm . đào hữu thức . nguyên khắc phước . trần văn lệ . mang viên long . nguyên văn thiện . niê thanh mai . vũ đảm . thiên hà . hòa văn . phan . đào thị diễm thuyên . trầm miên vương . vô biên . quý thể . kiêm thêm . quỳnh chi . hoàng tháp . vũ anh tuần . dặng lệ quyen . vương hoài uyên . trần chiêu . triệu từ truyền . vũ thế long . hạc thành hoa . bùi thị thủy . dung thị vân . bút xuân trần đình ngọc . chiêu hoàng . nguyên khôi . thuận ngọc . lương việt thái . trần nhuận minh . chu trầm nguyên minh . mai thực . tuệ chương hoàng long hải . tâm nguyên . phạm vũ . võ công liêm . bùi đẹp . từ vũ .

tủ sách việt văn mới

2014